

CỎ THƠM

THÁNG 12, NĂM 2013

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN

<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHẢI.
PHAN KHÂM. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.
ĐĂNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THUY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VŨƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, B. Nguyễn Bạch, Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bình,
Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình, Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, B. Đặng Thị Bội,
Ô.B. La Trung Chánh, B. Huỳnh Thị Chảnh, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, B. Nguyễn Hồng Cung,
Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung,
B. Nguyễn Lệ Dung, B. Huỳnh Dzung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Sencer,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào,
B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức,
Ô.B. Hoàng Cung Fa, B. Hồ Thị Gám, Ô. Ngô Tăng Giao, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang,
B. Tôn Nữ Mặc Giao, Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Võ Thị Hai,
Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Quân T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền,
Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, MS. Thương Hoff, B. Tôn Nữ Khánh Hội,
B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm,
Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, B. Diệp Xuân Hương,
B. Thùy Hương N.T.T, B. Quỳnh Khanh, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Trần Hiếu Lai,
B. Võ Lại, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Pháy, Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm,
Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô. Nguyễn Ngọc Liễu, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
B. Vũ Thị Linh, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô.B. Nguyễn Phú Long, B. Hoàng Bạch Mai,
B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam, Ô. Nguyễn Văn Nghi, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm,
Ô. Đặng Nguyên, B. Phan T. Nhẫn, B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Nguyễn Tú Nhật,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi,
Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng,
B. Kim Phụng, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San,
Ô. Trần Phi Sao, B. Le D. Sharpe, Ô.B Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân,
Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,
B. Nguyễn Phương Thảo, B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy,
B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Nguyễn Đức Thụy, B. Thương Hoff, Ô. Nguyễn Hữu Thử,
Ô. Nguyễn Minh Tiến, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến, Ô. Nguyễn Toàn, Ô. Lê Văn Trạch,
B. Sarah Liên Trang, B. Trần M. Hoàng, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. B. Võ Trưng, B. Tô Bạch Tuyết,
B. Đặng Ngọc Tú, ÔB. Phạm Văn Tuấn, Ô.B. Dương Xuân Tuyển, BS Phan Khắc Tường,
Ô. Hoàng Lý Văn, B. Khánh Vân Michalek, B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Yên Vi,
Ô. Đoàn Ngọc-Xuân, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân,
Sovereign Realty, Inc, Harvest Moon Restaurant

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>		
<u>BIÊN KHẢO</u>			
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:	10	KIM VŨ: Chiều Chủ Nhật	148
Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa		VŨ NAM: Ngày Tri Ân Thầy	158
PHẠM THỊ NHUNG: Trầu Cau trong	16	VŨ NAM: Ngày Tháng Nối Dài	161
Đời Sống Văn Hóa Dân Tộc		PHƯƠNG DUY TDC: Đam Mê ...	166
ĐẶNG THƠ THƠ: Tính Giấu Nhại	21	ĐỖ BÌNH: Những Cánh Chim Trời	172
và Tinh Thần Hậu Hiện Đại trong...		TRƯỜNG SA: Kỷ Niệm Với	177
NGUYỄN THÙY: Đoạn Trường	27	Anh Vũ Thái Hòa	
Tân Thanh, Tác Phẩm Tư Tưởng		PHAN ANH DŨNG: Thu Qua Lặng Lẽ	178
PHẠM VĂN TUẤN: Gunter W. Grass	48	Nỗi Buồn Để Nhớ Họa Nhạc sĩ Vũ Thái Hòa	
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Cơ và Những	56	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	187
Hình Thức Biểu Thị của Nó		Bên Hồ Hồ Hẹn	
<u>VĂN</u>			
PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU:	42	<u>THƠ</u>	
Quan Niệm Về Sự Tạo Dựng Vũ Trụ		PHAN KHÂM: Đêm Đông	15
PHẠM XUÂN THÁI: Di Sản Để Lại...	63	HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT	15
Ỡ NGUYỄN: Loạn Ly	66	Ký Ưc Mùa Đông	
TRẦN TAM NGUYỄN:	78	NGUYỄN VÔ CÙNG: Mơ Buổi Đông Tàn	15
Thân Phận và Số Phận		MOTHOI: Nỗi Lòng	15
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Đường Về La Mã	86	TÂM MINH: Vô Thường	20
TIỂU THU: Vẫn Còn Mùa Xuân	93	NGUYỄN T. N. DUNG: Hoa Thơm	20
VÕ THỊ TRÚC GIANG LÚA 9:	101	PHAN KHÂM: Mẫu Số Chung	20
Sử Dụng Tiềm Năng Đúng Chỗ...		NGUYỄN PHÚ LONG: Vô Thường	20
ĐỖ PHÚ: Bóng Hình Xưa	108	LÂM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	26
TRƯỜNG ANH THỤY:	113	Mẹ Chắp Tay Cầu Quán Thế Âm	
Bướm với Nhiếp Ảnh		Nhớ Tuyết	
NGUYỄN LÂN: Kiếp Trầm Luân	119	KIỀU ANH: Thương Mãi Nắng Chiều	37
PHONG THU: Stephan và James	129	HỒ CÔNG TÂM: Bài Thơ và Bông Hồng	37
NGUYỄN MÂY THU:	136	NGUYỄN ĐỨC VINH: Nhấn Mùa Đông	64
Nỗi Lòng Rau Diếp Cá		HỒNG THỦY: Sầu Đông	64
		Ý ANH: Đà Lạt Ngày Trăng Mập	74
		ĐẶNG NGUYỄN: Đêm Đông	74

LÊ MAI LĨNH: Vườn Địa Đàng	100	TRẦN CHI PHÚC: Sài Gòn Em Ở Đó	128
DUY AN ĐÔNG: Ngắm Sự Đời	112	HUY LÂM: Hãy Đến Bên Nhau	156
HẠ THÁI T.Q.P: Chơi Cây Kiểng	118	VŨ THÁI HÒA: Năng Hạnh Vàng	182
LÝ HIẾU: Vườn Nhà	118		
NGUYỄN BẠCH: Chiều Đông Nhớ Nhà	126		
PHAN KHÂM: Con Đò Bến Cộ	127		
LÝ HIẾU: Ngẫu Hứng Lục Bát	127		
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Còn Đâu ...	127		
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	131		
Nửa Đêm Hiu Quạnh			
XUÂN BÍCH: Đêm	147		

GIAO ĐIỂM

TÂM MINH N.T.G: Khóan Thủ	38
DIỄM TRẦN: Những Lời Cầu Nguyện	75
LÊ MỘNG NGUYỄN: Với Mùa Xuân	100
Trở Lại – Avec Le Retour Du Printemps...	
PHẠM TRỌNG LỆ:	141
Lincoln's Gettysburg Address	

TRANH, HÌNH

THANH TRÍ: Chợ Tết Đầu Làng	01
NGUYỄN SƠN: Đông Về	39
ĐẶNG LỆ KHÁNH: Sinh Nhật Em...	41
THANH THANH: Your Birthday...	41
VŨ ĐÌNH TỬ: Tắm Suối	100
LIÊN PHƯƠNG: Hiver	147
SONG HÀ: Hoa Tết-Cúc Đỏ	168
Họa phẩm của VŨ THÁI HÒA	183
BUỔI PHÁT HÀNH CỎ THƠM 64	197
THANH TRÍ: Đôi Bạn	210

NHẠC

VŨ ĐỨC NGHIÊM: Sao Ngời Sáng...	46
TẠ BÌNH: Thấp Thoáng Anh Về	54

GIỚI THIỆU

HA NGUYEN & ASSOCIATES	02
BAN TRỊ SỰ VÀ BIÊN TẬP	03
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	04
MỘT THOÁNG 26 NĂM: Trần Cung Sơn	52
THIỆP MỜI KỶ NIỆM 19 NĂM	53
Sinh Hoạt Cỏ Thơm	
CA DAO: Nguyễn Văn Nhiệm	62
SOVEREIGN REALTY, INC.	92
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN	112
Tô Bạch Tuyết	
Các TÁC PHẨM của Dư Thị Diễm Buồn	135
PHÒNG KHÁM BỆNH	140
Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	
PHÒNG KHÁM BỆNH	146
Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung	
HARVEST MOON RESTAURANT	207
PHIẾU MUA BÁO CỎ THƠM	208
VĂN PHÒNG LUẬT SƯ	209
Ivan M. Waldman & Associates	

PHÂN ƯU

Nhạc Họa Sĩ VŨ THÁI HÒA	181
Nhà Thơ LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ	185



MÙA ĐÔNG NGUYỆN CẦU

Mùa Đông của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm theo lịch của Hoa Kỳ nghĩa là bắt đầu ngày 22 tháng 12 và ngày cuối cùng là 21 tháng 3. Trong mùa đông, có Lễ Giáng Sinh, có Tết Dương lịch, có Tết Âm lịch. Cho dù ngoài trời lạnh giá, tuyết băng nhưng chúng ta vẫn tìm đến nhau những ngày Lễ Tết, gửi cho nhau những cánh thiệp chúc mừng sức khỏe, hạnh phúc, tốt lành. Con cháu ở xa cùng cố gắng về thăm ông bà cha mẹ trong dịp được nghỉ làm, nghỉ học. Không gì vui bằng nhìn đám con trẻ trong những mũ áo khăn quàng len, bông, dạ, giầy ủng đủ màu sắc sỡ, nô đùa chơi trượt tuyết, ném tuyết.

Tết Giáp Ngọ sẽ là ngày 31 tháng 1, 2014, chúng ta không có chợ hoa Nguyễn Huệ, không có chợ Bến Thành, chợ Bà Chiểu, nhưng cũng có chợ Tết cộng đồng đủ tìm thấy một chút hương vị Tết quê nhà với đủ loại bánh mứt, hoa quả, bánh chưng, bánh tét. Thế nào chúng ta cũng phải mua chậu quất hay chậu cúc, đào hồng hay đào đỏ, mai vàng, huệ trắng. Chúng ta lại được thấy cây nêu cành pháo nổ đi đùng, ông táo quân đội mũ quan công, mặc áo thụng dài với quần soọc ngắn. Ông đọc sớ dài cả thước với nhịp trống Rock & Roll rất vui nhộn. Trẻ em mặc áo gấm, áo lụa riú rít đi bên cha mẹ trẻ. Bạc ông bà lại nhớ thuở nào mình cũng tíu tít đàn con ngày xưa nhỉ! Bạc cha

mẹ, ông bà ở ngoại quốc vẫn nhớ tập tục lì xì với tiền mới trong bao đỏ cho con cháu nhỏ, đôi má còn phúng phính, đỏ au...

Để mừng Tết Giáp Ngọ, Báo Cỏ Thơm số 65 đã chọn tranh bìa “Chợ Tết Đầu Làng” của họa sĩ Thanh Trí và tranh “Đôi Bàn” là một cặp ngựa thật hoa mỹ, sống động. Cỏ Thơm số này có những bài thơ tâm tình mùa đông của nhiều nhà thơ, tranh *Hiver* của Liên Phương mang không khí mùa đông tuyết lạnh ngoài trời nhưng ấm áp trong lòng người Cỏ Thơm. Bản nhạc Giáng Sinh của Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm với *Sao Ngời Sáng Đêm Xưa*.

Chúng ta vui hưởng hạnh phúc nhưng vẫn còn nỗi sốt sa cho những nạn nhân Phi Luật Tân đã trải qua trận hồng thủy Haiyan chưa từng thấy trong lịch sử nhin loại, làm chết đuối hơn 10 ngàn người, phá tan thành gần cả ngàn hòn đảo. Người sống sót không còn chỗ nào ở, không còn gì để ăn, uống, sống bên cạnh các xác chết la liệt. Tàn hại còn hơn chiến tranh.

Cộng đồng người Việt cũng như người Mỹ và toàn thế giới liên miên tổ chức các cuộc lạc quyên và kêu gọi trên TV, trên internet để quyên giúp nạn nhân thiên tai khủng khiếp chỉ thấy trong kinh thánh.

Vài ngày sau cơn hồng thủy Haiyan ở Phi Luật Tân, một cơn gió lốc xảy ra trên đất Mỹ cuốn sập cả một thành phố ở Tiểu Bang Illinois. Cảnh nhà cửa đổ nát vỡ vụn

cũng không khác gì bên Phi Luật Tân. Chỉ khác hơn là những người sống sót ở Illinois có ngay sự giúp đỡ của các tỉnh láng giềng và chính phủ.

Mùa thu vừa qua cũng không bỏ qua gia đình Cỏ Thơm. Chúng tôi vô cùng thương tiếc trước sự ra đi kể trước, người sau rất mau chóng của Nhạc Họa sĩ Vũ Thái Hoà và Nhà Thơ Lam Điền Nguyễn Thử làm chúng tôi ngơ ngẩn.

Mới ngày 20 tháng 5, anh Vũ Thái Hoà viết cho Ngọc Dung cái email như sau:

“Mến gửi chị Nguyễn Thị Ngọc Dung,

“Cảm ơn chị đã cho xem hình ảnh Sinh Nhật 18 năm của Cỏ Thơm. Quả thật là một thành quả tốt đẹp cho chị và ACE trong ban tổ chức ngày sinh hoạt này. VTH xin có lời chúc mừng Chị và gđ Cỏ Thơm. Chị Dung à, lúc này tôi bắt đầu về hưu rồi, nên tôi có nhiều thì giờ rảnh rỗi, và tôi có chút hiểu biết về tin học. Để cảm ơn những cảm tình của chị đã dành cho từ lâu nay, tôi sẵn sàng giúp thiết kế miễn phí cho Chị một trang Web cá nhân. Nếu chị đồng ý tôi sẽ liên lạc xin cho chị một phần đất trên Internet (Domain) **KHÔNG PHẢI TRẢ TIỀN THUÊ BAO** và trang Web sẽ được thiết kế đúng tiêu chuẩn Quốc Tế, có nghĩa là ở đâu mở lên cũng xem trang Web được và chị có thể đưa bất cứ cái gì lên trang đó như: Thơ, Văn, Nhạc, Hình ảnh, Video... cũng được và điều quan trọng hơn nữa là: trang Web được cài vào công cụ Tìm Kiếm trên Google.com và Yahoo.

“Nhân đây mời chị nghe 2 tình khúc của tôi mới được thu âm.

“NHÂN AI TÌNH SÀU Nhạc và lời: Vũ Thái Hoà, Tiếng hát: Diệu Hiền
“TỰ TÌNH VŨ THÁI HÒA Nhạc và lời: Vũ Thái Hoà Tiếng hát: Diệu Hiền.

“Thân chúc Chị và GĐ luôn luôn an lành, hạnh phúc. Thân mến.”

<<http://www.arts-vuthaihoa.blogspot.com>

* <http://www.vuthaihoa.webnode.com> *

<http://www.youtube.com/vuthaihoa>>“

Ngọc Dung rất cảm động khi nhận được thư trên của Anh Vũ Thái Hoà và suy nghĩ nhiều về việc này. Tôi muốn có một Website riêng cho mình lắm chứ. Nhưng tôi đã không có thời giờ cho riêng mình. Nếu tôi vướng vào Web, tôi không làm việc cho Cỏ Thơm được nữa. Ngọc Dung rất tiếc nhưng đành viết thư cảm ơn lòng tốt của Vũ Thái Hoà, xin khát một thời gian khi nào sửa soạn được nhiều bài vở thì xin bàn lại. Bỗng vào khoảng giữa tháng 8, Cỏ Thơm nghe tin anh ngã bệnh, phải vào nằm nhà thương. Khi nghe nói anh về nhà và vẫn liên lạc email với bạn bè được, chúng tôi viết thư hỏi thăm thì được anh trả lời anh bị cancer phổi và đang mệt lắm. Giữa tháng 10, chúng tôi được tin từ Nhà văn Nguyễn Mây Thu, đại diện Cỏ Thơm tại Paris cho biết bệnh tình anh Vũ Thái Hoà trở nặng. Ngày 20 tháng 10 Mây Thu email chúng tôi được tin Anh Vũ Thái Hoà đã từ trần đêm hôm trước. Chúng tôi đã biết sự này sẽ xảy ra nhưng vẫn lặng người mặc niệm một ngôi sao sáng của Cỏ Thơm bên trời Tây vừa tắt. Ngày đưa đám, văn thi hữu Mây Thu, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Đỗ Bình và Hồ

Trường An, những Hội Viên Cỏ Thơm, đi đưa tiễn và vĩnh biệt Nhạc-Họa sĩ Vũ Thái Hòa. Ảnh vòng hoa Cỏ Thơm phúng điếu do Mây Thu gửi về, được đặt trên Phân Ưu trang 175. Trong số báo này cũng có bài của Đỗ Bình, Trường Sa, Phan Anh Dũng viết về người quá cố tài ba.

Xin chân thành cầu chúc Anh Vũ Thái Hòa được yên bình đi về Nước Chúa và xin chia buồn cùng chị Vũ Thái Hòa và các cháu.

Một tin buồn nữa cũng đến cùng một lúc với tin Anh Vũ Thái Hòa. Vào khoảng tháng năm, Cỏ Thơm được tin Nhà Thơ Lam Điền Nguyễn Thử lâm bệnh. Chúng tôi email thăm hỏi thì được anh trả lời trong thư đề ngày 31 tháng 5: “ Lam Điền Nguyễn Thử thành thật cảm ơn chị đã có lời thăm hỏi và động viên. Tôi rất cảm động khi các bằng hữu từ xa gọi về thăm hỏi nhất là anh chị trong gia đình CỎ THƠM chúng ta. Bệnh của tôi thì Bác sĩ Mỹ đã bó tay rồi và tôi cũng chấp nhận đi xa trong vòng 6 tháng tới như chấp hành lời yêu cầu của bề trên. Tôi không lo buồn vì nhìn lại đời mình chưa từng có hành vi xấu ác và cũng được nhiều người thương mến. Tuy vậy, tôi sẽ dựa vào lời an ủi của chị để phấn đấu sống thêm, để được về dự Đại Hội Cỏ Thơm một lần nữa.”

Kèm theo thư là bài thơ “*Cánh Bèo Bên Sông*” và tiểu sử của tác giả mà Cỏ Thơm đã đăng trong số mùa hè, 63. Khi tôi viết thư xin bài cho số Mùa Thu, 64 thì chỉ được anh gửi cho bài thơ “*Cũng Thế*” ở dưới đề “North Carolina 6/2013”. Tôi mừng thầm anh vẫn làm thơ. Từ đó những thư thăm hỏi không được trả lời nữa.

Tôi nhờ Nhà Thơ Phan Khâm, Phó chủ Nhiệm ngoại vụ theo dõi hỏi thăm anh thì được biết bệnh anh đã trở nặng. Một người bạn thân của anh Nguyễn Thử xin tôi gửi tất cả những bài thơ, bài viết của anh để in vào một tập kỷ niệm Thơ Lam Điền Nguyễn Thử. Tôi làm tức thời và nhờ vị này có tin gì về anh thì cho biết ngay. Nhưng khi anh Phan Khâm được tin thì Nhà Thơ Lam Điền Nguyễn Thử đã qua đời từ 11 ngày rồi. Anh Phan Khâm lại điện thoại đi nhiều nơi, xin chi tiết để đăng Phân Ưu. Ôi, Anh Nguyễn Thử! Cỏ Thơm chỉ còn biết cầu chúc hương linh Anh sớm tiêu điều miền cực lạc. Thơ của Anh, hình ảnh của Anh còn đây mãi với Cỏ Thơm.

Ra đi là rũ sạch nợ trần. Chúng ta còn ở lại vẫn phải tiếp tục sống lành, sống tốt để khi từ biệt cõi đời hồn được thanh thản, không lo sợ sự chết.

Sau cùng, năm hết Tết đến, chúng tôi cũng xin trình bày một chuyện vui. Sang năm Giáp Ngọ, ngày 30 tháng 3, 2014, Cơ Sở Cỏ Thơm sẽ tổ chức kỷ niệm 19 năm sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật, tại Nhà Hàng Harvest Moon từ 11 giờ 30 sáng đến 3 giờ 30 chiều. Xin quý văn, thi, hoạ, nhạc sĩ, độc giả, thân hữu xem thêm chi tiết ở trang 53, xin ủng hộ tham dự đông đảo, và quảng cáo giùm để có đủ sở hụi lo toan làm báo Cỏ Thơm.

Kính chúc quý vị một mùa đông ấm áp, an lành, những ngày Lễ Tết may mắn và hạnh phúc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Tiếp theo)

Chợ Sài Gòn

Ngày nay đứng trên Đại lộ Nguyễn Huệ trước Nha Ngân khố, ta hồi tưởng lại xưa kia suốt gần nửa thế kỷ nơi đây là cảnh chợ búa tấp nập. Chỉ trên mảnh đất vồn vẹn một héc-ta ấy đã có đến cả chục triệu lượt người hằng ngày lui tới vật lộn với cuộc sống.



Chợ Sài Gòn nhìn từ Đại lộ Charner (Khoảng 1905)

Trên một trăm năm trước, hầu hết các nhà du hành đến Hòn Ngọc Viễn Đông đều dành thiện cảm đặc biệt cho chợ Sài Gòn, đã đánh giá nơi này là một trong những khu phố ngoạn mục nhất, một địa điểm du lịch không thể bỏ qua. Tuy xây cất theo kiểu chợ Châu Âu, nhưng hàng hóa và cách tổ chức buôn bán mang bản sắc địa phương rõ rệt. Chỉ đi thăm một vòng khắp chợ là gần như thấy tất cả sản phẩm của Nam Kỳ. Mỗi ngày từ sáng tinh mơ đến chớm trưa, tại đây diễn ra một cảnh tượng sinh động, thể hiện qua sự hòa nhập văn hóa và ngôn ngữ của nhiều sắc dân, Việt, Hoa, Ấn, Mã Lai...

Nguyên khu vực dành xây chợ được gọi là Place du Marché, ngày nay nằm trong tứ giác Nguyễn Huệ - Phủ Kiệt - Võ Di Nguy - Ngô Đức Kế. Mặt tiền của chợ quay về phía Đại lộ Nguyễn Huệ. Chợ được xây cất vào khoảng năm 1864, cùng lúc bắt đầu nạo vét kinh Sa Ngư. Khi bắt tay vào công trình, phương tiện còn thiếu thốn, vật liệu được thu hồi từ ngôi nhà thờ vừa bị phá hủy gần đây (trên Đường Ngô Đức Kế hiện nay), và từ một khám đường cũ. Lúc ấy chợ là những nhà kho vừa lợp ngói vừa lợp lá trông có vẻ tồi tàn. Sau trận hỏa hoạn vào năm 1870, chợ được tái thiết, nền được lát gạch cho thích hợp với khung sườn sắt và cột bằng gạch. Khi toàn khu chợ hoàn tất có 5 nhà lồng xếp thành 3 hàng song song nhau. Mái nhà lồng lợp ngói, hai triền chính hình thang, hai triền đầu hồi hình tam giác. Trên đỉnh còn có một mái nhỏ che trên khe thông gió. Có lẽ do hỏa hoạn, nhà lồng ở góc Đường Amiral Roze - Charner (Phủ



Đường Adran (Võ Duy Ngụy), phía sau Chợ Sài Gòn (Khoảng 1910)

Kiệt - Nguyễn Huệ) được lợp lại bằng lá rêu lợp một lần nữa bằng tôn. Một phần đất của khu chợ nằm giữa hai nhà lồng phía Đường Adran (Võ Di Nguy) dành xây bốt cảnh sát.

Trong mỗi nhà lồng có một lối đi chính, hai bên là những dãy sạp xếp thành nhiều hàng. Mỗi nhà lồng chuyên về một nhóm sản phẩm như tôm cá, thịt thà, rau quả, hàng xén, v.v. Ngoài thực phẩm chợ còn bán cả bông hoa, thuốc lá, trâu cau, vải vóc, nón, giày dép, bút lông, pháo, lễ vật cúng tế và vô số món hàng khác được sản xuất trong nội địa hoặc tại Trung Hoa hay Châu Âu. Lạ lùng nhất đối với người Âu là quầy bán các món ăn đã nấu sẵn hoặc chế biến tại chỗ. Họ thích thú nhìn một bà lão đang đồ bánh xèo hay một cô gái đang nướng bánh tráng phồng. Ngoài các món cơm, bún, cháo, mì, hủ tiếu, xôi, chè, bánh ngọt, ... không thiếu những món đặc biệt như vịt quay, heo sữa quay. Những người sống bằng nghề mọn như sửa giày, mài dao, bán đồ đặc phé thái v.v. chiếm chỗ dưới mái chợ chia ra bên ngoài hàng cột.

Nhà lồng không đủ chỗ chứa hết các gian hàng nên người bán di chuyển ra phía bên ngoài chợ, lán cả lề đường, họ che nắng bằng dù hay bằng những tấm phên lợp lá. Tại các nhà hàng bình dân ngoài trời, ghé dài xếp quanh quầy thức ăn, trên ấy đặt sẵn mười chiếc đĩa nhỏ đựng các món xào nấu có vẻ ngon lành, bên cạnh một ấm trà to bốc khói nghi ngút. Những quán ăn này không có gì hấp dẫn khi bên cạnh đó mấy bác thợ hớt tóc đang hành nghề, rái lỗ tai cho khách hoặc thắt bím đuôi tóc cho vài người Hoa. Tuy thế vẫn có nhiều thực khách đến ngồi sát bên nhau để dùng bữa điểm tâm thanh đạm. Những đứa bé con xách chiếc thúng không, chạy theo năn ni

người đi chợ, mong được thuê mang dùm hàng hóa, đổi lại vài xu tiền công. Trong chợ ta còn thấy những người Ấn làm nghề đổi tiền ngoại quốc ra tiền Đông Dương để kiếm lời. Họ họp từng nhóm hai ba người ngồi xếp bằng trên sạp trái chiếu, có người chít khăn và chỉ khoát mảnh vải choàng qua vai. Trước mặt họ tiền được xếp thành từng chồng tùy theo loại đồng bạc, đồng xu hoặc xâu thành từng chuỗi nếu là đồng điệu. Ngoài việc đổi tiền, họ còn là chủ nợ cho vay nặng lãi. Những người Ấn khác, nhân viên nhà thầu hoa chi, đi tới đi lui đến từng người bán hàng để thu "tiền chõ" và trao lại mảnh giấy biên lai.



Đường Vannier (Ngô Đức Kế) bên hông Chợ Sài Gòn (khoảng 1905)

Các hiệu buôn trên đường phố dọc hai bên và phía sau chợ hầu hết đều do người Hoa làm chủ. Sinh hoạt buôn bán trong khu phố luôn nhộn nhịp, làm ta tưởng đến một khu đông dân tại Chợ Lớn, chỉ khác là có một số tiệm bán vải của người Ấn nằm trên Đường Vannier (Ngô Đức Kế). Dọc theo Đường Adran (Võ Di Nguy) phía sau chợ, hàng hóa chất đầy trong các cửa hàng chật chội, thiếu ngăn nắp. Tại quán nước ngoài trời, các phu xe kéo quây quần chung quanh chiếc bàn vuông, ngồi xôm trên ghế, thưởng thức ly cà phê đen... Phiên chợ bắt đầu từ năm, sáu giờ sáng. Đến trưa chợ thưa

dần, trời mỗi lúc một nóng, còn vài người khách cuối cùng hỏi hã ra về. Lúc trời sẩm tối, bàn ghế được sắp đặt đầy chung quanh chợ, tràn ngập lẽ đường. Trăm ngàn chiếc đèn lồng chiếu sáng rực rỡ, khu phố sáng trưng như ban ngày. Người đi kẻ lại tấp nập, họ đến đây ăn uống, nhậu nhẹt, mua bán, hiềm khi thấy cuộc cãi vã mà chỉ nghe vang những tiếng cười vui.

Từ lâu Hội đồng thành phố đã có chương trình biến bãi đầm lầy Boresse thành khu vực thương mại, có nhà ga cho đường xe lửa Xuyên Đông Dương và nhất là có cả ngôi chợ Bến Thành khang trang, hiện đại. Đúng vào lúc ấy ngôi chợ bên Đại lộ Charner đang có nguy cơ sụp đổ vì bị mục nát, nên chính quyền bắt đầu cho phá bỏ vào năm 1910. Khu chợ này bị san bằng trở thành một bãi đất trống. Năm 1915, tượng Ba Hình được mang từ Đại lộ Norodom về đặt tại đây, khai sinh ra Công trường Gambetta. Đến cuối thập niên 1920, tượng Ba Hình được dời về Vườn Bờ Rô, nhường đất lại cho tòa nhà Kho bạc mà hiện nay ta còn thấy.

Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm

Rời khu phố chợ, tiếp tục đi bộ theo Đại lộ Charner vào phía trong thành phố, chừng vài phút sau ta thấy Tòa Hòa giải ở về phía bên trái. Tòa nhà này nằm giữa các Đường Hamelin (Huỳnh Thúc Kháng) và Ohier (Tôn Thất Thiệp). Căn cứ theo bản đồ Brun 1799, xưởng gạch dưới triều Gia Long ở vào khoảng vị trí Tòa Hòa giải này. Được xây vào cuối thế kỷ XIX, theo kiểu kiến trúc đầu thời thuộc địa, tòa nhà không có nét gì đặc sắc, nhưng đáng được ta nhắc tới vì nó đứng trên nền cũ của một nhà thờ đã biến mất.

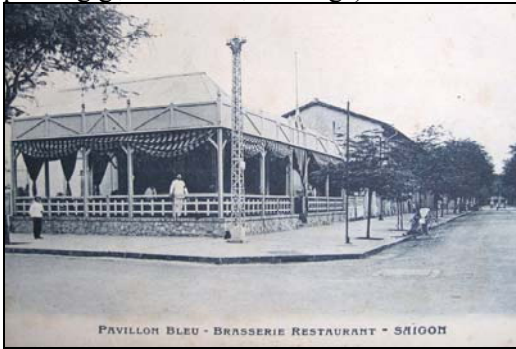


Tòa Hoà Giải (Khoảng 1907)

Khi Pháp mới xâm chiếm Sài Gòn, ngôi nhà thờ đầu tiên trong nội thành được xây dựng trên Đường Số 5 (Vannier, Ngô Đức Kế), do Đức Giám mục Lefebvre cho sửa đổi từ một ngôi chùa bỏ trống. Gần đây có căn nhà gỗ của cha xứ nằm bên bờ Kinh Chợ Vải. Khi chính quyền trung dụng đất xây chợ, nhà thờ và nhà cha xứ đều bị phá hủy. Năm 1863, Đô đốc Bonard cho đặt nền móng xây dựng một ngôi nhà thờ khác có tước hiệu là Đức Mẹ Vô Nhiễm (Sainte Marie Immaculée), tại nơi sau này là Tòa Hòa giải. Đức Giám mục Lefebvre cử hành lễ đặt viên đá đầu tiên, và hai năm sau làm lễ khánh thành. Ngôi nhà thờ được thiết lập theo họa đồ của Đại tá Coffyn, vật liệu chính là gỗ. Trước cửa vào có mười bậc thang, phân gian giữa gần cung thánh dành riêng cho người Âu, có ghế dựa bình thường, phần còn lại là những ghế băng gỗ. Nhà thờ có kích thước nhỏ hẹp, nên nhiều giáo dân người Việt chỉ có thể dự thánh lễ bằng cách đứng bên ngoài. Nhà cha xứ nằm ở phía sau nhà thờ, được xây bằng vật liệu thu thập từ nhà thờ cũ trên Đường Số 5. Tòa nhà gồm một tầng lầu, có cả chuồng ngựa và nhà cất xe. Chỉ mười năm sau (1874) Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm bị một cơn gặm nhấm nên được dọn về phòng

khánh tiết của Dinh Thống đốc, trong khuôn viên của trường Taberd ngày nay và ở tạm tại địa điểm này đến 1877 mới được thay thế bằng Nhà Thờ Đức Bà hiện tại.

Từ Tòa Hòa giải nhìn thẳng ra ta thấy Đường Nguyễn Văn Thịnh, xưa mang tên là Église vì là con đường chiếu thẳng vào nhà thờ, sau này lần lượt đổi tên là Olivier và d'Ormay. Vào khoảng năm 1900, đầu đường phía bên phải có Quán Café de Provence và phía bên trái là Café de la Paix (Chỗ Khách sạn Palace hiện giờ). Gần bên Tòa Hòa giải, tại góc Đường Ohier - Charner, vào năm 1880 - 1890 có trường nữ học do bà Dussutour là hiệu trưởng. Bên cạnh trường học là phòng đấu giá (vào thời ấy cả hai bên đại lộ đều có phòng đấu giá mà người địa phương gọi là "nhà lạc xoong").



Nhà hàng – Quán rượu Pavillon Bleu, Thương xá Tax hiện nay (Khoảng 1910)

Ngã tư Charner - Bonard

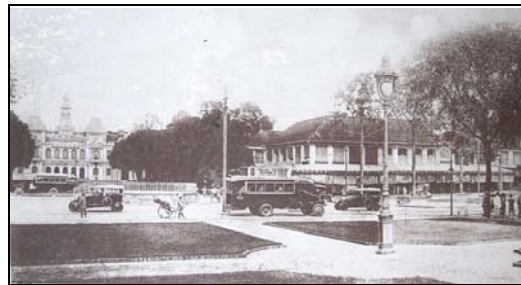
Trên Đại lộ vừa thành hình sau khi kinh bị lấp, chính quyền cho xây công viên, hai bên trồng cây làm đường đi dạo mát. Ngay giữa Ngã tư Charner - Bonard còn có "Bồn kèn", là một bệ cao hình bát giác bằng gạch trăm xi măng, chung quanh có chấn song. Hằng tuần lính Thủy quân Lục chiến đến đây trình tấu nhạc hùng hay nhạc khiêu vũ.

SỐ 65

Chỗ Thương xá Tax hiện nay, khoảng 1905 có Sở Canh nông, sau được dời về bên ngã tư Bangkok - Chasseloup-Laubat (Mạc Đĩnh Chi - Hồng Thập Tự) nhường chỗ lại cho Nhà hàng - Quán rượu Pavillon Bleu. Ở góc chéo đối diện với Thương xá Tax, vào thời đó có Nhà hàng - khách sạn Hôtel des Nations của ông Pancrazi, xây trên mảnh đất cũ của Công ty Montvenoux, chuyên lãnh thầu nạo vét kinh rạch tại Nam Kỳ. Trên cùng dãy phố này, gần cửa vào Hành lang Eden ngày nay, có Hiệu buôn Brun hoạt động từ những năm 1880, trong hơn nửa thế kỷ cha truyền con nối, trước làm nghề bán và sửa yên cương ngựa, sau còn bán cả xe đạp, phụ tùng xe hơi và cho mướn xe kéo. Theo cụ Trương Vĩnh Ký, vào đời vua Minh Mạng, tại vùng này có Giếng Chợ Vải.

Tòa Thị sảnh

Tòa Thị sảnh, còn gọi là Xã Tây, ở cuối Đại lộ Charner, là một kiến trúc mỹ lệ, thay thế Tòa Thị sảnh cũ nằm trên Đường Catinat gần Nhà Hát. Từ năm 1871 địa điểm này đã được Hội đồng thành phố chọn làm nơi xây cất Tòa Thị sảnh, nhưng do những bất đồng ý kiến, các họa đồ được chấp thuận lúc ban đầu đã bị sửa đổi, bãi



Ngã tư Charner – Bonard, nhìn về phía Toà Thị Sảnh (1920)

13

bỏ, thất lạc, v.v. Sau nhiều thời gian tranh cãi, rốt cuộc các ủy viên đồng ý thực hiện công trình đã dự định từ ba mươi năm trước. Trong lúc còn đang xây dựng, báo chí vẫn công kích về địa điểm, chi phí, đồ án, phong cách, v.v. Tòa Thị sảnh được xây từ năm 1901 đến năm 1908, theo họa đồ của Kiến trúc sư Gardès. Toàn quyền Klobukowski cắt băng khánh thành vào đầu năm 1909, nhân kỷ niệm 50 năm ngày Pháp đánh chiếm Sài Gòn.



Toà Thị Sảnh và Hotel des Nations, nhìn từ ngã tư arner-Bonard (Khoảng 1910)

Tòa nhà chính gồm hai tầng, giữa có ngọn tháp vươn cao. Hai cánh bên là tầng trệt nối dài, trên có sân thượng và hàng cột lan can. Phong cách kiến trúc thể hiện sự pha trộn hoàn hảo của nhiều khuynh hướng mỹ thuật. Việc trang trí bên trong và bên ngoài được ủy thác cho họa sĩ Ruffier, nhưng được nhà thầu Bonnet hoàn chỉnh. Qua hình ảnh duyên dáng của người phụ nữ, ba khung trán hình vòng cung trên mặt tiền nêu rõ ba biểu tượng: Thành phố Sài Gòn (ở giữa), Uy lực (bên trái), Thịnh vượng (bên phải). Tuy rằng một số ý kiến chỉ trích về mặt nghệ thuật như: tam cấp trước cửa quá thấp, cầu thang trung tâm vắng mặt

trong đại sảnh, tháp chuông quá nhỏ hẹp và



Công trường Gambetta và tượng Ba Đình trên nền chợ cũ, nhìn từ Đường Amiral Roze (Phủ Kiệt, khoảng 1920)

giống một chòi gác, v.v. nhưng bù lại phần bên trong Tòa Thị sảnh được trang hoàng tuyệt đẹp: kính màu, vành hoa, phù hiệu, v.v. Khắp cột Hy Lạp, đá giả cẩm thạch, vách tường và trần nhà đều được tô điểm hình hoa lá, trăng hoa, băng vải tô màu hoặc mạ vàng.



Toà Thị Sảnh (khoảng 1910)

Hơn một thế kỷ trôi qua, cảnh quan đô thị thay đổi rất nhiều, nhưng vẻ đẹp của Tòa Thị sảnh vẫn luôn hài hòa với chiều sâu phối cảnh của Đại lộ Nguyễn Huệ.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Còn tiếp)

ĐÊM ĐÔNG MƠ BUỔI ĐÔNG TÀN

xương (họa)

Đầy đưa nào rớt xuống đêm đông
Có thấy đường về lạnh lắm không
 Ngọn gió ào ào theo vách núi
Con mưa xối xả xuống dòng sông
 Ước mơ nổi lại vòng tay ấm
Mong mời ngồi bên bếp lửa hồng
 Run rẩy như cành cây trụi lá
Nơi nào đang được đắp chăn bông.

Biên biệt quê người đã mấy đông
Đường về sương khói phủ tầng không
 Sầu theo gió lạnh luân khung cửa
Nhớ quyện mưa phùn kín bãi sông
 Xót bước lưu ly vành lửa đỏ
Mơ ngày hội ngộ bếp than hồng
 Long lanh ngấn lệ hồi sinh ấy
Có thấy bao tình lại trở bông?

Phan Khâm Nguyễn Vô Cùng

KÝ ỨC MÙA ĐÔNG NỖI LÒNG

họa họa

Bắc lạnh lùng vào buổi cuối đông
Cánh cò lạc lõng giữa đồng không...
 Mưa sa lớp lớp che triền núi
Nước cuốn dồn dồn ngập bến sông
 Bếp nguội năm canh sao đủ ấm
Than tàn sáu khắc có đâu hồng
 Cây trơ cành ngã toi bởi lá
Thương phận nghèo nàn chẳng áo bông.

Lữ khách đường xa buổi cuối đông
Ai người thấu được nỗi niềm không?
Ngày thì gọi gió nơi đầu núi
Tối lại dầm mưa nẻo cuối sông
 Vẫn mộng thu về...đôi mắt biếc
Còn mơ hạ đến...cặp môi hồng
Chiều hoang tuyết lạnh -đời băng giá
Nhớ kẻ loan phòng, ấm nệm bông.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt Motthoi

TRẦU CAU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Phạm Thị Nhung

Kỳ III

5. Nghệ Thuật Têm Trầu, Bỏ Cau

Chúng ta cũng nên biết, trầu cau không chỉ để ăn hay đãi khách hằng ngày mà còn được dùng làm tặng phẩm hay làm lễ vật trong các dịp cúng Phật, tế lễ thần linh, cúng gia tiên hay trong tang lễ, hôn lễ v.v... Lễ Phật và tế thần linh thì trầu phải để nguyên lá, cau phải để nguyên trái. Riêng lễ bàn thờ gia tiên thì bao giờ trầu cau cũng được tằm sẵn để trong cối hay trên đĩa. Đặc biệt trong lễ cưới, từ miếng trầu đi xin dâu, trầu đặt trên bàn thờ gia tiên hay bàn thờ lễ tạ hồng, ngay cả trong các cối trầu để thết đãi bạn bè hay bà con họ hàng đều được chăm chút cẩn thận. Cau phải bỏ làm sao, trầu phải tằm thế nào cho có nghệ thuật.

- *Cau non tiến chũm hạt đào*

Trầu tằm cánh phượng rọc dao Lưu Cầu.

Tại sao thế? Vì quả cau có cùi cứng, dao phải sắc bỏ cau mới mịn, trông mới ngon, cau già cũng tưởng là non:

- *Cau già, dao sắc lại non*

(Nạ dòng trang điểm lại giòn hơn xưa).

Dao sắc đã có, người ta bắt đầu rọc vỏ cau, nhưng phải khéo vì chỉ cắt vớt đi chừng 1/3 vỏ phía dưới thôi, rồi tiến chũm. Xong đâu đấy, lấy loại dao tía thủy tiên

khắc hoa trên phần vỏ xanh còn lại. Quả cau rọc hoa hay không đều được bỏ dọc chia làm 5 hay 6 phần đều nhau, khi ăn thì trước bỏ chỗ vỏ xanh đi.

Muốn tằm **trầu cánh phượng**, người ta gấp lá trầu làm hai theo chiều dọc, đoạn đưa một nhát dao hơi xéo vào hai bên phiến lá, khoảng từ giữa lá lên phía cuống, nhưng không được để đứt. Phần giữa lá, xếp hai bên mép lại cho thẳng như tằm trầu ăn thường ngày, đoạn phết một chút vôi ở giữa, rồi cuộn tròn lại; sau đó châm một lỗ ở giữa cuộn trầu, xong, gài cuống lá vào cho chặt. Hai rẻo lá hình cong được cắt gần sát cuống lúc đầu, vì không cuộn nên vênh lên trông như hai cánh con chim phượng.

Hai rẻo lá hình cong vênh lên ở hai đầu cuộn trầu trông cũng giống hình vành trăng non lưỡi liềm, mà theo thần thoại Trung Hoa thì trên cung trăng nơi Hằng Nga ở có cây quế, nên cung trăng còn được gọi là cung quế; do đó, trầu cánh phượng cũng được gọi là **trầu cánh quế**.

Tằm **trầu cánh kiến** cũng vậy thôi, chỉ khác là thay vì rọc một đường khá rộng gần 1cm hai bên phiến lá thì người ta rọc làm hai, ba đường hẹp, rẻo lá vênh ra có nhiều



cánh nhỏ trông như những cánh của con kiến xòe ra vậy.

Ngày xưa người đàn bà nào mà chẳng biết tằm trâu, bồ cau? Nhưng tằm khéo hay không lại là một chuyện khác. Dù sao miếng trâu tằm có nghệ thuật cũng làm tôn được giá trị về nữ công, về tài khéo của người phụ nữ. Bởi thế, trong nhiều hội làng, theo tài liệu của Phan Kế Bính trong Việt Nam Phong Tục, người ta vẫn thường tổ

chức các cuộc thi tằm trâu bên cạnh các cuộc thi nấu cỗ, thổi cơm, làm bánh... để khuyến khích con em.

Miếng trâu tằm vô hình trung còn phản ánh cá tính của người tằm nó. Thật thế, nhìn hình ảnh cuộn trâu trông lũng bùng hay tròn trịa, mực thước hay bay bướm; lại qua hương vị của miếng trâu khi thường thức, nhạt hay vừa hay mặn vôi, cay thơm dịu dịu hay cay nồng vị quế, vị hồi mà đoán biết được phần nào tính nết chủ nhân của nó: cầu thả hay cẩn thận, vụng về hay khéo léo, giản dị hay cầu kỳ, điềm đạm hay nồng nhiệt ...

Chính nhờ miếng trâu tằm cánh phượng xinh đẹp, nhà vua trong truyện cổ tích Tấm Cám đã thấy lại những nét thân quen xưa mà nhìn ra vợ.

Chẳng những tính nết người phụ nữ lộ ra qua hình ảnh, qua hương vị miếng trâu tằm mà còn qua cách chọn mua từng lá trâu, quả cau nữa kia. Ca dao có câu :

- Mua cau chọn những buồng sai
Mua trâu chọn những trăm hai lá vàng.

Ngày xưa, những bà, những cô nhiều kinh nghiệm, khi đi mua cau thì cứ buồng nào sai nhất trước, sau đó mới kén đến quả; vì hễ buồng nào có được quả cau ngon là cả buồng đó đều ngon. Cau ngon là cau có dáng trái đào, vỏ màu xanh thùy ngọc

nhạt, được mệnh danh là vỏ mã lùa, cùi mềm, thịt trắng nõn và dày, hạt thì phơn phớt lòng tằm; nhai sẽ thấy giòn, sau lại dẻo và ngọt. Trái lại, cau nào vỏ xanh xẫm xỉt, thịt teo, hạt nâu đậm và có gân trắng là cau già, nhai sẽ thấy cứng và trát.

Mua trâu thì khác, phải kén từng lá. Lá trâu nào xanh xỉ là lá già (mọc gần gốc), ăn sẽ cay. Trái lại, lá trâu nào có màu xanh ngả vàng là trâu non (mọc phía ngọn), ăn sẽ thơm và cay dịu; trâu này được gọi là trâu vàng hay trâu ngọt, trong khi trâu xanh thì gọi là trâu cay.

Như thế đủ thấy, người phụ nữ này quả kỹ lưỡng. Chọn mua cau, mua trâu soát lá còn cẩn thận đến thế thì kén chồng phải kỹ đến đâu?

6. Miếng Trâu Trong Cách Ứng Xử Đối Với Tha Nhân

Từ việc dùng trâu trong vấn đề xã giao, người bình dân xưa đi xa hơn đến việc mượn trâu cau để nói lên quan niệm ứng xử và bày tỏ tình cảm của mình đối với tha nhân.

Đối với bạn bè, bà con láng giềng, tục lệ chia trâu cau trong Lễ Ván Danh (lễ ăn hỏi) cho khắp họ hàng cũng như cho bà con láng giềng và bạn bè đã nói lên đầy đủ quan niệm ứng xử của người xưa, coi tất cả đều là anh em một nhà, đều được chia vui (cũng như sẻ buồn) như nhau. Một khi đã coi nhau như anh em thì cách đối xử tất dựa trên tình cảm, yêu hay ghét cũng chỉ theo tình thân “chín bỏ làm mười”: yêu thì cho thêm một chút, ghét thì bỏ bớt một chút, chứ không thẳng thừng “cạn tàu ráo máng”. Thế nên:

- Yêu nhau cau bảy bỏ ba

Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười.

Cách ứng xử theo tình nghĩa này còn trải rộng đến khắp cả bà con trong làng, ngoài nước, nói chung về những người cùng một nòi giống, một dân tộc, vì tất cả đều là anh em ruột thịt, cùng một bọc mẹ Việt sinh ra. Từ ngữ “đồng bào” đã giải thích trọn vẹn ý nghĩa này. Và theo thiếu ý, đây chính là một truyền thống tốt đẹp nhất trong đời sống văn hóa dân tộc. Một truyền thống có giá trị tích cực, vĩnh cửu và phổ cập đến mọi tầng lớp trong xã hội.

. Đối với cha mẹ, qua miếng trầu, buồng cau người con gái tỏ được sự săn sóc và lòng hiếu kính.

Khi còn ở nhà thì:

*Cau non khéo bổ cũng dày
Trầu têm cánh phượng để thầy ăn đêm.*

Khi đi lấy chồng xa thì:

- *Ai về tôi gửi buồng cau
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.*

. Đối với người bạn trăm năm, công việc têm trầu cho chồng xoi hăng ngày đã được xem là một bổn phận không thể thiếu của người đàn bà. Những ai biếng nhác têm trầu để đến nỗi chồng thèm trầu phải đi nhờ cô bạn hàng xóm têm hộ:

- *Có trầu têm cho anh một miếng
Anh có vợ nhà làm biếng không têm.*

thì phải tự hiểu là đã bị chồng chê, và hạnh phúc gia đình có thể từ đó bị đe dọa.

Dưới con mắt người xưa, những người đàn bà sung sướng là những người đàn bà chẳng phải làm gì khác ngoài sự nhàn hạ, thanh thoi ngồi têm trầu để hầu chồng:

- *Có ấy mà lấy anh này
Chẳng phải đi cấy, đi cấy nữa đâu.
Ngồi trong cửa sổ têm trầu
Có hai thằng bé đứng hầu hai bên.*

Nói chung, người đàn bà yêu chồng, biết để ý săn đón, chiều chuộng từng thói

quen, từng ý thích của chồng tất không bao giờ quên sửa soạn sẵn một đĩa trầu thật ngon, chờ chồng sau mỗi bữa cơm chiều:

- *Tôi đã biết tính chồng tôi*

Cơm thôi thì nước, nước thôi thì trầu.

Và những giờ phút hạnh phúc tuyệt vời nhất trong cuộc đời tình ái lứa đôi của họ chẳng là những giờ phút riêng tư, giữa đêm khuya thanh vắng, đôi vợ chồng cùng chung hưởng những miếng trầu ngon do chính tay người vợ tằm sẵn, dành riêng cho họ đó sao?

- *Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng*

Cau xanh ăn với trầu vàng xứng không ?

- *Trầu vàng nhá với cau xanh*

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời !

Hạnh phúc của người xưa giản dị thế đó nhưng cũng đầm ấm và mặn nồng biết bao!

Những khi người chồng có việc phải đi xa, bất kể vì công tác gì, thì người vợ dù có bận đến đâu cũng cố gắng lo chăm sóc thật chu đáo những gói trầu hay những túi trầu têm sẵn để tiễn chồng lên đường.

Này đây là người chồng sắp ra đi vì nghĩa vụ quân dịch, vợ chàng đã sửa soạn túi trầu cho chàng thế nào ?

- *Trời mưa nước dội dọc dừa*

Sắp tiễn anh thấy bây giờ nàng ơi!

Quan trên có lệnh về đòi

Tôi vâng lệnh người, tôi phải bước ra.

Túi vóc mà cài bốn hoa

Hai tay hai túi mở ra, khép vào.

Cau non tiễn chũm hạt đào

Trầu têm cánh phượng rọc dao Lư Cầu

*Trầu em têm những vôi tàu **

Anh cất miếng trầu, anh bước chân đi.

Ngay người vợ quê nghèo nhất, không tiền mua vóc, mua gấm, không có tài thêu phượng, kết hoa may túi đựng trầu cho chồng, nhưng trong khả năng của mình,

nàng cũng cố chọn cho được mớ “trầu lộc” là những lá trầu ra lúa đầu vừa ngon, vừa quý, rồi cẩn thận bọc trong chiếc lá dứa, cốt bảo vệ cho trầu được tươi lâu để chồng mang theo:

- *Linh này có vua có quan
Nào ai bắt linh cho chàng phải đi
Nay trẩy Kim Thì, mai trẩy Kim Ngân.
Lấy nhau chừa được ái ân
Chưa được kim chi Tấn Tản như xưa.
Trầu lộc em phong lá dứa
Chàng trẩy mười sáu, em đưa hôm rằm.*

Còn đây là một chinh nhân vào hàng võ tướng thì người vợ chăm chút gói trầu như thế nào khi tiễn chồng cất bước hành quân?

- *Trèo lên trái núi mà coi
Coi ông quân tượng cưỡi voi, đánh công.
Túi gấm cho lẫn túi hồng
Têm trầu cánh kiến cho chồng trẩy quân.*

Lại nữa, nếu người chồng là một anh đồ sắp lên đường ứng thí, người vợ muốn lấy lòng chồng sẽ o bế túi trầu tiễn hành ra sao?

- *Túi gấm cho lẫn túi hồng
Têm trầu cánh quế cho chồng đi thi.
Mai sau chàng đỗ vinh qui
Võng anh đi trước, em thì võng sau
Tàn quạt, hương án theo hầu
Rước vinh qui về nhà bái tổ
Ngã trâu bò làm lễ tế vua.
Họ hàng ăn uống say sưa
Hàng tống, hàng xã mừng cho ông nghè.*

Nếu chúng ta để ý tất sẽ thấy ngay là ở những trường hợp hai vợ chồng sắp phải chia xa, người vợ nào cũng cố đem hết tài khéo léo nữ công nữ hạnh của mình để sửa soạn cho chồng những miếng trầu đẹp nhất, đặc biệt nhất. Thôi thì trầu têm cánh phượng, thôi thì trầu cánh kiến, trầu cánh quế, đủ cả. Vì sao vậy? Vì nàng nào cũng hiểu rằng:

. Miếng trầu lúc này có giá trị của một tặng phẩm, biểu tượng cho sự may mắn. Nàng muốn chúc cho chồng nàng mọi sự hanh thông, mau chóng thành công đắc ý trở về.

. Miếng trầu lúc này vô hình trung gắn liền với hình ảnh của nàng. Trên bước hành trình vất vả của chồng, khi giờ trầu ra ăn, nhìn thấy miếng trầu xinh đẹp, ăn vào thấy lại hương vị thơm ngon nồng ấm quen thuộc, chồng nàng sẽ nhớ ngay tới nàng và cảm thấy được an ủi, tưởng như nàng vẫn luôn ở bên cạnh để săn sóc cho chàng.

. Miếng trầu lúc này sẽ gợi nhớ về những kỷ niệm yêu đương, gắn bó giữa hai vợ chồng. Khi xa nhau người ta mới dễ, mới thích hồi tưởng lại những kỷ niệm đẹp xưa, tình yêu vì vậy có cơ hội được hâm nóng và bồi dưỡng thêm.

Như thế, miếng trầu lúc này đã gói ghém, đã chôn vùi bao nhiêu tình ý của nàng đối với chồng. Và túi trầu được nàng trân trọng và âu yếm trao tặng cho chàng trong giây phút chia ly ấy sẽ nói dùm nàng tất cả.

Vâng tất cả đó sẽ giúp chồng nàng thêm nghị lực, thêm hăng hái hoàn thành nghĩa vụ một cách tốt đẹp, để sớm được trở về xum họp với nàng, người vợ yêu thương ở quê nhà, đang ngày ngày tha thiết mong ngóng chàng về.

Phạm Thị Nhung (Paris)

* Câu này đáng lẽ phải nói là:

- Trầu em têm những vôi “hầu”

Vì theo Thúc Nguyên (Vài nét về tục ăn trầu trên thế giới. Tài liệu riêng), vôi ăn trầu do việc nung đá vôi hay vỏ sò, vỏ hầu mà có. Vôi sò, vôi hầu ngon và hiếm nên quý, chứ vôi Tàu thì khác gì vôi ta, có gì là quý.

VÔ THƯỜNG MẪU SỐ CHUNG

Xương Họa

Lời vàng tỏa rạng khắp muôn nơi
Hãy ngắm thiên nhiên ngắm cuộc đời
Xuân tới lộc chồi vươn nét thắm
Hạ về hoa lá khoác màu tươi
Thu sang vàng vọt cảnh tàn úa
Đông đến trụi trơ cảnh rụng rơi
“Thành”, “Trụ” để rồi qua “Hoại”, “Diệt”
Vô thường vạn vật thể nhân ơi!

Rồi sẽ về yên nghỉ một nơi
Thời gian phân đoạn mỗi dòng đời
Cuối mùa đông đến trông tàn tạ
Đầu tiết xuân về thấy thắm tươi
Vật chất tiền tài như lá rụng
Công danh sự nghiệp giống mưa rơi
Cõi trần mẫu số chung như thế
Gào thét làm chi nữa... hỡi ơi!!!

Tâm Minh Phan Khâm

HOA THƠM VÔ THƯỜNG

Họa Họa

Rút ruột tơ tâm giảng khắp nơi
Dăm ba sợi rối để trên đời
Mong dân tộc Việt huy hoàng sáng
Chúc núi sông Nam rục rỡ tươi
Chiếc lá sàu bay làn gió cuốn
Vườn cây vui đón hạt mưa rơi
Hoa thơm thêu dệt vài bông thắm
Hỡi bạn làng thơ thân mến ơi!

Như thể bình thường khắp mọi nơi
Trăm năm dài ngắn ở trên đời
Sinh ra hi vọng nhiều trong sáng,
Lão đến chán chường cạn thắm tươi.
Bệnh tật giằng co còn phải khổ,
Tử vong níu kéo cũng đành rơi,
Thu Đông Xuân Hạ vòng vo mãi
Nào muốn luân hồi số kiếp ơi.

Nguyễn Thị Ngọc Dung Nguyễn-Phú-Long

TÍNH GIẾU NHẠI VÀ TINH THẦN HẬU HIỆN ĐẠI TRONG NHỮNG TÁC PHẨM CHƯA XUẤT BẢN CỦA HOÀNG ĐẠO

Đặng Thơ Thơ

20.07.2013

(Tiếp theo)

3. Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu- phỏng sự giả hay tiêu thuyết thật?

Kéo dài từ PH số 139 đến 159, mục tiêu của Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu (NCPVKTKH) là lật tẩy những nét giả dối, tiêu cực, và vô hiệu của chế độ quan trường, và đã phá những cách nghĩ đã bám rễ vào truyền thống văn hóa của người Việt. NCPVKTKH gồm 3 phần: Đi Thăm Mũ Cánh Chuồn phỏng vấn giới quan lại từ thượng thư Phạm Quỳnh đến tổng đốc Vi Văn Định và tổng đốc Hoàng Trọng Phu (sau hai bài phỏng vấn hai vị tổng đốc này thì PH bị đóng cửa mất 3 tháng). Đi Thăm Mũ Ni là cuộc điều tra các chùa chiền như chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá. Đó cũng là thời gian PH tường thuật nhiều tin không hay về tăng giới như thầy tu ăn thịt, làm tiền bằng cách bán thuốc phiện lậu, lấy tiền phật tử nhờ lên đồng, xuống xóm chị em bị bắt quả tang, sư có vợ, vợ sư có chùa, ở chung với sư trong chùa, vv.. qua những bài phỏng sự của Trọng Lang. Đi Thăm Mũ Giấy là cuộc phỏng vấn những người đã chết, trong đó có Không

Tử, Đức Phật, và Diêm Vương. Qua những cuộc đối thoại này, HĐ chất vấn giá trị của đạo Không, tính cách tiêu cực chịu đựng của đạo Phật, và những ý tưởng mê tín về đời sống sau cái chết. Đoạn đối thoại với Diêm Vương giếu nhại tính luân lý của sự trừng phạt ở một “kiếp sau” tương tự:

“Trong một phố vắng, trước một cái vườn hoa trồng tường vi và dâm bụt, lâu đài của đức Diêm Vương trông có vẻ đồ sộ nguy nga. Chỉ hiềm lối kiến trúc giờ kim giờ cổ, làm tôi nhớ đến kiểu nhà bánh khảo ở cõi dương.

Đức Diêm Vương còn trẻ và có vẻ tân thời hơn tòa nhà lối trung dung của người nhiều. Người đương vận áo sơ-mi cắt tay, thấy tôi, bắt tay niềm nở chào hỏi:

- Ông tha lỗi cho, tôi vừa đánh xong một sét ten-nít. Ông có muốn đánh, tôi xin hầu.

Tôi cáo từ, hơi lấy làm ngạc nhiên. Đức Diêm Vương như biết ý, cười bảo tôi rằng:

- Ông không nên lấy làm lạ, nếu ông thấy một người mới như tôi còn ở một tòa nhà cũ kỹ và không có mỹ thuật. Nhưng hẳn ông biết, cá nhân tiến bộ bao giờ cũng chóng hơn hoàn cảnh.

Tôi lại càng ngạc nhiên. Một ông Diêm Vương mà ăn nói như một ông sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội!

- Cứ lấy sự kinh nghiệm còn non của tôi mà suy xét, người cõi âm không khác người cõi dương một tí gì.

Đức Diêm Vương mỉm cười trả lời:

- Ông vẫn chưa biết điều ấy ư? Ông há lại không biết rằng không phải vì hết thở mà tâm tính người ta thay đổi đi. Chết xuống cõi âm, người đời vẫn y nguyên như khi ở trên trần. Họ xuống đó thì họ lại đem những điều xấu của họ theo xuống. Sự chết thật không có ích gì cho họ. Ông để ý mà xem, ông sẽ lại thấy họ ích kỷ, tham lam, háms hư danh và ưa giả dối. Nói tóm lại, họ vẫn là người...

- Tôi ở trên trần vẫn thường nghe nói địa ngục là nơi trừng phạt những người có tội đối với lương tâm. Sự đó không có hay sao?

- Địa ngục chỉ có ở trong trí tưởng tượng người ta. Họ nói dối nhau để cho bớt cái tính tàn ác thiên nhiên của họ, chứ thực ra chúng tôi làm gì có thì giờ rồi mà xét đến công việc từng người chết xuống đây. Họ dọa nhau những hình phạt ghê gớm: như bỏ vạc dầu, cưa đôi người. Nhưng chúng tôi nào có ác tâm như họ đâu, mà lấy sự đau đớn của người khác làm sự vui sướng của mình. Thực ra thì chết xuống đây, người nào đem nét xấu của người ấy xuống là họ đã đem theo cái hình phạt của họ rồi..." (PH 155, ngày 27 tháng 9, 1935)

HE đưa ra một cách nhìn khác và một giải đáp khác mang tính triết học thông qua câu nói của Diêm Vương. Có thể hiểu rằng, nếu như có luân hồi, thì đó là sự luân hồi của tội lỗi, địa ngục nằm ngay trong kiếp này, trong con người mình, trong những tính xấu như ghen ghét, tham lam, nhỏ nhen, của chính mình. Sự giải thoát đích thực cũng nằm ngay trong bản thân, trong khả năng của con người khi muốn vươn tới những điều hướng thượng. Mục tiêu của Đi Thăm Mũ Giấy không phải để giễu nhại hay báng bổ thánh thần mà là lấy lại quyền tự chủ của con người từ tay thánh thần và trao

quyền ấy lại cho con người, làm họ mạnh mẽ hơn và đẹp đẽ hơn trong đời sống. Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiền Khoáng Hậu là một thiên phóng sự giả, trừ bài phóng sự Ông Nghị Linh- Một Quái Trang Ở Trong Nghị Viện (viết theo sự thực, PH 159, 25/10/1935). Như thế, dù có được nhìn nhận như một tiểu thuyết thật hay không, tập phỏng vấn này tự nó đã mang tính cách hậu hiện đại, ở chỗ nó tự xác nhận và cùng lúc tự phủ định bản chất của nó, là phỏng vấn, tức một cuộc hỏi đáp và trò chuyện giữa hai nhân vật có thật, hay cùng thời đại, và còn sống. Tính hậu hiện đại của NCPVKTkh nằm ở chỗ không thể tách rời nội dung tường thuật ra khỏi hình thức của thể loại, là phỏng vấn giả tưởng. NCPVKTkh kết hợp những yếu tố của văn hóa đại chúng, vừa tường thuật, vừa đối thoại kịch giễu nhại của Saturday Night Live trên đài NBC, vừa tựa tựa kiểu phỏng vấn và dẫn chuyện của đạo diễn Michael Moore trong Bowling for Columbine, hay Roger&Me, hay Fahrenheit 9/11. Trong những bộ phim gọi là "tư liệu" này, Moore đặt song song những dữ kiện thật và những tài liệu do ông "sáng chế". Việc ông tháo tung những trật tự trong bài diễn thuyết của một đối tượng và sắp đặt lại theo một logic khác, việc ông xử dụng phương pháp ẩn dụ, so sánh, chọn lọc chi tiết và sắp xếp lại theo một trình tự hợp lý riêng của tác phẩm, tất cả để nhắm đến mục đích chính là nói lên một sự thật theo cách hiệu quả nhất và tạo ấn tượng mạnh nhất. Thủ pháp này cùng lúc cho thấy những dữ kiện giả hay sự sáng tạo cũng đóng một vai trò quan trọng tương đương trong việc trình bày sự thật như là những dữ kiện thật. NCPVKTkh của HE cũng mang hình thức diễn đạt của loại phim

tư liệu “giả” tuy dựa trên sự kiện có thật. Với giọng điệu đùa cợt, nửa hư nửa thực, tạo nghi vấn cho người xem và đọc, HĐ đã làm một điều tương tự như Moore, từ hơn bảy mươi năm trước, qua thủ pháp cắt ráp ngôn ngữ, hình ảnh, và phát biểu của những nhân vật được phỏng vấn. Vẫn với phong cách hậu hiện đại không coi mọi thứ quá trầm trọng, HĐ muốn làm bật lên sự tương phản giữa giả và thật, giữa lời nói và việc làm, tính cách giả trá của chính trị, thủ đoạn, các âm mưu thực dân, sự thỏa hiệp của trí thức, sự nhu nhược của nghị viên và triều đình, và sự tha hóa của cái gọi là truyền thống, tôn giáo, và ý thức hệ Không Nho.

4. Trước Vành Móng Ngựa, khi một thể loại bị đưa ra xử án.

Trong bối cảnh văn học thập niên 1930 cho đến 1975 ở VN, tập Trước Vành Móng Ngựa (TVMN) được nhìn như một ghi chép ở tòa án. Có thể đọc nó như phóng sự tường thuật. Có thể “coi” TVMN như từng màn xử án riêng rẽ, có thể “xem” nó như kịch bản, và cũng có thể đọc chung tất cả như đọc một tiểu thuyết với nhiều nhân vật chung một chủ đề xuyên suốt.

Lối đọc tôi muốn thử nghiệm là “xem” TVMN như một tổng thể với những phân cảnh cắt và ngưng mang hiệu ứng điện ảnh và tâm lý. Với cách đọc như thế, tổng thể TVMN là câu chuyện dài về chế độ tòa án thời Pháp thuộc, nhân vật tái xuất hiện trong tất cả những chương hồi là viên chánh án, người thông ngôn, lục sự. Những nhân vật thay đổi trong từng chương khác nhau là những bị cáo trong phiên tòa. Những màn xử trong tòa án đầy người đọc vào ngay tâm điểm ngôn ngữ của nhân vật, khác với lối viết như một tường thuật mang tính tự sự.

SỐ 65

Khi chúng ta đã rơi vào không khí của phiên tòa, giọng kể trong TVMN sẽ biến mất, đầy người đọc trở thành người xem, người tham dự buổi xử án, trực tiếp nghe nhìn màn kịch ở trước vành móng ngựa:

“Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử “tù rượu”, nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi băng khuâng hơn.

Một giầy người khôn khổ, ốm yếu, áo nâu tả, váy đụp, không dám ngời hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mặt ghế của nhà nước, một giầy người hốc hác, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, nheo nhóc ở nơi bùn lầy, nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đói hiện hồn lên trách thảm cái phủ quý của những người khác.

- *Mày có nấu rượu lậu không?*

- *Bẩm có.*

Ông Chánh án:

- *Phạt hai nghìn quan tiền tây.*

Sự thất vọng và tính nhẫn nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy gò xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, và nhiều chỗ. Anh ta đã rời vành móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nói điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng đều vô ích, nên lại bước chân đi.

- *Mày có cơm rượu lậu không?*

- *Bẩm, con không nấu rượu lậu...*

- *Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.*

- *Bẩm có.*

Ông Chánh án:

- *Hai nghìn quan tiền phạt.*

Bị cáo nhân, một bà lão, kêu van:

- *Bẩm, con già nua, quan thương cho.*

Viên thông ngôn:

23

- Già nua mặc kệ, về việc đòan, không ai thương xót đâu. Ra!

Bà lão thở dài, nước mắt rung rung muốn khóc, cổ van lớn:

- Bấm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đâu con giả?

Viên thông ngôn:

- Tòa xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi. Đi ra!

Thấy bà lão còn trù trù, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đầu! Lôi nó ra!

Người đội xếp sấn sổ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, áo tứ thân rách, váy đụp, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mày có com rượu lậu không?

- Bấm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bấm không, ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bấm, ruộng con cách xa nhà con lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ.

- Có biết ai bỏ không?

- Bấm không.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kể tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ông Chánh án không mấy khi phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra van lạy:

- Bấm, con tàn tật...

- Tàn tật mặc anh. Có com rượu lậu không?

- Bấm có.

- Anh đã bị cáo hai lần rồi. Sao lại còn tái phạm?

- Bấm, con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật, bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.

- Không biết. Hai nghìn quan tiền phạt.”

(Ngày Nay số 5, ngày 10 tháng 3 năm 1935)

Người đọc trở thành người đến xem từng phiên tòa xử, mở ra với một vụ án và đóng lại với một bản án. Tất cả những màn xử vừa đứng độc lập vừa nằm trong chuỗi liên kết của tổng thể là bản cáo trạng về chế độ thuộc địa và những luật lệ vô nhân áp đặt lên người dân bản xứ. Những phần cắt nối tạo ấn tượng về một sự liên kết ngầm mà người xem/ người đọc giữ nhiệm vụ tự suy diễn và giải mã. Sự cắt hay đóng một phân cảnh và nối tiếp với một phân cảnh khác trong tòa án có tác động thị giác của kéo màn và hạ màn trên sân khấu. TVMN như vậy là một tổng thể bị nứt rạn, rất gần với những tiểu thuyết đương đại vì tính cách phân mảnh, đứt quãng, và (dường như) thiếu sắp đặt trước. Về hình thức của thể loại, việc xử lý cắt/ rập/ nối của tập phóng sự cho thấy tính linh động và năng động trong cấu trúc của một tập hợp (dường như) không theo trật tự nào: người đọc có thể bắt đầu ở bất kỳ một màn kịch nào, không có sự ưu tiên, tất cả các màn kịch đều có giá trị tương đương, tạo ra vô số văn bản tùy theo cách đọc, nhắc nhở đến tính cách bất ngờ và bất chợt của tập hợp những hiện thực và kinh nghiệm trong đời sống.

Tính cách trực tiếp không bị tác giả hay người kể chuyện chen vào giữa người đọc và nhân vật khiến TVMN ở lưng chừng giữa các thể loại phóng sự, văn xuôi, tiểu thuyết, kịch, và nghệ thuật thị giác cùng lúc.

Kết luận:

Việc khó định dạng và phân loại những tác phẩm kể trên đến từ việc chúng không thuộc cố định vào một thể loại, mà chúng tham dự vào nhiều thể loại cùng lúc. Và

CỎ THƠM

điều này là một đặc điểm của văn chương hậu hiện đại. Một trong những quan tâm của người viết đương đại là hình thức diễn đạt. Sự thương lượng/cân nhắc/chọn lựa hình thức diễn đạt thể hiện tương quan của người viết với hiện thực. Tương quan giữa HĐ với hiện thực là tương quan của một người am hiểu luật và chất vấn những bất công trong luật pháp. Với tương quan ấy, hình thức diễn đạt thích hợp nhất có lẽ là nhìn và trình bày mọi thứ dưới ánh sáng giễu nhại, đả kích, châm biếm, mỉa mai. Hoàng Đạo viết *Hậu Tây Du* hay *Những Thiên Phóng Sự Không Tiên Khoáng Hậu*, không hề đả kích là một cá nhân nào, mà nhắm tới việc mở ra những phán đoán mới, thúc đẩy và khuyến khích những thảo luận mới về sự bất công và bất bình đẳng trong xã hội, với tính hệ thống, cơ chế của một xã hội nệ cổ và được hậu thuẫn của chế độ thuộc địa. Người chọn thể loại giễu nhại là kẻ mang tâm trạng canh thức và báo động về mọi biến cố đáng cảnh giác trong xã hội, đời sống, hiện tượng, và con người. Họ cảm thấy hồi thúc phải thể hiện thái độ phản kháng. Họ viết không phải để thỏa mãn tâm trạng cá nhân, mà viết với quan tâm cho công chúng, người đọc. Nhiều khi người viết phóng sự giễu nhại không được nhìn nhận chính thức như một nhà văn. Nhưng thực sự họ là nhà văn, họ là nghệ sĩ, người nghệ sĩ che dấu nghệ thuật của họ dưới hình thức hài hước. Những nghệ thuật ấy bao gồm việc so sánh một cách táo bạo, ẩn dụ, tượng hình, lật mặt nạ, làm lộ tẩy, khắc họa chân dung những nhân vật, chọn lọc và xếp đặt với mưu đồ tạo kịch tính. Do đó, tất cả những biện pháp nghệ thuật của Hoàng Đạo là những kỹ thuật để viết tiểu thuyết dù ông đang viết phóng sự, như trong cuốn *Trước*

SỐ 65

Vành Móng Ngựa, hay khi ông thực hiện cuộc phỏng vấn tưởng tượng trong *Những Cuộc Phỏng Vấn Không Tiên Khoáng Hậu*, hay khi ông viết lại một câu chuyện liên văn bản từ văn hóa đại chúng trong trường hợp *Hậu Tây Du* và *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*. Nói như vậy không có nghĩa là những sáng tác này là những tác phẩm hậu hiện đại. Nhưng với con mắt đã quen nhìn, đọc, và xem hậu hiện đại, chúng ta sẽ phát hiện ra những thuộc tính HĐ trong những văn bản cũ, như trường hợp cuốn *Don Quixote* của Cervantes đầu thế kỷ 17 hay *Tristram Shandy* của Lawrence Sterne vào thế kỷ 18. Cuối cùng, sau một tháng “khai quật” những gì HĐ đã viết từ PH-NN, cho đến lúc này, con người HĐ toàn diện vẫn còn là một tảng băng ngầm, những gì chúng ta biết đến HĐ vẫn chỉ là một lớp băng mỏng trên bề mặt (nhận định của nhà văn Phạm Phú Minh). Tiểu luận này nằm trong nỗ lực khai phá dần tảng băng ngầm ấy.

ĐẶNG THƠ THƠ

Tài liệu Tham Khảo:

- Dentith, Simon. *Parody*. London: Routledge, 2000. Print.
- Hutcheon, Linda. *A theory of parody: the teachings of twentieth-century art forms*. New York: Methuen, 1985. Print.
- Thế Uyên. "Độc và Đặt Lại Vị Trí Hoàng Đạo." *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 74-87. Print.
- Thụy Khuê. "Hoàng Đạo, Người Trí Thức Dân Thân." *Thế Kỷ 21*. 199. Nov. 2005: 28-36. Print.
- Võ Hồng. "Gặp Tự Lực Văn Đoàn." tạp chí Văn 107&108

25

MẸ CHẤP TAY CẦU QUÁN THẾ ÂM

Đất khách, chiều phai, đọi nắng hồng.
Giá băng trùm kín, ngợp trời đông.
Chao ơi vắng lặng, làm thương nhớ.
Một cõi ân tình cách núi sông.

Bếp ấm ngày thơ, chiều cuối năm.
Đêm đen, bão giạt với mưa dầm.
Nén hương đã tắt, ba về muộn.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Mẹ ước rào thưa chuyện đá vàng.
Cho con vừa chớm tuổi mười lăm.
Có cô tóc mượt, hồng đôi má.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Rồi cũng mù tằm, cũng biệt tằm.
Thương con đứt ruột, cảnh giam cầm.
Một thân, luống tuổi, đường xa lạ.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Đất khách, chiều nay, nỗi nhớ thẳm.
Bao lần hứa hẹn chẳng về thăm.
Mẹ ơi con biết trên giường bệnh.
Mẹ chấp tay cầu Quán Thế Âm.

Lam Điền Nguyễn Thử

NHỚ TUYẾT

Mặt đất buồn hiu đọi nắng hồng
Tuyết bay buồn suốt một mùa đông.
Em ơi ánh tuyết làm thương nhớ.
Một cõi chân tình cách núi sông.

Anh đã tìm em quá nửa đời.
Vừa mừng gặp lại đã đôi nơi.
Phút giây trinh trắng rồi tan biến.
Anh biết làm sao hỏi đất trời.

Trời đã không vui, đất cũng sầu.
Đất trời đôi lúc cũng quên nhau
Từ nay cho đến ngày tro bụi.
Anh chẳng bao giờ quên Tuyết đầu.

Lam Điền Nguyễn Thử
(Charlotte)



‘Đoạn Trường Tân Thanh’ Tác phẩm Tư tưởng

(tiếp theo kỳ trước)

NGUYỄN THÙY

Trong Tam Nguyệt San ‘Cỏ Thơm’ (số 62-Mùa Xuân 2013), người viết đã nêu ra hai điểm đầu tiên chứng tỏ ĐTTT là tác phẩm Tư Tưởng : 1) Tại sao Nguyễn Du dùng nhan đề ĐTTT ?, 2) Lý do Nguyễn Du phóng tác quyền ‘Kim Vân Kiều truyện’ của Thanh Tâm Tài Nhân. Trong bài này, người viết xin nêu những sự việc trong tác phẩm để chứng minh ĐTTT là tác phẩm tư tưởng.

I.- ‘Tử’ và ‘Sinh’ tương tại đồng thời, song song, trái ngược :

Kết thúc của tác phẩm liên hệ đến ba nhân vật trong truyện : Đạm Tiên, Kim Trọng và Thúy Kiều. Cả ba nhân vật nói lên cái lẽ ‘Tử Sinh’ trong vòng tại thế.

* Đạm Tiên, hồn ma người quá cố, hình ảnh của tang tóc, đoạn trường, chết chóc, vây phủ Kiều màu đen, sắc tối, nhắc nhở năng cái bất lực của con người, cái vô hiệu của mọi tính toán vượt thoát cảnh đời ngang trái, trầm luân.

* Kim Trọng, hình ảnh thực tại, sống động, hình ảnh cuộc sống hiện thực tươi vui, êm đềm lúc nào cũng lôi kéo Kiều vọng tưởng, ước mơ, tìm về, gặp lại.

‘**Âm cảnh, Dương trần**’, hai cõi, hai nơi, hai cuộc sống, hai cảnh đời song song, trái ngược hầu như lúc nào cũng tương tại đồng thời nơi Kiều, dù đôi lúc không hiện

về thực sự trong tâm tưởng thì vẫn hiện diện qua lời than, tiếng khóc, nỗi nhớ, niềm hoài. Hai hình ảnh của **Chết và Sống**, của **Tử và Sinh** xuất hiện nơi Kiều không cách xa nhau mấy, cùng trong buổi chiều, cùng trong ngày Thanh minh sau buổi Lễ Hội.

Hình ảnh **Đạm Tiên** gợi cho Kiều cái ám ảnh của đoạn trường, bạc mệnh, cái bạc bẽo vô nghĩa của cuộc đời. Cái ‘bây giờ’ của Đạm Tiên nơi Kiều là là một hiện tại của một quá khứ bi thương : ‘*Thấy người nằm đó, biết sau thế nào !*’. Hình ảnh Đạm Tiên là hình ảnh của cái Cộng nghiệp người, của giới đàn bà theo dõi đời Kiều, mượn qua Kiều mà thị hiện : ‘*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*’. Đạm Tiên, hình ảnh của quá khứ được ‘thực tại hóa’ nơi Kiều. Đây là hình ảnh cuộc đời, cuộc đời thực sự đang và sẽ diễn ra ; đây là cuộc sống tại thế của mỗi người dù Kiều, Kim, Vân, Quan, Thúc, Hoạn, dù Mã Giám Sinh, Từ Hải, Bạc Bà, Bạc Hạnh,..., dù là mỗi chúng ta hiện nay, dù là ai khác trong ngày tới.

Kim Trọng, ngược lại, hình ảnh của hạnh phúc sáng lạng, tươi vui, hình ảnh của thông giao, tri ngộ, hình ảnh của gắn bó, dựng xây, đồng hợp ‘sáng tạo’ cho nhau. Kim Trọng, hình ảnh của cái **Sống** náo nức, rộn ràng, của con tim sống động, hình ảnh của hiện thực, của niềm tin, của sức sống bây giờ và ngày tới. Kim Trọng, hình ảnh hiện thực bị đẩy xô về quá khứ để lại được ‘tương lai hóa’ nơi Kiều. Hình ảnh hiện thực trở thành mộng và mơ. Niềm mơ, con mộng

lại trở thành hiện thực để lại mất đi trong hiện thực, rồi lại trở thành mộng và mơ leo đèo bay bay trong dòng sống hiện thực của Kiều (cho mãi đến lúc Kiều tắt hết ý chí và nghị lực để sống phải tự tử nơi sông Tiền Đường). Kim Trọng biến thành tiếng gọi, lời mời để Kiều vọng về hầu có nghị lực chịu đựng mọi ma nghiệt, trầm luân.

Tử và Sinh, Chết và Sống, Thực và Mộng, qua hai hình ảnh Đạm Tiên, Kim Trọng luôn luôn hiện diện nơi Kiều nhưng cái xa xôi lại gần kề, gần gũi, cái cận kề gần gũi lại lãng đàng, xa xôi. **Đạm Tiên, hình ảnh viễn ly mà cận lập ; Kim Trọng, hình ảnh cận lập mà viễn ly** (phỏng theo M ; Heidegger : ‘la proximité du lointain, le lointain proche’). Hai hình ảnh trái ngược mà đồng hành, tương phản mà tương tại, nghịch chiều mà từng lúc giao thoa nơi Kiều. Đạm Tiên, hình ảnh quá khứ mà thực tại, hình ảnh cuộc đời đau khổ trước mắt. Kim Trọng, hình ảnh thực tại bị đẩy lùi về quá khứ để dịch chuyển về tương lai nơi Kiều, hình ảnh tạo động lực, niềm tin và hình bóng chấp chờn của hạnh phúc.

Kiều và cả chúng ta không thoát ra khỏi hai hình ảnh đó. ***Không riêng Kiều, mỗi chúng ta đều có một Đạm Tiên của mình và một Kim Trọng cho mình.***

Đạm Tiên, Kim Trọng, Thúy Kiều, bộ ba này cặp kè, tương tại và đồng hành. Bộ ba này là toàn bộ cơ cấu của sinh hoạt con người. **Đạm Tiên**, con người trừu tượng, cái tôi xã hội, cái tôi tại thế của hữu thể, cái ‘tôi cộng nghiệp’, cái ‘tôi khách thể’ (le moi-objet) trong dòng đời. **Kim Trọng**, cái tôi siêu vượt nơi Kiều, cái ‘tôi tín ngưỡng’, cái ‘tôi thăng hoa’ (le moi transcendantal), cái hướng lực đi dạt hiện thể qua từng chặng đường của cõi tại thế.

Thúy Kiều, cái tôi tự do, cái ‘tôi chủ thể’ (le moi-sujet), cái tôi biệt nghiệp trong dòng cộng nghiệp. Hiện hữu là trường chấp tranh miên viễn giữa ba cái ‘Tôi’ đó. Thân phận con người thể hiện qua mỗi chấp tranh đó. Không có mỗi chấp tranh đó thì cuộc sống tại thế không có ý nghĩa gì, không có thành tựu gì và xã hội nhân loại chẳng có tiến bộ, văn minh, văn hóa và cả tiến hóa nữa.

Khoảng cách xuất hiện giữa Đạm Tiên và Kim Trọng, giữa Chết và Sống không xa khiến ta có thể nghĩ rằng tác giả để hai hình ảnh (dù đã có sẵn nơi tác phẩm của Thanh Tâm Tài nhân) cặp kè, cận lập, không phải thay chỗ cho nhau mà cùng đồng hành song song và chỗ cuối cùng để gặp là chỗ tan hóa hình ảnh này vào hình ảnh kia, hay đúng hơn, cả hai tan hóa vào nhau, tạo nên cảnh sống lại của Kiều không còn Đạm, không còn Kim với ý nghĩa buổi ban sơ phùng ngộ, cảnh sống ‘Có trong Không’, cảnh sống ‘Hữu Dư Niết Bàn’ theo từ ngữ nhà Phật (người viết hiểu ‘Hữu Dư Niết Bàn’ không theo Sư Nhất Hạnh cùng các học giả Phật học trước nay). Từ đó, ta hiểu tại sao vãi Giác Duyên đã ‘*mây bay hạc lánh biết là tìm đâu*’, không cho Kiều gặp để Kiều không trở thành ni cô, sư nữ. Kim Kiều đã sống trong trạng thái đó, trạng thái ‘*Có trong Không*’, trạng thái ‘*Bất trụ vô vi, bất tận hữu vi*’ của nhà Phật. Nguyễn Du đã hiểu lời Phật không như chúng ta hiểu lâu nay.

Một điều cần đề ý thêm hầu bổ túc thêm cho những điều vừa nói : tác phẩm đã mào đầu đời Kiều bằng một ‘**Ngày Vui Lễ Hội**’ để kết thúc cuộc đời đoạn trường của nàng cũng bằng một ‘**Ngày Vui Lễ Hội**’ không giống trước. Đây là chỗ kỳ lạ của

câu truyện đã khiến Nguyễn Du phóng tác tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân.

2.- Câu hỏi của Thúy Kiều và báo biểu của Đạm Tiên :

Sau ngày vui Lễ Hội, sau cuộc giáp mặt giữa Chết (Đạm Tiên) và Sống (Kim Trọng) , sau lần họa thơ, Kiều buồn rầu, than van, tự hỏi : *“Đoạn trường là số thế nào, Bài ra thế ấy vịnh vào thế kia !?”*. Câu hỏi đó, nàng không trả lời và cũng chẳng thể trả lời. Câu hỏi đó lại do thần Chết - Đạm Tiên- trả lời cho nàng, 15 năm sau, lúc nàng thiêm thiếp được vãi Giác Duyên vớt lên từ sông Tiền Đường : *“Đoạn trường số rút tên ra, Đoạn trường thơ phải đem mà trả nhau, Còn nhiều hưởng thụ về sau, Duyên xưa đây đặn phúc sau đời dào”*. Vừa trả lời vừa cho biết cuộc sống của Kiều từ nay. Sao là Đạm Tiên mà không là ai khác ? Sao không là Vãi Giác Duyên, Sư Tam Hợp hay một thiên sứ trên trời ? Đạm Tiên là hình ảnh cuộc đời đau khổ. **Chính cuộc đời trả lời cho Kiều.** Cuộc đời báo biểu cho Kiều biết mọi đau khổ của đời nàng chấm dứt từ nay và mọi vắn thơ đau khổ (do nàng đã họa với Đạm Tiên trong cơn chiêm bao gặp Đạm sau ngày Hội Thanh Minh) tức mọi sự việc gây khổ cho nhau giữa mọi người, mọi trang đời, mọi trang lịch sử khổ đau của nhân loại đã trút đổ lên nhau, từ nay chấm dứt, từ nay xóa sạch và những gì đã có bị mất đi (với Kiều là gia đình, tình yêu) , cái ‘duyên’ xưa ấy nay trở về đầy đủ như thủa ban đầu và từ nay trở đi là hạnh phúc dồi dào, cái hạnh phúc cùng lúc ‘có trong không’ và ‘không trong có’. Do đâu ? Do biết *“trăm năm để một tấm lòng từ nay”* như Kiều ngay giữa cảnh *“Lỡ làng nước đục bụi trong”*. Đây là

SỐ 65

cái ‘giá chuộc’ tất yếu nằm trong ‘luật bù trừ’ (loi de compensation) của Lê Đạo.

Hiểu ĐTTTT là tác phẩm tư tưởng, thì đoạn trả lời của Đạm Tiên cho câu hỏi của Thúy Kiều cho thấy cái chốn sẽ về, cái nơi sẽ đến của cuộc sống thế gian, của cõi hiện hữu đầy đầy đau khổ, tang thương. ***Diễn tiến lịch sử nhân sinh sẽ đến thời kỳ cáo chung đoạn trường để tất cả những gì tốt đẹp đã mất đi*** (cái Tự thể, Tính thể, Đạo thể) ***sẽ lại phục hồi nguyên thể và cuộc sống sẽ là hạnh phúc miền viễn tròn đầy.*** Đây là điều mà Phật đã bảo *“Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn”*. **‘Bến’** (ngạn) là bến bờ đoàn tụ, yên vui, nơi ta về an trú sau cuộc hành trình gian nan mệt mỏi. **‘Bến’** theo nhà Phật là **Bến Giác**, lúc ta giác ngộ, tinh thức (conscience éveillée) , thoát khỏi mọi vô minh, mê huyền để tự tại với chính ta, giải thoát ta khỏi mọi phiền não, mê muội, khổ đau do cái ‘Tâm phân biệt’, do bao cái ‘chấp’ từ cái ‘ái kỷ, ái hữu’, cái ‘tham ái’ nơi ta. **‘Bến’**, hiểu trong câu truyện là ‘bến bờ hạnh phúc, yên vui’, giữ sạch hết mọi nghiệt ngã, oan khiên do cuộc đời và do từ ta. Nhưng muốn đến được bến bờ hạnh phúc đó, ta phải **‘hồi đầu’**, phải quay đầu nhìn lại cái quá khứ xa xưa, nơi đây là trở về với cái Cội Nguồn nguyên khởi, trở về với Ngôi Nhà Hằng Thể (la maison de l’Être) tức cái Quê Hương tình mộng ban đầu của muôn đời thi sĩ mà ta đã một lần ra đi để mãi mãi phải đắm chìm trong mê cung, ảo hóa : *“Kể từ lạc bước bước ra, Tấm thân liệu những từ nhà liên đi”* (nơi câu truyện, ‘nhà’ là ngôi nhà cha mẹ của Kiều, trên mặt tư tưởng, ‘nhà’ nơi đây là ‘ngôi nhà hằng thể’, là quê hương, tổ quốc, là Đạo Thể ban sơ). Cái ‘Bến bờ hạnh phúc’ đó là Cõi Vô Sở Trụ của Thể tính

29

Chân Như, là cảnh Vườn Địa Đàng của con người, là Tổ quốc, Quê hương sẽ trở về với con người, với nhân loại sau dọc dài phiêu lưu nơi miền Kiều địa (cõi thể gian), nơi Đất khách, Quê người nói theo M. Heidegger : *‘Tổ quốc, Kiều địa, Cô hương’* (Patrie-Colonie-Sol natal). Cảnh sống của Kiều sau khi ‘sống lại’ càng bội phần đẹp đẽ hơn 15 năm trước vì không còn vương mắc chút nào ưu tư, buồn phiền, nghi ngại. Cảnh sống bây giờ chính là trạng thái ‘Hữu Du Niết Bàn’, cảnh ‘Nước Thiên Đàng’ tức miền Cổ Quận thân thương cao đẹp hơn trước nhiều, vì bao hành trang tích tụ nơi miền Kiều địa sẽ là điều kiện dựng xây Ngôi Nhà Hằng Thế huy hoàng rạng rỡ hơn xưa, có nghĩa cái Tâm toàn vẹn đối với mình, với người, với tạo vật.

Nhưng tại sao phải *‘quay đầu mới thấy bến?’*. Tại vì cái Cội Nguồn nguyên thể, cái Ngôi Nhà Hằng Thế đó luôn dịch chuyển về tương lai để con người luôn luôn với bất, luôn luôn vọng về, hồi phục lại cảnh Quê Xưa. Nói theo M. Heidegger là *‘Quá khứ của bình minh trong ngày tới của tương lai’* và *‘Bồi Tiếng gọi* (của Lê Đạo) *từ một Nguyên sơ thăm thẳm, một miền Cổ quận được hoàn trả cho chúng ta’* (‘Le jadis de l’aurore dans le futur de l’avenir – Par l’appel en une loitaine Origine, une terre natale nous est rendue’). Do đó mà có Tiến hóa. Nguyễn Du đã nhìn ra điều đó, muốn nói đến điều đó qua tác phẩm phóng tác của mình khi cho thần chết Đạm Tiên trả lời câu hỏi của Thúy Kiều. Nguyễn Du đã nhìn ra điều đó trước M. Heidegger những trên 150 năm.

3.- Chân lý và kinh nghiệm tại thế qua ‘bài giảng’ của Tú Bà cho Kiều :

Một điều quan trọng nữa trong tác phẩm là bài học của chủ động mãi mãi Tú Bà dạy Kiều cũng là dạy cho chúng ta, dạy cho tất cả mọi người bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào, Đông Tây kim cổ. Huấn luyện cho Kiều sành nghề gái đi, Tú Bà đã nêu ra những chân lý của cuộc sống thể gian. Xin hãy nghe lời dạy cũng xin đôi dòng diễn giải.

* Trước tiên, khuyên Kiều không nên đại dột hủy mình, tự nêu ra hai chân lý :

Chân lý thứ nhất : *‘Một người dễ có mấy thân’*.

‘Thân’ là tám thân xác, cái hình hài sắc tướng, cái cấu trúc xác thân của hiện thể. Thân xác chỉ có một, chỉ có một lần, một lần trọn vẹn, không ai có hai thân xác. *‘Tôi là thân xác của tôi’* (je suis mon corps), đây là quan điểm ‘Hiện tượng luận’ của Merleau Ponty. Nào ai chối cãi ?

Theo tôn giáo, tám thân là nơi trú ngụ của đấng Tội Linh, là điện đài của Chúa. Ta phải lo lắng bảo trọng nó, không được hủy diệt nó, không được để nó bị bệnh tật, tật nguyên và bất buộc kẻ khác phải tôn trọng nó. Cuộc tranh đấu mưu sinh thường ngày không phải để lo cho tám thân sao ?

Bệnh tật, giam cầm, tra tấn, hành hạ,... đều là thù nghịch với tám thân. Không có tám thân xác thì không ‘sống’, từ đó không có những thứ gọi là Tự do, Nhân phẩm, Nhân quyền. Quyền đầu tiên của con người là quyền ‘an toàn thân mạng’. Tám thân xác là nơi gìn giữ, nuôi dưỡng mọi khả năng, giá trị của con người cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Tám thân xác không là thứ hàng hóa bán buôn, không là phẩm vật để tiêu dùng.

Tâm quan trọng của thân xác cùng cái *‘tinh thân xác’* (la corporéité) đối với cuộc sống, trước Nguyễn Du cả mấy nghìn

năm, văn hóa Ân Độ, Trung Hoa, cả vùng cựu Hy Lạp, Assyrie, Babylone, Ai Cập,...hầu như chưa có ai, chưa có lời nào đề cập ngoài việc xem thường, xem khinh hoặc khai thác thân xác phục vụ chiếm hữu hay để thỏa mãn dục tính của thân xác.

Lão Tử trong Đạo Đức Kinh có nói đến tầm quan trọng của thân xác nhưng cũng chỉ thoáng qua : *‘Ngô dĩ hữu dĩ hoại giả, vì ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoại?’* (Ta sở dĩ có lo vì ta có thân. Nếu ta không thân, ta sao có lo).

Về mặt này, Nguyễn Du đã đi trước thời đại, vì hơn 150 năm sau ngày ông mất, Triết lý phương Tây mới nêu thành vấn đề trầm trọng (thuyết Hiện sinh) nhưng rồi lại khai thác cái ‘tính thân xác’ phục vụ cho kinh tế, thương mại, cho sở thích cảm giác mạnh, cho dục vọng nhục thân bằng mọi kỹ thuật tập luyện, trau dồi, tuy có lên án những hành động bạo hành, diệt chủng.

Chân lý thứ hai : *‘Người còn thì của mới còn’*.

‘Người’ nơi đây là tấm thân xác. ‘Của’ nơi đây vừa là của cải vừa là cuộc sống. Tấm thân xác có còn thì mới còn cuộc sống. Nào ai sống mà không có tấm thân. Tất cả mọi sinh vật đều sống do từ tấm thân của chúng. Tấm thân có còn, cuộc sống có còn thì mới còn của cải, vì tấm thân là thứ của cải đầu tiên con người sở hữu, thứ của cải làm nên mọi của cải dù vật chất hay tinh thần. Có ai chối cãi điều này ? Dĩ nhiên Tú Bà khuyên Kiều đừng hủy hoại tấm thân để mưu lợi nhuận do tấm thân Kiều đem lại. Riêng với Kiều, có lẽ nàng còn nghĩ đến gia đình (cha mẹ và hai em) và người yêu, đây cũng là những thứ ‘của cải’ quý giá của cuộc sống con người.

Và khi mục đã hủy bỏ được cái ‘*hợp đồng tiểu tình*’ (làm vợ bé chồng mục) đã thỏa thuận với Mã Giám Sinh, mục bắt Kiều ký một hợp đồng mới với mục, hợp đồng *‘chút lòng trinh bạch từ sau cũng chừa’*, mục bèn huấn luyện cho Kiều qua những chân lý tiếp theo.

Chân lý thứ ba: *‘Nghề chơi cũng lắm công phu, Làng chơi ta phải biết cho đủ điều’*.

Nghề chơi, theo câu truyện là nghề làm điếm, nghề rước khách tìm hoa, nhưng cách nói của Nguyễn Du không giới hạn ở đây.

Trước tiên, nghề chơi, nghề để chơi, nghề phục vụ cho vui chơi vì đời là hí trường, là cuộc chơi, mỗi nghề là *‘một trò chơi của thế giới trong thế giới của cuộc chơi’* (un jeu du monde dans le monde du jeu). Đi vào cuộc đời là đi vào trò chơi lớn, mỗi người phải có một nghề chơi để chơi với cuộc đời. Nghề chơi nơi đây không chỉ riêng là công việc làm kiếm sống hàng ngày theo kiểu *‘lao động là vinh quang’* hay *‘có làm mới có ăn’* mà hiểu rộng hơn là cái khả năng, cái tính chất, cái năng khiếu chuyên biệt của từng người hoặc do thụ bẩm (năng khiếu) hoặc do công phu trau dồi, học tập (trường dạy nghề) hoặc do huấn tập trong trường đời, trong đấu tranh với xã hội (kinh nghiệm, thói quen) trước tiên để nuôi dưỡng tấm thân, sau đó tạo nên nhiều thứ khác (giàu sang, địa vị, chức vụ, danh giá, quyền uy,...).

Cuộc đời bắt buộc mỗi người phải có một ‘nghề chơi’ : nghề làm ruộng, nghề nấu ăn, nghề thủ công, nghề buôn bán, nghề hút tóe, nghề thể thao, nghề dạy học, nghề làm phim ảnh, nghề viết sách, nghề in ấn, nghề làm báo, làm nhạc, vẽ tranh, nghề kiến trúc, nghề làm chính trị, kinh tế, nghề nghiên cứu khoa học, ..., kể cả nghề đi tu.

Có những nghề mà xã hội, đạo đức, pháp luật cấm đoán: nghề ăn trộm, ăn cướp, nghề ăn xin, nghề đâm thuê chém mướn, nghề cờ bạc, nghề mãi dâm,...

Nghề chơi nào cũng qua tấm thân xác cho dù là nghề trí tuệ. Nhưng đã gọi là ‘nghề’ thì ít nhiều phải có chuyên môn. Không chuyên môn thì không thể gọi là nghề mà chỉ là công việc làm phứt chóc. Mà chuyên môn thì đòi hỏi kỹ thuật. Kỹ thuật nơi đây bao gồm đủ mọi thứ: khéo chân, khéo tay, khéo mồm mép, khéo mánh lối, khéo thủ đoạn, khéo mưu trí, khéo vận dụng, bố trí, sắp đặt, khéo biết dùng vật liệu, phương tiện, khéo biết chọn thời điểm, thời cơ, khéo tính toán được sở thích, thị hiếu của làng chơi, khéo tiên đoán được nhu cầu, khéo nhìn ra được vận hành diễn biến của sự việc, sự vật, khéo chế tạo ra những thứ mới,... Mọi cái khéo đó phần lớn do công phu học tập hoặc do kinh nghiệm hoặc qua các trường dạy nghề, các trường kỹ thuật. Kỹ thuật càng cao, nghề chơi càng tuyệt nghệ thì càng dễ dàng kiếm được nhiều lợi tức, càng dễ có nhiều hợp đồng làm ăn cao giá. Một cầu thủ bóng tròn hay giỏi ngày nay chẳng đã được bao thuê cả hàng chục triệu mỹ kim. Vì thế, nghề chơi nào cũng lắm công phu.

Tú Bà đã áp dụng sắc sảo điều này. Mụ đã biến tấm thân xác sắc tướng ù lì của Kiều thành công cụ thật thành, đủ ‘vành trong, vành ngoài’ để cái ‘tính công cụ’ (outilité), cái ‘tính phục vụ’ (servilité) nơi Kiều phát huy đến cùng độ hiệu quả, để chơi cho ‘lăn lóc đá’ hầu làng chơi đến phải ‘mê

mẩn đời’. Nếu chỉ gàn gàn, dở dở, ương ương thì chẳng được tích sự gì, còn bị đánh giá là không sành điệu, không tận tình, không triệt để, không lành nghề, không thượng thặng, không tuyệt tác, không vô địch, không siêu quần bạt chúng, chẳng ai khen mà còn bị coi thường, khinh khi và khó lòng tìm được lợi nhuận. Nhậ nhệ, cờ bạc, đạo chích, đi buôn, mãi dâm,... và cả những nghề lương thiện cũng vậy.

Và Làng chơi là cái địa bàn hoạt



Một trong 30 bức tranh của họa sĩ Tú Duyên được dùng trong phim Kim-Vân-Kiều

động của nghề chơi, hay nói có vẻ kinh tế chính trị hơn là thị trường tiêu thụ nghề chơi. Trong làng chơi không hẳn ai cũng giống nhau. Sở thích khác nhau, khuynh hướng khác nhau, tính tình khác nhau, điều kiện khác nhau, môi trường khác nhau,... nghề chơi theo đó phải thay đổi cho phù hợp với khách mộ điệu, với làng chơi. Kẻ nào biết rõ tâm lý, sở thích, nhu cầu của làng chơi mà sử dụng nghề chơi của mình thật kỹ lưỡng, đúng lúc, hợp thời, biết thay đổi ngón nghề chơi thì mới là ‘người soi’

CỎ THOM

và nghề chơi của mình mới thành công rực rỡ, mới hái ra tiền, mới lẫy lừng danh tiếng. *‘Làng chơi ta phải biết cho đủ điều’* là như vậy. (Đáng thương cho những kẻ không có nghề chơi thập thành và những kẻ dù nghề chơi tuyệt kỹ nhưng lợi ngược dòng, không phù hợp với làng chơi thời đại nên luôn bị phản bác, đả phá, không được làng chơi hưởng ứng nên cô đơn, nghèo khổ.) . **Mỗi người phải có một ‘nghề chơi’ nhưng đồng thời cũng là ‘làng chơi’ của nghề chơi của kẻ khác.**

Nhưng cuộc đời vốn không giản dị. Làng chơi luôn thay đổi sở thích, thay đổi môi trường, càng lúc thời trang càng đổi mới, bắt buộc nghề chơi phải thay đổi ngón nghề cho phù hợp. Từ đó, *‘nghề chơi ví đuôi hươu làng chơi’*, và ngược lại *‘làng chơi cũng ví đuôi hươu những nghề chơi mới’* để cả hai không bị đánh giá là lạc hậu, tụt hậu, thoái hóa, không bắt kịp trào lưu, không tương ứng với thời đại.

Nghề chơi, Làng chơi quan hệ nhau khăng khít. Xã hội nhân loại từ xa xưa đến nay -đến nay càng rõ rệt hơn- chẳng đã áp dụng cái chân lý qua hai câu thơ trích trên của Tú Bà huấn nghệ cho Kiều sao? Các nhà kỹ nghệ, kinh doanh tư bản ngày nay còn hơn hẳn Tú Bà, còn tạo ra vô số nghề chơi và làng chơi mới, để cả xã hội ví đuôi hươu mọi thứ tân kỳ theo cái vận tốc cơ năng của kỹ thuật và tiền bạc của dạng Tư hữu, Chiếm hữu thị trường. Cứ xem những phương tiện giao thông (xe hơi, máy bay, tàu bè), phương tiện truyền thông (điện thoại, cell phone, internet, Ipad, Iphone, window,...), vũ khí cùng phương pháp chiến tranh (vô số máy bay, tàu chiến, hỏa tiễn, súng, bom, cả internet, ;,°, dụng cụ nhà bếp, cách thể sản xuất, thương mại (các

món ăn, các thứ rượu, các thứ sơn phấn, cách thức điểm trang,...), kể cả các trò chơi thể thao, trò chơi cho trẻ con,...tất cả nhiều vô kể, mỗi ngày một mới khiến con người ví đuôi hươu, chạy đua săn tìm phương tiện mới. Mượn cách nói của Tú Bà, Nguyễn Du đã nhìn ra diễn tiến hồi hã của xã hội nhân sinh, đây không là *‘cái nhìn của Nguyễn Du về mặt tư tưởng’* sao?

Chân lý thứ tư: *‘Người ta ai mất tiền hoài đến đây’*.

Ai chịu bỏ tiền mua một vật dụng tồi? Ai bỏ công đi xem nhiều lần một vở hát không ra gì, một trận bóng đá quá tệ, một buổi trình diễn ca nhạc mà nghệ sĩ không mấy gì tên tuổi? Cửa hàng mù Tú Bà *‘xôn xao oanh yến, dập dìu trúc mai’* là do những gái đi thập thành như Kiều đã biết *‘vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi’*, cuốn hút được khách làng chơi *‘trăm nghìn đở một trận cười như không’* kiểu Thúc Sinh.

Làng chơi không thể vung tiền phí phạm với những nghề chơi chẳng ra gì. Một ca sĩ nổi tiếng được mời hát hết nơi này đến nơi nọ vẫn cứ đông người nghe, vẫn bán hàng loạt đĩa hát; một đội câu nổi danh chơi khắp nơi vẫn đông khán giả, một cuốn phim hay chiếu đi chiếu lại vẫn đông người xem,...Ai cũng như ai, *‘người ta ai mất tiền hoài đến đây’*, ai cũng thế cả, tất cả đều giống nhau như đúc về mặt này.

Cái ‘chân lý’ này dễ hiểu. Vì thế nên phát sinh các ngón nghề cạnh tranh kỹ thuật, cạnh tranh thương trường, cạnh tranh giá cả, thời trang, cách tiếp tân càng lúc càng phát triển. Và cách thế, phương pháp quảng cáo càng lúc càng xảo thuật, tinh vi cuốn hút người tiêu thụ cùng cạnh hợp đoàn, hợp phái tán tụng, tăng bóc nhau để làng chơi chú ý.

Chân lý thứ tư này là kết quả của ba chân lý trước. Nào ai không tán đồng ?

4.- Kinh nghiệm sống qua lời Tú Bà:

Ngoài bốn chân lý trên, Tú Bà còn dạy chúng ta thêm hai kinh nghiệm quý báu khác, cần thiết cho làm ăn sinh sống, cho giao du tiếp xúc hàng ngày :

- *Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề*
- *Nỗi đêm khếp mở, nỗi ngày riêng chung.*

‘**Vành chung, vành ngoài, bảy chữ, tám nghề**’, giới hạn nơi câu truyện là những thủ thuật chiêu khách và làm tình của gái điếm sao cho cả mình và cả khách ‘*liều chán hoa chê*’ trong cùng độ khoái lạc đến ‘*lăn lóc đá, mê mẩn đời*’.

Nhưng Nguyễn Du không giới hạn nơi câu truyện. Mượn lời Tú Bà, Nguyễn Du đề cập đến những gì xa xôi hơn. **Bảy chữ, tám nghề** là những cách thức, phương pháp, mảnh khõe kỹ thuật áp dụng. **Vành trong, vành ngoài** ám chỉ cả bên ngoài, bên trong của đối tượng và chủ thể. Lấy thí dụ trong tình yêu : Vành trong : lời lẽ, thư từ tán tỉnh, cử chỉ âu yếm, chiều chuộng,...Vành ngoài : mua chuộc cảm tình của cha mẹ, anh chị em người yêu, quà cáp, biếu xén,... (xin không nói nhiều để tránh dài dòng). Trong nghiệp nghề tình báo, người viết nghĩ ‘vành trong, vành ngoài’ hẳn được áp dụng một cách tinh vi. Những kẻ chuyên môn lừa gạt, chắc cũng thế. ‘**Nỗi đêm, nỗi ngày**’ : từng lúc, từng thời điểm, từng đối tượng, từng trường hợp mà xuất xử cho phải đường, phải lối mà áp dụng vành trong vành ngoài cho hợp thời, hợp cảnh, hợp lẽ, hợp tình. **Biết khếp, biết mở, biết riêng, biết chung** đúng lúc, đúng thời, ‘*con người soi*’ trong ‘nghề chơi’ của mình phải như vậy. Đây là những ‘điều

hay’, những ‘*nghề nghiệp nhà*’ mà không nắm vững, không thi thố đúng mức, đúng thời thì làng chơi không mấy thích, không mấy chuộng, không chịu ‘*mất tiền hoài*’ đến với ta.

Lời Tú Bà khác nào với những lời khuyên đức lý về cái khôn ngoan thông thường ở đời : *tri kỷ tri bỉ, nhập gia tùy tục, đi với bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy*,... Bài học cho cuộc sống thường ngày chẳng vậy sao ? ‘*Khếp mở, riêng chung*’, đây là những phạm trù, mỗi chúng ta ai không sống, không gặp ? Dù đôi ngay với vợ, với chồng, với mẹ cha, con cái, bạn bè thân sơ, với người lớn kẻ nhỏ, kể cả với tri âm, tri kỷ..., phần nào nên khếp kín, phần nào nên mở phơi, phần nào nên giữ lại, phần nào nên giải bày.

Trong cuộc giao du, tiếp xúc, làm ăn, chúng ta đã chẳng phải bao lần khôn ngoan hay bị bắt buộc phải tỏ ra tế nhị, lịch sự trong lời ăn, tiếng nói, trong thái độ, hành vi đối với nhau. Bao lần ta phải giữ lời, giữ kẽ, phải biết tự hạn chế, phải chịu nhịn, phải biết ‘hy sinh’ dù cái hy sinh nhỏ bé nhất trong một cái bĩu môi, liếc mắt, nụ cười hay lời qua tiếng lại. Bởi vì ‘*niềm thâm thông (giao cảm) là một thiết cận nghịch lý*’ (la communication est ce rapprochement paradoxal – Karl Jaspers), tại vì ‘*mà trong lẽ phải có người có ta*’ (Kiều), bởi thế nên ‘*lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*’. Bộc lộ hết ra, mọi người không mấy thích ; giữ hết lại cho mình, thiên hạ cũng không mấy ưa. Biết sao ?! Phải kín kín hở hở mới vừa thế gian. Ngôn ngữ Nguyễn Du trong ĐTTT kín kín hở hở như vậy đây. Không riêng Nguyễn Du, Thích Ca cũng thế, Jésus cũng thế. Không kia, Trang nọ cũng cùng một điệu như

nhau. Vì thế nên mới có nào ngụ ngôn, trùng ngôn, dụ ngôn, nào ví dụ, ẩn dụ, siêu thực, tượng trưng... Cuộc đời là nhu thế đây. Làm sao? Khi người người không mấy tin nhau, không thành thật với nhau, còn mãi mãi lo tranh hơn thua, chiếm đoạt lẫn nhau, còn là nghề chơi và làng chơi của nhau thì buộc lòng phải *'khep mở, riêng chung'* từng nơi, từng lúc để mình khỏi bị thiệt, để người khỏi bị đau, để cả hai bên bốn bề cùng có lợi, nói theo ngôn ngữ ngoại giao ngày nay.

Bốn chân lý và hai kinh nghiệm trên cho thấy Tú Bà không chỉ giữ vai trò quan trọng đưa con gái nhà lành vào lầu xanh mà trở thành *'phát ngôn viên'* của lẽ sống tại thế của xã hội loài người. Nguyễn Du đã mượn qua lời nói của chủ động mãi dâm dạy nghề làm đi để bóng gió, xa gần phản ánh mặt thực của cuộc sống thế gian hầu từ đó nói đến một cái gì xa xôi hơn.

Tất cả những điều vừa nói, những sự việc được nêu ra như trên, theo người viết, đủ chứng tỏ ***'Đoạn Trường Sở Rút Tên Ra'*** là một tác phẩm tư tưởng

Nguyễn Du đã mượn qua câu truyện để nói lên cái *'vận hành dịch hóa'* của nhân sinh (lịch sử đau thương tại thế) khởi từ đâu (từ tên bán tơ vô danh, từ sự việc nhỏ nhặt, vô nghĩa, không lý do, không bằng cớ - vu oan cho Vương Ông; chẳng khác ông Thượng Đế hay Đạo Thế đã chơi trò trớ trêu tạo dựng nên Sự Sống cùng vũ trụ hiện tượng), dẫn về đâu (đoạn trường sở rút tên ra) sau dọc dài lệ máu đã gây ra cho nhau (những trầm luân của Kiều và những 'chân lý tại thế' qua lời Tú Bà). Dòng diễn biến đời Kiều cũng là dòng diễn tiến tiến hóa của nhân sinh, ý nghĩa cùng cứu cánh cuộc sống, cuộc đời, diễn tiến của lịch sử chủng

SỐ 65

loại người qua đau thương tang tóc dẫn về chấm dứt đau khổ và Tài cùng Mệnh không còn ghét ghen, đố kỵ mà hài hòa với nhau ('chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai') để chung loại người bước vào một bờ bến mới (đáo bỉ ngạn). Điều này, trước nay, chúng ta chưa mấy để ý.

Nguyễn Du nhìn ra cái ý nghĩa mới của đau khổ (từ Cự thanh sang Tân thanh) qua cái hiện thực trầm thống của nhân gian (cuộc đời Kiều), từ đó báo biểu cái thời điểm *'Đoạn trường sở rút tên ra'* không cho riêng Kiều mà cho chung con người và nhân loại. Vì thế, tác phẩm miêu tả một truyện buồn với lời thơ buồn nhưng lại mang chở một niềm vui, cái tiếng vui lảng đãng cập kè dòng hiện hữu trớ trêu.

Suy nghĩ như thế, ta mới nhận ra *'ĐTTT là một tác phẩm tư tưởng'* không riêng của dân tộc ta mà chung cho nhân loại nghĩa là chung cho cuộc hiện sinh nhậy nhụa, trớ trêu của dòng đời nơi cõi thế để đến một ngày mọi nhậy nhụa tang thương không còn nữa.

Suy nghĩ như thế, ta mới thông cảm cái tâm sự bù ngùi, lê thê, u ầu, dằng dặc nơi Nguyễn Du, từ ngày ở đất Bắc đến lúc về dưới chân Hồng Lĩnh, ngao du suốt 99 ngọn núi này, lúc đi săn ở núi Hồng (Hồng Sơn liệt hộ), lúc đi câu ở biển Nam (Nam Hải điều đồ) nón mê chân trần, hay lúc ra làm quan với triều Nguyễn, lạng lẽ, âm thầm, không bàn quốc sự mà cứ tìm cách xin nghỉ, cho đến lúc ốm không chịu thuốc thang, lúc chết không một lời trần trối, cái tâm sự của kẻ *'thiên tuế trường ưu vị tử tiên'*.

Suy nghĩ như thế, ta mới nhìn ra thiên tài Nguyễn Du, mới thấy Nguyễn Du đi trước thời đại, mới thấy nổi cô đơn suốt mặt của thiên tài không hẳn vì cảnh sống nghèo

35

nàn, vì công danh trắc trở, vì dòng họ suy tàn, vì bất đắc chí, vì sinh bất phùng thời, vì xót thương cho hồng nhan bạc phận cũng không vì thiếu tri kỷ, tri âm. Nỗi cô đơn của Nguyễn Du là nỗi cô đơn của người tư tưởng, con người luôn ước ao cuộc sống chung của xã hội, của toàn nhân loại luôn luôn hài hòa, hảo hợp, yên vui : **“Một trời trăng sáng ý tâm đồng, Vạn dặm sơn hà chính khí chung”** (“Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại, Vạn lý hà sơn chính khí đồng” – câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du).

Suy nghĩ như thế, ta mới thấy vận hành lịch sử của nhân sinh, cái thời điểm lịch sử chấm dứt đoạn trường sau cả dọc dài truân chuyên gây đau khổ, tội lỗi cho nhau, cái vận hành lịch sử mà Thích Ca, Jésus và M. Heidegger đã nói.

Nhân loại đang đau thương cùng cực, đang trầm bệ vạn mối ngổ ngang, đang bị phá sản đủ mọi bề, đang vào thời kỳ mạt pháp. Nhân loại đang trong cơn đùng đầu lịch sử của vận hành nhân thế với vận hành của Tiếng Gọi từ nguyên sơ (vận hành của Đạo Thể, của Lễ Đạo), đùng đầu lịch sử của Biệt nghiệp từng người, từng dân tộc, quốc gia với cái Cộng nghiệp chung của chủng loại người (cái ‘hoạn nạn lớn từ khi mới có trời đất đến bây giờ chưa từng cỡ’ - Tin Lành Mathieu đoạn 24, câu 21). Cuộc đùng đầu lịch sử đó sẽ lắm tang thương, gầy đói nhưng để dẫn đến thời điểm *“túc khiến đã rửa láng láng sạch rồi”* hầu *“đoạn trường số rút tên ra”* để mở ra *‘Chân trời hào quang tinh thể’* (ouverture de l’horizon de l’Être – M. Heidegger) trong giờ *‘Muôn vật đổi mới’* (lời Jésus), giờ *‘đáo bỉ ngạn’* (lời Phật), giờ thiết lập một Thượng Nguyên cho khắp cõi nhân quần. **Nhân loại già nua, nhân loại trẻ lại, giờ**

phút hồi sinh hay phục sinh của con người, của nhân loại, miễn là biết ‘hồi đầu thị ngạn’ vì **“Phúc họa đạo Trời”** nhưng **“Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra”**. Đây là cái **‘Tiếng Vui’** gùn ghè, cận lập, quanh quẩn xa gần bên *‘nỗi buồn tại thế’* của nhân sinh.

Ôi Nguyễn Du ! Xin mượn phép chia xẻ nỗi cô đơn của Người dù mức độ đạo lý và đạo tâm chưa đủ để hiểu được Người. Chỉ xin đọc thơ Người để nhận ra *“Niềm vui Lễ Đạo đong dựa đường trần”* (Trần Minh Xuân), cái Tiếng Vui xa mà gần, mơ màng, bàng bạc dần trải mệnh mang nơi cảnh đời tại thế trắc trở thương đau. Tiếng Vui đó chập chờn ẩn hiện qua Tiếng Thơ của Người, cái Tiếng Thơ đã âm ỉ nơi tâm thức người Việt Nam qua bao thế hệ và sẽ mãi mãi ngân vang không riêng nơi người Việt mà khắp cùng thế giới, dặt dìu nhân loại *‘đồng quy nhi thù đồ’* (lời đức Khổng) bởi *“Ngài sẽ lau ráo hết nước mắt khỏi mắt chúng, sẽ không còn sự chết, cũng không còn than khóc, kêu ca hay là đau đớn nữa, vì những sự thứ nhứt đã qua rồi”* (Khải Huyền 21, 4). (Xin xem đoạn thơ của Victor Hugo trong bài trước nơi Cỏ Thơm số 62 – Xuân 2013).

Lời Người –ôi, Nguyễn Du của Việt Nam và của nhân loại ! - sẽ mãi ngân vọng nơi chúng sanh khôn khổ, đau thương để trong cái *‘thế dạ nhân hoàn’* (obcurcissement du monde), vẫn nhìn ra Tiếng Thơ của Người trong từng nhịp đập con tim :

-Tiếng xưa còn vắng lời tâm sự

Thấp sáng trên đầu sông núi đen.

(nt : Gửi người Em Việt Nam)

Trévoux, France tháng 9/2000

nt

CỎ THƠM

Thương Mãi Nắng Chiều

Xa người tim thất quận đau
Giã từ câm lạng lòng sầu khôn nguôi
Giờ đây xa các phương trời
Nửa vòng trái đất người ơi ngàn trùng
Cổ ghìm mắt lệ rưng rưng
Lam sao ngăn được tim rung dạt dào
Yêu người người có biết đâu
Triển cao núi dựng biển sâu ngăn rồi
Quãng đời còn lại ngắn thôi
Tình như giấc mộng bồi hồi khói sương
Xui chi một gánh can trường
Một lần gặp gỡ vấn vương thế này
Đoạn trường vương lấy từ đây
Tình yêu phút ấy ngập đầy trong tim
Bên trời một dấu chân in
Cuối đời nửa mảnh chân tình dậy hương
Nắng chiều chẳng nhạt nhớ thương
Mưa trưa chỉ sợ trăm đường khổ đau.

Kiều Anh (Minnesota)



Bài Thơ Và Bông Hồng

Anh gửi tặng em làm quà Sinh Nhật
Một bài thơ với một đóa hoa hồng
Bài thơ tình Bên Bếp Lửa mùa Đông
Mong sưởi ấm những đêm dài đơn lẻ!

Tình đơn độc, âm thầm và lặng lẽ
Như cuộc đời của hai kẻ yêu nhau
Kẻ độc hành nước mắt chẳng ai lau
Đời tị nạn tìm quên trên đất Mỹ!

Mới đó đã non phần tư thế kỷ
Và chúng mình hai đứa đã có nhau
Với niềm vui bên cạnh những nỗi đau
Đời tị nạn tháng ngày qua quạnh quẽ!

Chợt hối tiếc mình không còn son trẻ
Để bắt đầu... để làm lại cuộc đời
Nhưng mùa Thu cũng đẹp lắm em ơi
Đừng hoang phí! Xin em đừng hoang phí!

Hãy tận hưởng những gì mình đang có
Những niềm vui ôn kỷ niệm hôm nay
Trộm bông hồng gai xước máu đầy tay
Ôi thuở ấy, vườn em,... anh lạc lõng!

Hồ Công Tâm

October 31, 2013

"KHOÁN THỦ": một thú chơi thơ

Tâm Minh Ngô Tằng Giao

Chơi thơ là một cái thú. Chơi thơ có nhiều cách khác nhau và một trong các cách đó là "khoán thủ". "Khoán thủ" là lối lấy những chữ trong đề mục làm chữ đầu những câu thơ.

Lối thơ "khoán thủ" này cũng tương tự như một lối "acrostiche" trong thơ Pháp hay "acrostic" trong thơ Anh, Mỹ.

Dictionnaire Encyclopédique Larousse định nghĩa "acrostiche" như sau:

"Pièce de vers composée de telle sorte qu'en lisant dans le sens vertical la première lettre de chaque vers on trouve le mot pris pour sujet, le nom de l'auteur ou celui du dédicataire."

Tạm dịch: Một bài thơ sắp xếp theo cách nào để khi đọc những chữ đầu của mỗi câu thơ theo chiều dọc người ta sẽ thấy được chủ đề, tên tác giả hay tên của người được đề tặng.

Tự điển Larousse trên cũng ghi lại một bài thơ loại "acrostiche" làm đề tặng Vua Louis XIV. Tác giả bài thơ là một anh chàng hết tiền, nghèo kiết xác, với hai túi rỗng:

*"Louis est un héros sans peur et sans reproche.
On désire le voir. Aussitôt qu'on l'approche,
Un sentiment d'amour enflamme tous les coeurs:
Il ne trouve chez nous que des adorateurs;
Son image est partout, excepté dans ma poche."*

(Tạm dịch: Louis là một vị anh hùng can trường và tài giỏi. Người ta muốn gặp Ngài. Khi gần Ngài một tình cảm thương yêu bùng nổ trong mọi con tim. Ở xứ tôi ai cũng khoái Ngài. Hình ảnh Ngài ở khắp mọi nơi ngoại trừ trong túi tôi).

Những chữ đầu câu trong 4 câu thơ trên nếu đọc theo chiều dọc sẽ ghép lại thành "LOUIS". Cũng cần biết thêm rằng tiền ở nước Pháp thời đó mang hình Vua Louis.

*

Lãng Nhân cũng kể một giai thoại về cặp tình nhân thi sĩ rất nổi tiếng và cũng rất "tai tiếng" ở nước Pháp thời trước đây là chàng Musset và nàng George Sand. Hai người này đã trao đổi ý kiến với nhau bằng "acrostiche". Chàng Musset viết:

*"QUAND je vous fais, hélas, un éternel hommage
VOULEZ- vous qu'un instant je change
de langage
VOUS seule possédez mon âme et mon coeur.
QUE ne puis-je avec vous goûter le vrai bonheur
JE vous aime, ma belle, et ma plume en délire
COUCHE sur ce papier ce que je n'ose dire
AVEC soin de mes vers lisez les premiers mots
VOUS saurez quel remède apporter à mes
maux..."*

Nếu ghép những chữ đầu những câu thơ trên lại theo chiều dọc ta có lời nhắn tin của Musset là "Quand voulez-vous que je couche avec vous" (Khi nào em muốn cho ta ăn nằm với em?)

G. Sand bèn trả lời bằng hai câu thơ:

*"CETTE grande faveur que votre ardeur réclame
NUIT peut-être à l'honneur mais répond à ma
flamme".*

Ghép hai chữ đầu câu lại là "Cette nuit" (Đêm nay!).

Lãng Nhân phỏng dịch lời "ong bướm" ước hỏi của A. Musset đại ý ra dưới đây:



ĐÔNG VẼ của **NGUYỄN SƠN** (Germany)

"**BAO** lâu từng ước ao
GIỜ đổi giọng được sao!
NÀNG đã ngự trong lòng,
THUẬN tình ta luống mong
CHỜ bút ta lên hương
TA viết lời yêu đương
THỎA được dạ ta cầu,
NGUYỆN đọc chữ đầu câu..."

Ghép những chữ đầu câu ta có câu
 ước hỏi: "Bao giờ nàng thuận cho ta thỏa
 nguyện?" G. Sand đọc xong bèn trả lời:

"**ĐÊM** trường ai những ước mong
NAY tuy e lệ mà lòng thắm ưa".

Ghép những chữ đầu câu ta có câu trả
 lời: "Đêm nay!"
 (Lãng Nhân, Chơi chữ, Zieles, XB 1979).

*

Chúng tôi cũng dịch 2 bài thơ trên theo một
 cách khác như sau, trong thú chơi thơ:

"**KHI** đã ngưỡng mộ từ lâu
NÀO ai đổi giọng để dầu cho qua.
NÀNG riêng chiếm ngự hồn ta,
THUẬN chung hạnh phúc bao la trên đời.
ÁI Khanh ơi! Đẹp tuyệt vời!
ÂN tình ghi giấy, thốt lời dám đầu!
CÙNG nhau đọc chữ đầu câu,
TA mong Nàng chữa niềm đau trong lòng"
 (Tâm Minh)

G. Sand đọc xong những chữ đầu câu
 thấy Musset ngỡ ý hỏi "Khi nào nàng thuận
 ái ân cùng ta?" bèn trả lời "Đêm nay!"

"**ĐÊM** ngày người ước khôn vơi
NAY dù e ngại, ta thời ngóng trông!"
 (Tâm Minh)

"Khoán thủ" trong Anh ngữ là "acrostic": "a composition usu. in verse in which one or more sets of letters (as the initial, middle, or final letters of the lines) when taken in order form a word, a connected group of words (as a sentence), or the regular sequence of the letters of alphabet". (Tạm hiểu là một bài văn, thường là thơ, trong đó một hay nhiều chữ ở đầu, ở giữa hay ở cuối dòng khi mang ghép lại với nhau sẽ thành ra một lời hay một câu mang một ý nghĩa gì đó...)

Như vậy hai lối chơi thơ "khoán thủ" của Pháp và Anh, Mỹ cũng giống nhau.

Sau đây là một bài thơ với chủ đề "Loneliness", không rõ tên tác giả:

*"Left, like a lost glove, in the deserted park
On the littered, cropped grass,
No one to notice her, no one to see.
Evening chimes with a faint Angelus,
Light fades and street lamps in the
distance shine.
In the town friends and lovers are meeting,
Night will be her sole companion.
Even the stars turn their faces away from her.
Silence is swollen not broken by
Sigh and murmur of faraway traffic".*

*

Nhà thơ Việt Nam ta cũng có nhiều người hưởng ứng thú chơi thơ theo kiểu "khoán thủ" này. Trong tài liệu văn học người ta kể chuyện là nhà thơ Nguyễn Bính rất đa tình. Một hôm đến thăm người yêu và bất thình lình ôm người yêu để hôn. Nàng đẩy chàng ra và tỏ vẻ không bằng lòng về sự số sãng. Nguyễn Bính liền viết mấy câu thơ tạ lỗi:

*"ANH đi chẳng hẹn ngày về
CHỈ thế ai buộc, tóc thế ai chôn
MUỐN gì, em muốn gì hơn
HÔN hoàng nay lại hoàng hôn mai ngày"*
(Nguyễn Bính)

Nàng đọc kỹ lại bài thơ nhận thấy ngay bốn chữ ở đầu câu ghép lại là "Anh chỉ muốn hôn", nàng hiểu chàng muốn gì bèn mắng yêu: "Phải gió cái anh này!"

Rất tiếc là người yêu của Nguyễn Bính không biết làm thơ như người đẹp G.Sand của A. Musset bên Pháp thuở xa xưa nên đã không sử dụng lối chơi thơ "khoán thủ" mà trả lời. Để giúp nàng chúng ta có thể viết câu "Phải gió cái anh này" theo kiểu "khoán thủ" như sau:

*"PHẢI chi anh đứng đắn hơn
GIÓ trăng lơ lửng, bươm xom hay gì!
CÁI điều mong muốn nọ kia
ANH nên chờ đợi đến khi đôi mình
NÀY chồng này vợ vẹn tình!"*
(Tâm Minh)

*

Mượn lối chơi thơ "khoán thủ" trên có nhà thơ đã lấy chủ đề "Quê Hương":

*"Quyến luyến Quê Hương nguyện ước về,
U sầu sống gửi tháng năm lê!
Ê hề vật chất coi nhàm ngấy,
Héo hắt tinh thần thấy chán ghê!
Ư' ám trao lời phòng rắc rối
Ơ' hờ tiếp khách tránh nhiều khê
Nghinh tin thế cuộc cơ trời chuyển
Gắng đợi hồi hương sớm tựa tề".*
(Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ, 1984)

*

Nếu lấy chủ đề "Chu Văn An" ta có bài thơ mang tựa là "Tình Nhớ" như sau:

*"Chùng như Em vẫn bên Anh,
Hai hàng mi khép long lanh giọt sầu.
U hoài dâng nghẹn đôi câu,
Vòng tay áp ủ tình cầu yêu đương.
Ăn sâu dáng nhỏ thân thương,
Nụ hôn e ấp dư hương tuyệt vời.
An bình tóc xỏa chơi vơi
Nhớ nhung giăng mắc một đời thơ sinh!"*
(Tâm Minh)

(Đặc San CVA Miền Đông Hoa Kỳ 1991)

CỎ THOM

SINH-NHẬT EM, MÙA NOEL

Trời se lạnh và bầu trời trở xám
Thoáng mưa phùn như mưa của Huế xưa
Trong không khí có chút gì gọi nhớ
Năm gần tàn, hay xuân sắp về qua

Mùa Noel đã bao lần rồi nhỉ
Nếu em còn mình chắc sẽ ăn mừng
Sinh nhật em chị sẽ làm chiếc bánh
Rất ngọt ngào với tất cả tình thương

Chị sẽ làm nhân bằng vòng tay thân ái
Sẽ trộn thêm ngàn lời nói ngọt ngào
Sẽ vẽ lên mặt bao lời chúc tụng
Sẽ cười vang lên, hạnh phúc biết bao

Chị sẽ không cần cân đo rắc rối
Bánh yêu thương có ai chỉ được đâu
Chị sẽ viền quanh bằng sợi dây kỷ niệm
Gói ghém theo hạt thương nhớ muôn màu

Chị sẽ thắp nến, bao nhiêu cây em nhỉ?
Đêm làm chi năm tháng vốn vô cùng
Chị chỉ mong nến lung linh soi sáng
Đường em đi trong cõi mộng lung

Sinh nhật em chị làm bài thơ nhỏ
Đốt cho em vào lúc Chúa ra đời
Nơi nào đó em sẽ cao giọng đọc
Và sẽ nhâm nhi chiếc bánh chị mời

Chị sẽ ngăn không cho dòng lệ chảy
Để bên kia không lưu luyến bên này
Nhưng mà em, sao bỗng dưng má ướm
Hình như mưa nhỏ xuống chị không hay.

ĐẶNG LỆ KHÁNH

SỐ 65

YOUR BIRTHDAY, CHRISTMASTIDE

The sky has turned grey and the weather cold,
It mildly drizzles like the kind of rain in Hue of old.
There is something to cause longings in the air:
The year is going to end or the spring to begin fair.

How many times since the last Christmas fête?
Were you still alive, we would surely celebrate.
For your birthday I would, with special complexion,
Make a cake quite sweet with all my affection.

I would mix the stuffing with my warm feeling,
Dress it with thousand mellifluous words appealing,
Adorn the surface with letters of congratulatory glee
And laugh resoundingly - how happy should we be!

It is needless to weigh or measure in order to bake,
Whoever can instruct how to create a love cake?
I would add an edge line as a thread of souvenir
To encompass the multicolored seeds for my dear.

I would light the candles - how many pieces, well?
But what's counting for, since time is in the sequel!
I only wish that the candles would spark to lighten
Your way in the misty world, salvation to heighten.

On your birthday I would write a small poem
And burn it for you on God's descent as a proem
So that at such a distant place you read it loudly
Gnawing at the cake I prepared for you so proudly.

I would try to prevent my hot tears from falling
So you're not too attached to the earth on recalling,
But, my cheeks suddenly got wet from nowhere:
It seems the rain is dripping, I am not even aware.

Translation by
THANH-THANH

41

QUAN NIỆM VỀ SỰ TẠO DỰNG VŨ TRỤ

Của Người Dân Tây Phương Và Đông Phương

PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU

Về sự hiện hữu của mọi vật hữu hình hay vô hình trong vũ trụ, vào khoảng hai phần ba nhân loại tin có một đấng thần linh quyền phép vô biên là đấng đã sáng tạo và biến hóa mọi sự. Đó là đấng tạo hóa được gọi với nhiều danh xưng khác nhau như Yahveh, Allah, Thiên Chúa, Thượng Đế, Chúa Trời v.v. Đó cũng là niềm tin của các tôn giáo lớn ở Tây phương như Công giáo, Tin lành giáo, Anh giáo, Cơ đốc giáo, Hồi giáo và nhiều các môn phái Thiên chúa giáo khác như Do thái giáo, Copte, Maronnite v.v. Những tín hữu theo tôn giáo thờ Thiên Chúa này ở hầu hết khắp các Châu lục (Âu châu, Mỹ châu, Phi châu, Úc châu và một phần nhỏ ở Á châu); còn một phần ba nhân loại không tin sự tạo dựng vũ trụ là do một đấng thần linh nên họ không thờ Thiên Chúa. Họ sinh sống ở Trung Đông và Viễn Đông theo Ấn độ giáo, Tam giáo (Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo), Thần đạo v.v...

A. Nguyên nhân của các quan niệm trên.

I. Những nguyên nhân nào đã đưa đến sự tin có đấng tạo hóa của Tây Phương?

Về cuộc sống nguyên thủy, các dân tộc Tây Phương sống ở vùng Cận Đông tập trung thành những bộ lạc sinh nhai bằng nghề chăn nuôi dê, cừu, bò, lừa v.v. nay đây mai đó, không ở chỗ nào lâu dài. Mỗi một bộ lạc thờ một vị thần linh. Riêng dân tộc Do Thái thì thờ Thiên Chúa. Ông Abraham, vị tộc trưởng của người Do Thái là người đức độ, có đời sống gương mẫu hoàn toàn tin tưởng vào Thiên Chúa nên được Ngài tuyển chọn là một dân tộc được đặc ân mang sứ mệnh làm sáng danh Thiên Chúa để cho nhân loại biết Thiên Chúa là đấng tạo hóa đã dựng nên mọi vật trong vũ trụ.

a. Thông thường không bao giờ Thiên Chúa cho người phạm trần nhìn thấy dung nhan Ngài. Ông Abraham là người duy nhất được Thiên Chúa hiện ra để đối thoại. Vì dân chúng thành Sodome không tuân giữ lời Chúa, phạm tội đồng tính luyến ái nên Thiên Chúa nói với ông Abraham rằng thành phố Sodome phạm nhiều tội lỗi sẽ bị tiêu hủy. Trong cuộc đối thoại, ông Abraham đã xin Chúa đừng vì những người tội lỗi mà trừng phạt cùng lúc những người đức độ và nếu ông tìm được khoảng năm mươi người đạo đức thì xin Chúa hãy tha sự trừng phạt. Thiên Chúa bằng lòng nhưng ông Abraham không tìm ra được con số năm mươi người đó, xin Chúa hạ dần

xuống con số mười người mà cũng không tìm ra được số người đạo đức này. Vết tích của thành phố bị thiêu rụi này là Biển Chết (Mer Morte). Người Do Thái thứ hai được Thiên Chúa đối thoại là ông Moïse. Vì dân Do Thái bị người Ai Cập hành hạ hơn bốn trăm năm nên Thiên Chúa sai ông Moïse dẫn đưa dân tộc Do Thái thoát khỏi đời sống nô lệ. Để cho ông Moïse thi hành được mệnh lệnh này, Thiên Chúa cho ông làm nhiều phép lạ. Bằng một chiếc gậy ông đập vào đá liền có suối nước uống, gơ lên mặt nước thì nước rẽ làm đôi để vượt qua Biển Đỏ (Mer Rouge).

b. Cách đây hơn hai nghìn năm Chúa Cha đã sai con một là Chúa Ki-Tô xuống thế làm người ở đất Do Thái, mục đích là để cứu chuộc tội lỗi loài người và dạy dỗ nhân loại biết Chúa Cha là đấng thần linh duy nhất đã dựng nên vũ trụ và loài người. Muốn cho thiên hạ tin vào quyền năng tạo dựng của Thiên Chúa, Chúa Ki-Tô đã làm rất nhiều phép lạ tỏ ra quyền năng của đấng tạo hóa:

1. Thiên Chúa tạo dựng mọi vật trong vũ trụ từ không có gì. Giữa nơi đồng quê, Chúa Ki-Tô đã tạo ra hàng ngàn chiếc bánh mì cho năm ngàn người ăn vì họ đã từ xa đến nghe Chúa giảng dạy từ sáng đến chiều.

2. Thiên Chúa biến hóa mọi vật trong vũ trụ. Chúa Ki-Tô đã biến nước lã hóa thành rượu nho thơm ngon trong bữa tiệc cưới ở Cana.

3. Thiên Chúa là nguồn sự sống của mọi vật. Chúa Ki-Tô đã làm phép lạ cho ba người chết sống lại nhất là ông Lazare đã chết được bốn ngày.

4. Thiên Chúa điều khiển mọi sự chuyển động trong vòng trật tự. Trên biển hồ Tibériade ở Galilée, các tông đồ trên thuyền sợ bị đắm vì gió to sóng cả, Chúa

Ki-Tô đã trấn an họ bằng phán cho sóng gió phải im lặng ngay.

Ngoài ra Chúa Ki-Tô còn làm rất nhiều phép lạ khác như người mù được nhìn thấy ngay tức khắc, người phong cùi được lành mạnh da dẻ tươi thắm, người bại xụi đi lại bình thường v.v.. Vì có những phép lạ này mà nhiều người sau khi được chứng kiến hay hưởng thụ đã có niềm tin tôn thờ Thiên Chúa như Hoàng đế Constantin ở La Mã, vua Clovis ở Pháp, ông André Froissart, nhà văn hào Cộng Sản danh tiếng, giáo sư Vũ Quốc Thúc, nguyên khoa trưởng trường Đại học Luật khoa, Bác sĩ Trần Văn Bảng nguyên giáo sư trường Đại học Y khoa v.v.

II. Những nguyên nhân nào đã khiến người Á Đông không tin có đấng tạo hóa?

a. Vào thuở ban đầu, người dân Á Đông đã tin có đấng thần linh ngự trên trời cao có quyền phép làm ra mưa nắng rất cần thiết cho sự trồng lúa. Họ thường gọi đấng thần linh này là Trời. Những câu ca dao tục ngữ đã minh chứng niềm tin này như Trời sinh Trời dưỡng, Trời sinh voi Trời sinh cỏ, Lay Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống...

b. Nếu dân chúng Tây Phương ở vùng cận đông làm nghề chăn nuôi, nay đây mai đó, thì người nông dân Á Đông lại sống cố định ở nơi đồng ruộng, họp thành những làng mạc có luật lệ trong cuộc sống chung, đứng đầu là các vị vua. Những vị này thường hay kiêu ngạo tự cho mình là Thiên Tử tức Con Trời, còn dân chúng thì là người phạm trần không được phép thờ Trời. Trải qua nhiều thế kỷ, thói quen không thờ Trời trở thành thiên tính (l'habitude est une seconde nature).

c. Những nhà hiền triết Á Đông như Khổng Tử, Mạnh Tử khuyên dân chúng coi vua như cha (quân thần phụ tử), cho nên

người dân không dám cưỡng lại luật vua tuy rằng những luật đó chứa đầy sự bất công, không để ý gì đến nhân phẩm người dân.

d. Hơn nữa học thuyết của Tam giáo không công nhận Trời là đấng tạo hóa nên không nói đến việc thờ Trời như người Tây Phương. Khổng Tử có nói đến Thiên mệnh nhưng chữ Thiên đây không có nghĩa là Ông Trời, là đấng thần linh mà có nghĩa là lẽ trời đất, lý thái cực huyền bí vô cùng mà ta không biết được bản thể.

e. Giới trí thức khoa bảng thường là những thi sĩ được dân chúng ái mộ coi như là những vị hiền triết Tây Phương. Các thi sĩ khoa bảng này không tôn trọng Trời, coi Trời như các vị thần linh được dân chúng có óc mê tín tôn thờ để xin ân huệ (Thần Bạch Mi, Bà Chúa Kho, Thần Bạch Mã v.v.). Vì thế lời thơ họ làm không có tính cách trang trọng mà trái lại có tính cách bông đùa, hài hước giễu cợt:

*"Lúc túng toan lên bán cả Trời,
Trời cười thằng bé nó hay chơi..."
"Cớ sao vợ lại hơn Trời nhỉ?
Vợ chỉ hơn Trời có cái chai..."
"Kẻ tạo hóa đành hanh quá ngán
Đất dẫu người lên cạn mà chơi..."*

Dân chúng bình dân cũng vậy, không kính sợ Trời, khi gặp hoạn nạn thường hay oán trách Trời (Trời già, Trời không có mắt, oán trách Trời gần Trời xa, Phủ phàng chỉ mấy Hóa công v.v.)

Tóm lại, ta nhận thấy hai điểm chính sau đây đã gây ra sự khác biệt về vũ trụ quan giữa Đông và Tây:

1. Vì sự tạo dựng vũ trụ là điều huyền bí loài người không hiểu được, Thiên Chúa đã hiện xuống nói cho ông Abraham biết

rằng Thiên Chúa là đấng đã tạo dựng nên mọi sự trong vũ trụ.

2. Để cho loài người tin vào lời nói trên, Thiên Chúa đã làm nhiều phép lạ ghi trong Cựu Ước và Tân Ước. Ngày nay Đức Mẹ đã chữa được nhiều bệnh nan y một cách kỳ lạ ở Lourdes. Ở đây có một ủy ban gồm các bác sĩ danh y thế giới để nghiên cứu theo dõi các hồ sơ của các bệnh nhân được chữa khỏi. Trên thực tế có hàng ngàn người đã được chữa khỏi nhưng cho đến nay ủy ban này chỉ ghi nhận được 69 trường hợp.

Thật vậy phép lạ là dấu chỉ đặc biệt chứng minh quyền năng vô biên của Thiên Chúa. Trong vũ trụ ta ở cái gì cũng là huyền bí. Ngay trong bản thân ta sự tạo dựng nên những cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa v.v... , sự thể các cơ quan đó được hoạt động một cách điều hòa nhất là trái tim chỉ bằng thịt mà hoạt động như một động cơ không ngừng trong hằng trăm năm. Như vậy quả là những điều huyền bí mà con người không thể hiểu được. Ông Hubert Reeves, nhà thiên văn vật lý lão thành danh tiếng đã thú nhận rằng sự tạo dựng vũ trụ thật là điều vô cùng huyền bí và mãi mãi huyền bí. Câu này đồng nghĩa với lời nói của Chúa Ki-Tô khi xưa như sau: "Con ngợi khen Chúa Cha đã cho những người hèn mọn biết nhiều điều mà Chúa Cha đã che dấu không cho những người thông thái biết".

Câu hỏi được đặt ra là sao Thiên Chúa chỉ hiện xuống nói cho ông Abraham biết Chúa là đấng tạo hóa mà không nói cho ai khác? Ông Abraham được đặc ân này vì ông là người phàm trần duy nhất rất thánh thiện, có một đức tin vững mạnh vào quyền năng Thiên Chúa, luôn luôn tuân theo thánh

ý Chúa. Ông đã tỏ ra không một chút do dự thi hành lệnh Thiên Chúa đem con một là Isaac lên rừng thiêu làm vật hy sinh tế lễ Thiên Chúa. Nhưng khi ông gươm dao sắp sửa chém Isaac thì Thiên Chúa sai Thiên Thần hiện ra ngăn cản ông. Sau cuộc thử thách này Thiên Chúa đã kén chọn dân tộc ông là một dân tộc được Thiên Chúa tín nhiệm trao cho sứ mệnh làm sáng danh quyền năng Ngài đến ban dân thiên hạ.

Vì thế Thiên Chúa đã ban cho dân tộc Do Thái có trí óc thông minh nên dù phải sống ở nhiều nước nhưng dù ở nơi nào họ cũng tỏ ra xuất sắc, lãnh nhiều giải thưởng khoa học quốc tế. Thuở ban đầu, cách đây hai ngàn năm chỉ có mười hai tông đồ, là những người Do Thái hèn mọn làm nghề đánh cá đi rao giảng phổ biến Ki-Tô giáo. Tuy bị các vua chúa ở mọi nơi ngăn cấm và bách hại, ngày nay trên thế giới những người theo Ki-Tô giáo (Công giáo, Tin lành giáo, Cơ đốc giáo v.v.) đã đạt lên tới con số xấp xỉ ba tỷ người.

Tóm lại mọi vật hiện hữu trong vũ trụ đều do đấng tạo hóa dựng nên. Sự tạo dựng này thật là huyền bí, trí óc con người không thể hiểu được. Làm thế nào mà người mẹ kia nặn được trong bụng thân thể và hình dáng trẻ hài nhi một cách tinh vi. Bằng cách nào mà thân cây kia nặn được hoa tươi trái ngọt, điều mà không một nghệ sĩ nào làm được. Xưa kia thánh Augustin, một nhà thần học lỗi lạc, muốn tìm hiểu tín điều Thiên Chúa ba ngôi (Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần), ra ngoài bãi biển thanh vắng, đi đi lại lại, suy nghĩ về vấn đề này. Đồng thời ông nhìn thấy một em bé mãi miết múc nước biển đổ vào cái lỗ đào trên cát. Ông hỏi

đứa bé: "Em làm gì thế từ nãy đến giờ?" Em bé trả lời: "Tôi muốn tát cạn nước biển". Ông Augustin nói với em rằng: "Điều em làm không có thành công đâu". Em bé liền trả lời: "Điều tôi muốn làm chưa khó bằng điều ông đang suy nghĩ trong đầu". Sau đó em bé biến mất. Thánh Augustin mới nhận thấy rằng em bé kia là Thiên Thần do Thiên Chúa sai xuống nói cho ông biết loài người phải tin tín điều Thiên Chúa ba ngôi và đừng có suy nghĩ vô ích.

"Đã tràn se cát biển đông

Nhọc nhân mà chẳng nên công trạng gì."

B. Thiên Chúa dựng nên loài người với mục đích gì?

Vì loài người là vật thụ tạo y như bức tượng không thể hiểu được ý định của người thợ nặn, nên Thiên Chúa là đấng tạo dựng đã sai con một là Chúa Ki-Tô xuống trần để nói cho loài người được biết những ý muốn sau đây của Thiên Chúa:

- Kính mến Thiên Chúa.

- Thương yêu nhau, tha thứ cho nhau.

- Đời sống trần gian là đời sống tạm bợ có nhiều thử thách để cho linh hồn có cơ hội được tôi luyện trở nên thánh.

- Sau khi chết thân xác sẽ biến thành tro bụi còn linh hồn nếu được thanh tẩy sẽ trở về cuộc sống đời sau vĩnh cửu trên Thiên Đàng.

Thánh Kinh cũng cho ta biết rằng Thiên Chúa không những đã tạo dựng nên vũ trụ trần gian mà còn tạo dựng nước Thiên Đàng, nơi ngự trị muôn đời của Thiên Chúa cùng các Thiên Thần và các Thánh./.

Phượng Du Nguyễn Bá Hậu

(Paris)

SAO NGỒI SÁNG ĐÊM XƯA

Sao ngồi sáng đêm xưa, đông về tuyết lùa thưa, Trên đôi vắng canh
 Sao ngồi sáng đêm xưa, trên đôi vắng canh khuya, Mơ màng gã chằm

khuya, sao dịu đất Ba Vua Qua rừng núi xa
 chiến trông bảy thức trâu đêm. Thiên thần Chúa loan

xôi, theo đường sao chỉ lối, Lấp lánh sao reo vui, Ngôi Hai vừa xuống
 tin vui mừng đi tìm đến, Thấy giữa nơi máng chiến, Chúa Con ngủ rất

đời. Sao ngồi sáng lưu ly, soi từng bước chân
 hiên. Ai ngờ máng chiến ăn, Con Trời quán trong

đi, Như ngọc sáng trong đêm trên đường Bết lê hem.
 khăn, Ai ngờ Chúa sinh ra đêm trời tuyết sương sa.

Chân thành lễ tôn vương bên chuông chiến quỳ xuống, ánh sáng sao lung
 Mục đồng đứng vây quanh ca ngợi Con Trẻ Thánh, Cát tiếng ca, tôn

linh, huy hoàng đêm giáng sinh. Nghe xa
 vinh, tưng bừng đêm giáng sanh.

xa tiếng thiên thần ca, ngợi khen danh Chúa Cha, Bầu trời vang

tiếng Hò sa na! Trong đêm
 khuya thế gian đâu ngờ Con Trời thành trẻ thơ, nằm hồn
 nhiên trong máng chiến đơn sơ. Sao ngồi ánh vinh
 Ôi lòng Chúa thương
 quang ca điệp khúc hân hoan, Con Trời xuống nhân gian, không màng chốn cao
 ta như Trời đất bao la. Bao tội lỗi buông tha, ghi lòng nhớ ơn
 sang. Đêm về tuyết mênh mang, trong chuông chiêng ngời
 xưa. Tôn thờ Chúa Ba Ngôi xa lìa con đường
 D.C.
 sáng. Ánh sáng sao long lanh soi vào chốn Ngài sanh.
 tối. Hỡi ánh sao năm xưa, xin ngồi sáng đường tôi.
 Hỡi ánh sao năm xưa, chiếu sáng trong đêm dài, Hỡi ánh sao rạng
 ngời, nguyện soi sáng đường tôi.

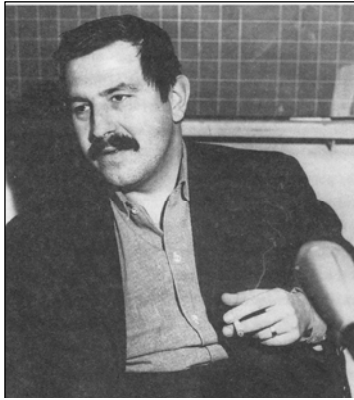
GUNTER W. GRASS

(1927 -)

Văn Hào Đức

Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương Năm 1999

Gunter Wilhelm Grass là nhà thơ, nhà văn viết tiểu thuyết, nhà viết kịch, nhà điêu khắc, với cuốn tiểu thuyết “Cái Trống Thiếc” (Die Blechtrommel = The Tin Drum, 1959), tác phẩm rất xuất sắc này đã mô tả thế hệ thanh niên Đức lớn lên trong thời kỳ Quốc Xã và nhờ vậy, tác giả Gunter W. Grass đã lãnh được Giải Thưởng



Gunter W. Grass

Nobel Văn Chương năm 1999.

1/ Tiểu Sử.

Gunter W. Grass ra đời vào ngày 16/10/1927 tại thành phố Danzig, hiện nay được đổi tên thành Gdansk và thuộc về nước Ba Lan (Poland). Thành phố này đã mang lại nhiều kỷ niệm cho nhà văn Gunter Grass và đã khiến cho tác giả mô tả rất nhiều kỷ ức của thời tuổi trẻ của mình.

Cha của ông Gunter Grass là chủ nhân của một cửa tiệm thực phẩm còn bà mẹ thuộc về giống dân Slavic, khác hẳn với người Ba Lan về tiếng nói và văn hóa. Gunter Grass đã theo học các trường tiểu học và trung học tại Danzig rồi tới thập niên 1930, ông đã tham gia vào Đoàn Thanh Niên Hitler (the Hitler Youth), bị động viên vào quân đội Đức Quốc Xã khi lên 16 tuổi,

bị thương tại một mặt trận năm 1945. Cũng vào năm này, Gunter Grass đã bị bắt làm tù binh, bị giam cầm tại Marienbad, Tiệp Khắc. Qua năm 1946, Gunter Grass được thả ra khỏi nhà tù, ông kiếm sống tại một nông trại rồi tại một hầm mỏ potash và học nghề xây đá (stonemason).

Vào năm 1948, Gunter

Grass theo học hội họa và điêu khắc tại Hàn Lâm Viện

Nghệ Thuật Dusseldorf (the Dusseldorf Academy of Arts), rồi trong hai năm 1953-55, tại thành phố Tây-Berlin, ông học hỏi về nghệ thuật tại Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Quốc Gia (the State Academy of Fine Arts in Berlin). Sau đó Gunter Grass đã đi thăm các nước Ý, Pháp và Tây Ban Nha. Năm 1954, nhà văn này kết hôn với cô Anna Magareta Schwartz, họ ly dị nhau vào năm 1978 rồi năm sau, Gunter Grass cưới cô Ute Grunert.

Trong thời gian sinh sống tại hai thành phố Dusseldorf và Berlin, Gunter Grass đã sáng tác nhiều bài thơ và ông đã đọc các thơ phú này trước “Nhóm Nhà Văn 47” (Group 47), đây là hội của nhiều nhà văn Đức uy tín, họ đang tìm cách phục hồi sự liên chính của nền Văn Học Đức sau thời kỳ Quốc Xã. Từ năm 1956 tới năm 1960, Gunter Grass hoạt

động về điêu khắc và viết văn tại thành phố Paris, nước Pháp. Chính tại thành phố sau này vào năm 1956, Gunter Grass bắt đầu viết cuốn “Cái Trống Thiếc” (the Tin Drum), cuốn tiểu thuyết đầu tiên và rất thành công. Nhân vật chính trong tác phẩm này tên là Oskar Matzerath, một đứa trẻ từ chối không trưởng thành, đây là một cách phản đối các tàn bạo trong lịch sử của nước Đức và tên Oscar này chỉ liên lạc với các người khác qua cái trống đồ chơi của nó.

Từ cuối thập niên 1950, các tác phẩm khác của Gunter Grass phần lớn là các vở kịch, chỉ được đọc giả hoan nghênh một cách vừa phải. “Cái Trống Thiếc” là tác phẩm đầu tiên của “Bộ Ba Tác Phẩm Danzig” (Danzig trilogy) của Gunter Grass, kế tiếp thứ hai là cuốn tiểu thuyết ngắn “Mèo và Chuột” (Katz und Maus = Cat and Mouse, 1961), mô tả các kinh nghiệm của giới trẻ thuộc thành phần giai cấp trung lưu thấp (lower-middle-class) sinh sống tại thành phố Danzig từ năm 1939 tới năm 1944. Tác phẩm thứ ba là cuốn truyện “Các Năm Chó” (Hundejahre = Dog Years, 1963). Cuốn tiểu thuyết này chú trọng vào các tội ác của Đức Quốc Xã và sự thích nghi của người dân Đức sau chiến tranh.

Từ thành phố Danzig, Gunter Grass hướng về thành phố Berlin. Ông đã viết ra vở kịch “Tầng Lớp Bình Dân” (Die Plebejer Proben den Aufstand = The Plebeians Rehearse the Uprising, 1966), cuốn tiểu thuyết “Gây Mê Tại Chỗ” (Ortlich Beaubt = Local Anaesthetic, 1969) và vở kịch “Davor” dựa theo cuốn truyện kể trên, tất cả đã dùng thành phố Berlin là nơi xảy ra các biến cố.

Sau khi đã nổi danh vì “Bộ Ba Tác Phẩm Danzig”, Gunter Grass hướng về các

hoạt động chính trị. Ông là người viết diễn văn cho ông Willy Brandt (1913-1992), vị lãnh tụ của các đảng viên Dân Chủ Xã Hội (the Social Democrats) và ông Willy Brandt đã được bầu làm Thủ Tướng của nước Đức (Chancellor) từ năm 1969 tới năm 1974.

Trong thập niên 1970 và 1980, Gunter Grass đã khai triển các đề tài rút từ lịch sử của nước Đức thời cận kim và các vấn đề chính trị hiện thời, sang các phạm vi khác như sinh thái học (ecology), nữ giới và nghệ thuật nấu ăn. Tác phẩm của năm 1972 của Gunter Grass là cuốn “Từ Nhật Ký của một con Ốc Sên” (Aus dem Tagebuch einer Schnecke = From the Diary of a Snail, 1972).

Vào năm 1975, Gunter Grass đã đi du lịch lần đầu tiên tới nước Ấn Độ rồi từ năm 1986 tới năm 1987, ông đã sinh sống vài tháng tại thành phố Calcuta và ông đã mô tả nơi này trong tác phẩm “Đưa Lưỡi Ra” (Zunge Zeigen = Show Your Tongue, 1988).

Năm 1977, Gunter Grass cho xuất bản cuốn truyện “Con Cá Bơn” (Der Butt = The Flounder, 1977), trong cuốn này có đề cập tới thần thoại và thời gian kéo dài từ thời kỳ mẫu hệ tiền sử tới các xưởng đóng tàu tại Gdansk của thập niên 1970, và tác giả Gunter Grass đã mô tả sự phát triển của nền văn minh như là các cuộc tranh đấu giữa các giấc mơ của người nam về những thứ gì hùng vĩ nhưng lại có tính cách tàn phá, với các thành quả của người nữ. Gunter Grass đã dùng tên các con vật làm đề tài cho các tác phẩm của mình như: mèo, chuột, chó, ốc sên, cóc và cua, những con vật này đều bình thường.

Các tác phẩm trong hai thập niên 1980 và 1990 của Gunter Grass gồm có: “Con Chuột” (Die Ratten = The Rat, 1986) trong

đó người kể chuyện được một món quà tặng, đó là một con chuột cái và con chuột này đã chứng minh rằng loài chuột sẽ thừa hưởng trái đất. Tác phẩm “Tiếng Gọi của con Cóc” (Unkenrufe = The Call of the Toad, 1992) là câu chuyện của hai người đàn bà góa, một người Đức và một người Ba Lan, tại Danzig họ cùng làm công việc mang về các hài cốt của những người Đức lưu vong sau cuộc chiến tranh.

Tác phẩm của năm 1995 là cuốn “Quá Cách Xa” (Ein Weites Feld = Too far Afield, 1995), đã nói về các năm tháng thống nhất nước Đức, 1989 – 91, đề cập tới biến cố lịch sử sau khi Bức Tường Bá Linh (the Berlin Wall) bị phá đi. Chính tác giả Gunter Grass đã phản đối việc thống nhất hai miền nước Đức và coi sự đoàn tụ này giống như công việc Đức Quốc Xã sát nhập nước Áo vào nước Đức năm 1936 và nhà văn Gunter Grass đã bị nhiều người chỉ trích vì chủ trương này.

Từ năm 1983 tới năm 1986, Gunter Grass đã là Chủ tịch của Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật Berlin (Berlin Academy of Arts) và đã lãnh được rất nhiều giải thưởng: Giải Thưởng Nhóm 47 (Gruppe 47 Prize, 1958), Giải Thưởng Phê Bình (Critics' Prize, 1960), Giải Thưởng Sách Ngoại Quốc (Foreign Book Prize, 1962, nước Pháp), Giải Thưởng Buhner (Buhner Prize, 1965), Giải Thưởng Fontane (Fontane Prize, 1968), Giải Thưởng Heuss (Heuss Prize, 1969), Giải Thưởng Mondello (Mondello Prize, 1970, Palermo), Huy Chương Carl von Ossiersky (Carl von Ossiersky Medal, 1977), Giải Thưởng Viareggio-Versilia (Viareggio-Versilia Prize, 1978), Huy Chương Majakowsky (Majakowsky Medal, 1977), Giải Thưởng Feltrinelli (Feltrinelli

Prize, 1982), Vòng Leonhard Frank (Leonhard Frank Ring, 1988). Ngoài ra Văn Hào Gunter Grass còn được nhiều trường Đại Học trao tặng rất nhiều bằng cấp danh dự, chẳng hạn như các Đại Học Kenyon, Harvard, Poznan và Gdansk.

Các tác phẩm sau này của Văn Hào Gunter Grass gồm có cuốn “Thế Kỷ của Tôi” (Mein Jahrhundert = My Century, 1999), gồm các lời bình luận về Thế Kỷ 20, cuốn tiểu thuyết ngắn (novella) “Bước Chân Cua” (Im Krebsgang = Crabwalk, 2002), đề cập tới các điều kiêng kỵ (taboos) của các tội lỗi ở nước Đức. Cuốn sách này cũng nói tới sự việc một tàu ngầm Xô Viết đã đánh chìm con tàu thủy Đức mang tên là Wilhelm Gustloff vào tháng 1 năm 1945. Đã có vào khoảng từ 8,000 tới 9,000 hành khách trên tàu bị chết chìm, phần lớn là các người tỵ nạn và các binh lính bị thương.

Cuốn truyện “Bước Chân Cua” này đã trở nên một tác phẩm bán chạy nhất (a best seller) và liền sau đó, được chuyển dịch sang nhiều ngôn ngữ khác.

Văn Hào Gunter Grass cũng là một nhà bình luận phong phú, đã đề cập tới nhiều đề tài với nội dung bao gồm lịch sử và ông thường châm biếm các lỗi lầm của nước Đức và người dân Đức, đã nói về sự suy thoái của nền văn hóa chính trị (political culture) bên trong nước Đức đã được thống nhất.

Các cuốn truyện hư cấu (fiction) của Văn Hào Gunter Grass đều hàm chứa bên trong sự pha trộn không theo quy ước của các đặc tính hiện thực (realism), kinh khủng, kỳ quặc, biểu tượng (symbolism) và thường đề cập tới sự tội lỗi tập thể. Ông

cũng mô tả cách đấu tranh của con người để duy trì bản chất trong một cơn ác mộng vật chất của đời sống hiện tại.

Vào năm 1999, Văn Hào Gunter Grass được trao tặng Giải thưởng Nobel Văn Chương, cùng với số tiền 960,000 Mỹ kim, vì “các ngụ ngôn đen mang tính đùa giỡn để mô tả bộ mặt đã bị quên lãng của Lịch Sử” (for his “frolicsome black fables [that] portray the forgotten face of history”).

2/ Cái Trống Thiếc.

Cuốn tiểu thuyết “Cái Trống Thiếc” (Die Blechtrommel = The Tin Drum) của Văn Hào Gunter Grass, phổ biến vào năm 1959, đã được chuyển thành phim vào năm 1979 và cuốn phim này đã đoạt được Giải thưởng Cành Cọ Vàng (the Palme d’Or) và Giải thưởng Hàn Lâm Viện dành cho Cuốn Phim Ngoại Quốc Hạng Nhất (the Academy Award for Best Foreign Language Film, 1979).

Cuốn truyện này liên quan tới cuộc đời của Oskar Matzerath, đứa trẻ này bị lưu giữ trong một bệnh viện tâm thần từ năm 1952 tới năm 1954. Oskar đã kể lại cuộc đời của chính nó. Ra đời vào năm 1924 tại thành phố tự do Danzig (the Free City of Danzig, bây giờ là thành phố Gdansk, Ba Lan), Oskar có khả năng về suy nghĩ và nhận thức như một người trưởng thành nhưng nó quyết định từ chối không lớn lên khi cha mẹ của nó dự trù cho nó trở nên một người bán thực phẩm.

Oskar do bẩm sinh đã có tiếng hét mạnh dữ dội, có thể làm vỡ cửa kính, hay có thể dùng làm một thứ vũ khí. Nó duy trì tình trạng của một đứa trẻ kể từ thời kỳ ban đầu của Thế Chiến II, cho tới thời hậu chiến của châu Âu, và nó bảo vệ “cái trống thiếc”, một món quà tặng khi lên ba tuổi, coi

như đây là một kho tàng và nó có thể giết người để duy trì món quà này.

Oskar tự coi mình có hai người cha “đoán chừng”, một người là Alfred, chồng của bà mẹ nó và cũng là một đảng viên Quốc Xã, còn người kia tên là Jan, một người bà con và người tình bí mật của mẹ nó, ông Jan này đã bị giết khi bảo vệ Bưu Điện Danzig vào lúc Quân Đội Đức xâm lăng Ba Lan. Khi mẹ của Oskar qua đời, ông Alfred đã kết hôn với bà Maria, một người đàn bà và cũng là người tình đầu tiên và lén lút của Oskar. Sau khi lấy ông Alfred, bà Maria này sinh ra một đứa con trai tên là Kurt, và đứa trẻ này lại có thể là đứa con của chính Oskar.

Trong thời kỳ chiến tranh, Oskar tham gia vào nhóm các người lùn chuyên đi giúp vui cho Quân Đội Đức ngoài mặt trận. Khi người tình thứ hai của Oskar, cũng là một cô gái lùn tên là Roswitha, bị giết khi Quân Đội Đồng Minh đổ bộ lên miền Normandy. Oskar trở về với gia đình tại Danzig, nơi đây nó trở nên thủ lĩnh của một băng đảng trẻ tuổi. Vào dịp Quân Đội Liên Xô chiếm đóng Danzig, Alfred đã bị bắn chết.

Sau đó, Oskar di chuyển cùng với bà mẹ kế góa bụa và đứa con của họ, về Dusseldorf rồi tại nơi đây, nó mê Chị Dorothea, một người hàng xóm, nhưng Oskar đã không thành công khi quyến rũ chị này. Oskar đã gặp Klepp, một nhạc sĩ và nó đã biểu diễn tài đánh trống cho Klepp nghe. Sau đó Klepp, Oskar và Scholle, một tay đàn guitar, lập ra Ban Nhạc Jazz Sông Rhine. Một công ty thu đĩa đã nhận ra tài năng của Oskar nên đã ký với nó một giao kèo, nhờ vậy nó trở nên nổi tiếng và giàu có. Một hôm, khi đi qua một cánh đồng, nó tìm thấy ngón tay đeo nhẫn của chị

Dorothea, người đã bị giết trước kia. Oskar tự để cho mình bị kết án sai lầm, nó bị giam vào trại điên và tại nơi này, nó bắt đầu viết các hồi ký.

Oskar Matzerath là một người kể chuyện không thể tin được, bởi vì nó bị bất bình thường. Nó thường kể chuyện bằng ngôi thứ nhất (first person), đôi khi lại chuyển thành ngôi thứ ba (third person).

Cuốn truyện kể về tên Oskar này có bản chất rất nặng về chính trị, với các thành phần ẩn dụ (allegory), hoang tưởng và thần thoại, với các lời nói bóng gió, chứa đầy tính cách tôn giáo, vừa Do Thái giáo, vừa Thiên Chúa giáo. Oskar thường đàm luận với cả Chúa Jesus lẫn Quỷ Satan. Về sau, Oskar đã nhận ra rằng nó có thể thay đổi bề ngoài của nó mà không thể làm thay đổi thời gian. Nó cũng công nhận rằng tự do thì tìm thấy được qua các quyết định và các điều này trở nên phức tạp, và sự tăng trưởng (growth) chính là các kinh nghiệm, với thời gian chỉ là thứ xe chuyên chở dùng cho sự tăng trưởng, rồi nhờ tăng trưởng mà có tự do.

Khi cuốn truyện “Cái Trống Thiếc” mới được xuất bản, tác phẩm này đã bị một số người chê bai là có tính cách báng bổ (blasphemous) và dâm thư (pornographic), nhưng từ năm 1965, công chúng đã coi như chấp nhận các ý tưởng trình bày trong cuốn tiểu thuyết này rồi chẳng bao lâu, tác phẩm này được công nhận thuộc loại cổ điển (a classic) của nền văn học sau Thế Chiến Thứ Hai, tại nước Đức cũng như trên khắp thế giới.

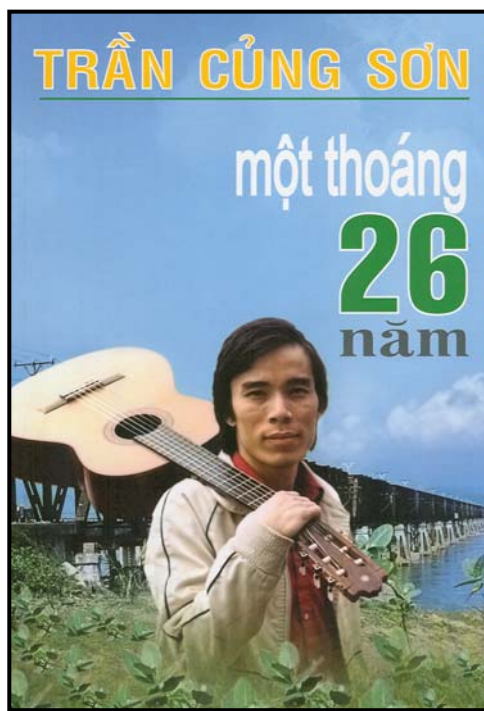
Tác phẩm “Cái Trống Thiếc” được dịch sang tiếng Anh do Ralph Manheim và phổ biến vào năm 1961. Bản dịch sang tiếng Ả Rập do Mwafaq Al-Mashnoq, xuất bản vào

năm 1999 rồi qua năm 2001, có bản dịch sang tiếng Ba Tư (Persian) do Soroush Habibi./.

Phạm Văn Tuấn.

(Virginia)

+++++



CẢM ƠN

Nhạc sĩ Nhà báo Trần Chí Phúc
đã tặng Cổ Thơm
tuyển tập ký sự đồ sộ và phong phú:

MỘT THOÁNG 26 NĂM

Liên lạc:

trancungson@yahoo.com

THIỆP MỜI

Trân trọng kính mời quý vị tham dự

Kỷ Niệm 19 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Chủ Nhật ngày 30 tháng 3, năm 2014

Khai mạc đúng 11:30 AM tại

HARVEST MOON RESTAURANT

7260 Arlington Boulevard, Falls Church, VA 22042

ĐT: (703) 573-6000

*Chương trình có tiệc trưa và một chương trình văn nghệ chọn lọc
với sự tham dự của một số nghệ sĩ vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn
và Nhạc sĩ Trần Chí Phúc đến từ California.*

Giá vé ủng hộ: 25 Mỹ kim

LIÊN LẠC:

Nguyễn Thị Ngọc Dung: (703) 471-1271

Phan Anh Dũng: (804) 387-8773

Phan Khâm: (301) 592-8608

Đặng Nguyên: (443) 303-2939

Trúc Mai: (703) 534-0712

Thái Phương: (804) 639-6137

Phong Thu: (202) 657-8654

Hồng Thủy: (301) 466-6120

Trương Anh Thụy: (703) 525-4538

Phạm Văn Tuấn: (703) 707-1602

Thập Thoảng Anh Vê

Tặng Trương Huệ

Thơ: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nhạc: Tạ Bình

Chậm, thương tiếc A D E E7

Chấm thoát nguồn đi bao tháng năm Cảnh
 liền non mộng chốn xa xăm Mây
 vầng trăng nhạc sầu dang dở Gió
 cuốn lên thơ nhớ lặng thắm Dàn
 vắng ngón gầy thương phôi nhac Nhấp
 thủa cung gầy khóc thành âm Nền

The musical score is written in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 3/4 time signature. It consists of six staves of music. The first staff begins with the tempo and mood instruction 'Chậm, thương tiếc' and the chord sequence A, D, E, E7. The lyrics are written below the notes. The second staff starts with chords Bm7 and E7. The third staff has chords D, E, E7, and E7. The fourth staff has chords E7, E7, and A. The fifth staff has chords Am, C, C, Bm, and E. The sixth staff has chords G, C, C, and C. The lyrics are: 'Chấm thoát nguồn đi bao tháng năm Cảnh liền non mộng chốn xa xăm Mây vầng trăng nhạc sầu dang dở Gió cuốn lên thơ nhớ lặng thắm Dàn vắng ngón gầy thương phôi nhac Nhấp thủa cung gầy khóc thành âm Nền'.

Am Dm Dm E

xuã hoa nữ chìm hòa lâu Cháp

E7 E7 Am A

thoáng anh về trong ánh trăng Dân

D Bm F#m Bm

vắng ngón gảy thương phím nhạc Nhịp

E7 E7 A Bm

hà cùng gảy khúc thanh âm Nền

E7 E7 A A E7

xuã hoa nữ chìm hòa lâu Cháp

E7 E7 A A

thoáng anh về trong ánh trăng

E/2013

Nguyễn Thị Ngọc Dung & Tạ Mạnh Chuyên All Rights Reserved.

Cơ Và Những Hình Thức Biểu Thị Của Nó

Trích trong “ Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt “
của Nguyễn Văn Nhiệm

(Tiếp theo)

Hình ảnh hay hình tượng nguyên sơ

Hình ảnh ở đây có ý nói đến nguyên sơ tượng của vũ trụ quan Dịch, thuộc về cơ còn rất tế vi, chưa có chủ đề rõ rệt. Hệ từ truyện giải thích: “*Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa hiện hỹ* “. Ở trên trời là tượng, tức hình ảnh, ở dưới đất là hình, tức hình thể, biến hóa hiển hiện ra vậy. Biến hóa từ cái bản thể cơ bản duy nhất, phổ biến đại đồng là nguyên lý của vũ trụ mà biểu hiện ra vạn vật có thiên hình vạn trạng qua hình ảnh tương tự là tượng. Như vậy tượng là môi giới giữa thể giới hữu hình (địa) và thể giới siêu hình (thiên). Do đó hình ảnh giới thiệu nơi đây mang ý nghĩa triết lý hơn ở bình diện văn chương, phải là những gì có tính cách tiêu biểu nhất.

Tiên- rồng

Tiên- rồng là hình ảnh biểu tượng nguyên lý âm- dương phổ biến cho đến Đạo vợ chồng, là việc tuy thông thường, nhưng lại rất cơ bản, dẫn đến cùng cực thì quán thông thiên địa như Trung Dung đã nói: “*Quân tử chi Đạo, tạo đoan hồ phụ phụ, cập kỳ chi già, sát hồ thiên địa*”:

”*Tờ giấy hồng anh găm chữ thọ
Gửi thư này cả họ bình yên*”

*Đầu rồng mà gói tay tiên
Ước chi đầu ấy gói lên tay này
Như chim loan phượng ấp cây ngô đồng
Một mai nên vợ nên chồng
Như cá gặp nước, như rồng gặp mây.”*

Đạo ấy dẫn đến sự hoà hợp *như chim loan phượng ấp cây ngô đồng*, thể hiện qua tình nghĩa vợ chồng gắn bó *như cá gặp nước, như rồng gặp mây*, phát triển đến cùng cực *như cá gặp nước* là lặn sâu đến tận địa giới, *như rồng gặp mây* là vươn lên đến tận trời cao.

Như rồng gặp mây là ứng với hào 5 của quẻ Kiên: *Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân*: Rồng bay lên trời, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi. *Như cá gặp nước, như rồng gặp mây* là tổng hợp, hoà hợp cả hai nhịp điệu đóng- mở, lên- xuống, động- tĩnh, tức là *hợp nội ngoại chi Đạo* (TD 25). Nói về chữ thời thì đó là hòa thời.

Nếu tâm hồn của những đôi nam nữ hoà hợp trong hòa thời một cách chân chánh, thì mọi sinh hoạt, cái gì cũng tỏa ra cái vẻ đẹp, chứa chan hạnh phúc:

”*Anh dệt cử, em kéo hoa
Rồng bay phượng múa ai mà chẳng khen.*”

Ngược lại, nếu ý vào tài mà tâm bất chánh thì hãy coi chừng:

”*Bên hữu con thiên lý mã,
Bên tả con vạn lý vân,*”

Hai bên nhắm cũng cân phân,
Lòng anh muốn cỡi một lần đủ đôi.
- Thiên lý mã sai như tên bắn,
Vạn lý vân chạy tể giống rồng bay.
E khi anh cỡi chẳng tài,
Sa cơ một chút ngàn ngày lại đau

Còn ở hào 1 của quẻ Kiên hay sơ cửu thì có ghi: “*Tiềm long vật dụng*”: Rồng còn ẩn nấu, chưa dùng được còn phải chờ thời. Trong thời gian này con người cần phải kiên nhẫn, lo tu tâm, dưỡng tánh, vượt qua mọi thử thách, nghịch cảnh:

”Rồng nằm giữa biển rồng than,
Trách con cá đối nằm ngang mình rồng.”
hay:

”*Chẳng lo đuổi thỏ săn hươu
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thì.
Kình nghệ vui thú kình nghệ,
Tép tôm thì lại vui bè tép tôm.
Xem loài bán thỏ buôn hùm,
Thấy mối như trĩ bởi tham mắc dò.
Thà ăn cây gậy o o,
Còn hơn ngay gậy ăn bò làm chi.*”

Long kết hợp với mã làm thành biểu tượng chỉ thời gian- không gian (sẽ trở lại ở phần thời- không):

”*Ai đi đâu ba bốn dặm đường,
Gặp con xà long mã chữ đương ai để.*”

Cặp long- mã, tròn- vuông, thời- không, trời - đất là nguyên lý âm- dương, là suối nguồn cho mọi sự trên đời, mà đối với con người là sự kết hợp tình yêu nam nữ:

”*Rồng châu ngoài Huế*

Ngựa tể Đồng Nai

Nước sông trong sao lại chảy hoài

Thương người xa xứ lạc loài tới đây.”

Tiên rồng là biểu tượng tổ tiên của người Việt Nam, một biểu tượng cao quý của một dân tộc đã kết tinh thành Đạo sống truyền thống, Đạo thờ cúng tổ tiên (ông bà):

”*Trúng rồng lại nở ra rồng,
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.
Có cha có mẹ có ta,
Làm nên thời bởi mẹ cha vun trồng.
Khôn ngoan nhờ âm ông cha,
Làm nên phải doái tổ tông phụng thờ.
Đạo làm con chớ hững hờ,
Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm*

Bài ca dao trên nói đến trúng rồng là ý nói đến *bọc trăm trứng* của tiên- rồng, nở ra *trăm con*:

”*Chàng về thiếp cũng theo mây,
Trăm con để lại chôn này ai nuôi?*”

Chàng về : về Thủy phủ, xuống biển.
thiếp cũng theo mây : lên núi, về cõi Tiên.

”*Tri giả nhạo thủy*“, nên Lạc Long Quân đưa 50 con về thủy phủ.” *Nhân giả nhạo sơn*“, nên Âu Cơ đưa 50 con lên núi

Những người con này cùng một bọc mà ra nên gọi là *đồng bào*:

”*Anh em cốt nhục đồng bào,*

Vợ chồng là Đạo lẽ nào chẳng thương.”

Việt Nam là đất nước có văn hóa, “*Văn hiến chi bang*“, đất nước có luân thường, đạo lý, từ Đạo vợ chồng cho đến Đạo thờ cúng tổ tiên, trời- đất. Vậy mà do bã lợi danh cũng vẫn có người không phân biệt chân giả, dày xéo quê hương, ngăn cách đồng bào:

”*Chiều chiều bãi bể sóng xô,*

Dã tràng xe cát cơ đồ phù vân.

Thương ai chân giả không phân,

Mà đem danh lợi cách ngăn đồng bào.”

Chân giả không phân là những người mê muội, vô minh chạy theo *lợi danh*, mãi làm khổ đồng bào. Đây là hạng người đáng bị oán trách, ấy vậy mà đồng bào vẫn thương. Thương vì họ còn mê muội, còn chìm đắm trong cõi vô minh, ham mê danh lợi, quên nghĩa đồng bào:

“*Thương ai chân giả không phân* “

Thật cao quý thay những người bình dân Việt Nam, những người đã thâm nhuần văn hóa minh triết Việt truyền thống như nhận định của học giả Paul Mus: “ *il s’agit pas, il officie* “: Họ không làm, họ tế tự. Câu nói đó ở đây được hiểu như thế này: họ không oán hận, họ cầu nguyện. Cầu nguyện cho đồng bào thoát khỏi nghịch cảnh, cầu nguyện cho những người *chân giả không phân* sớm hồi tỉnh, cầu nguyện cho đất nước thái bình, thanh trị.

Họ kính yêu những đấng anh hào hy sinh cho tổ quốc:

”*Vườn ai trồng trúc trồng tre,
Ở giữa trông chèo hai bên đào ao.
Ấy nhà một đấng anh hào,
Họ Phan làng Thái đồng bào kính yêu.*”

Tiên là mẫu người lý tưởng từ xưa của Việt tộc. Chữ Tiên theo chiết tự thì gồm có chữ nhơn và chữ sơn hợp lại, như vậy có nghĩa là người ở núi cao đón nhận ân đức từ Trời ban xuống, đón nhận ánh sáng minh triết. Ca dao còn lưu lại ý tưởng về Tiên như sau:

Tiên nói chung:
”*Cổ Loa là đất đế kinh,
Trông ra lại thấy tòa thành Tiên xây.*”
Nàng Tiên:

”*Trên trời có mấy vì sao,
Dưới trần có gái má đào có duyên.
Trên trời có mấy nàng Tiên,
Dưới trần có kẻ lụy phiền vì ai.*”

Ông Tiên:
”*Chấp tay khuyên bạn chớ cười,
Ông Tiên còn phải đọa hưởng chi người
thế gian.*”

Côi Tiên:
”*Trách chàng Từ Thức vụng suy,
Côi Tiên chẳng ở về chơi côi trần.*”

và:

”*Hỏi chàng khách lạ đường xa,
Đến đây cân sắc hay là kết duyên.
Sa chân bước xuống côi Tiên,
Trước là cân sắc, sau kết duyên Châu Trần.*”

Côi Tiên còn có tên là Bồng Lai, người ta thường nói: *Bồng lai Tiên cảnh* .

”*Lác trông phong cảnh đẹp thay,
Bồng Lai có phải chốn này hay không?*”

Côi Tiên cũng gọi là Thiên Thai:
”*Cây quế Thiên Thai mọc nơi khe đá,
Trầm nơi Vạn Giã hương tỏa sơn lâm.
Đôi đĩa mình đây như quế với trầm,
Trời xui gặp gỡ sắt cầm trăm năm.*”

Những người quyết chí tu Tiên:

”*Dốc lòng lên côi Thiên Thai,
Mũ rơm, áo vá, giày gai tu trì.*”

Quan niệm làm việc phước tại thế gian dù nhỏ đến mấy cũng có giá trị hơn tìm đến cảnh Thiên Thai:

”*Dù cho đến cảnh Thiên Thai,
Không bằng lượm một nhánh gai giữa đường.*”

Ý niệm Tiên trở thành ý niệm hạnh phúc:

”*Nhất cao là núi Tân Viên,
Bình yên vạn sự là Tiên trên đời.*”

Như vậy Tiên là mẫu người lý tưởng đã xuất hiện rất sớm ở Việt tộc, có thể còn trước cả mẫu người quân tử ở nguyên Nho, bởi vì Nho đã công thức hóa, hệ thống hóa kho tàng tư tưởng của văn hóa nông nghiệp của Viêm Việt, Bách Việt, nói chung là Việt tộc.

Khi vua Linh Đế (168- 189) nhà Hán băng hà, thiên hạ bên Tàu nhiễu loạn, chỉ có Giao Châu tạm yên, nên người phương Bắc di dân đến ở, phần lớn tu luyện phép tịch cốc trường sinh của phái Thần Tiên, mang màu sắc ma thuật ở thế giới hiện tượng, còn phạm trù Tiên của Việt tộc là minh triết theo hướng tâm linh.

Thời Hồng Bàng (2879- 258 tr.CN),
vật biểu là chim:

*“Biển sâu con cá lớn vẫy vùng,
Trời cao muôn trượng, cánh chim Hồng
bay cao.”*

Các loài chim cao quý thường nghe nói
đến sau này là: Loạn, Phượng, Hạc. Tiên đi
đôi với chim, vì thế khi tu Tiên đắc đạo gọi
là vũ hóa (mọc cánh) biến ra bạch hạc (có
thể lúc đầu vật tổ là chim, Việt điều, Lạc
Việt sau thăng hoa thành biểu tượng Tiên).
”Rồng nằm núi Chúa*,

*Hạc múa xa chùng,
Tối trời quân tử dùng chân,
Khuyên em ở lại giữ xuân má đào.”*

(* Núi Chúa ở giữa Phú Yên- Khánh Hòa,
trên đỉnh có mây phủ như rồng bay lượn.)

Hình ảnh biểu tượng cho sự hòa hợp:
Ngưu Lang- Chức Nữ, hạc-quy:

*”Thiếp gặp chàng như Ngưu Lang gặp hội,
Chàng gặp thiếp như hạc độ lung quy.”*

Hạc tượng trưng cho Tiên sống đời đời
hạnh phúc , quy cũng chỉ sự sống lâu, bền
bỉ. hạc- quy hòa hợp tạo ra ngũ phúc. *Hạc
độ lung Quy* : về tướng số người ta còn gọi
là *Thân Quy Hạc tướng* rất tốt.

Tiên là biểu tượng minh triết thì hạc
cũng là biểu tượng của minh triết:

*”Ba năm hạc đáo về đình,
Không cho hạc đậu, tức mình hạc bay.”*

Đình là tiêu biểu cho công thể, làng xã.
Ai đã đuổi hạc, ai đã không cho hạc đậu nơi
mái đình Việt Nam. Xin thưa chính là văn
hóa nô dịch và những người bị nô dịch bởi
thứ văn hóa đó. Kẻ thì có chủ tâm, người
thì mù quáng xua đuổi ánh sáng minh triết
của tổ tiên để đón nhận u tối:

*”Phượng hoàng chặt cánh đuổi đi,
Bắt con bìm bịp đem về mà nuôi.”*

Phượng hoàng cũng như hạc là loài chim

quý, tượng trưng cho minh triết Việt.

Phượng hoàng thì gãy cánh, thôi thì hạc
đành bay đi, vì đất có lạnh, chim mới đậu.
Thế là văn hóa dân tộc bị tiêu ma, mà đáng
lẽ nó phải mỗi ngày một thêm rực rỡ, huy
hoàng . Chùng nào hạc về lại *châu lung quy*
nơi đình làng thì nền văn hóa chan hòa ánh
sáng minh triết mới được phục hưng và lúc
đó nền quốc học xứng đáng cho dân tộc
theo tinh thần lưỡng hợp vừa vương của
nền khoa học kỹ thuật hiện đại, vừa tròn
trên nền tảng nhân bản tâm linh truyền
thống mới có thể được hình thành.

Sau những hình ảnh tiêu biểu như tiên, rồng,
hạc, bây giờ đến vòng tròn và hình vuông.

Vuông Tròn

Vuông tròn là cặp hình ảnh dễ nhận ra
đối với người bình dân, thay thế cho đất
trời, nhất là âm dương còn trừu tượng.
Cũng như đất trời, âm dương, chúng chỉ có
ý nghĩa khi kết hợp với nhau trong thế giao
hòa cân đối, quân bình và sự giao hòa đó
tỏa ra ánh sáng chân lý, cái mỹ và cả sự
thiện. Ở bình diện ý thức thì có sự phân biệt
ra ba lý tưởng, còn ở đợt tâm linh siêu việt
thì cả ba là một, là lý tưởng *vuông tròn*, là
sự hoàn hảo:

*”Bấy lâu nay liễu Bắc đào Đông,
Tự nhiên thiên lý tương phùng là đây.
Bây giờ rồng lại gặp mây,
Nhờ tay tạo hóa đổ đây vuông tròn.”*

Các công trình tạo hóa, các qui luật tự
nhiên xuất phát từ chỗ giao thoa của hai
trục thời không mà phát triển ra mãi . *Bây
giờ* là thời gian hiện tại miên trường;
không gian khi xưa kia phân cách Bắc
Đông, xa nhau ngàn dặm (thiên lý) thì
nay chỉ là gang tấc. Thật là kỳ diệu, mọi
chướng ngại ngăn trở đều biến mất, tâm

thức thăng hoa chẳng khác nào như *rồng lại gặp mây*.

Ca dao của người bình dân nói: *đất vuông trời tròn* là trước hết nhằm vào *trí khôn* để đạt chân lý ở bình diện lý trí, tức là nhằm vào tri thức sự vật như một tri thức khoa học:

*"Làm người phải có trí khôn,
Nghĩ sao cho hết đất vuông trời tròn.
Lên rừng biết núi biết non,
Xuống khe biết nước chảy đá mòn, con cá lợi giương vi."*

Khi vuông tròn giao hòa với nhau theo liều lượng như cặp cơ số 2-3 thì đoạn thẳng phối hợp với vòng tròn cho ra nét cong nghệ thuật là biểu tượng của mỹ:

*"Chân mày vòng nguyệt có duyên,
Tóc mai gợn sóng đẹp duyên tơ hồng."*

Vòng nguyệt, gợn sóng chính là kết quả tổng hợp thẳng và tròn, là đường nét thẩm mỹ:

*"Trên đầu em đội khăn vuông,
Trông xuống dưới ngực cau buông còn non.
Cổ tay em vừa trắng vừa tròn, Mặt mũi vuông vẫn chông con thế nào."*

Đó là nói về sắc đẹp *vừa trắng vừa tròn* của người con gái, còn cái đẹp của người con trai thì lại đi với nét hào hùng:

*"Tóc đen thưa rộng mà dài,
Vuông tròn sắc mặt là trai anh hùng."*

Vuông tròn là hình ảnh hòa hợp lý tưởng, nghĩa là đi sâu vào căn cơ, suối nguồn tâm linh huyền diệu, nên thường được viện dẫn trong những lời thề nguyện:

*"Hai chân đạp đất, đầu em đội trời cao,
Ngó lên mái tóc mấy lời giao vẫn còn.
Lời nguyện với anh chạt biển đầy non,
Em thương anh hai chữ vuông tròn."*

Đạt được *vuông tròn* là đã tới thiện, cho nên bên cạnh thề nguyện còn có nguyện cầu, van vái với lòng chí thành:

*"Vái Trời cho đặng vuông tròn,
Trăm năm giữ vẹn lòng son cùng chàng."*

Những người quen với đời sống tâm linh thì ngoài việc thề nguyện, van vái theo thể tục, còn có khả năng tự tin, tin tưởng nơi qui luật *vuông tròn* của tạo hóa, nên có thái độ tích cực, chủ động:

*"Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Đá vàng trót hẹn, dạ càng đĩnh ninh."*

Rồi từ đó dẫn đến quyết tâm cao độ:
*"Qué càng già càng tốt,
Mía càng đốt càng ngon.*

*Anh thương em đặng nghĩa vuông tròn,
Mấy sông cũng lợi, mấy hòn cũng leo."*

Đạo Việt là Đạo nhân bản tâm linh, cứu cánh là đạt nhân. Cho nên tương quan vuông tròn ứng với cặp cơ số 2-3 là tương đối quân bình nhất, hơi nghiêng về phía con số 3, tức vòng tròn, trọng người hơn của, đó là điều kiện để thành nhân:

*"Người còn thì của cũng còn,
Miễn là nhân nghĩa vuông tròn thì thôi."*

Đời sống nội tâm ứng với cơ số 3 hay vòng tròn là cái nền, còn đời sống thường nhật ngoài đời ứng với số 2 hay hình vuông (4 hay 2). Cả hai ở thể quân bình theo tinh thần lưỡng nhất *hợp nội ngoại chi đạo*, nhưng vẫn giữ ưu tiên phần nội tâm:

*"Vợ chồng chớ cãi nhau hoài,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm."*

Trong ấm ngoài êm là chân lý nền tảng mà tổ tiên đã chỉ dạy mà nếu chạy theo vật chất bên ngoài, không chăm sóc phần tâm linh thì coi như xây tòa nhà trên bãi cát. Cho nên phải tu cầu gia đạo theo nghĩa *vuông tròn* mới được:

*"Tu cầu gia đạo vuông tròn,
Chồng hòa vợ thuận, cháu con thảo hiền."*

Đạo gia đình mà tu sửa cho *vuông tròn* thì kết quả là chồng hòa, vợ thuận, cháu

con hiếu thảo. Đó là chân hạnh phúc của gia đình chứ còn ở đâu?

Đối với vợ chồng:

*"Vợ chồng may rủi hòa duyên,
Đẹp đôi hòa thuận là Tiên trên đời."*

Tiên là biểu tượng của hạnh phúc

Đối với anh em:

"Anh thuận em hòa là nhà có phúc."

Hạnh phúc chân thật chỉ có trong đời sống có văn hóa đạt minh triết, nghĩa là khi có sự giao thoa quân bình giữa các đối cực thiên địa, âm dương theo trưng quan *vuông tròn*. Đó là hạnh phúc tự căn cơ biểu hiện ra thế giới hiện tượng chẳng sai sót:

*"Cao cao, cao tít mù xanh,
Tuy cao mù tít vẫn quanh quẩn gần.
Dữ lành cân nhắc đồng cân,
Mà cơ hạnh phúc chuyên vẫn chẳng sai.
Hiện tiền quá khứ tương lai,
Như vòng vòng dính, như quay quay tròn."*

Cơ hạnh phúc là hạnh phúc từ căn cơ, từ chỗ giao hòa, hòa thuận, hòa hợp thiên địa, âm dương tỏa ra thì mới là hạnh phúc chân thật của cuộc sống an lạc, ngược lại là thứ hạnh phúc giả tạo, bấp bênh.

Cha mẹ nuôi dạy con cái cũng cầu mong cho được *vuông tròn* (lớn khôn) với cả hai phương diện vật chất và tinh thần:

*"Nuôi con cho đến vuông tròn,
Mẹ thầy vất vả, xương mòn gối long.
Con ơi, gắng trọn hiếu trung,
Thảo ngay một dạ, kéo luống công mẹ thầy."*

Trong giao tiếp, xử phận *vuông tròn* có nghĩa là công bằng, sòng phẳng:

*"Bậu đừng vội giận,
Qua xử phận vuông tròn,
Người còn thì ngài (nghĩa) vẫn còn,
Sau này gặp gỡ chẳng hờn chi nhau."
"Đấy mà xử ngài vuông tròn,*

Ngàn năm ly biệt vẫn còn đợi trông."

Vuông tròn còn có nghĩa là bình an qua lời cầu chúc nhau lúc từ giã:

*"Chợ Sài Gòn cần đá,
Chợ Rạch Giá cần xi mon.
Giã em ở lại vuông tròn,
Anh về xứ sở không còn vô ra."*

Sách Lễ ký có viết: "*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, qui thần chi hôi, ngũ hành chi tú khí giã*": Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của qui thần, cái khí tinh tú của ngũ hành. Bài ca dao sau đây giới thiệu cái đức của con người thừa hưởng cái đức của trời đất, là nguồn năng lực nguyên nguyên bất tận:

*"Cây xanh thời lá cũng xanh,
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.
Mừng cây rồi lại mừng cành,
Cây đức lắm chồi, người đức lắm con. Ba
vuông sánh với bảy tròn,
Đời cha vinh hiển, đời con sang giàu*

Cho nên những người có đức, có nhân nghĩa không bao giờ nghèo về về vật chất lẫn tinh thần:

*"Thiên cao đã có thánh tri,
Người nhân nghĩa chẳng hàn vi bao giờ."*

Dầu cho có nghèo về đời sống vật chất, người nhân nghĩa cũng giàu về đường nhân ái, là cái có giá trị rất quý của người đạt nhân.

Hình ảnh *vuông tròn* là minh triết Việt đã được ông Tiên mách bảo cho Lang Liêu làm ra bánh dày, bánh chưng tượng trưng cho Đạo Việt: Đạo tu, tề, trị, bình, nói theo hình ảnh là Đạo *vuông tròn*.

Tinh thần minh triết của văn hóa Việt đã thực sự đi sâu vào đời sống dân tộc từ hàng ngàn năm, cho nên bánh dày bánh chưng trở thành lễ vật chính của những ngày quốc

lễ cũng như lễ cưới hỏi trong dân gian:

”Ước gì ta được quần thām,
Thì ta làm cỗ mời mâm bánh dày.
Bánh chưng cho lẫn bánh dày,
Giò hoa chả lụa ta bày lên trên.
Quang nong tám rẻ cho bên,
Mượn người cho khô gánh lên họ hàng.”

Hay trong tục thách cưới ngày
xưa: ”Cam Lường, trù (trầu) Chở mời
nóc cho đằm,

Bánh chưng khoảng tám trăm,
Bánh dày xin tứ bát.

(Lường, Hiếu: Địa danh thuộc Nghệ
An. Nóc: thuyền có mũi)



Phụ chú:

Hình ảnh biểu tượng là nét đặc trưng riêng
của một nền văn hóa. Giữa các nền văn

hóa có thể có những hình ảnh biểu tượng có
ý nghĩa giống nhau và khác nhau. Cho nên
khi xét giá trị hình ảnh biểu tượng của một
nền văn hóa cũng nên để ý đến quan điểm.
Lấy ví dụ về hình ảnh biểu tượng rồng
chẳng hạn. Rồng trong huyền thoại Tây
phương phun lửa, gieo tai ách cho dân
lành, còn rồng trong văn hóa Việt khác hẳn,
như Lạc Long Quân diệt trừ Mộc Tinh,
Ngư Tinh, Hồ Tinh cứu dân, độ thế. Rồng ở
Dịch chỉ nguyên khí trong trời đất mà
người quân tử phải biết tùy thời nắm bắt,
điều động. Rồng trong Ca Dao chỉ tiềm
năng của người anh hùng khi ẩn, khi hiện.

Nguyễn Văn Nhiệm
(Germany)

CỔ THƠM GIỚI THIỆU

<p>Dầm Đại Từ hoa sen thơm ngát, Giếng Đại Từ nước mát trong xanh. Dòng Tô uốn khúc lượn quanh, Đất nòi trẻ nhỏ lòng danh trong ngoài.</p> <p>Thấy dừa thì nhớ Bến Tre, Thấy bông sen nhớ đồng quê Tháp Mười. Bông sen nở, bông sen nở, gốc sen chìm, Bao nhiêu quý vật đều tìm quý nhom.</p> <p>Sen mọc giữa đồng lòng sen trắng, Sen đất Tháp Mười mưa nắng vẫn tươi. Bông sen như nét con người, Đẹp như con gái Tháp Mười quê ta.</p>  <p>Tiết thu viếng cảnh đảo viên, Mẫu đơn một đóa, hoa sen mấy nghìn. Nhấn tài như thể bách hoa, Hoa sen thơm ngát, hoa trà đẹp tươi.</p> <p>Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng. Nhị vàng bông trắng lá xanh, Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.</p> <p>Khuyến mẹ niệm Phật cho chuyển, Thì hoa sen đơm ở bên Liên Trì.</p>	<p>Nguyễn Văn Nhiệm Ca Dao Con Đường Văn Hóa Việt Lạc Hồng</p>	<p>Nguyễn Văn Nhiệm</p> <h1>Ca Dao</h1> <p>Con Đường Văn Hóa Việt</p>  <p>Lạc Hồng</p>
---	---	--

Liên lạc: **Lạc Hồng** – Bismarck Str. 24 – 78549 Sapichingen – Germany;
<songdinh81@gmail.com>; Tel. 07424/7529

DI SẢN ĐỂ LẠI CHO ĐỜI

Phạm Xuân Thái

Thân mẫu của bạn tôi vừa qua đời, anh tổ chức buổi lễ cầu nguyện tại gia, và mời tôi cùng góp lời cầu nguyện cho Mẹ anh. Ngồi nghe những lời giảng của linh mục chủ tế và các lời phân ưu nói về công ơn dưỡng dục của người Mẹ, tôi không cầm được nước mắt. Liên tiếp trong hai năm qua, Bồ Mẹ tôi cũng đã lần lượt ra đi. Giỗ đầu của Mẹ tôi vừa được tổ chức cách đó 10 ngày.

Hai tuần trước, chúng tôi đi thăm người em họ bị bệnh nặng tại San Francisco, trở về lại Virginia vài ngày sau thì anh ta cũng đã ra đi. Một số bạn bè của tôi cũng bắt đầu ra đi ở lứa tuổi 60s. Đời sống quá ngắn ngủi, càng ngày sự sống và cái chết càng xích lại gần nhau hơn.

Năm 2012 Census Bureau ước tính: năm 2015 đàn ông tuổi thọ trung bình 76.4 tuổi và đàn bà tuổi thọ trung bình 81.4 tuổi. Vì sự tiến bộ của y khoa nên tuổi thọ trung bình của dân Mỹ được tăng thêm chút đỉnh so với năm 2012.

Đọc bài “Lời Trối Trăn của Đại Đế Alexander” tôi thấy rất thấm thía. Xin dịch từ nguyên tác: *The Last Words of Alexander the Great**, mời quý vị đọc để cùng chiêm nghiệm:

"Trên đường trở về sau khi xâm chiếm và chinh phục nhiều nước trên thế giới, Alexander ngã bệnh nặng, nằm chờ chết.

Khi đối diện với tử thần, ông bỗng nhận ra rằng: những chiến tích, quân đội hùng



manh, lưỡi gươm sắc bén, tiền tài của cải... chẳng đem lại điều gì khi ta nằm xuống. Giờ đây ông chỉ ao ước được nhìn lại gương mặt người mẹ hiền để nói với bà lời vĩnh biệt. Nhưng ông đành phải chấp nhận với sự thật rằng, ông đang đối diện với sức khoẻ đang tàn lụn của ông và bệnh tật không cho phép ông trở về

nơi quê nhà xa xăm kia nữa. Vị vua oai hùng giờ đây nằm liệt giường, gương mặt xanh xao, mệt lả, chờ phút lâm chung.

Alexander triệu tập các tướng lĩnh và nói: "Ta sắp lìa cõi thế gian này và ta có 3 điều ước, các ngươi hãy ghi nhớ và thực hành cho đúng".

Nước mắt lăn dài trên má, các vị tướng cúi đầu vâng lệnh, và hứa sẽ thi hành đúng những điều ước của Đại Đế.

"Điều ước muốn thứ nhất của ta là ..." Alexander nói, "các y sĩ của ta phải kiêng quan tài của ta". Ngừng một lát, ông tiếp: "Điều ước muốn thứ hai là quan tài của ta phải được kiêng tới mộ phần trên con đường rải bằng vàng, bạc, và đá quý mà ta cất giữ trong kho châu báu." Đại Đế kiệt sức sau khi tuyên bố những lời trên, ông nghỉ một phút rồi tiếp: " Điều ước muốn thứ ba của ta là hãy để hai bàn tay ta thông ra ngoài quan tài."

Nhấn Mùa Đông

Đông có lạnh hây vào đây sưởi ấm
Thân áo ta còn trống một ngấn này
Bên phía trái nơi chiều mưa thuở trước
Ta ủ người yêu hương tóc còn đây

Nguyễn Đức Vinh

Sầu Đông

Nàng đã ở cách xa muôn vạn dặm
Mà sao ta vẫn mê đắm mong chờ
Thu đã tàn đông lạnh lùng lại tới
Em ở nơi nào có nhớ áo anh không?

Anh vẫn ước một mùa đông nào đó
Em trở về cho anh ủ tóc mây
Ta nói lại đây tơ hồng ngày ấy
Lấp cho đầy hai chữ nhớ thương nhau.

Hồng Thủy

(Nối tiếp bốn câu thơ của Nguyễn Đức Vinh)

Mọi người đều ngạc nhiên trước những ước muốn cuối cùng của Đại Đế Alexander. Tuy vậy, không ai dám hé môi nêu lên thắc mắc của mình. Một vị tướng thân cận với Alexander hôn lên tay ông, đặt tay ông lên ngực mình và nói: “Thưa Đại Đế, chúng thần xin hứa sẽ hoàn tất tốt đẹp tất cả những ước nguyện của Ngài, nhưng xin Ngài cho biết lý do tại sao Ngài có những điều ước lạ lùng này không?” Lúc bấy giờ Alexander hít một hơi dài rồi nói: “Ta muốn thế giới biết 3 bài học mà ta đã lãnh hội được:

“Ta muốn các y sĩ của ta kiêng quan tài vì người ta phải hiểu rằng các y sĩ không cứu chữa được ai cả; họ không có khả năng để có thể cứu vớt con người khỏi những móng vuốt của tử thần. Bởi thế, con người không nên xem nhẹ đời sống của mình.

Điều ước thứ hai “trái vàng, bạc, châu báu trên lối đi đến nghĩa trang”. Ta muốn con người hiểu rằng: mặc dầu ta đã dùng suốt cuộc đời để tạo ra của cải, nhưng khi chết, ta không mang theo được một mảnh vàng nhỏ nào cả. Con người hãy hiểu rằng: theo đuổi làm giàu chỉ phí thì giờ vô ích!

Và về điều ước muốn thứ ba “muốn thòng hai tay ra ngoài quan tài”. Với điều ước này, ta mong ước con người hiểu rằng: ta vào đời với hai bàn tay trắng, và lìa đời cũng với hai bàn tay trắng mà thôi.”

Nói xong, nhà vua nhắm mắt lại. Trong phút chốc, tử thần đã chinh phục ông, và ông đã trút hơi thở cuối cùng.”

Truyện này cho chúng ta những bài học cần ghi nhớ:

- Sức khoẻ của bạn nằm trong tay bạn, hãy săn sóc nó kỹ lưỡng. Tuổi thọ của bạn dài hay ngắn tùy thuộc vào cách sống của

bạn. Không một bác sĩ nào có thể giúp chúng ta tránh khỏi lưỡi hái của tử thần.

- Của cải chỉ có ý nghĩa nếu bạn có thể hưởng thụ lúc bạn còn sống khoẻ mạnh. Không nên làm lụng hoặc tích lũy tài sản một cách thái quá, bởi vì ta vào đời với hai bàn tay trắng, và khi ra đi cũng chỉ với hai bàn tay trắng mà thôi.

- Những gì bạn làm cho bạn, sẽ chết theo bạn, nhưng những gì bạn làm cho người khác, hoặc cho cộng đồng, xã hội sẽ sống mãi, và đó là Di Sản của bạn để lại cho đời.

*(The Last Words of Alexander the Great.

Alexander, after conquering many kingdoms, was returning home. On the way, he fell ill and it took him to his death bed. With death staring him in his face, Alexander realized how his conquests, his great army, his sharp sword and all his wealth were of no consequence. He now longed to reach home to see his mother's face and bid her his last adieu. But, he had to accept the fact that his sinking health would not permit Him to reach his distant homeland. So, the mighty conqueror lay prostrate and pale, helplessly waiting to breathe his last.

He called his generals and said, "I will depart from this world soon, I have three wishes, please carry them out without fail." With tears flowing down their cheeks, the generals agreed to abide by their king's last wishes.

"My first desire is that", said Alexander, "My physicians alone must" carry my coffin." After a pause, he continued, "Secondly, I desire that when my coffin is being carried to the grave, the path leading to the graveyard be strewn with gold, silver

and precious stones which I have collected in my treasury". The king felt exhausted after saying this. He took a minute's rest and continued. "My third and last wish is that both my hands be kept dangling out of my coffin".

The people who had gathered there wondered at the king's strange wishes. But no one dared bring the question to their lips.. Alexander's favorite general kissed his hand and pressed them to his heart. "O king, we assure you that your wishes will all be fulfilled. But tell us why do you make such strange wishes?" At this Alexander took a deep breath and said: "I would like the world to know of the three lessons I have just learnt.

I want my physicians to carry my coffin because people should realize that no doctor can really cure any body. They are powerless and cannot save a person from the clutches of death. So let not people take life for granted.

The second wish of strewing gold, silver and other riches on the way to the graveyard is to tell People that not even a fraction of gold will come with me. I spent all my life earning riches but cannot take anything with me. Let people realize that it is a sheer waste of time to chase wealth. And about my third wish of having my hands dangling out of the coffin, I wish people to know that I came empty handed into this world and empty handed I go out of this world".

With these words, the king closed his eyes. Soon he let death conquer him and breathed his last.)

Phạm Xuân Thái

LOẠN LY

Ỡ NGUYỄN

Cuộc sống an bình của gia đình chúng tôi tại thành Phố Hải Phòng không kéo dài được bao lâu kể từ ngày người Nhật rút khỏi Việt Nam và người Pháp trở lại Đông Dương. Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Việt Minh phát động ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp. Chiến tranh bùng nổ, thúc đẩy gia đình chúng tôi phải xa lìa đất Cảng thân yêu.

Ngày hôm ấy, khi tiếng súng giao tranh bùng nổ, dân chúng cư ngụ trong thành phố Hải Phòng xôn xao lo lắng và phân vân không biết phải làm sao, người người xầm xì bàn tán về sự kiện đi hay ở. Bố mẹ tôi cũng vậy, thấy thiên hạ rục rịch bảo nhau chạy loạn nên cũng lo gói ghém ít quần áo và đồ dùng vặt vãnh bỏ trong từng túi nải nhỏ và chia cho chúng tôi mỗi người một túi, phòng hồ nếu có phải đi sẽ đem theo người. Cũng như nhiều gia đình khác trong khu ngõ Hải Hồng, đường Cát Dài, gia đình chúng tôi rời nhà từ sáng sớm tinh mơ hôm đó trong tiếng súng giao tranh và trong lo âu sợ hãi. Thông thường bà ngoại tôi ở với cậu Thành, con út của cụ, bên kia cầu Hạ Lý, gần nhà máy xi măng Hải Phòng. Ngoại mới sang thăm bố mẹ tôi được vài bữa đúng lúc biến cố này xảy ra nên cụ đành phải đi theo gia đình chúng tôi dù rằng chẳng biết sẽ đi đâu.

Giữa lúc bố mẹ tôi lo khóa cửa, bốn anh em chúng tôi gồm anh Kỳ lúc đó 8 tuổi, cô Tâm 5 tuổi, cậu Khôi 4 tuổi và tôi 7 tuổi,

không hiểu tại sao lại đi theo gia đình một người hàng xóm kế bên nhà. Đi ra khỏi nhà đã lâu, nhìn quanh không thấy bố mẹ đâu, bốn anh em chúng tôi lo sợ quá, mặt mày ngơ ngáo! Càng sợ chúng tôi lại càng phải bám chặt lấy ông bà hàng xóm này không rời một bước. Chúng tôi đi trên những con đường đất đỏ gồ ghề, sỏi đá, rồi băng qua những khu ruộng cạn nước, lộp nhộp những bùn là bùn, lổ nhô những gốc rạ mới cắt nằm ngổn ngang trên mặt ruộng. Thằng em Khôi mệt lả vì đói và khát sau gần một ngày trời đi bộ. Đôi lần nó vấp ngã chúi đầu về phía trước văng cả dép khiến tôi phải luôn luôn cầm tay nó kéo đi theo bên. Khôi khóc luôn miệng vì nhớ mẹ. Đi theo gia đình ông bà hàng xóm cho đến chiều tối hôm đó thì ông bà ta giao bốn anh em chúng tôi cho một gia đình nông dân tại một làng nọ và dặn anh em chúng tôi ở lại đây đợi bố mẹ sẽ tới tìm. Thực sự sờ, thực sờ ngẫm, anh em chúng tôi cứ đứng quanh quẩn bên nhau không dám đi đâu. Xung quanh chúng tôi toàn người lạ, từ cách ăn mặc đến giọng nói hoàn toàn khác biệt với người thành thị. Họ rất vui vẻ và vồn vã thăm hỏi chúng tôi. Tối đến không có đèn điện như ở thành phố. Ánh đèn dầu le lói không đủ sáng để nhìn rõ mặt người khiến thằng em Khôi cứ phải bám sát lấy tôi. Cả bốn anh em lần đầu tiên phải xa bố mẹ, và chung quanh đều là người lớn và xa lạ nên chúng tôi dù chẳng ai nói với ai nhưng cùng nơm nớp sợ. Tôi kém anh Kỳ một tuổi đáng lẽ anh tôi phải có trách nhiệm với các em, nhưng không hiểu tại sao bên cạnh thằng em ba tuổi ngây ngô bé bỏng tôi lại hành động như một người lớn là có

bốn phận phải chăm sóc và dỗ dành nó thay vì là anh tôi.

Dù chưa từng quen biết nhau, nhưng ông bà chủ nhà đối đãi với chúng tôi thật tận tình và chu đáo. Càng về đêm Khôi càng khóc nhiều vì khung cảnh khác lạ ở đây. Lúc đó tôi không biết phải làm sao để dỗ cho em nó nín vì chính tôi cũng lo sợ tột cùng. Bà mẹ của ông chủ nhà rất từ tâm, thương cảm thằng em Khôi nên bế nó vào lòng vỗ về an ủi. Tôi lo lắng quá, không hiểu rồi đây anh em chúng tôi sẽ ra sao nếu bố mẹ không tìm thấy chúng tôi. Ai mà dám đứng ra nuôi tất cả bốn anh em chứ? Như vậy chắc chắn anh em chúng tôi sẽ mỗi người một nơi. Mỗi đứa sẽ phải đi làm con nuôi cho mỗi gia đình khác nhau ở trong làng đó, hoặc phải đi ở đợ, làm thuê làm mướn cho cư dân trong làng. Kinh khủng quá! Tôi không hiểu cái cảnh ly tán này sẽ kéo dài đến bao giờ đây? Tương lai của anh em chúng tôi sẽ ra sao, nếu chúng tôi không còn gặp lại bố mẹ? Ngày nào cũng có vài người đến tìm con cái thất lạc. Anh em chúng tôi hí hửng chạy ra đầu cổng đón mừng nhưng rồi lại chùng hững và thất vọng vì không phải là bố mẹ mình. Cảnh trông ngóng này cứ tiếp diễn như vậy từ ngày này qua ngày khác. Niềm hy vọng của anh em chúng tôi càng ngày càng mờ nhạt. Cũng vì tuổi thơ dễ quên, buồn đó rồi lại vui đó. Ban ngày chúng tôi vui chơi, chạy nhảy với nhiều đứa trẻ đồng tuổi con cháu của ông bà chủ nhà ở ngoài đồng ruộng, thả diều, bắt bướm, bắt chuồn chuồn. Và tôi đã học được câu ca này từ đây: "*Chuồn chuồn có cánh thì bay, có thằng kẻ trộm bắt mày sau lưng.*"

Buổi trưa, trời nắng gay gắt, tất cả ngồi lại với nhau dưới mái hiên nhà để nghe tiếng gió xi xào từ những rặng tre xanh bao quanh nhà thổi vào mát rượi. Nhìn những con trâu mộng đằm mình trong vũng nước bùn, đôi mắt lim dim, cái hàm trâu vĩ đại nhai qua nhai lại những cọng rơm vương vãi. Chiếc đuôi dài luôn luôn phe phẩy để xua đuổi ruồi muỗi đậu trên lưng. Trông thực nhân nhả, thực thành thoi. Thằng em Khôi được bà cụ chiều chuộng ôm ấp ngủ trưa trên chiếc võng đu đưa kẽo kẹt ngoài đầu hè. Anh Kỳ theo chân các bác tá điền đổ thóc ra sân gạch phơi cho khô và chiều tối lại hót đố vào những chiếc bồ lớn tướng đặt ở góc nhà. Cô Tâm và tôi ngồi quanh mấy chị gái quê xem họ xay lúa, giã gạo hoặc sàng gạo. Chị em tôi cũng muốn học sàng học sảy nhưng hai bàn tay nhỏ xíu của chúng tôi chẳng thể nào bê nổi cái nia cái sàng. Họ vừa làm việc vừa hát hò vui vẻ. Mọi hình ảnh nơi đây rất mới lạ làm chúng tôi cảm thấy khuây khoa trong chốc lát.

Rồi sự mong đợi của anh em chúng tôi đã hiện thành... Sáng hôm đó khi vừng đông vừa ló dạng sau rặng tre đầu làng, mọi người trong nhà đều đã thức giấc để lo công việc thường ngày, anh em chúng tôi đang chơi quanh quẩn ở trong sân thì tin vui chợt đến. Từ trong sân nhà nhìn ra phía cổng, một bác nông dân đang đưa bố mẹ tôi vào nhà để nhận diện chúng tôi, theo sau là bà ngoại, chị Mai và thằng em Đạt. Ôi! Còn nỗi vui mừng nào có thể so sánh với nỗi mừng khôn tả này khi chúng tôi gặp lại được người thân của mình, thế là cả bốn anh em oà lên khóc nức nở với nhau và chạy ra ôm chầm lấy bố mẹ, làm bà cụ mẹ ông chủ nhà đang đứng cạnh đó cũng mũi lòng khóc theo. Thằng em Khôi gặp lại mẹ

tôi lại khóc to hơn. Mẹ ôm lấy nó thực gần, thực sát như để đền bù những ngày mẹ xa con cũng như con vắng mẹ. Bố tôi nghẹn ngào thăm hỏi các con xoắn xuýt. Chưa bao giờ tôi thấy bố khóc, vậy mà hôm ấy mắt bố đỏ hoe khi gặp lại chúng tôi. Bên ấm nước chè tươi bốc khói bố mẹ và ông bà chủ nhà ngồi đàm đạo thật lâu, chắc hẳn là để cảm ơn gia đình ông ta đã tận tình chăm lo cho anh em chúng tôi mấy ngày qua. Và đến lúc này chúng tôi mới hay đây là gia đình ông bà Lý Trường X thuộc một làng nọ ở tỉnh Kiến An gần Hải Phòng.

Đến khi phải từ giã gia đình ông Lý Trường, anh em chúng tôi cảm thấy lưu luyến vô cùng. Riêng tôi, tôi thấy mang mang thèm nhớ những bữa ăn sáng với khoai lang luộc, hoặc sắn luộc, hoặc sôlê; những bữa cơm thanh đạm y như hồi chúng tôi tá túc tại nhà bác Đình ở làng Phú Thái trước đây không lâu khi đi lánh nạn bom Nhật và bom Mỹ. Cũng những món ăn đạm bạc của miền quê với tép đồng rang, nhộng rang, rau dền nấu nước mắm cáy, ăn với cơm gạo đỏ bụi miệng lạ thường, khác hẳn với những món ăn thành thị mà mẹ tôi nấu hàng ngày trước đây. Rồi hình ảnh các bác tá điền đập lúa, giã gạo dưới trăng đêm cười cười, nói nói pha trò cho chúng tôi đỡ buồn, lại là một điều làm anh em chúng tôi quyến luyến không muốn rời đi.

Tất cả những cử chỉ thân thương và nhân ái của gia đình ông bà Lý Trường đối với chúng tôi dù trong khoảnh khắc, đã là một kỷ niệm thân yêu đượm tình người, một vết son đỏ thắm lưu lại đời đời trong ký ức non dại của anh em tôi. Tôi suy nghĩ rất nhiều về điều này và tin rằng: "*Bố mẹ tôi đã*

ăn hiền ở lành, nên chúng tôi mới nhận được phúc báu như vậy".

NHỮNG NGÀY LƯU LẠC

Và rồi cuộc hành trình không định hướng đã được bố mẹ tôi bàn tính. Bố muốn đưa gia đình đi thẳng tới tỉnh Thanh Hoá. Mẹ ngại ngại vì quá xa. Bố bàn với mẹ: "*Từ ngày làm bạn với nhau, tôi chưa có dịp đưa Mẹ và các con về thăm bên nội thì đây cũng là cơ hội để gia đình nhà mình thực hiện điều mong ước này.*"

"... *Chúng ta sẽ phải đáp tàu hỏa chạy qua các tỉnh Hà Đông, Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình mới tới tỉnh Thanh Hóa, cũng phải mất hết nửa ngày trời. Thêm nữa, tôi nghĩ Mẹ và các con sẽ thích nơi đây. Thanh Hóa là một thị trấn lớn ở miền Trung, không xa Hà Nội và Hải Phòng là mấy, khí hậu ôn hòa, với bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông. Một vùng đồng bằng nằm sát Biển Đông nên đất đai rất phì nhiêu bao quanh bởi rừng rậm xanh um, với núi đồi trùng trùng điệp điệp, với sông dài uốn quanh, với đồng lúa chín vàng bát ngát bao la. Đi về phía Nam sẽ đụng các tỉnh Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên. Người dân Thanh Hóa hiền lành, chất phác, cần cù và chịu đựng. Họ sinh sống bằng nghề nông, nghề làm nước mắm, làm nôi, chum vại, chén bát bằng đất sét và các nghề lao động khác...*" Nghe bố kể sơ sơ về Thanh Hóa, mẹ và chúng tôi im lặng như biểu đồng tình với bố, và lại đây là chạy loạn chứ đâu phải đi du lịch mà mọi người có quyền chọn lựa, ra đi để tìm sự an toàn cho tất cả mà.

Cuối cùng chúng tôi cũng đã có mặt tại đất Thanh sau một cuộc hành trình vất vả

bằng đường xe lửa. Trạm dừng chân đầu tiên của chúng tôi là khu phố Đò Lèn nơi ông bà nội chúng tôi đã lập nghiệp tại đây từ nhiều năm. Khi còn sinh thời ông tôi làm xếp ga cho sở Hoà Xa tỉnh Thanh Hóa. Chỉ tiếc là ông không còn nữa để con cháu gặp gỡ, cụ đã qua đời từ mấy năm trước đó. Bố tôi còn có mấy người anh người chị cũng lập nghiệp tại xứ Thanh. Gia đình ông anh của bố tôi là bác Huệ sinh sống tại làng Các, rất gần với Đò Lèn. Gia đình cô chú Tiếp và cô Lan cũng ở đâu đó trong tỉnh Thanh và gia đình bác Đốc Nguyên, chị gái của bố tôi lại ở ngay giữa tỉnh Thanh Hoá, phải đi tới hai ngày đò dọc mới tới nơi.

Ngày đầu xum họp với các chú bác, cô dì, cậu mợ và các anh em trong họ thực vui. Đông quá đếm không xuể, nguyên chỉ nhớ tên không thôi cũng đủ nhức đầu. Nơi chúng tôi trú ngụ tạm thời là dinh cơ đồ sộ của ông bà nội, gồm ba gian nhà mái ngói rộng thênh thang, tường vôi, sân gạch đỏ thẫm. Ở gian giữa tôi thấy có một bàn thờ gia tiên với lư đồng và đôi chân nến cùng hai câu đối sơn son thiếp vàng treo ở hai bên. Một cỗ quan tài bằng gỗ màu rệu rạc kê sát cạnh bàn thờ mà chúng tôi nghe nói là để dành cho bà nội khi cụ qui Tiên. Cuối sân là một cái bể đựng nước mưa thực lớn, bên trên có đặt Tượng Phật Bà Quan Âm, chung quanh nhà cây cối xanh um. Một cây nhãn cao chót vót, với những chùm nhãn thực sai trái nặng trĩu rủ xuống sát đầu người. Mặc dầu bà nội đã cho dựng một cây rom làm bù nhìn đứng cạnh ở cạnh bên vậy mà chim chóc cũng chẳng từ, nhất là khi nhãn chín, mùi thơm bay toả khắp vườn. Lại còn mấy cây bông bông, cây na, mọc quanh nhà, cây nào cũng sai trái nên ít

khi bà nội phải mua trái cây ở ngoài chợ. Cuối vườn một cây dâu da quả chi chít. Tôi thích loại quả này lắm, trông xa giống như quả nhãn nhưng hương vị lại khác, hơi dòn dốt, rất lạ miệng, và ăn luôn được cả hạt cho nên tôi cứ dính dập không có ai là hái bỏ vào miệng ăn ngấu nghiến. Có lần bắt gặp tôi ăn vụng như vậy một ông chú dọa tôi: "*Chết rồi, ai bảo mày nuốt hạt, mai mốt nó sẽ lên cây trong bụng và cành lá sẽ mọc tua tủa qua lỗ tai, lỗ mũi và đi đâu cũng phải mang cây này theo mình....*" Giời ơi! Tôi sợ hết vía mà không dám tiết lộ với ai vì cứ tin lời chú mình nói là thực nên đâm ra lo sợ và mong cho nó chóng ra khỏi bộ phận tiêu hoá của mình nên cứ phải canh chừng mãi. Lúc đó tôi cũng đã lớn, hơn 8 tuổi rồi mà sao mình lại ngu dần đến thế nhỉ? Tôi mất ăn mất ngủ vì chuyện này cho đến khi thấy một người anh họ ăn dâu da nuốt hạt tuốt luốt lúc đó tôi mới biết là ông chú mình đã dọa mình. Kế bên cây bưởi là một cây hoa Ngọc Lan hương thơm ngào ngạt tỏa khắp cả khu vườn. Bà nội tôi thường sai mấy đứa cháu gái hái những cành hoa Ngọc Lan hay hoa cúc vàng ở sau nhà đặt lên bể nước để cúng Phật vào những ngày rằm, mừng một mỗi tháng. Chị Mai tôi cả ngày mê mẩn với những cành hoa Ngọc Lan nên khi được bà nội nhờ hái hoa chị mừng lắm vì thế nào chị cũng có được vài bông Ngọc Lan để ướp trong túi áo hay để đầu giường.

Vào năm đó bà nội tôi khoảng trên bảy mươi, rụng hết cả răng, móm mém nhưng vẫn còn nhai tràu bôm bôm. Các cháu nội ngoại xúm nhau nhai tràu cho cụ khi cần. Cụ có cái cối giã tràu nhỏ xíu bằng đồng, đeo lưng lẳng ở ruột tượng, cụ đi đến đâu

con cháu đều biết vì cối chày đung vào nhau kêu lèng kèng. Cụ sử dụng cối này để giã trầu khi không có các cháu ở bên. Răng lợi không có mà cụ lại thích ăn bánh đa nướng nên cối chày này rất hữu dụng.

Những đêm đông lạnh giá ở Đò Lèn, các cháu thường ngồi chúi đầu vào bếp rơm đợi ăn khoai lang nướng vùi trong tro và để mong có chút hơi lửa ấm, hay đôi khi rúc một lũ với nhau trong ổ rơm để nghe bà nội kể chuyện cổ tích. Tiếng bà nội ròn rảng kể đầu vào đấy, có đầu có đuôi, nghe thực thích thú. Đôi lúc cụ kể chuyện Tề Thiên Đại Thánh, chuyện ma, chuyện quỷ nhập tràng, các cháu sợ co rúm lại với nhau, la ó, rồi ôm nhau cười sặc sụa.

Ông nội tôi có tới hai vợ. Cả hai cụ bà sinh được tất cả 11 người con, trai có, gái có, mà người nào cũng được ăn học đoàn hoàng, hầu hết đều đậu bằng sơ học yếu lược Pháp. Vào thời kỳ đó có được tấm bằng tiểu học cũng là khá. Làm Tham làm Phán cho sở Hoà Xa như bố tôi cũng chỉ có bằng này. Cụ giao dịch với người Pháp, nói tiếng Tây lâu lâu. Bác Nguyễn là chị gái lớn nhất của bố tôi cũng chỉ đậu bằng thành chung mà làm đến chức đốc học nên cả họ gọi bác là bác Đốc Nguyễn.

Chỉ trong một thời gian ngắn sinh sống tại Đò Lèn, dần dà anh em chúng tôi hầu như đã hội nhập vào nếp sống của người dân địa phương tại đây. Mấy chị em tôi đã bắt chước nhuộm răng đen và ăn trầu giống mấy cô gái quê trong làng Các. Cũng tập mò cua bắt ốc mà lại sợ đĩa nên chả làm được trò trống gì. Rồi lại bập bẹ bắt chước nói theo giọng người Thanh Hóa làm bố tôi có vẻ hơi khó chịu, chẳng hạn khi hỏi một cô gái đi đâu thì người ta sẽ hỏi như vầy: "*O*

đi mô rúa?", hoặc có nhiều danh từ mà mới đầu nghe cũng hơi ngỡ ngàng song lâu rồi cũng quen đi. Ví dụ: "Ngày thì đi cắt *lọ* mùa, tối về đập *lọ*, sao rua thẳng *chốc*, lấy ai than thở *cùng chắt*." Có nghĩa là: "*Ngày thì đi cắt lúa mùa, đêm về đập lúa sao rua thẳng đầu, lấy ai than thở cùng nhau*". Nghe cũng hay hay!

Nhưng những ngày tháng hạnh phúc khởi đầu ở Đò Lèn chẳng kéo dài được bao lâu, dần dần trảm chỗ bởi những lo âu phiền muộn về vấn đề sinh kế. Tiền bạc mà mẹ tôi đem theo để dự trữ cho những ngày lưu lạc cạn dần. Bố tôi không có công ăn việc làm. Chín miệng ăn trong gia đình đương nhiên phải là một vấn đề lo lắng cho bố mẹ. Trong bữa ăn tôi để ý không còn thấy thịt, thấy cá xôm tụ như trước mà chỉ toàn là rau cà mắm muối. Chỉ riêng lo tiền mua gạo không thôi cũng là điều khó khăn đối với bố mẹ tôi lúc này. Tôi và anh Kỳ phải theo phụ bà ngoại vào rừng quét lá khô, cành cây khô đem về cho mẹ nấu thay củi. Cũng vì lẽ đó mà Minh-Tâm, đứa em gái cùng cha khác mẹ với chúng tôi cũng bị miễn cưỡng cho đi ở tạm với một người bà con trong họ ở làng Các để giảm thiểu khẩu phần trong gia đình.

Ở lại Đò Lèn thêm một thời gian ngắn, bố tôi thấy không ổn nên người quyết định đưa gia đình vào Hàm Rồng, một tỉnh lỵ nhỏ thuộc thị xã Đông Sơn nằm cận ngay trung tâm thị trấn Thanh Hoa, thành phố lớn, dân số đông đúc hơn ở Đò Lèn may ra có cơ hội tìm kế sinh nhai dễ dàng hơn.

Tại Hàm Rồng, bố mẹ tôi mở tiệm ăn chung với cô Phương, em gái của bố tôi. Cô tôi có chồng là người Pháp làm việc cho sở Hoà Xa ở thành phố Hà Nội. Cũng tại chiến

tranh, cô sợ liên lụy nên phải bỏ lại sau lưng cả chồng lẫn hai đứa con để chạy tản cư về đây như nhiều gia đình khác.

Việc hùn hạp buôn bán rất phát đạt. Khách hàng tấp nập ngày đêm làm bố mẹ và cô tôi phấn khởi vô cùng. Bố tôi đặt tên cho tiệm ăn này là "Quán Tản Cư" và đề xướng hai câu thơ trên vách tường như sau: "*Ăn cơm ngủ lại tiền không mất. Ngủ lại không ăn trả hai đồng*". Quán Tản Cư của bố mẹ tôi chuyên bán cơm bữa nên khách buôn hàng chuyển từ các tỉnh lân cận như tỉnh Vinh, Nghệ Tĩnh, Nghệ An ghé vào ăn cơm và ngủ lại qua đêm để đợi đò dọc về xuôi sáng ngày hôm sau. Nếu khách ăn cơm tại quán chiều hôm đó, khách không phải trả tiền ngủ trọ qua đêm, còn nếu ngủ lại qua đêm mà không ăn uống gì thì khách phải trả tiền trọ hai đồng.

Bến sông Hàm Rồng nơi bố mẹ tôi cho dựng quán tranh làm tiệm ăn, trước kia chỉ là một bờ sông hẻo lánh, vắng vẻ, nhưng từ ngày người dân thành thị từ Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh thuộc miền Bắc tản cư về đây lánh nạn chiến tranh đã lập thành một khu phố buôn bán xầm uất, gồm đến hơn 30 gia đình. Trong đó có gia đình của mấy ông chú tôi cũng mở tiệm ăn ở đây nên chúng tôi rất vui vì có anh em họ hàng ở cận kề bên nhau.

Quán "Tản Cư" được dựng lên bằng vách đất, mái tranh, lại ở gần bờ sông nên rất thoáng đãng. Nhà có 2 phòng ngủ lớn đủ cho gia đình nhà tôi thêm hai phòng nhỏ dành cho khách hàng trọ đêm. Nhà bếp dựng ở phía sau và một hầm xí sơ sài. Nền nhà bằng đất sét, khi ướt rất trơn nên đã có lần tôi bị trượt chân ngã chúi đầu vào một chiếc thau đồng đựng nước có cạnh sắc

bén đặt ở góc nhà, máu từ sống mũi chảy ra, chắc là đau lắm nhưng sợ bị bố mẹ la mắng nên tôi im bặt không dám hé môi. Rồi vết thương lành lúc nào tôi cũng không hay, có điều thương tích này đã để lại một vết sẹo nho nhỏ ngang sống mũi, trông tôi đã xấu lại xấu thêm!

Cũng vì nuông chiều con cái nên bố tôi thuê người cửa đục vào những cây cột nhà bằng cây tre rỗng ruột, có nhiều đốt ngắn cỡ hai gang tay, để làm những ống đựng tiền riêng biệt cho mỗi đứa tôi. Hay thiệt! Tiền để dành ở ngay trước mắt nhưng chẳng ai dám sờ rờ tới trừ khi phải đục lỗ đựng tiền lớn hơn mới có thể lấy tiền ra được. Bao nhiêu tiền kêm, tiền đồng mà bố mẹ cho, hoặc tiền mừng tuổi Tết, chúng tôi đều để dành hết vào ống đựng tiền này. Lúc đó anh em chúng tôi chưa biết tiêu tiền và lại ở những vùng đèo heo hút gió, tỉnh lẻ xa xôi như thế ấy đâu có gì để mà mua mà sắm.

Việc buôn bán càng ngày càng khấm khá nên bố mẹ tôi muốn tới hai ba người làm để phụ bếp với mẹ và dọn dẹp nhà cửa cùng là tiếp khách. Cô tôi là thân ngân. Mẹ tôi tuy bé nhỏ nhưng rất nhanh nhẹn, mẹ là bếp chính, còn bố lo đủ mọi việc lật vật bên ngoài để phụ giúp mẹ tôi và cô tôi. Lâu lâu thấy mẹ vất vả bố lại an ủi: "*Nếu không có chiến tranh thì gia đình nhà mình đâu phải phiêu bạt về đây và mẹ đâu có phải cực nhọc vất vả như thế này!*"

Cuộc sống tại Hàm Rồng coi như rất thoải mái. Sáng sáng cả nhà thường dùng điểm tâm bằng món ăn đặc sản của xứ Thanh mà bà hàng bán rong đi quanh phố mời chào. Đây là một loại đồ biển đặc biệt giống như con mực, nhỏ xíu bằng đốt ngón tay mà người dân địa phương gọi là "Con Phi" được

hấp lên thực đơn giản. Thấy mọi người lúc ấy ăn cả nước lẫn cái, khen ngon và bổ nên tôi nghĩ con phi này chắc phải độc đáo lắm. Không hiểu tại sao hồi đó tôi không dám ăn thử để bây giờ nghĩ lại thấy thèm và tiếc ghê gớm! Ăn sáng xong anh em chúng tôi theo bà ngoại lên trường tiểu học Quan Thánh, nằm mãi tận trên đỉnh một ngọn đồi gần làng Đồng Sơn, cách bến Hàm Rồng khoảng hơn cây số, vừa là đi học vừa là đi lánh bom đạn của máy bay Pháp oanh tạc hàng ngày. Chúng tôi phải đi qua những con suối cạn nước, hoặc đi dọc theo những con đường mòn đất đỏ bao phủ bởi nhiều cây sậy, cây dứa dại, hay cây bông lau cao ngấp đầu, che hẳn lối đi. Anh Kỳ tôi luôn luôn đem theo một cây gậy tre dài để phòng có rắn độc hay rết từ trong bụi rậm bò ra. Chị Mai tôi tuổi Hợi. Chị sợ cạp lắm. Chị luôn luôn đi vào giữa các em mỗi lần đi qua rừng rậm hay qua hang đá. Biết chị nhát vía như vậy mà anh Kỳ vẫn hay dọa chị làm chị sợ hết hồn muốn phát khóc.

Chiều đến, khi mặt trời lặn, chúng tôi theo bà ngoại trở về tiệm. Những bữa cơm chiều ngon miệng do mẹ tôi nấu rất đặc sắc. Gạo trắng, đồ biển tươi lành của xứ Thanh thực chẳng đâu so sánh được. Rồi những trái dưa non mới hái từ trên cây xuống cho chúng tôi hương vị ngọt ngào thanh khiết đặc biệt của xứ Thanh, uống vào thấy mát ruột làm sao! Bên ngọn đèn măng sông thấp sáng, gia đình nhà tôi và cô tôi quây quần bên nhau ăn uống no nê, chuyện trò vui vẻ. Chúng tôi kể lại chuyện ở nhà trường, chuyện học hành cũng như chuyện đi nấp máy bay rất bình thường nhưng lại là điều thích thú mà ai nấy đều muốn chia sẻ và bố tôi kể chuyện buôn bán

trong ngày cho mọi người nghe. Những mẩu chuyện vui vui mà bố tôi thuật lại nghe thực dí dỏm, thực buồn cười - chẳng là đêm đêm bố hay rọi đèn đi kiểm soát trong nhà nên đôi khi đã chứng kiến cảnh mấy bà khách hàng ngủ say sưa ... tặc vấy ngược lên tận đầu...!

Sau bữa cơm chiều tôi thường theo anh Kỳ và mấy người anh em trong họ xuống bến sông bơi lội. Tôi không biết bơi lúc đó, nhưng cứ liều lĩnh ôm lấy cây luồng mà người ta thả lênh bênh bên cạnh những chiếc bè nứa đậu ở bến sông. Cây luồng rỗng ruột nên nổi như chiếc phao do đó tôi có phương tiện quờ quạng học bơi trên mặt nước không sợ bị chìm. Thế là dần dần tôi đã biết bơi hết kiểu này kiểu nọ mà chẳng cần ai chỉ dẫn.

Những đêm trăng sáng, tôi hay theo chị Mai cùng mấy người anh em trong họ xuống bờ sông Hàm Rồng nghe dân địa phương hát đúm, hát đối (kiểu như hát Quan Họ) với những người lái buôn neo thuyền ở bến sông đợi sớm mai xuôi dòng. Cũng đã quá lâu, bây giờ tôi chỉ còn nhớ lơ mơ những câu đối đáp có nhịp điệu và trữ tình thực dễ thương: "*Nước sông Hàm Rồng vừa trong vừa mát. Đường Hàm Rồng lắm cát để đi. Cô ấy vung vẩy làm chi. Để cho anh ấy nay đi mai về ...*"

Sợ nhất khi mùa đông đến, cái lạnh của xứ Thanh thực là khắc nghiệt. Gió Bắc thổi về lạnh đến tái tê. Không có chăn mền để đắp, chiếu cói quá mỏng manh không đủ rộng để phủ kín toàn thân người, lòi đầu lòi đuôi lạnh buốt thấu xương. Ai đã từng sống những ngày đông lạnh giá ở miền Trung với gió heo may, mưa phùn rả rích mới thông cảm nỗi cảnh mùa đông buốt lạnh này. Ai nấy mặt mũi, chân tay, da dẻ rần rúm, nứt

nẻ. Đầu không khăn không mũ, chân không guốc không giày, gót chân người nào người nấy nứt toác máu mà chẳng có thuốc bôi, đất cát nhét vào kẽ nứt lại càng đau thêm. Bà ngoại tôi được ai mách bảo nên chưng mỡ cá rô lên làm thuốc sức nẻ cho các cháu để bôi vào gót chân cho khỏi đau rát. Mỡ cá rô lúc nóng mùi còn thơm thơm, nhưng khi nguội, ôi thôi mùi mỡ tanh tưởi dễ sợ.

Nói về Hàm Rồng, nơi ghi lại không biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui của gia đình tôi trong thời kỳ lánh nạn chiến tranh mà bây giờ cho dù nhắm mắt lại, tôi vẫn còn hình dung được tất cả ... Đây, cây cầu Hàm Rồng tuyệt mỹ vẫn nằm vắt vẻo ngang qua sông Hàm Rồng (sông Mã), cầu có một nhịp, và là phương tiện thiết yếu duy nhất cho dân chúng thị xã Hàm Rồng và thị xã Núi Ngọc qua lại. Dân địa phương kể chiếc cầu này đã được xây cất bằng nhiều sinh mạng người Nhật. Lúc đầu người ta định xây cầu có móng, nhưng các chuyên viên xây cầu lặn xuống đặt móng đều bị chết chìm dưới lòng sông sâu, sau cùng người ta đành phải xây cầu nổi.

Danh từ Hàm Rồng được nhắc tới rất nhiều tại thị xã này, chẳng hạn như thị xã Hàm Rồng, sông Hàm Rồng, cầu Hàm Rồng và núi Hàm Rồng. Cũng do truyền thuyết thì lúc xưa có con rồng thiêng từ trên trời bay xuống nhả viên ngọc xuống phía cầu bên kia sông Mã rồi nằm lại phía bờ bên này sông tạo thành một rặng núi hùng vĩ. Nhìn từ xa, rặng núi này trông giống như một con rồng khổng lồ nằm uốn khúc, đầu rồng rập với chân cầu, mình và đuôi rồng uốn lượn vòng quanh một vùng địa phận Thanh Hoá. Còn Núi Ngọc trông xa giống hệt như một viên bích ngọc khổng lồ, thoải thoải từ đỉnh núi xuống chân núi. Cầu Hàm Rồng nằm ngay giữa Núi Ngọc và Núi Hàm Rồng do đó đã bao lần máy bay Pháp

muốn bỏ bom phá hủy cây cầu này mà không được. Thị xã Hàm Rồng còn có một thắng cảnh tuyệt đẹp là hang "Mắt Rồng". Đây là một cái hang vĩ đại có lối đi rộng thênh thang thông suốt từ đầu núi bên này qua đầu núi bên kia. Hang này nằm ngay ở đầu quả núi Hàm Rồng nên người ta cho đó là cặp mắt của con rồng. Một huyền thoại về hang này mà dân địa phương tin rằng Mắt Rồng một bên sáng, một bên chột. Dân làng sinh sống ở phía bên mắt sáng đều làm quan to, hoặc làm ăn khá giả, là điền chủ hoặc thương gia giàu có, còn dân làng sinh sống ở phía bên mắt chột đều nghèo nàn, khổn khó, đi làm thuê, làm mướn, kéo xe tay, xe bò hay sinh sống bằng nghề làm nồi đất và chum vại v.v...

Hang Mắt Rồng này có thể chứa tới hàng ngàn người. Trong hang có nhiều bàn cờ tướng bằng đá nhẵn thín, khắc trạm thực công phu, rải rác tại nhiều nơi và mỗi bàn cờ đều có hai chiếc ghế đá đặt ở hai bên. Các cụ già kể lại, xưa kia có các vị Tiên, vị Thánh từ trời cao giáng thế ngồi đánh cờ tướng với nhau tại đây, mở yến tiệc linh đình .v.v...nên bây giờ vẫn còn để lại di tích. Trên vách đá có nhiều bài thơ khắc bằng chữ nho thật công trình, thực bay bướm tinh vi. Trong thời kỳ chiến tranh (1948-1951), máy bay Pháp thường xuyên oanh tạc khắp các tỉnh miền Trung (chiến khu Tư) nên hang Mắt Rồng được coi là một nơi trú ẩn an toàn cho người dân địa phương.

Đã hơn 60 năm qua đi, bao nhiêu biến đổi của đất nước, tôi nghĩ Hàm Rồng giờ đây chắc hẳn đã thay đổi rất nhiều. Hy vọng về thăm lại chốn xưa vẫn là niềm mơ ước sâu đậm của tôi mặc dầu tôi biết tất cả giờ chỉ là kỷ niệm..

Ỡ NGUYỄN

Maryland, October 22, 2013

(Trích " Từ Một Vùng Ký Ức ")

Đà Lạt, ngày trắng tháng mật

Ngày bắt đầu cùng nhau xuống phố
Sương chưa tan còn ngát mặt hồ
Chuyến xe rau xanh đường vào chợ
Ngược dốc lên khói nhà mịt mờ.

Vào quán nhỏ mùi thơm quen thuộc
Cùng nhau chia mẩu bánh đầu ngày
Trên bàn xinh cánh hồng buổi sáng
Ly cà phê chuyển ấm đọng hơi tay.

Lên chùa trưa nhìn thông đón nắng
Bụi quỳ xanh nở lên đoá vàng
Cô bé cười nghiêng nghiêng mũ lệch
Mắt hiền ngoan xanh tuổi chứa chan.

Lá cỏ ngậm thơm thơm đầu lối
Núi xa xa đường ngược vun đầy
Mây bay thấp ẩm chùng hơi thở
Sao bỗng thềm mùi vị của mây.

Về phố nghĩ chiều đôi chân mỏi
Ngồi bực cao đếm bậc thang mòn
Em nghiêng gánh về tan buổi chợ
Áo bạc màu thương nắng hoàng hôn.

Đà-Lạt quen loanh quanh những phố
Ánh đèn khuya rơi rắc sương đêm
Lại cà phê ngược lên dốc nhỏ
Tay níu vai lòng bỗng chùng mềm.

Ý Anh (Maryland)

Đêm Đông

Lạc loài đêm xứ lạnh
Cô quạnh tuổi già nua
Mang hồn buồn viễn xứ
Thu rơi lá cuối mùa.

Chập chùng cơn mưa lạ
Xác xơ ngọn gió đùa
Kính cầu ai rợn rã
Gác chuông buồn đong đưa

Dập vùi cơn lốc xoáy
Lịch sử như gió lùa
Bàng hoàng thân tị nạn
Mòn mỗi gót giầy khua.

Đêm tàn đông lạnh giá
Chông chất nổi đau thừa
Mơ màng về cố quận
Bóng chiều xua đuổi xua.

Đăng Nguyên

Virginia, 10/20/2013



Những Lời Cầu Nguyện

Mấy lúc này tôi cầu nguyện mỗi ngày. Tôi có hai người bạn đầu đã cạo trọc vì ung thư. Tôi cầu nguyện cho con bệnh biến đi và ngày chia tay không sắp đến. Tôi đã từng mất một số bạn cho bệnh ung thư rồi. Tôi nhớ những người bạn đã ra đi và đôi khi tôi tiếc đã không đi chơi với bạn nhiều hơn. Tôi ráng níu kéo thời gian lại. Tôi cố gắng họp mặt với bạn bè và gia đình. Tôi muốn chia sẻ kỷ niệm để khi chia tay, tôi còn giữ trong tim những kỷ niệm này.

Khi tôi nghĩ đến người thân và bạn bè ở xa, tôi mong được hội ngộ thường xuyên và muốn chúc mọi người an lành cho đến khi gặp lại nhau. Tôi vẫn thích lời cầu nguyện (hay chúc tụng) sau đây từ Ái Nhĩ Lan (an old Irish blessing):

May the road rise up to meet you.
May the wind always be at your back.
May the sun shine warm upon your face,
and rains fall soft upon your fields.
And until we meet again,
May God hold you in the palm of His hand.

Tôi xin phỏng dịch:

Xin em đừng mỗi gót chân mềm
Xin gió đừng bay ngược hướng đi
Xin nắng êm đềm ấm mắt mơ
Xin mưa rơi nhẹ trên vườn thảo
Và đến khi chúng mình gặp lại nhau
Xin em được che chở trong bàn tay Thượng Đế

Tuy nhiên, lời cầu nguyện này đâu phải chỉ cho những người ở xa. Tôi xin chúc tất cả các bạn xa gần là bước chân các bạn không mỏi, gió không làm trở ngại cuộc hành trình của các bạn, nắng ấm soi trên mặt các bạn, các bạn được toại nguyện trong mọi sự, và các bạn hưởng phước lộc dồi dào.

Tuy có lúc đời sống không được hoàn toàn thỏa mãn, tôi vẫn tin tưởng ở thiên thần, ở sự huyền diệu, và ở đấng thiêng liêng. Tôi mong các bạn của tôi cũng có đầy niềm tin vì tôi nghĩ niềm tin đem đến an bình trong tâm trí. Đây là một bài cầu nguyện khác từ Ái Nhĩ Lan nhắc nhở mọi người là Thượng Đế lúc nào cũng ở bên ta.

May you see God's light on the path ahead
When the road you walk is dark.
May you always hear,
Even in your hour of sorrow,
The gentle singing of the lark.
When times are hard may hardness
Never turn your heart to stone.
May you always remember
when the shadows fall,
You do not walk alone.

Tôi xin phỏng dịch:

Em mong anh thấy ánh ban mai
Dù con đường anh đi phủ bóng đêm
Và em muốn tai anh vẫn nghe
Tiếng hót líu lo của chim vàng

Tuy khi muộn phiền trong trí tưởng
Và thời gian dường như cay nghiệt
Thì tình yêu ta vẫn nồng nàn
Khi anh cảm thấy đời tăm tối
Tưởng như đường chỉ một mình đi
Thì anh ơi gót chân Thượng Đế đang dạo kê

Bài trên đây làm tôi nhớ đến chuyện một người trong giấc mơ đã đi dạo với Chúa trên bãi cát bên bờ biển. Khi quay lại nhìn con đường mình vừa đi thì người này thấy bãi cát của cuộc đời mình thông thường có hai dấu chân, một của Chúa và một của mình. Nhưng có nhiều đoạn đường người này chỉ thấy có một dấu chân thôi, mà lại nhất là những lúc khó khăn trong đời sống, những lúc thời gian đen tối đem lại sự nản chí và thất vọng. Người này lấy làm lạ nghĩ không lẽ Chúa lại bỏ rơi mình khi mình khốn khổ cần ngài nhất, nhưng khi hỏi Chúa tại sao lại như thế thì Chúa trả lời rằng những lúc chỉ có một dấu chân là những lúc người này được Chúa nâng lên.

Còn bài cầu nguyện sau đây, cũng từ Ái Nhĩ Lan, chúc mọi người tình thương, tiếng cười, bạn hữu, hạnh phúc, an lành, và mọi sự tốt đẹp trong đời sống hằng ngày.

May love and laughter light your days
and warm your heart and home.
May good and faithful friends be yours
wherever you may roam.
May peace and plenty bless your world
with joy that long endures.
May all life's passing seasons
bring the best to you and yours.

Tôi xin phỏng dịch:
Tôi mong tiếng cười và tình yêu đến bạn

Sưởi ấm lòng và ấm cúng gia cư
Tôi mong bạn gạt nhiều tình nghĩa
Bất cứ nơi nào bạn có dừng chân
Tôi mong bạn yên tư trí tưởng
Và hạnh phúc êm đềm mãi trong tim
Tôi mong trong suốt thời gian tới
Bạn và gia quyến ơn lành được ban

Nhưng phỏng mọi người cũng đồng ý đời phải có chông gai thì ta mới biết được hạnh phúc. Bài dưới đây chúc mọi người thấy rõ hạnh phúc sau chông gai, hoặc tuy chông gai mà vẫn cảm nhận được tình yêu và những cái đẹp thiên nhiên.

May God give you...
For every storm, a rainbow,
For every tear, a smile,
For every care, a promise,
And a blessing in each trial.
For every problem life sends,
A faithful friend to share,
For every sigh, a sweet song,
And an answer for each prayer.

Tôi xin phỏng dịch:

Mong cho em được ban nhiều ân huệ.
Mỗi cơn bão lụt, một cầu vồng.
Mỗi dòng nước mắt, một nụ hôn.
Mỗi gánh lo âu, một giấc mơ.
Phước lành ban cho mỗi muộn phiền.
Mỗi khi em thấy cần tâm sự,
Bạn hữu ngồi bên có ngại chi.
Mỗi tiếng thở dài, bài ca êm ái.
Và mỗi lời cầu nguyện, Chúa lắng nghe.

Vì tôi thích những bài cầu nguyện Ái Nhĩ Lan nên tôi vào mạng tìm. Tình cờ tôi thấy bài "Do Not Stand at My Grave and

Weep.” Bài này không phải là một bài cầu nguyện nhưng tôi rất thích. Khi tôi tìm tòi thêm về nguồn gốc của bài này thì hiểu đây là một bài thơ mà đã từ lâu không biết tác giả là ai. Theo nhiều tài liệu nghiên cứu thì bài thơ này được viết bởi bà Mary Elizabeth Frye vào năm 1932 cho một người bạn không có dịp gặp mẹ trước khi mẹ mất và không nhìn thấy mộ của mẹ. Người bạn của bà Mary than thở với bà là đã không được khóc ở mộ mẹ. Sau đó bà Mary cảm hứng làm bài thơ dưới đây cho bạn. Bài thơ đã được phổ biến toàn cầu và đã được chọn đọc trong nhiều lễ tang. Bài thơ hẳn đã an ủi được những người ở lại một phần nào.

Do not stand at my grave and weep,
I am not there; I do not sleep.
I am a thousand winds that blow,
I am the diamond glints on snow,
I am the sunlight on ripened grain,
I am the gentle autumn rain.
When you awaken in the morning's hush
I am the swift uplifting rush
Of quiet birds in circled flight.
I am the soft stars that shine at night.
Do not stand at my grave and cry,
I am not there; I did not die.

Tôi xin phỏng dịch:

Xin em đừng khóc bên mộ tôi.
Tôi đã bay xa, tôi đâu nằm yên giấc.
Tôi là gió thổi, là mây bay,
Là lóng lánh kim cương trên tuyết trắng,
Là ánh sáng mặt trời trên lúa chín.
Tôi là mưa mùa thu rơi nhẹ nhẹ.
Khi em tỉnh dậy bình minh còn yên tĩnh,
Thấy những con chim tung cánh bay—

☐ 65

Đó là tôi rạo rức chuyển dạo chơi.
Tôi là ngôi sao chiếu sáng ban đêm.
Em ơi đừng khóc bên mộ tôi.
Tôi đâu có đó, tôi vẫn còn đây.

Rồi một ngày nào đó, mỗi người trong chúng ta cũng sẽ phải ra đi. Thời gian không đứng hoài ở một nơi, nhưng đó cũng là một cái đẹp của cuộc đời. Tuy nhiên ra đi cũng có thể không có nghĩa là vĩnh viễn. Người ra đi vẫn trong tâm trí ta vì kỷ niệm còn kia. Người ra đi vẫn sống và mãi mãi nằm trong tim ta. Ta có cần phải khóc cho người đi không hay là khóc chỉ để cho ta? Tôi, tôi sẽ khóc.

Diễm Trân
Virginia, 11/2013



HAPPY TẾT

77

Thân phận và số phận

Tùy bút

TRẦN TAM NGUYỄN

Ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá... tôi mang hình tượng kéo dài bằng chuỗi ngày nặng trĩu trên vai, bằng hình vóc đón nhận hiện tại nhưng tư tưởng ở trong một giấc mơ dài Trang Tử.

Đời sống là gì và nó đến từ đâu? Vũ trụ chuyên vận như thế nào? Tại sao nó có nhiều thứ thay vì không có gì cả? Từ những nhà toán học đến những triết gia Hy Lạp, đến Einstein và đến thuyết nguyên lượng xuyên qua bởi Newton và Darwin và đã từ hơn 3 ngàn năm con người vẫn chưa tìm ra câu trả lời cho những câu hỏi này.

Lịch sử được gia tốc từ ba hay bốn thế kỷ. Chúng ta đã đi vào thời đại tân thời và hậu tân thời. Khoa học, kỹ thuật, những con số đã chinh phục hành tinh. Hình như lý trí đã mang lại thắng lợi. Lý trí đã cho phép con người thay thế các thánh thần đứng đầu các công việc của thế giới này. Hiện nay chúng ta ở đâu đây? Có phải thượng đế được liệt vào một xó ở viện bảo tàng với những huy hoàng kỳ lạ và với những sức mạnh bị phế? Đời sống có một ý nghĩa không? hay có phải đó là một dấu ngoặc giữa hai chôn huyệt không? Người ta được phép hy vọng cái gì ở phía bên kia của sự chết?

Điều tốt hơn, đẹp hơn, kích thích hơn ở trong thế giới này là những sự bắt đầu. Thời thơ ấu như những buổi ban mai huy hoàng

của những thứ mới mẻ. Hiện hữu thường là định kỳ. Sinh ra đời luôn luôn là một niềm hạnh phúc. Từ buổi ban đầu đã có một sự ngạc nhiên và một sự chờ đợi, một thất vọng nhưng điều đó làm cho thời gian trôi qua với nhiều sắc màu và sự chính đáng của nó. Biết là biết bởi từ những nguyên nhân. Hiểu biết là bước lùi dần trở lại đến những nguồn gốc. Trong rừng sâu, trên biển cả, trong miền cát sa mạc, sự bắt đầu của những bắt đầu, khởi thủy của mọi thứ là những huyền thoại của con người.

Chúng ta có thể luôn luôn trêu chọc và tự tin là tiến bộ và hiểu biết rộng rãi hơn đối với con người ở thời kỳ sơ khai còn dựa vào phép thuật để hiểu biết. Không có gì ngông cuồng hơn là tin vào những sức lực mà người ta không biết gì cả, không thấy gì cả, không nghe gì cả mà chỉ tin vào một duyên tùng quả giữa linh hồn và cơ thể, vào một không khí ether có mặt khắp mọi nơi để giải thích sự truyền giống của những làn sóng sáng rực, cho đến tận cùng lịch sử trước sự tận cùng của thời gian, cho đến sự điều chỉnh cuộc đời bởi một bàn tay vô hình, cho đến cuộc chơi của một sự ngẫu nhiên và một sự cần thiết có thể đủ để giải thích vũ trụ và đời sống này hay cho đến những định chế thần kỳ.

Con người nghĩ gì? Con người đang sống, có mặt ở đó, không từ lâu lắm, trong bao lâu? Không ai biết được điều đó, nhưng cuối cùng họ vẫn ở đó và họ suy nghĩ. Họ nghĩ gì? đến sự vui sướng, đến yêu đương, đến sức khỏe, đến chơi cờ, đến việc đi nghỉ

hè, đến việc kiếm tiền, đến việc dùng trẻ trâu, đến việc nắm quyền hành, đến việc tạo một cái bầy, đến việc chiến thắng được người láng giềng, đến việc thu thập những con tem bưu điện, đến việc làm cách mạng. Những trường hợp tốt đẹp hơn là để cứu một người, để vẽ những bông hoa hay hình đức Phật Di Lạc, đức mẹ đồng trinh, đến việc viết một vở kịch, một cuốn sách, đến việc xây một tòa nhà. Và rồi sau đó, vào một buổi ban mai ở mùa hè trên bờ biển Địa trung hải, họ tự hỏi họ làm gì ở đây, họ đến từ đâu và họ đi đâu?

Dòng đời là không gian, thời gian, là những hiện tượng, những thay đổi, những số phận. Một trong những tên xưng của thời gian là hiện tại, tương lai, quá khứ. Con người suy nghĩ cùng với cơ thể, sống trong một thứ tò mò và gần như không thể giải thích được, dĩ nhiên không có một chút sự thật nào, và chúng ta gọi đó là hiện tại! Hiện tại là một ngục tù không có tường vách, một hàng rào không nhìn thấy, không mùi, không khối lượng, bao bọc chúng ta khắp nơi, Hiện tại không hiện hình, không tồn tại và chúng ta không bao giờ bước ra khỏi nơi đó. Nó không có cơ thể bao giờ, nó không sống ở chỗ khác mà chỉ sống ở hiện tại. Chính ở hiện tại chúng ta nhớ đến quá khứ và chính ở hiện tại chúng ta định hướng trong tương lai. Hiện tại luôn luôn thay đổi và không bao giờ ngừng lại. Và chúng ta là những tù nhân ở trong đó. Cuộc đời chúng ta chỉ là thoáng qua và bất định, tạm thời một cách khốc liệt, bị kẹt giữa một tương lai xâm lấn và một quá khứ gặm mòn. Cuộc đời chúng ta không bao giờ ngừng tự trôi qua trong một hiện tại vĩnh viễn, luôn luôn bất tỉnh và luôn luôn đang sinh nở trở lại.

Trong hệ thống vũ trụ, tương lai bị mờ đục và không thấy trước được. Đó là vai trò, là thiên chức của nó. Sự thắng lợi của chủ nghĩa Thiên chúa giáo, sự chinh phục của người Ả rập suốt bảy trăm năm, sự xuất hiện Staline, Hitler, sự sụp đổ của bức tường Berlin đã không nhìn thấy trước được và cũng không tiên liệu được. Vào thời xa xôi hơn nữa, con người và sự tạo lập hệ thống mặt trời và sự phát hiện đời sống là do những may mắn nhỏ nhoi không đáng kể được tự sinh ra và cũng không thấy trước được. Đã từ lâu, lý trí của con người đã cố gắng thử vượt qua cái hàng rào mờ đục này để tiên liệu tương lai. Trước tiên con người, trong sự sợ hãi và run rẩy, hy vọng mỗi ngày mặt trời sẽ chiếu sáng vào sáng ngày mai như nó đã chiếu sáng vào ngày hôm nay. Không có gì là chắc chắn cả, và không có gì không phải là đề tài cho những mong muốn và cầu nguyện. Nhiều người đã liều chết để được ơn của đấng tối cao cho thấy mặt trời mọc lên trở lại.

Những tờ lịch, những dự án, giờ giấc, lịch trình, ngân sách, những chương trình đã cố gắng thử tập làm quen với một tương lai bất kham và luôn luôn không chắc chắn. Sự chờ đợi của con người thường bị thất vọng, trái ngược với lòng mong muốn. Như thế không ai biết tương lai ở đâu và theo phương thức của Homère (850 trước TC) thì tương lai ở trên đầu gối của thần thánh. Tương lai không ở nơi nào cả nhưng nó không bao giờ quên hiện diện. Tương lai tiến gần đến hiện tại, tương lai lăn tròn trên con người với kiên tâm mãnh liệt. Tương lai là sự ngạc nhiên, bất ngờ, không chờ đợi, và là một loại sững sờ không bao giờ chậm trễ để đổi thay mọi thứ một cách hiển nhiên.

Quá khứ không vắng mặt như tương lai, cũng không vĩnh cửu và tan biến như hiện tại, nó hiện diện nhưng nó bất tỉnh, không ý thức. Quá khứ bỏ đi, quá khứ biến mất, nó không bao giờ bị bỏ rơi trong vai trò của một thể chế. Nó đã có mặt, nó không còn ở đó nhưng nó vẫn còn đó trong một phương cách nào đó. Cho đến thời kỳ sáng chế ra được chữ viết, quá khứ không còn gì khác là trí óc của con người, nó có thể để lại những dấu vết ở đó, những tàn tích, những di sản. Cần phải có lý trí và ngôn ngữ để giải thích những thứ đó. Chữ viết cho phép ấn định trong không gian những biên cố xảy ra kế tiếp nhau trong thời gian và ghi chép lại những thứ đó. Ngôn ngữ là cây nạng chống cho phép ký ức sinh hoạt tiến lùi một cách dễ dàng hơn.

Những bản văn đầu tiên mà trong đó ghi lại cho chúng ta bản tính của những con bò, đánh số mùa màng, nhắc lại những dữ kiện quan trọng của các vua chúa được bảo vệ trực tiếp bởi các thần linh, những con số và những tên tuổi khó nhớ được trong suốt con đường dài của sách sử. Sau đó, sự vật trở nên phức tạp với hàng triệu triệu cuốn sách, trong khi chờ đợi những cuốn phim ảnh, những máy móc giữ gìn tình trạng giả tạo của một quá khứ đã bất tỉnh hôn mê, cảm đoán ý thức và vượt ngoài tình trạng tự chống lại những giải thích trái ngược hơn là chống lại sự lãng quên.

Nhờ vào khoa học, một quá khứ càng lúc càng được khám phá xa hơn dưới mắt chúng ta. Đến thế kỷ thứ 19, theo như những gì được dạy ở Thánh kinh và ở Cựu ước kinh thì không nên đặt vấn đề về quá khứ của con người tính ra đã được gần vài ngàn năm. Charges Darwin thêm vào đó hàng triệu năm đối với tuổi trẻ, đối với thời

thơ ấu và đối với hệ thống phổ hệ loài người. Nhà tu Tiệp khắc Johann Mendel đã khám phá ra luật di truyền, rồi Crick và Watson thiết lập được cơ cấu đường đing ốc đôi của ADN và quy định được mã số về sự sinh thành, di truyền, đưa đến một sự xác định rõ ràng. Vượt trên những con người đầu tiên, và những giống khi là những giống vật gần con người nhất, vượt trên những giống khủng long đã biến mất từ 65 triệu năm trước, vượt trên những giống sứa và những giống rau biển xanh, tổ tiên con người đến tận nguồn gốc đời sống có ít nhất là 4 tỉ năm, thời khắc thuở sơ khai của vũ trụ sau vụ nổ lớn khởi nguồn đã cách nay đến 13 tỉ 7 trăm ngàn năm. Vấn đề còn lại để biết là những gì chúng ta tìm thấy ở tận cùng của cuộc phiêu lưu ngược chiều thời gian đến chỗ bắt đầu đầy huyền bí của tất cả mọi vật ở thế giới này.

Tất cả sinh ra từ một chốn "hầu như không có gì cả" và nơi đó là "tất cả" và thời gian đã thay đổi cái hầu như "không có gì cả" đó thành cái "tất cả" của chúng ta hay cái "hầu như tất cả" đó, trước khi thay đổi một lần nữa trong một tương lai thật xa xôi, cái "tất cả" hay "hầu như tất cả" đó trở thành "hầu như không gì cả" hay "không gì cả". Tất cả chúng ta là những con khi, những bọt biển, những ngọc thạch ở miền nước xanh biếc hay những tinh tú. Chúng đi ra từ một nơi "hầu như không có gì cả" và tất cả chúng ta sẽ quay trở lại chốn đó. Và giữa hai chốn "không gì cả đó", tất cả chúng ta là những phần tử rất nhỏ bé, biệt lập từ "một tất cả" mà chúng ta ở trong đó và cũng là nơi chúng ta bị trói chặt bởi những mối liên hệ không đếm kể được.

Tôi dạo quanh khắp thế giới này. Trái đất lúc đầu thật to lớn bây giờ trở thành nhỏ

bé. Quá khứ làm cho chúng ta ngạc nhiên và trở thành bóng mờ tối đối với chúng ta. Tương lai thì thật kỳ lạ và nó sẽ tự thay đổi rất nhanh thành một quá khứ đầy bụi mờ và già nua. Cuộc đời thật giản dị và rõ ràng nhưng nó vẫn là một bí mật.

Hôm nay một thứ hạnh phúc tràn ngập tâm hồn tôi. Quang cảnh thế giới bên ngoài vẫn như thế, không có gì thay đổi, nhưng tôi cảm thấy nó đã thay đổi ý nghĩa. Mọi người và tôi đều không phải là những người chịu trách nhiệm duy nhất của thay đổi đó. Mỗi người chúng ta là một vòng xích trong chuỗi vòng xích đã vượt khỏi chúng ta rất xa. Một sức mạnh vô hình, không tên tuổi, không ai biết được, một thứ gì khác lạ đối với con người chúng ta, đang canh chừng bước đi của lịch sử, hay hơn nữa, của không gian và thời gian.

Tôi ngược mắt, nhìn mặt trời chói lọi, không thay đổi và đang chiếu sáng khắp nơi, đến tận những ngõ ngách xa xôi không lối vào của quả địa cầu này. Tôi biết rằng con người từ lâu rất quý mến trái đất. Đời sống con người phụ thuộc trái đất này. Nó cho chúng ta hơi ấm và ánh sáng trải dài khắp mọi nơi. Tất cả vẻ đẹp của thế giới đều có liên quan với những tia ánh sáng này. Đó là hình ảnh bình thường và thường xuyên bất tận như thể, nó đã diễn ra từ lâu lắm rồi mà chúng ta vào hôm nay thường tự hỏi mặt trời sẽ mọc vào ngày mai như nó đã mọc vào hôm qua và mọi người tin tưởng một cách tự nhiên là nó luôn luôn còn đó. Nhưng thật sự nó đã xuất hiện vào một thời kỳ trong những điều kiện mà chúng ta đã được biết những nét chính yếu và nó sẽ biến mất trong tương lai mà chúng ta có khả năng tính toán trước được. Tất cả đều

trôi qua, đó là biểu tượng tốt đẹp của mọi thứ kể cả mặt trời.

Chiều xuống dần và đêm đến, những ngôi sao trên trời đã hiện ra. Theo khoa học, chúng ta cũng đã biết tất cả những chuyên động, bản thể và số phận của chúng. Chúng ta cũng biết được những mối liên hệ đã kết hợp chúng ta mà thật ra chúng ta chỉ là những hạt bụi của những ngôi sao trên trời. Oscar Wilde đã viết rằng: "tất cả chúng ta cùng ở trong một ống công, nhưng có một số người trong chúng ta ngắm nhìn những ngôi sao". Chúng ta hãy mơ một chút, một thoáng qua nhưng tất nhiên rất mạnh mẽ, hay lúc đầu mỏng manh như một đường giây ngăn ngủi huy hoàng ở mỗi ngày của cuộc đời chúng ta.

Những đám mây đen bay đến và trời bắt đầu mưa. Thật là một phép lạ, một may mắn. Sau thời gian và sau ánh sáng, có nước, có đại dương, có ao hồ, có sông sâu, có những tảng băng tuyết, có những thác nước, những núi cao, những ngọn đồi, những thung lũng, những đèo núi, những đồng bằng, và những rừng rú. Còn có những cây cối rất duyên dáng. Cái vẻ đẹp của thế giới này nằm trong những cây cối. Có những cây sồi, cây thông, cây ô-liu, cây nho, rồi những hoa hồng và những sa mạc. Có những con người, cũng có những con voi, những con lạc đà, những con chuột, những con chuột xạ, những con chim cú, những con hươu cao cổ và những con mèo. Có những người đàn ông và những người đàn bà. Đàn bà là những con người như những con người khác và ngược lại. Còn may mắn hơn nữa một trên hai con người là đàn bà. Tuy nhiên tất những gì khác biệt trong thế giới này đều có vẻ giống nhau và

ngược lại tất cả những gì giống nhau lại khác nhau.

Trong chúng ta có những phần tử tài ba thiên thần, họ suy nghĩ, họ biết khám phá ra được lửa, được những con ngựa, họ sáng chế ra được những dụng cụ, bánh xe, canh nông trồng trọt, chữ viết, kỹ nghệ, điện tử, họ xây cất những thành phố càng lúc càng đẹp hơn, nào Babylone, nào Memphis, nào Athènes với Acropole, nào Milet, Pergame, nào Rome trên bờ sông Tibre, nào Paris trên bờ sông Seine, New-York, luôn luôn đứng vững và với vẻ vinh quang chiến thắng, nhưng có lẽ không phải cho thật lâu dài, và một điều chắc chắn là không phải cho vĩnh viễn, nào những kim tự tháp, những đền đài, lăng tẩm, thánh đường Hồi giáo, giáo đường Thiên chúa giáo, những ngôi chùa Phật giáo vĩ đại, những cầu kiều, những xa lộ, những tượng thần. Những người tài ba đó cũng đã tạo dựng những vũ điệu, ca nhạc, những tiểu thuyết và nhiều thứ khác. Họ đã vun xới đất đai và cũng chính họ làm tàn rụi đất đai. Họ đã làm cho thế giới đẹp hơn và chính họ lại phá nát thế giới đó. Chúng ta bị bao quanh bằng những hư hại của "hư không" hay là những gì chúng ta gọi là "chỗ không có gì cả", có lẽ nơi đó là một nơi "tất cả" thực tế hơn chỗ "hư không" của chúng ta, và rồi đến một ngày nào đó chúng ta sẽ rời khỏi nơi này để trở về nơi chỗ "tất cả" đó. Điều xấu xa, bất hạnh nằm giữa chúng ta, nó pha lẫn với sự đẹp đẽ, và nhiều khi nó còn lẫn lộn nhau. Những vẻ đẹp, thiện, ác, luật pháp, công bằng, chân lý, sự ngẫu nhiên, sự cần thiết, sự tự do, lịch sử đã làm đảo lộn đầu óc của chúng ta. Chúng ta là những con chuột chạy rất nhanh về mọi hướng, những lục lạc điên cuồng, linh động, những người múa rối say

sưa và là những người lùn mơ thành những người khổng lồ.

Tất cả những ai sinh ra đều sẽ chết. Tất cả những gì xuất hiện trong thời gian sẽ biến mất trong thời gian. Cách nay gần mười bốn tỉ năm, sau vụ nổ lớn khởi nguồn của vũ trụ, bắt đầu mọi thứ, lúc đó chỉ có tương lai. Đến lúc cuối cùng của thế giới này và của thời gian này, sẽ chỉ còn quá khứ. Cũng giống như một người lúc vừa mới sinh ra không có quá khứ, chỉ có hiện tại và tương lai, khi lớn dần thì có một chút quá khứ vì thời gian trôi qua và khi đến tuổi già thì không còn tương lai nữa hoặc tương lai không phải của chính mình mà của con cháu, cùng với quá khứ và hiện tại. Tất cả hy vọng và quá khứ của con người sẽ thay đổi thành kỷ niệm. Triết gia Pháp J.P.Sartre cho rằng kỷ niệm là những đồng tiền trong hồ bao của ác quỷ khi mở ra chỉ còn là những lá khô. Cao Hành Kiệt được giải thưởng Nobel về văn chương vào năm 2000 viết rằng: kỷ niệm giống như rượu mạnh theo một tiến trình bốc hơi và làm cho chúng ta say men của nó. Và cũng có người cho rằng kỷ niệm là một cái gì quý giá để ấp ủ, để nâng niu và để yêu dấu. Nhưng kỷ niệm để cho ai? nó sẽ chỉ còn cái "không gì cả" vĩnh cửu tự lẫn lộn với cái "tất cả" và lúc đó thế giới, vũ trụ biến mất khỏi con người và nó sẽ trở lại ở nơi mà chúng ta gọi là thượng đế.

Mộng tưởng và mất mát luôn luôn song hành. Có những giấc mộng nghiệt ngã, những giấc mộng thật khắc nghiệt không thể thực hiện được hoặc muốn thực hiện thì phải mất mát quá nhiều không tương xứng để thực hiện. Lúc đó chúng ta thường phải quay trở lại từ đầu để có được trái tim, ý tưởng lúc ban đầu.

Không ai có thể biết trước được số phận hay định mệnh và không ai có thể tránh né, thoát khỏi định mệnh của mình, nhưng chúng ta biết được rằng tư tưởng hay ý nghĩ sinh ra lời nói. Lời nói sinh ra hành động. Hành động tạo thành thói quen. Thói quen tạo nên nhân cách hay cá tính. Nhân cách sinh ra định mệnh hay số mệnh và đó chính là cuộc đời của mỗi người.

Đọc một cuốn sách là chấp nhận thối

ước về sự rộng lượng, lòng khoan hồng giữa tác giả và độc giả, bên này tín nhiệm và tin cậy bên kia. Viết một cuốn sách phải chăng là một cái gì đưa đến một cách thực tiễn trong thế giới của nó? Tôi cố gắng gom góp những điều cốt yếu trong suy luận của tôi : Thứ nhất, thế giới thực là cuộc đời thực, chúng ta sống trong đó, chúng ta có thể hành động, có thể chia sẻ với những người khác, giống như chúng ta, những con

người. Thứ hai, khác với thế giới thực là thế giới tưởng tượng, của giả tưởng, hư tưởng và của mơ tưởng. Thế giới này phản ảnh sự khách quan của mỗi độc giả theo trí óc tưởng tượng riêng tư. Một cuốn sách được viết nhưng không được xuất bản nên không được ai đọc, và câu chuyện bị chết đi vì không được ai ghé mắt vào. Một nhân vật trong cuốn sách được thành hình khi có một độc giả đọc nó và cho nó một đời sống bằng cách kết hợp cho nó những hình ảnh và những hình ảnh đó sáng tạo ra thế giới tưởng tượng trong đó các nhân vật được tiến hóa. Một khi cuốn sách được xuất bản

và được để trong thư viện thì nó có một đời sống và không còn hoàn toàn thuộc về tác giả nữa bởi vì nó cũng đã thuộc về độc giả và những nhân vật trong truyện được làm sống động theo đầu óc tưởng tượng của độc giả, nhiều khi nó không còn giống như lúc đầu theo tưởng tượng nữa mà nó được thay đổi theo sự tiến hóa của đầu óc người đọc. Như thế một cuốn sách được viết bởi tác giả, được đọc bởi độc giả, hay nói cách khác tác giả viết, độc giả đọc, tạo ra một cuốn sách và cuốn sách đó sáng tạo ra một thế giới tưởng tượng. Như thế sự hợp tác

giữa tác giả và độc giả cũng đã tạo ra một thế giới tưởng tượng.

Nhân vật trong cuốn sách sống trong thế giới tưởng tượng, còn chúng ta sống trong thế giới thực tế. Hai thế giới này riêng biệt không thể đi xuyên qua nhau được vì không có cánh cửa nào giữa hai thế giới đó. Nhưng có những trường

hợp nhân vật trong truyện đi vào thế giới thực tại, vì một cuốn sách được xuất bản và có nhiều người đọc nhưng bản in bị nhầm lẫn không có chữ ở giữa cuốn sách, nhân vật bị té xuống nên đã đi vào thế giới thực tại. Bị té xuống vì lúc đó không còn độc giả nữa (vì sách đến lúc đó không có chữ xuất hiện nữa). Nên nhớ, đọc một cuốn sách là chấp nhận một minh ước giữa tác giả và độc giả và cả hai đã tạo thêm một thế giới tưởng tượng. Một nhân vật ở thế giới tưởng tượng khi đã đi vào thế giới thực thì không sống lâu được vì thể chất khác nhau, nếu muốn cứu sống nhân vật đó thì tác giả phải tiếp tục



viết với dòng đời của nhân vật và làm sống lại cuốn sách bằng cách phải xuất bản cuốn sách mới đó và phải có người đọc thì lúc đó cánh cửa giữa hai thế giới thực và tưởng tượng sẽ được mở ra để cho nhân vật của cuốn sách được trở về với thế giới tưởng tượng. Có thể nào cũng áp dụng phương pháp đó cho trường hợp một con người đang sống trong thế giới thực tại bị đi lạc vào thế giới hư tưởng có thể trở về với thế giới thực tại không?

Tôi đã nhận thức rõ ràng trong suốt thời kỳ viết tiểu thuyết, tôi đã thường đi trên một sợi giây. Sự viết lách đã khiến tôi ngập lặn trong một tình trạng lạ lùng: sự thật dần dần nhường chỗ cho giả tưởng, những nhân vật người hùng trong tiểu thuyết của tôi nhiều khi đã trở thành rất thật mà chúng đi theo tôi khắp mọi nơi. Những đau khổ, những nghi ngờ, những hạnh phúc của chúng đã trở thành của tôi và đã tiếp tục ảnh hưởng đến tôi đến khi chấm dứt cuốn tiểu thuyết. Những nhân vật đó đã theo đuổi trong những giấc mơ của tôi và tôi họ quay trở lại vào buổi sáng ở bàn ăn vào lúc điem tâm. Những nhân vật đó theo tôi khi tôi đi mua những đồ dùng, khi tôi ăn tối ở tiệm ăn, khi tôi đi phòng vệ sinh, ngay cả khi tôi làm tình. Đó là tình trạng cùng một lúc ngây ngất và xúc động, say sưa và đảo lộn, nhưng cho đến hiện tại tôi đã nhận biết ngăn chặn sự cuồng loạn êm ái này trong khuôn khổ của lý trí. Nếu những xáo trộn lạc hướng thường làm cho tôi bị nguy hiểm, chúng chưa bao giờ đưa đến bên bờ của sự điên cuồng.

Nàng ngẩng đầu lên và nhắm mắt lại, giống như để dâng tặng bộ mặt xinh xắn đẹp đẽ của nàng trước ngọn gió heo may của buổi sớm mai. Trong đời sống thực, có

nhiều mùi vị, không khí có nhiều dưỡng khí hơn, phong cảnh tràn đầy những màu sắc làm cho người ta ham muốn thường xuyên những khoái lạc. Thế giới ảo tưởng thật sự nằm trong khuôn khổ hạn định. Tuy nhiên có những người đọc tiểu thuyết để trốn chạy, vượt ra khỏi thực tế. Anh có lẽ giỏi về kể một câu chuyện, hay vẽ những cảm xúc, những đau đớn, làm cho đẹp trái tim, nhưng anh không biết mô tả những gì làm muối mặn trong cuộc đời, đó là những mùi vị. Đó là khuyết điểm của một văn sĩ. Mùi vị đó là gì? Thí dụ như mùi vị của trái xoài mà chúng ta vừa mới mua..

Nếu hôm nay địa cầu ngừng quay, tôi sẽ lặng lẽ đưa nàng rời thành phố đến miền đảo giữa đại dương có gió trong lành để tìm lại mùa hè. Nếu hôm nay biển không còn bốc hơi nước nữa, tôi sẽ tìm được trong túi hành trang một cái cuốc, một dụng cụ xúc đất và tôi sẽ gieo các giống hoa trên những miền đất duyên hải. Nếu hôm nay bầu trời trở thành một ngọn lửa hồng, tôi sẽ nướng cho nàng món bánh cánh tiên với rượu mật ngọt và mùi cam ngọt ngào. Nếu hôm nay gió nổi cơn thịnh nộ, thổi tràn khắp nơi thì tôi sẽ cùng nàng đi đến những hành tinh trong chiếc phi thuyền bươm của tôi để chúng tôi thấy sự trong sáng của trái đất. Nhưng nếu sáng mai này nàng thôi, không còn yêu tôi nữa, tôi không thể nói rằng tôi sẽ chết vì lẽ rằng hơi quá đáng. Tôi chỉ nghĩ rằng tôi sẽ như sòng cờ bạc casino vắng ngắt không người, như một chiếc ghế nằm chổng chênh trên một cái bàn bỏ quên và đáng tôi thật tội tệ, nhưng cũng có thể liền sau đó nếu tôi không sống nữa để uống say trong đôi mắt nàng thì tôi chắc rằng tôi sẽ làm một con ma sung sướng.

Trong những ngày tháng cuối năm, hình ảnh "ông già Noël" thật sống động, ông già Noël biết hết tâm ý của từng người. Trẻ con nào cũng tin chắc ông già Noël là có thật, cho đến một ngày chúng bắt đầu nghi ngờ ông già Noel không hề có thật! Chúng đã va chạm với xã hội và thấy dường như cuộc đời không hề có phép lạ. Đó là câu chuyện xảy ra trong thư của ông F.P Church chủ bút tạp chí Sun trả lời cho em bé Virginia 8 tuổi vào năm 1897 khi em này đặt câu hỏi ông già Noël có thật không? "Trong vũ trụ con người nhỏ bé như một con côn trùng tí hon. Đầu óc của một con kiến không thể hiểu được toàn bộ thực tại. Em Virginia à! ông già Noel có thật... Ông già Noël có thật cũng như tình yêu, lòng khoan dung, rộng lượng và sự thủy chung đều có thực. Nhờ tất cả thứ ấy có thực mà cuộc đời của chúng ta mới sáng sủa và tươi đẹp. Nếu không có ông già Noël thì thế giới của chúng ta tối tăm biết bao. Khi đó thì cũng không có em Virginia, không có niềm tin, không có thi ca, không có gì làm cho cuộc đời này có thể kham chịu được nữa..." Ông F.P Church viết tiếp "không ai có thể thấy tận mắt ông già Noël. Điều đó chưa chứng minh được gì cả. Mọi sự trọng đại nhất thường thì phần lớn chúng ta không thấy tận mắt được ... Bất cứ khi em thấy cái gì thì em cũng không thấy hết cái toàn thể đâu. Tại sao? Vì có một tấm màn ngăn che một thế giới đích thực mà không có sức mạnh nào trên thế giới này xé rách nó được. Chỉ có tình yêu và thi ca mới vén được nó lên mà thôi. Thì lúc đó ta mới thấy vẻ đẹp và sự lộng lẫy nằm sau bức màn đó ..." Em Virginia, sau khi đọc thư này, em vẫn nửa tin nửa ngờ vì em muốn biết có một ông già Noël bằng xương bằng thịt hay không mà

em có thể rình bắt trong đêm Giáng sinh. Có thể em vẫn còn ám ức, nhưng lá thư đã mở cho tâm em một cách nhìn mới và đặt ngược cho em một câu hỏi hoàn toàn bất ngờ đó là "tình yêu, lòng rộng lượng và sự thủy chung có thực hay không?" Em sẽ tự trả lời bằng trải nghiệm của chính mình trong cuộc đời còn non trẻ của em. Và khi trả lời câu hỏi đó, em sẽ biết ông già Noël là ai, có thực hay không. Tác giả bài báo đã chỉ cho Virginia kiếm ông già Noel bằng tâm chứ không phải bằng mắt. Đó là nghệ thuật của giáo dục và cũng là một nền triết lý sâu thẳm. Những ai hiểu ý tác giả chắc hẳn mong cho em Virginia sẽ tìm thấy "tình yêu, lòng rộng lượng và sự chung thủy, để biết rằng ông già Noel nằm ngay trong tâm mình và đời em sẽ có một lần vén bức màn đó để thấy "vẻ đẹp và sự lộng lẫy" nằm sau một thế giới có nhiều bóng tối hơn ánh sáng. Và mọi người biết rằng bài báo này không chỉ để dành cho trẻ con. Sau những dòng chữ đơn giản hiện ra một chân lý mà hình như nhiều người đã quên. Đó là tình thương yêu giữa người và người là điều có thực và chỉ trái tim mới phát hiện ra được nó. Chỉ có tình yêu và thi ca mới vén bức màn cho ta thấy đằng sau nó có gì. Bức màn đó đang được đan kết ngày càng dày kín trong xã hội đông tây, trong mọi trật tự kinh tế, mọi dân tộc, mọi tôn giáo. Nó được xây dựng bằng đầu óc lý luận, bằng quyền lợi...

Và dòng đời vẫn trôi, ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá... tôi đón nhận hiện tại nhưng tư tưởng ở trong một giấc mơ dài Trang Tử./.

Trần Tam Nguyên
(Paris)

ĐƯỜNG VỀ LA MÃ

Nguyễn Quý Đại



Lịch sử 300 năm đầu của Giáo Hội Chúa Giêsu Kitô, xét về phương diện bên ngoài, thật là thê thảm: tiếp theo Đấng Sáng Lập, Các Tông Đồ, Môn Đệ và những kẻ tin theo Người đã bị cấm đạo và bách hại, nghĩa là mất quyền công dân, bị tước đoạt tài sản, bị bỏ tù, tra tấn dã man và bị hành quyết, thậm chí sau khi chết không còn được chôn cất trong mộ lộ thiên, mà phải xuống hầm sâu, do đó có các hang toại đạo Catacombe. Nhưng sau nhiều đời mà các Hoàng Đế Roma hết sức tàn ác với Đạo Công Giáo như thế, thì từ năm 313 Hoàng đế Constantin I, ký một sắc lệnh „chiếu chỉ“ ở Milano (Mailänder Vereinbarung/ Edit of Mailan) chính thức tha đạo. Đây là một trong những thay đổi lớn nhất trong lịch sử nhân loại, thay đổi hẳn bộ mặt của nền văn minh La Mã lâu đời.

Hoàng đế Constantin I sinh năm 280, năm 306 trị vì Đế quốc La Mã cho đến khi mất †22.5.337 được tôn vinh là một Đại Đế. Năm 313-318 ngài cho xây Đền Thánh đầu tiên cho Đức Giáo Hoàng (Vương Cung Thánh Đường Thánh Gioan) ở Điện Laterano để dâng kính Chúa Cứu Thế, (Basilica di San Giovanni in Laterano), là Nhà Thờ Chính Tòa của Roma. Thánh Đường này được ĐGH Sylvester (triều đại 314-†335) thánh hiến năm 324 và từng mang danh hiệu là „OMNIUM URBIS ET ORBIS ECCLESIAE MATER ET CAPUT“, Mẹ và Đầu của tất cả các thánh đường ở Roma và trên thế giới.

Triều đại ĐGH Gregorio I (590-†604) đền thờ được dâng kính thêm cả hai Thánh Gioan (a) Tây Giả và Thánh Gioan (b) Tông Đồ (tiểu sử hai Thánh Gioan theo mục A và B kế tiếp). ĐGH Lucio II đã ấn định tên đền thờ như hiện nay, Đền Thờ Thánh Gioan Laterano nhiều lần bị tàn phá vì địch quân, động đất, hỏa hoạn, và bỏ rơi suốt hơn 73 năm vắng chủ khi giáo triều dời tới Avignon, Pháp, được xây lại như ngày nay thời ĐGH Sixto V (1585-†1590). Trong Thánh Đường này, đã nhóm họp các Công Đồng Laterano để cải cách Giáo Hội vào những năm 1123, 1139, 1179, 1215 và 1512.

Thánh đường dài 130m, có 5 gian. Gian chính dài 87m, rộng 16m, có tượng 12 Thánh Tông Đồ bằng đá cẩm thạch trắng. Từ ngoài vào bên phải đền thờ có đàn

phong cầm vĩ đại với hai ngàn ống. Sau tòa giám quản có Giếng Rửa Tội (theo truyền thuyết, chính Hoàng Đế Constantin I được ĐGH. Silvestro I triều đại 314-†335 rửa tội nơi đây). Quảng trường nhỏ bên hông trái, có tháp bút Obelisk cao 32,18m (cao nhất ở Roma) nguồn gốc tháp bút này của vua Ai Cập Thutmosis III (trị vì từ 1479-†1458 v. Chr.) dựng ở phía đông đền Amun Theben (Karnach Luxo) Năm 337 được Hoàng đế Constantin I cho mang về Roma...

Đền Thờ Thánh Gioan tại Laterano, nhắc nhở cho Kitô hữu "Hồng Ân bí tích Rửa Tội", di tích thời đầu hưng thịnh của Thiên Chúa Giáo ở Roma. Năm 1300 Đức Bonifacio VIII đã ký sắc chỉ khai mạc Năm Thánh đầu tiên trong lịch sử Giáo Hội Công Giáo. Chính giữa đền thờ có phiến đá che mộ của ĐGH Martin V (1417-1431) để ghi nhớ ngài. Trên bàn thờ chính còn giữ cái bàn thờ gỗ cổ, theo truyền thuyết thì Thánh Phêrô và các đáng kể vị làm lễ tại đó.



Bậc Thang Thánh

Scala Sancta/ the Holy Stairs/ Heilige Treppe ở trong nhà thờ nằm đối diện với Đền Thờ Thánh Gioan Laterano. (Theo truyền thuyết, Cầu Thang Thánh là những bậc đá đã thấm máu Chúa Giêsu, do Hoàng Hậu Helena bóc ra từ Dinh Tổng Trấn Pontius Pilatus ở Jerulalem đem về. Đã thấm máu Chúa Giêsu vì sau khi bị đánh đòn rách da, chảy máu đầm đìa, Pilatus dẫn Người qua cầu thang đó để chỉ cho dân thấy

mà thương với câu bắt hủ "ECCE HOMO" Đây Là Người Ấy.

Thang Thánh có 28 bậc bằng đá cẩm thạch trắng bọc gỗ cho khỏi mòn, nằm chính giữa, hai bên có hai cầu thang bằng đá để sử dụng chung. Kitô hữu với lòng sùng kính cầu nguyện đi lên Cầu Thang Thánh bằng đầu gối. Như đã nói trên, Thang Thánh này được đưa về Roma khoảng năm 326 sau CN do Hoàng hậu Flavia Iulia Helena (248-†330) là vợ của Hoàng đế Constantius và mẹ của Hoàng đế Constantin I. Hoàng hậu Helena nhờ đức

tin và lòng sùng đạo của bà đã ảnh hưởng rất nhiều đến Constantin I là vị Hoàng đế đầu tiên chịu phép rửa tội. Bà cũng là người tìm kiếm được cây thánh giá thật của Chúa Giêsu. Ba cây thánh giá được tìm thấy trên núi Canve cùng với các mũi đinh và tấm bảng gắn trên thánh giá. Hoàng hậu Helena cho xây một thánh đường nguy nga trên đỉnh Canve và cho đặt thánh tích quý báu là cây thánh giá

của Chúa Giêsu trong cung thánh. Helena còn cho xây một Thánh đường khác trên núi Olive. Bà được tôn vinh là một vị Thánh

Hang Toại Đạo Catacombe

Từ Đền Thánh Gioan Laterano đi xe bus số 128 đến hang toại đạo, tài xế xe bus không thông báo tên các trạm đến, nên phải đếm bao nhiêu trạm để xuống Catacombe. Đường chính giữa đi lên đồi giữa những hàng cây xanh điểm vài cánh hoa màu rực

rõ, từ xa đã nghe tiếng kinh cầu nguyện, ở bên trái là nhà nguyện kinh thánh ĐGH. Sixto/ Sixtus và thánh nữ Cecillia (xem tiếp phần C) Du khách phải xếp hàng mua vé, người lớn phải trả 8€, bên phải lối vào hang Toại Đạo có hướng dẫn viên giải thích các ngôn ngữ (Anh, Pháp, Đức...). Từ 12 đến 14 giờ nhân viên nghỉ trưa không làm việc.

Hang toại đạo Catacombe là nghĩa địa cổ kính nhất từ thế kỷ I của người Kitô hữu trong các thời bắt đạo vì người theo đạo mất quyền công dân, không được chôn cất trên mặt đất như người dân thường, nên phải tìm chỗ chôn trong lòng đất. Hãy lưu ý rằng, đây không phải là nơi các tín hữu sinh sống, như nhiều người trước kia tưởng lầm, tuy các tín hữu đã tụ họp bên phần mộ những Thánh Tử Đạo và các người thân vào những dịp dâng Thánh Lễ và cầu kinh. Thánh nữ Cecillia và các Giáo Hoàng mai táng ở đây là: Thánh Sixto, Thánh Antero, Thánh Fabiano, Thánh Lucio I và Thánh



Eutichiano, với bia mộ nguyên ngữ Hy Lạp, từ ĐGH. Callisto trở đi cho đến cuối thế kỷ III. Các phần mộ này được ĐGH Callisto nói rộng, sau đó ĐGH. Damasco cho tu sửa thêm các bức vẽ trên tường và được tôn kính cho đến thế kỷ XV. Các nhà khảo cổ đã khám phá được hơn 40 hang toại đạo các đường hầm ngang dọc tổng cộng trên 12 km².

Các hang Toại Đạo là đường hầm rộng, hẹp khác nhau nhiều tầng sâu 7 hay 8m dưới lòng đất, sâu nhất là 22 hay 25m.

Càng xuống sâu càng lạnh và tối hơn. Hai bên đường hầm có đào các học giống như quan tài để mai táng xác người với y phục và đồ trang sức lúc còn sống. Người ta lập các học bằng đá cẩm thạch hay bằng đất sét nung, bên ngoài có viết hay khắc tên người chết. Những mộ xưa nhất bằng tiếng Hy Lạp, sau này thì bằng tiếng La Tinh các chữ "Trong an bình" và các hình khác nhau như chim bồ câu, cành vạn tuế, hay chạm trổ các cảnh từ kinh thánh Cựu ước và Tân ước. Cảnh Tô phụ Abraham tế lễ, Moshe cho nước vọt ra từ đá, Noe trong tàu, Daniel trong hầm sư tử. Chúa Giêsu cho Ladarô sống lại, các hình tượng trưng cho Bí tích Thánh thể, bí tích rửa tội...

Các đường hầm này cũng thường gặp nhau tại những phòng rộng lớn khác nhau gọi là để chôn cất nhiều người trong cùng một gia đình. Các học chôn cất hài cốt các vị tử đạo, bên trên có vòm thường được trang hoàng với các bức vẽ. Ngày nay

phần lớn các nghĩa địa này trống rỗng, vì đã bị đào bới ăn cắp đồ cổ, đồ trang sức vàng bạc. Hài cốt được cải táng đến nơi khác. Hang toại đạo còn là nơi hành hương và tưởng nhớ những Kitô hữu phải trốn cầu nguyện trong những điều kiện khắc nghiệt như thế để bảo vệ đức tin của mình. Dù bất cứ thời đại nào, chế độ độc tài, đàn áp, cấm đạo không thể đè bẹp được đức tin thiêng liêng trong tâm hồn của con người. Chúa dạy: *"Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn*

nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác” (Ga 12,23-24).

Vương Cung Thánh Đường Đức Bà Cả / Santa Maria Maggiore/ Sankt Marien Schnee.

Thánh đường Đức Maria xây vào thế kỷ thứ 4 dưới thời ĐGH Liberio/ Liberius theo truyền thuyết, Đức Trinh Nữ Maria hiện ra với ông Thị trưởng Giovanni/ John/ Johannes. Ông đồng ý hiến tặng dinh cơ của mình để tôn vinh Mẹ Thiên Chúa, nhưng không biết nên làm những gì. Nhà quý tộc này và Đức Thánh Cha trong một đêm đã cùng mơ thấy Đức Trinh Nữ yêu cầu xây một thánh đường tôn vinh Mẹ tại đồi Esquiline, nơi có tuyết phủ một cách lạ thường vào đêm 5 tháng 8. Theo sự hướng dẫn của Mẹ nhà Thờ được xây tại địa điểm như hiện nay. Ngôi thánh đường này mang tên là Vương Cung Thánh Đường Liberio, được ĐGH Sixtô III cung hiến cho Đức Maria sau khi Công Đồng Chung Epheso năm 431 tuyên bố tín điều Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa. Ngôi thánh đường chính là một sự nhắc nhở tuyệt đẹp về tình yêu và lòng tôn kính mà Giáo Hội tặng cho Mẹ Thiên Chúa. Danh xưng “Cả” được thêm vào danh hiệu “Thánh Đường Đức Bà” bởi vì đây là ngôi thánh đường đầu tiên được xây cất ở Tây phương để tôn kính Đức Mẹ, là một trong bốn Vương Cung Thánh Đường lớn ở Roma. Việc cung hiến Đền thờ Đức Bà Cả được cử hành vào ngày 5-8 hằng năm, dựa theo truyền tụng ấy, người ta gọi là lễ Đức

Mẹ Xuống Tuyết. Trên trần đền thờ ở khung thứ 3 vào ngày lễ được mở ra để những cánh hoa hồng trắng rơi xuống bàn thờ ghi dấu sự kiện tuyết rơi một cách kỳ diệu trên Đồi Esquiline hồi thế kỷ 4. Bên trong thánh đường lưu giữ máng gỗ nơi Chúa Hài Nhi chào đời, máng gỗ biểu lộ lòng tôn kính ngài. Mùa giáng sinh chúng ta thường hát nhạc phẩm Hang Belem „*Hát khen mừng Chúa giáng sinh ra đời Chúa sinh ra đời nằm trong hang đá nơi máng lừa. Trong hang Belem... ..*” Ôn gọi của Mẹ là đưa chúng ta đến với Chúa Giêsu. Tất cả



các ĐGH tiên nhiệm đều đến tạ ơn Mẹ sau khi được bầu. Ngày 14.3.2013 ĐGH Phanxicô viếng Thánh Đường đầu tiên tạ ơn Đức Mẹ. Trong buổi đọc Kinh Truyền Tin Chúa Nhật 4 tháng 8, ĐGH Phanxicô nói đến Đức Trinh Nữ Maria, Đấng Bảo Trợ của dân thành Roma: “*ngày 5 tháng 8, dân thành Roma chúng tôi tưởng nhớ Mẹ, Chúng ta hãy cầu xin Mẹ che chở chúng ta, hãy cùng nhau dâng một lời chúc mừng Mẹ...*”



Những ngày đầu nhóm chúng tôi 4 người và 1 cháu bé. Hai ngày sau thêm 3 người đến từ Munich cùng hiệp thông cầu nguyện tại Thánh Đường Đức Bà Cả. Cầu xin Mẹ nhận lời cầu nguyện của chúng con và gìn giữ chúng con bên Mẹ. Xin Mẹ chăm sóc chúng con như một người mẹ bảo bọc những đứa con yếu đuối của Mẹ. Cầu xin Mẹ ban phước lành cho quê hương Việt Nam của chúng con tôn giáo không bị đàn áp, sớm có tự do dân chủ và giàu mạnh „Thánh Maria, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con...”

Đài phun nước Trevi tráng lệ, Fontana di Trevi/ Trevi-Brunnen

Roma có nhiều đài phun nước nhưng nổi tiếng là đài phun nước Trevi, đi Metro trên tuyến đường A: Battistini- Anagnina, xuống trạm Spagna là trung tâm thành phố hay trạm Barberini-Fontana Trevi, rất nhiều du khách tìm đài phun nước Trevi.

Theo tài liệu năm 1730 ĐGH. Clement XII triều đại (1730 -† 1740), tổ chức cuộc thi xây dựng lại đài phun nước. Năm 1732-1762 xây theo thiết kế của Nicola Salvi và Baroque phong cách tân cổ điển. Đài phun nước Trevi bao gồm một mặt tiền cung điện, được thiết lập giống như một khái

hoàn môn. Vật liệu sử dụng là đá cẩm thạch lấy từ Carrara, nguyên thủy là miệng của một máng dẫn nước thời La Mã cổ đại cung cấp nước cho thành phố từ nguồn nước tinh khiết cách đó hơn 10km, nước phun lên và đổ vào một bể cạn lớn. Đài phun nước Trevi cao 26m, rộng 50m, ở giữa đài phun là tượng hai vị thần Neptune và Oceanus. Trung tâm của đài phun là bức tượng thần biển khổng lồ đứng trên cỗ xe được điều khiển bởi hai vị thần đầu người thân cá. Phía trên là bốn bức tượng đại diện cho bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Trong hốc trái và phải của Oceanus là những bức tượng, tượng trưng cho sức khỏe và sinh sản... Những hàng chữ khắc tỏ lòng tôn kính ĐGH. có công trong việc xây dựng. Đài phun nước được ĐGH. Clement XII trao vương miện.

Đài Trevi được tu sửa qua những năm: 1872, 1989, 1991 và 1999 giữ được nét đẹp cổ kính, từ lâu Trevi là nơi gửi gắm ước mơ, hy vọng của rất nhiều du khách. Theo truyền thuyết ngày xưa người ta đến đây uống một ngụm nước và ném tiền, ngày nay người ta thường ném xuống đài phun nước hai đồng tiền, một dành cho các mơ ước riêng, hai trở lại Rome thêm một lần nữa. Để lời cầu ước linh nghiệm, du khách nhớ quay lưng lại, ném tiền xuống nước bằng tay phải qua vai bên trái. Ước nguyện có thành sự thật hay không? nhưng du khách không tiếc khi ném đồng tiền xuống hồ nước trong xanh. Hàng năm thành phố thu được 1 triệu Euro cho cơ quan Caritas giúp người nghèo. Một tuần lễ ở Roma quá ngắn, chúng tôi mong trở lại Roma với nhiều thì giờ hơn để đi thăm các danh lam thắng cảnh đẹp và những di tích qua các thời hưng thịnh của Giáo Hội Công Giáo.

Nguyễn Quý Đại

Con chân thành cảm ơn Cha Trần Mạnh Duyệt quản lý nhà nghỉ Phát Diệm, góp ý để bài viết hoàn hảo sáng tỏ hơn.

Tài liệu đọc thêm

A/ Gioan Tẩy Giả, Johannes der Täufer/ John the Baptist hay Gioan Tiên Hồ, sinh khoảng năm 6 TCN - mất khoảng năm 36 SCN) là một nhà giảng đạo là một vị tiên tri lớn trong các tôn giáo như Kitô giáo (Christianity), Hồi giáo (Islam), Bahá'í Faith... Ông đã dẫn đầu một phong trào rửa tội tại sông Jordan.

Theo Tân Ước, Gioan là người sống du mục và khổ hạnh đã thu hút được nhiều môn đệ loan truyền cho sứ vụ hoạt động của Chúa Giêsu, ông thực hiện nghi thức thanh tẩy (phep rửa) cho Chúa Giêsu tại sông Jordan. Phúc âm theo Thánh Luca: Gioan là anh em bà con với Giêsu vì mẹ ông- bà Elizabeth - là chị họ của Maria mẹ Giêsu. Trong chương đầu tiên của Tin Mừng, Thánh Gioan đã viết: *"Ngôi Lời là ánh sáng thật, ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người."* Phúc Âm: Mt 14, 1-12

Tại sao Thánh Gioan bị trảm quyết?

Vua Herode lấy vợ của anh là bà Herodias, Gioan lên tiếng quở trách, khuyên vua rằng: Vua không được lấy vợ của anh Ngài" (Mc 6, 18). Đúng như lời Kinh Thánh: " Có một người được Thiên Chúa sai đến, tên là Gioan đến để làm chứng, và làm chứng về ánh sáng..."(Ga 1, 6-7). Vua muốn giết Gioan nhưng lại sợ dân chúng vì họ coi Gioan như một tiên tri. Nhân ngày sinh nhật của Herode, con gái Herodia là Salome nhảy múa trước mặt mọi người, đã làm cho Herode vui thích. Vua hứa sẽ ban cho nó bất cứ điều gì nó xin. Được mẹ dặn trước

nên nó nói: *"Xin vua chặt đầu Gioan Tẩy Giả / Enthauptung des heiligen Johannes des Täufers/Beheading of St. John the Baptist"*. (Hình họa lại trên Internet)

Vua lo buồn nhưng vì đã trót hứa trước các người đang dự tiệc, nên đã truyền sai người đi chặt đầu Gioan trong ngục (le nhỏ, ngày 29 tháng 8) và để đầu Gioan trên đĩa đem trao cho Salome... Các môn đồ của Gioan đến lấy xác thầy và chôn cất ở Samaria. Thánh đường Gioan (St. Johannes-Kathedrale) ở Bờ Tây (Westjordanland) lưu giữ mộ phần của Thánh Gioan Tẩy Giả. Hằng năm, 24 tháng sáu là ngày tưởng niệm sinh nhật Thánh Gioan.

Phim Thánh Gioan Tẩy Giả
<http://bit.ly/16GkjZG>

B/ Thánh Gioan Tông đồ Apostel Johannes/John the Apostle, một trong Mười hai tông đồ của Chúa Giêsu. Gioan cùng với Phêrô/Petrus và Giacôbê/Jakobus, là nhân chứng trong việc Giêsu cho con gái ông Jairus sống lại (Mark 5:37), Giêsu biến hình (Mt 17:1), Chua cau nguyên trong Vườn Cây Dầu (Gethsemane) (Mt 26:37). Ông và Phêrô được sai vào thành phố để thực hiện các việc chuẩn bị cho bữa ăn tối cuối cùng (Lc 22:8). Trong bữa ăn, ông được ngồi bên cạnh và ngả đầu vào ngực Giêsu (John 13:23-25). Gioan cũng là môn đệ duy nhất đứng dưới chân thánh giá trên đồi Calvary cùng với mẹ Maria và các phụ nữ khác. Ông cũng đã đón Maria về chăm sóc theo như lời trời của Giêsu (John 19:25-27). Theo Kinh Thánh Gioan và Phêrô là hai người chạy về hướng ngôi mộ đá và chính ông là người đầu tiên tin rằng Giêsu thực sự đã sống lại (John 20:2-10). Nhiều đoạn trong Tân Ước gọi Gioan là *"người*

môn đệ được Chúa yêu quý". Thánh Gioan sinh năm 20 (?) qua đời năm †101 sau CN.

(C) Thánh nữ Cecilia là vị Thánh quan thầy của các ca nhạc sĩ trong Giáo Hội Công Giáo. Cecilia từ thuở thiếu thời, cô đã tỏ ra đã say mê Thánh nhạc, đóng góp một phần rất lớn khai triển nền thánh nhạc và sáng tác những bản thánh ca. Cecilia kết hôn với Valerian người ngoại đạo và thuộc gia đình giàu có, nhưng Cecilia đã thuyết phục chồng theo đạo và đồng ý giữ cho cô đồng trinh. Trong thời gian bách đạo truy tìm những người theo Chúa Cecilia bí mật giúp đỡ những người nghèo và những Kitô hữu bị vây bắt. Valerien và Cecilia không chịu tể thần, không chịu dâng hương cho thần

ngoại. Chính vì thái độ can đảm và cương quyết như thế đã khiến quan quân La Mã bức tức và kết án tử hình hai người. Cecilia đã được giáo hội vinh thăng làm Thánh Nữ Đồng Trinh Tử Đạo. Tại nơi thánh nữ chào đời, giáo hội đã cho xây cất một Vương Cung Thánh Đường để tôn vinh Cecilia.

Du khách hành hương đến Roma, nếu muốn ở nhà khách Phát Diệm thì liên lạc qua địa chỉ địa chỉ Foyer Phat Diem

www.foyerphatdiem.net

Tài liệu tiếng Đức đọc thêm

Mailänder Vereinbarung <http://bit.ly/16isdpl>

Das Edikt von Mailand, Januar 313.

<http://bit.ly/1611fvp>

<http://bit.ly/1iqIZpb>

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

VĂN CÒN MÙA XUÂN

TIÊU-THU

Ái Khanh hét hồn khi thấy con gái của mình vừa đi vô nhà vừa khóc sụt sướt, theo sau là thằng anh mặt mày lầm lỳ, một vết bầm trên gò má trái, quần áo xốc xếch lấm lem. Hai anh em nó từ trường về. Chưa kịp hỏi thì con Bảo Ngọc đã mếu máo:

- Anh hai đánh lộn với tụi thằng Chánh đó mẹ...

Ái Khanh trợn mắt:

- Chuyện gì đến nỗi đánh lộn?

Thằng Bảo Khánh vẫn cúi gầm mặt, cặp môi mím chặt, gương mặt còn hằn vết tức tối. Bảo Ngọc liếc qua anh rồi rụt rè nói:

- Tụi nó nói hai đứa con là con hoang!

Nói rồi con nhỏ lại thút thít khóc. Ái Khanh chết lặng. Nàng cảm thấy mình bất lực. Tuổi của thằng Khánh và con Ngọc lẽ ra chỉ ăn rồi học, chơi đùa vui vẻ với bạn cùng trường. Đàng này, vì lỗi của nàng mà tụi nó phải chịu khổ. .. Thằng Khánh với con Ngọc là một cặp song sanh. Thằng Khánh ra trước con em mười lăm phút nên được làm anh hai! Ái Khanh thương con đứt ruột. Cô dang tay ôm gọn hai đứa vào lòng, hôn lên tóc con rồi dịu dàng nói:

- Thôi vô nhà sau mẹ rửa mặt cho rồi sửa soạn ăn cơm. Lần tới tụi nó có chọc ghẹo nữa thì tụi con cứ làm như không nghe. Riết rồi tụi nó chán. Con đánh lộn kiểu này coi chừng bị đuổi học đó. Khánh thương mẹ thì phải nghe lời.

Thằng Khánh không nói không rằng chỉ gật đầu.

Đêm đó ngồi một mình dưới ánh đèn khuya Ái Khanh âm thầm khóc. Thương con, thương mình... Cái câu hỏi oái oăm

hiện ra hàng trăm lần trong đầu khiến cô mất ăn mất ngủ từ ngày mẹ cô qua đời cách đây sáu tháng, lại làm khổ cô một lần nữa: mình phải chọn lựa con đường nào đây? Bán cái tiệm này để đi nơi khác làm ăn? Nhận lời lấy Đức để cho các con nàng có một người cha như những đứa trẻ khác? Chao ôi là khó! Con đường nào cũng chông gai. Ái Khanh tự hỏi không biết có phải cô sanh ra đời dưới ngôi sao... chổi? Nếu không tại sao...

*

Tám năm về trước Ái Khanh là một cô thiếu nữ vừa tròn đôi mươi. Cô xinh đẹp, giỏi giang nhưng tính tình rất lạnh nhạt. Ba mất sớm, má cô có tiệm tạp hóa khá lớn ở chợ Mỹ Luông. Khanh học hết lớp nhứt thì ở nhà phụ mẹ buôn bán. Xã Mỹ Luông giàu nhờ kỹ nghệ đóng đồ gỗ. Bàn ghế, giường tủ sản xuất ở đây được chở đi bán khắp các tỉnh lân cận. Dưới bến sông của mấy trại mộc ít khi nào vắng bóng những chiếc ghe cắm sào chờ ăn hàng.

Một hôm Ái Khanh tiếp một người khách lạ tới mua pin cho cái radio của anh ta. Chàng thanh niên trên dưới ba mươi, cao lớn, rắn chắc với nước da rám nắng. Anh ta hơi sững sốt trước cái nhan sắc mặn mà của cô gái quê. Khanh hơi đỏ mặt vì cặp mắt sáng như sao đang nhìn cô chăm chú. Anh ta còn tỏ vẻ thích thú trước sự lúng túng của cô chủ tiệm bằng nụ cười nửa miệng. Trả tiền xong, trước khi bước ra khỏi tiệm, ông khách còn thò một câu:

- Cô chủ ơi, chắc tôi còn trở lại đây để mua thêm vài thứ cần thiết nữa đó. Tạm biệt cô.

Hắn đi rồi mà Ái Khanh còn thấy bàng hoàng. Cô tức tối, tự cú lên đầu mình:

- Khanh ơi là Khanh. Bữa nay u mê ám chướng gì mà mở miệng không ra? Hồi nào tới giờ có ai làm khó được mi đâu chứ?! Ông ta là ai mi còn chưa biết tên bỗng dưng vô cớ đổ mặt tía tai. Vô duyên!

Ờ đây, xét về gia cảnh thì cô thua nhiều người, nhưng phần tài mạo thì tuy không đứng nhất nhưng cũng quyết không cho ai bóp kèn qua mặt. Hai năm rèn luyện ở trường nữ công Mỹ Ngọc dưới chợ Sa Đéc đủ cho cô nổi tiếng với tài làm bánh mứt, đủ sức may cho mình những bộ đồ vừa vặn, thêu thùa trang nhã. Nhiều người làm mồi, nhưng tới giờ này Ái Khanh vẫn chưa để ai lọt vô cặp mắt nâu to tròn của mình. Bà già cứ rên rĩ là Khanh sắp "hăm" tới nơi rồi, cứ ở đó mà kén cá chọn canh!

Vậy mà bữa nay trước mặt một chàng trai lạ hoắc, con tim của cô đã phản bội cô. Nó đành lòng đập loạn xạ trước cặp mắt sáng và cái nụ cười nửa miệng dễ ghét kia! Cô để tay lên ngực, chỗ trái tim, dấn dò: lần sau anh ta tới, mi phải biết điều ngoan ngoãn nằm yên nghe chưa!

Nhưng những lần sau đó "nó" vẫn tiếp tục phản bội cô. Tệ hơn nữa cặp mắt cũng a tòng theo luôn. Nó cứ hướng ra ngoài cửa, như ngóng như trông cái bóng dáng cao cao của ai đó. Ngày nào anh ta cũng ghé mua một món gì đó. Hắn là chủ chiếc ghe chài đậu dưới bến sông nhà ông Tám Định chờ ăn hàng. Hắn nói:

- Thiệt cảm ơn ông Tám hết sức. Hôm trước tôi rất bức mình vì ông bắt chờ cho xong bộ bàn ghế bằng cẩm lai. Cô thử nghĩ tôi phải trả lương cho mấy người bạn chèo để họ cứ ăn rồi ở không. Nhưng nhờ vậy mà

tôi mới được gặp cô Khanh. Cô có thấy la oanh duyên thiên lý năng tương ngộ không? Quê tôi tuốt trong Rạch Giá lận đó.

Khanh chỉ mỉm mỉm cười. Hắn nhìn sâu vào mắt cô thôn nữ:

- Người ta ca tụng gái Nha Môn đẹp nhất. Nhưng tôi khẳng định cái người tuyên bố câu này chưa từng gặp các cô gái Mỹ Luông! Cô Khanh có thấy như vậy không?

Ái Khanh không hiểu tại sao mỗi lần đưa ra một nhận xét nào đó, "hắn ta" à quên Long, đều có thói quen chấm câu "cô Khanh có thấy như vậy không?". Thiệt tình mà nói, cô còn thấy gì nữa ngoài cái cằm vuông đầy nghị lực, cặp mắt sáng ngời khiến người ta bối rối và cái miệng dẻo quẹo như kẹo mạch nha của hắn?

Ba ngày sau thuyền rời bến ông Tám Định, để lại một chút gì như lưu luyến, như nhớ nhung trong lòng cô thôn nữ. Long không nói chừng nào trở lại, nhưng Ái Khanh cũng biết thời gian tùy thuộc vào việc bán hàng nhanh hay chậm. Tuy nhiên với cái tài ăn nói đó...

Hai tháng sau Long trở lại Mỹ Luông. Vừa thấy cái dáng cao cao của hắn từ đầu cầu sắt đi xuống là trái tim phản chủ của Ái Khanh đã bắt đầu... tăng nhịp. Cô khổ sở nhủ thầm bình tĩnh, bình tĩnh. Đừng để người ta biết mình mừng khi gặp lại người ta. Ủ, mà tại sao lại mừng? Lý do? Thầy giáo Tú theo đuổi Khanh đã hai năm nay. Cô thấy mình cũng có cảm tình với ông ta. Nhà thầy Tú ở Vĩnh Long. Những lần về thăm nhà trở lên thầy đều có mang quà cho Ái Khanh, nhưng cô có thấy vui mừng lẫn hồi hộp như lần này đâu? Kỳ lạ! Thầy giáo Tú đẹp trai, lại nho nhã. Ăn nói lịch sự lễ phép. Nhưng hiện tại nếu so sánh hai người, Ái Khanh thấy cán cân nghiêng hẳn về Long. Chàng ta ăn nói chẳng những có duyên mà trong phong cách có pha một

chút ngang tàng. Bên cạnh chàng, thầy giáo Tú đâm ra lạt như nước ốc! Nghĩ tới đây Khanh hơi mắc cỡ khi chợt nhớ lại mình đã ăn ít nhất cả trăm trái ổi xá lị vừa giòn vừa ngọt của anh chàng thầy giáo "lạt phèo" kia.

Long khôn ngoan lựa lúc Ái Khanh thay thế bà má đi ngủ trưa để đến chơi. Chỉ có hai người ăn nói tự nhiên hơn. Long bước vô tiệm, tay đưa cho Ái Khanh một gói giấy, miệng nở một nụ cười tươi rói như mặt trời vừa rạng đồng:

- Chào... Ái Khanh (Xí, làm như thân lắm vậy đó. Dám kêu tên người ta cụt ngủn! Ái Khanh nghĩ thầm). Có chút quà mọn biếu cô và bác gái. Mong cô không chê.

Thấy Ái Khanh ngần ngừ không cầm, Long để gói đồ xuống mặt bàn, rồi tự nhiên kéo chiếc ghế đầu gần đó ngồi xuống, đối diện với cô gái.

- Gặp lại tôi cô Khanh không vui sao? Vậy mà tôi còn tưởng...

Thấy nét mặt lộ vẻ thất vọng của Long, Ái Khanh buột miệng:

- Dạ vui chứ!

Cô nàng bỗng đỏ mặt khi thấy chàng ta reo lên đắc thắng:

- Vậy mới phải. Cô Khanh có biết tôi khổ lắm không. Bận buôn bán thì thôi, ngoài ra trong lòng tôi lúc nào cũng... nhớ tới cô. Chỉ trông cho mau hết hàng để trở lại đây. Anh ta thờ ra một hơi dài đầy vẻ sáng khoái, bây giờ thì vui rồi!

Ái Khanh chỉ ngồi nghe, miệng cười tủm tỉm. Cô không biết nói gì. Chẳng lẽ nói gặp lại anh tui vui lắm. Ngày nào tui cũng ngó ra đầu cầu sắt để...ngóng anh? Dị ờm! Tuy không "phát biểu cảm tưởng" ra miệng, nhưng nhìn nét mặt nàng Long cũng biết tâm trạng Ái Khanh ra sao. Chàng thấy trong lòng phơ phới.

- Ghe vừa cặp bến là tôi lật đật tới đây liền. Một ngày không gặp dài như ba thu. Cô Khanh tưởng tượng đi. Hai tháng trời không được gặp cô. Sáu mươi ngày hơn ba, vị chi là...

Ái Khanh bật cười:

- Một trăm tám chục năm. Anh làm như mình là ông Bành Tổ vậy đó!

- Tôi chỉ nói "dài như" thôi mà. Có nghĩa là dài lê thê... dài thăm thiết... Trong trường hợp tôi, nó còn dài hơn cả một đời người. Tôi là một người rất... đáng thương! Cô Khanh có thấy như vậy không?

- Tôi thấy anh vui vẻ khỏe mạnh, không có gì đáng tội nghiệp hết...

- Trời ơi, tôi nói đây là về tinh thần chứ không phải vật chất. Gặp lại cô tất nhiên là tôi vui rồi. Bao nhiêu phiền não trước kia giờ đã tan biến hết. Chỉ cần thấy cô cười là tôi hạnh phúc. Cô có nụ cười đẹp lắm. Tôi nói thiệt đó.

Ái Khanh đang cười vội ngậm miệng lại. Thấy anh chàng tán khéo quá cô đâm sợ. Thấy vậy Long vội vàng nói:

-Tôi không có ý xấu gì đâu. Trong lòng tôi nghĩ sao thì nói vậy. Tôi... tôi thiệt bụng nhớ cô Khanh nhiều lắm. Lần này tôi sẽ ở lại đây năm ngày. Hy vọng cô sẽ hiểu tôi hơn. Thôi bây giờ tôi trở lại đằng nhà bác Tám. Hẹn gặp... Ái Khanh lần tới sẽ nói nhiều hơn.

-Dạ chào anh Long. Á quên, cảm ơn món quà...

- Của ít lòng nhiều. Long cười rồi đi ra.

Ái Khanh nhìn theo cái anh chàng kỳ lạ này, lòng đầy bối rối. Có điều không thể chối cãi được là cô vui lắm. Vui hơn nhiều so với những lần gặp thầy giáo Tú. Ái Khanh chợt nhớ tới câu hữu duyên thiên lý năng tương ngộ. Hồng lẽ... Cô lác đầu xua đuổi cái ý tưởng vừa mới manh nha, rồi cầm gói quà lên mở ra coi. Trong đó có cái

lược, cái kẹp tóc và chiếc vòng đòi hỏi. Tất cả đều lên nước bóng ngời. Ngoài ra có một ký khô cá thiêu. Bà hai Lương, má của Ái Khanh có gặp Long một lần trước khi chàng trở về Rạch Giá. Thấy phong độ và cách ăn nói lễ phép của Long bà không nghĩ chàng ta là người xấu. Nay nhìn món quà, những con khô lớn đồ au, thơm phức bà thấy có cảm tình với anh ta rất nhiều. Bà cười nói với con gái:

-Cậu này coi lắm rằm mà biết điều, nhớ tới má. Còn cái cậu Tú, tối ngày chỉ biết đem ôi tới cho. Răng cở má yếu xiêu làm sao ăn được. Mà nói thiệt nó mới ngoài hai mươi mà coi đạo mạo như ông già.

-Thì ảnh dạy học mà má. Phải đạo mạo học trò mới sợ chứ.

-Má thích người vui vẻ như cậu Long hơn. Nói vậy chứ nó ở xa lác tí tề dưới Rạch Giá, mình không rành về gia cảnh nó nên cũng phải dè chừng mới được. Xảy một ly đi một dặm đó con.

-Con với anh Long đã có gì đâu má. Khanh chống chế. Ảnh tới mua đồ rồi nói chuyện vài câu thôi mà.

-Thì má dặn hờ vậy mà. Dò sông dò biển dễ dò...

Hôm sau Long tới nữa (không biết cái gì khiến mà sáng nay Ái Khanh dậy sớm để gội đầu và lấy cái kẹp đòi hỏi ra kẹp gọn hơ mái tóc mây mượt mượt của mình?!). Chàng thấy Ái Khanh kẹp tóc để lộ cái cổ trắng ngần thì cảm động hết sức, chỉ nói được một câu:

-Đẹp quá! Cám ơn Khanh.

Ái Khanh làm bộ không hiểu:

-Anh Long cám ơn cái gì mới được chứ?

-Ái Khanh không chê món quà mọn làm tôi cảm động lắm.

-Tại cái kẹp đòi hỏi đẹp quá, đem cất uổng lắm. Với lại cây kẹp ba lá của tôi vừa mới gãy -Ái Khanh chống chế. Cô hơi mắc

cỡ, thấy mình không dám nhìn vào sự thật. Cô kẹp tóc với cái kẹp đòi hỏi là vì muốn "hắn" được vui!

Trước khi nhỏ sào trở về Rạch Giá ngày hôm sau, buổi trưa đó Long ngập ngừng nói với Ái Khanh:

-Sáng sớm mai tôi đi rồi. Đêm nay rằm trăng sáng lắm. Ái Khanh có...dám xuống ghe nghe tôi đàn không. Tôi có cây guitare...

Ái Khanh tròn mắt:

-Ồ, anh biết đàn guitare?

Trước vẻ kinh ngạc của cô gái, Long mỉm cười thú vị:

-Biết lai rai. Hồi xưa khi còn học ở Mỹ Tho, có người bạn dạy tôi đàn.

-Anh ở Rạch Giá mà học ở Mỹ Tho lận sao?

-Phải, chị Hai tôi lấy chồng về Mỹ Tho nên khi lên Trung học tôi xuống ở đó học trường Nguyễn Đình Chiểu cho tới khi thi tú tài.

Sự ngạc nhiên khiến Ái Khanh... á khẩu! Cô không ngờ... Đoán được trong lòng cô đang nghĩ gì, Long cười:

-Không ai cấm một người bán đồ gỗ có bằng tú tài đâu nghen. Rồi hấn nheo mắt với cô, còn rất nhiều điều Ái Khanh chưa biết về tôi. Nếu tối nay chúng mình gặp nhau, tôi sẽ kể cho... em nghe.

Ái Khanh giật mình. Trời đất, bây giờ cô đã trở thành "em" rồi sao? Hấn tiến kiểu này coi bộ còn nhanh hơn hỏa tiễn! Tuy là nghĩ vậy nhưng trong lòng lại cảm thấy rất...ngọt ngào, êm ái! Cô ngần ngừ không biết tính sao. Có thể nói với mẹ là tới chơi với Bích Nga con bác Tám. Nhưng lỡ có người nào đó trong nhà Bích Nga thấy cô xuống ghe của Long thì sao? Cái con Nga thuở giờ vẫn hay ganh tị với cô. Nó mà biết được thì ôi thôi... Ái Khanh không dám nghĩ tiếp! Cô cúi mặt nói nhỏ:

-Tôi không dám hứa. Nhưng... chắc tôi không tới được đâu. Anh đừng chờ.

Long đứng dậy, chàng cúi xuống nhìn sâu vào mắt cô gái:

-Không phải con người vẫn sống bằng hy vọng đó sao? Tôi sẽ chờ em... cho đến khi trăng lặn.

Ái Khanh nhìn theo cái dáng cao gầy của Long mà trong lòng ngổn ngang trăm mối. Từ đó tới buổi cơm tối cô như người mất hồn khiến bà Hai Lương cũng phải thất sắc, tự hỏi không biết con gái bà có... bình không nữa. Sau bữa cơm tối, thấy dáng điệu bồn chồn của con, bà Hai hỏi:

-Cái con nhỏ này bữa nay mắc chứng gì mà đứng ngồi hồng yên vậy cà?

Ái Khanh ráng làm mặt tỉnh:

-Má à, con muốn tới chơi với con Bích Nga một chút mà con sợ trời tối...

-Bữa nay trăng mười bốn sáng trưng như đèn măng sông mà sợ cái nổi gì hồng biết! Thôi chờ con Lệ rửa chén xong rồi nó dẫn đi.

Ái Khanh lật đật ngắt ngang:

-Hồng cần đâu má. Để con lấy cây đèn pin cũng được.

Nói rồi cô lật đật vô buồng thay cái áo bà ba tơ sống màu tím Huế, áo màu sáng sợ người ta để ý. Ái Khanh bước ra lộ, băng qua cầu sắt rồi đi thẳng về hướng Chợ Mới. Nhà Bích Nga chỉ cách chợ độ ba bốn trăm thước, nhưng phải đi ngang khúc vắng trước chùa Linh Sơn. Chỗ này cây cối rậm rạp. Những thân tre cao nghệu phát phơ trước gió tạo nên tiếng xào xạc, kẽo kẹt khiến nhiều người yếu bóng vía không dám đi một mình. Ái Khanh cũng sợ nhưng đi với con Lệ thì lộ tẩy hết. Thôi đành cắn răng, vừa đi vừa niệm Phật! Đèn măng sông trong nhà ông Tám sáng trưng. Ái Khanh đi bọc gần hàng rào bông bụp, men theo bóng tối đi thẳng ra sau hè. Từ đó có con đường mòn đi xuống bến sông. Phía

bên kia là trại cây, có nhiều tiếng người cười nói lao xao. Cô vừa đi vừa vái thầm đừng có ai nổi hứng đi ra ngoài bắt tữ. Long đứng đợi sẵn trên ghe, chỗ có cây đòn dông bắt từ ghe lên bờ. Vừa thấy bóng cô gái là chàng ta lật đật phóng vội vô bờ. Nổi vui mừng khiến Long quên giữ ý, chụp hai bàn tay của Ái Khanh siết chặt:

-Cám ơn em đã tới. Anh cứ sợ em không dám...

Nhìn nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt Long, Ái Khanh bỗng cảm thấy mình đã không uổng công... liều mạng tới đây! Cô mỉm cười với chàng. Long nắm tay Ái Khanh dắt lên ghe. Chiếc ghe chài khá lớn. Trong lòng ghe đã chở đầy bàn ghế, giường tủ. Long dẫn Ái Khanh đi ra sau lái. Chàng đã trải sẵn chiếc chiếu bông. Trên đó có cái khay bằng gỗ chạm rất đẹp để bình trà với hai cái tách và một đĩa bánh men. Bên cạnh đó là cây đàn guitar. Ái Khanh ngạc nhiên nhìn Long dò hỏi. Chàng cười, hàm răng trắng ngời lên dưới ánh trăng vừa ló dạng:

-Anh không dám hy vọng nhiều, nhưng cũng sửa soạn sẵn. Nếu em không thèm đến thì anh sẽ đọc ẩm chớ biết sao!

Ái Khanh bật cười khi thấy Long làm bộ biểu diễn một bộ mặt áo nã. Cô ngồi xuống đưa tay sờ vào cây đàn. Thùng đàn đánh vệt ni bóng láng. Ái Khanh khẽ nhẹ vào mấy sợi dây căng cứng. Một chuỗi âm thanh phát ra phá tan bầu không khí tĩnh lặng khiến cô giật mình rút tay lại. Long hỏi:

-Em muốn uống nước trà ăn bánh trước, hay muốn anh đàn trước?

-Em mới ăn cơm xong không đói. Anh đàn cho em nghe đi.

Chợt nhận ra mình đã xưng em một cách tự nhiên với Long Ái Khanh đưa tay che miệng, e thẹn nhìn chàng. Long làm

như không biết, cầm cây đàn lên dạo một lúc rồi cất tiếng hát: "Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn dạo muôn tiếng tơ. Không gian trầm lắng như âu yếm ru qua bao ý thơ... muốn nói cùng em đôi lời triu mến...", rồi "Người hẹn cùng ta đến bên bờ suối, rừng chiều mờ sương ánh trăng vàng chiếu..." Ái Khanh thả hồn mình theo tiếng đàn, giọng hát. Một giọng trầm, ấm, ngọt như đường phèn... Nước sông lấp lánh ánh vàng từ Cung Hằng đổ xuống. Rặng cây đen thẫm bên kia còn cũng ướt rượt ánh trăng. Tất cả như thực như hư. Long hát hết bài này tới bài khác. Những bản tình ca êm dịu ngọt ngào. Ái Khanh ngược mắt nhìn con trăng tròn vành vạnh, treo lơ lửng trên bầu trời trong vắt. Những câu thơ của Hàn Mặc Tử bỗng dựng hiện về:

*Trăng nằm sóng soái trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
Hoa lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi!*

Phải, Ái Khanh hồi hộp lắm. Cô biết chắc rằng ngày hôm nay không giống bất cứ một ngày nào đã qua trong đời cô. Nhìn Long ngồi tựa lưng vào thành ghế, tay nhẹ nhàng buông phím, cặp mắt mơ màng, đắm chìm vào lời ca tiếng nhạc, Ái Khanh cảm thấy trong lòng dâng lên một tình cảm khó tả. Nhưng mơ mơ hồ hồ không định nghĩa được. Long ngưng đàn, ngồi thẳng lên hồi dẫu dẫu:

-Ái Khanh có thích mấy bản nhạc anh hát vừa rồi không?

Bị lôi ra khỏi cái thế giới mơ hồ, Ái Khanh chớp mắt, nhoẽn miệng cười:

-Anh đàn đã hay mà hát còn hay hơn nữa. Em nói thiệt đó. Anh hát không thua mấy người ca sĩ em nghe trong radio.

-Cám ơn em. Thôi chết, bình trà của anh nguội ngắt rồi. Bây giờ mình uống trà ăn bánh. Nếu em thích anh sẽ hát tiếp.

Bây giờ thì Ái Khanh biết Long ngoài bà mẹ gần sáu mươi, còn có một bà chị ngoài ba mươi tuổi đã lập gia đình, Long hăm tám và cô em gái suýt soát tuổi nàng. Cha Long mất cách đây một năm. Chàng phải lên thế cha điều hành tiệm đồ gỗ. Đi Mỹ Luông lấy hàng là nhiệm vụ của người quản lý tên Cảnh. Hai tháng trước đây chú Cảnh bị nhiễm thương hàn nên Long đi thế, không ngờ lần đó trời dung rủi cho chàng gặp Ái Khanh. Mà kỳ cục thiệt, từ đó trở đi, hình ảnh cô thôn nữ dễ thương này lúc nào cũng bám chặt trí óc chàng. Nhứt là về đêm, nằm chèo queo một mình trên chiếc giường rộng thênh thang Long càng trần trờ nhớ Ái Khanh thấm thiết. Bây giờ thì chàng tin trên đời có tiếng sét ái tình. Nếu không tại sao con tim của chàng tưởng đã chết từ mấy năm nay, bỗng dựng bưng bưng sống dậy? Lần này tuy người quản lý đã lành bệnh, nhưng Long vẫn trở lại Mỹ Luông để lấy hàng. Cốt là gặp Ái Khanh. Bây giờ cô đang ngồi trước mặt chàng đây. Trong chiếc áo bà ba màu sẫm, khuôn mặt Ái Khanh trắng như sữa đọng dưới ánh trăng. Cặp mắt lóng lánh như hai vì sao. Long thấy lòng mình xao xuyến lạ thường. Không kèm chế nỏi, chàng đưa tay nắm nhẹ hai bàn tay của Ái Khanh. Cô nhìn chàng mỉm cười. Cái không khí huyền hoặc của đêm trăng, tiếng đàn, lời ca của Long đã đưa tâm hồn Ái Khanh đi vào một thế giới diệu kỳ, lâng lâng hư ảo. Vì vậy cô chỉ nói nhẹ như gió thoảng "đừng anh" khi Long cúi xuống đặt lên trán một nụ hôn thật nhẹ nhàng...

Cả hai chợt giật mình vì tiếng người đi xuống gần tới bến. Ái Khanh hốt hoảng đứng bật dậy:

-Thôi chết, em phải về để má trông.

-Để anh đưa em về. Trờ tối em đi một mình không tiện.

Trên bến họ gặp ba người đàn ông trung niên. Long dặn mấy chú đi ngủ liền để sáng mai mình đi sớm. Ái Khanh đỡ mặt trước sáu cặp mắt nhìn nàng một cách tò mò. Long nắm tay nàng lôi đi. Tới đầu cầu sắt, Ái Khanh dừng lại nói Long trở về. Qua bên kia lối gặp người quen bất tiện. Cô định quay đi nhưng chưa kịp thì đã bị Long ôm chặt. Chàng thì thầm chưa gì mà anh đã thấy nhớ em. Ái Khanh sợ có người thấy nên vội vã đẩy Long ra. Qua tới đầu cầu bên kia, quay lại thấy Long vẫn đứng đó....

Một tuần sau nàng nhận được bức thư đầu tiên của Long. Ái Khanh vừa tức cười vừa cảm động khi thấy Long bắt đầu bức thư: nhớ em... nhớ em... nhớ em... Nàng trả lời thư cho Long, rồi nhận thư... và hàng ngày ngóng chờ người phát thư.

Một bất ngờ cho Ái Khanh là Long xuất hiện trước hai ngày, không như trong thư Long đã báo. Chàng chỉ nói giản dị là nhớ em quá phải đi xe đò qua trước.

-Rồi anh nói sao với bác Tám? Ái Khanh lo lắng hỏi.

-Để thôi mà. Anh nói có chuyện gặp phải ghé Sađéc. Công chuyện xong xuôi anh lên thẳng đây. Trời ơi, nhớ em muốn điên luôn!

-Anh, Ái Khanh ngó dáo dác, coi chừng má em hay con Lệ nghe...

Nhắc Tào Tháo thì Tào Tháo tới liền. Bà hai Lương từ nhà trong bước ra:

-Ừa, cậu Long mới qua hả? Lúc này buôn bán chạy dữ a cậu?

-Dạ kính chào bác. Lúc này chuyện buôn bán của cháu cũng bình thường. Thưa bác vẫn mạnh? Cháu có chuyện qua Sađéc trước, thành thử ghe của cháu ngày mốt mới tới. Lần này cháu có đem biếu bác một thùng nước mắm nhĩ Phú Quốc thượng hảo hạng với một ký khô cá gộc.

-Chèn ơi, cậu bày vẽ chi cho tốn tiền. Bà hai Lương tuy nói vậy nhưng sắc mặt không dấu được sự vui vẻ. Rảnh tới chơi là được rồi. Thôi cậu ở chơi tui ra chợ một lát.

Long không muốn trở lại nhà bác Tám liền vì không biết làm gì cho hết giờ, nên cứ ngồi đó nói chuyện với Ái Khanh. Nhiều khách vô mua đồ nhìn Long soi mói nhưng chàng tỉnh bơ, gần tới bữa cơm chiều mới chịu nhỏ neo. Ngày hôm sau bồn cũ soạn lại. Đến ngày thứ ba ghe của chàng mới cặp bến dưới xưởng mộc bác Tám. Long khệ nệ xách thùng nước mắm và ký cá khô tới biếu bà hai Lương, được bà ưu ái mời ăn cơm chiều. Phần Ái Khanh là hai xấp lụa. Một xấp màu hột gà, một xấp màu hồ thủy. Nàng nói em sẽ thêu mấy đóa pensée tím.

Lúc ba người đang ngồi ăn cơm chiều thì thằng cháu kêu thím hai Lương bằng cô ruột từ bên chợ Long Xuyên qua cho hay má nó bị té xẩy thai, đã được chở vô nhà thương. Ba nó quỳnh quá không biết làm sao, nên sai nó qua Mỹ Lương cầu cứu bà chị. Thím hai nghe xong hồn bất phụ thể vì đưa em dâu có mang lần thứ ba cũng được gần sáu tháng. Thím chắt lưỡi than thiệt nguy hiểm quá! Thím ăn riết rồi sửa soạn theo thằng cháu qua Long Xuyên.

Không có mẹ ở nhà, Ái Khanh đóng cửa sớm. Long ở lại chơi tới sẩm tối mới chịu về. Nhưng vắng chủ nhà gà vọc niêu tôm liền. Dòm trước ngó sau không thấy bóng con Lệ, vậy là trước khi từ giã Long ôm siết Ái Khanh hôn một cách thấm thiết. Nàng sợ con nhỏ người làm bắt gặp, vội đẩy Long ra. Anh chàng cười, nói thầm vào tai Ái Khanh đêm nay anh ngủ không được. Tại sao? Mơ tới em!

(Còn tiếp)

Tiểu Thu
(Canada)

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG

Vườn Địa Đàng em, anh không vào
Sợ cỏ cây, hoa lá ngủ không yên
Sợ con suối sẽ không còn róc rách
Và sạt lở những núi đồi, thung lũng

Vườn Địa Đàng em, anh không vào
Sợ vấy bẩn Thánh địa, Thánh tích
Khi yêu, ái tình là Tôn Giáo
Mà anh, người tin đồ ngoan đạo

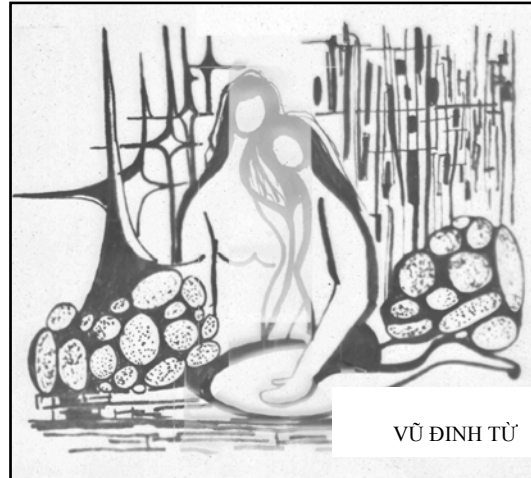
Anh không vào, Địa Đàng em
Sợ dẫm lên những điều huyền diệu
Nhưng anh sẽ úp mặt lên Địa Đàng em
Ăn, ngủ, uống và thở

Anh không đứng trên Địa Đàng em
Anh chỉ trồng cây chuối
Chân anh thẳng cẳng lên trời
Đầu anh cắm xuống, tâm điểm
Địa Đàng em

Anh sẽ không tắm trong Địa Đàng em
Nhưng anh sẽ lặn, ngụp và vùng vẫy
Trong Địa Đàng em

Trong khu vườn thơ mộng Địa Đàng em
Anh sẽ tắm, rửa, dọn mình và ngồi Thiền
Anh Nhất Tâm Chánh Niệm
Trắng

Buổi sáng, hãy cho anh uống café trên
Địa Đàng em
Buổi trưa, hãy cho anh uống nước ngọt
của Địa Đàng em



Buổi chiều, hãy cho anh uống rượu
mạnh cất từ nước Địa Đàng em
Buổi tối, hãy cho anh ngủ giữa Địa
Đàng em

Mùa Xuân, vườn Địa Đàng em hoa nở
Hãy để anh làm bướm
Mùa Hạ, Địa Đàng em khô ráo
Anh sẽ tưới đẫm với nước mắt và máu
Mùa Thu, Địa Đàng em những cỏ và cỏ
Anh sẽ thoãn thoắt với mười ngón tay
Mùa Đông, Địa Đàng em lạnh
Anh sẽ tặng em trái tim để sưởi

Anh không vào trong Địa Đàng em
Anh đứng ngoài Địa Đàng em
và Niệm Mật Chú
Na Mô Bút Đa Da
Na Mô Bút Đa Da

Lê Mai Lĩnh

SỬ DỤNG TIỀM NĂNG ĐÚNG CHỖ SẼ TĂNG CƯỜNG SỰ THAM GIA CỦA GIỚI TRẺ

LTS. Ý kiến của Võ Thị Trúc Giang Lúa 9 trong bài viết dưới đây cũng có thể áp dụng cho các Cộng đồng Người Việt tị nạn ở các nước văn minh trên thế giới.

Ngày 15-16/03/2013 vừa qua tôi có đi dự một congress tại Frankfurt, với đề tài " Potenziale erkennen - Teilhabe gewinnen" (Tạm dịch: Sử dụng tiềm năng - Gia tăng người tham gia). Ý của họ muốn nhấn mạnh về sự tham dự của giới trẻ vào sinh hoạt cộng đồng.

Ông TNS Canada Ngô Thanh Hải, Chủ Tịch Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương LMDCVN trong các cuộc tiếp xúc nhiều nơi với đồng bào người Việt hải ngoại kêu gọi giới trẻ tham gia gánh vác công cuộc tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền cho VN sau khi thể hệ thứ nhứt đã cố gắng làm những gì có thể làm được. Lớp trẻ chỉ cần tự hỏi và trả lời, tôi là ai, từ đâu đến, tại sao đến đây thì sẽ thấy căn cước tỵ nạn chánh trị của mình và gia đình. Họ sẽ hiểu rõ nghĩa vụ của họ.

Vấn đề còn lại là tìm câu trả lời thích đáng: " Làm thế nào để thu hút giới trẻ tham gia và nắm giữ vai trò lãnh đạo trong các sinh hoạt cộng đồng, xã hội đây? Tìm thanh thiếu niên năng động ở đâu - Bằng cách nào liên lạc với họ ? Ta nói gì để họ tin tưởng? Nhịp cầu tin tưởng lẫn nhau bắt đầu ra sao v...v."

Buổi hội thảo này do cơ quan " Der Paritätische Gesamtverband Đức quốc " tổ chức, người tham dự gồm 80 thành viên từ nhiều đoàn thể, sắc tộc khác nhau trên nước Đức, được Parität đài thọ chỗ ăn, ngủ qua 2 ngày. Tôi hiểu ý nghĩa chữ Parität là "sự bình đẳng", có nghĩa là học để tìm ra phương pháp/nghệ thuật mới để xây dựng một xã hội, cộng đồng vững mạnh, bình đẳng không phân biệt màu da, chủng tộc, tôn giáo, già trẻ, nam nữ. Theo tôi, đây là một sự quan tâm rất hay của người Đức, đất nước họ giàu mạnh, dân trí cao, nên cái nhìn rất văn minh, đa dạng, thể hiện đúng tinh thần Tự do, Dân chủ của quốc gia tân tiến Âu châu phú cường.

Sau 2 ngày hội thảo tôi học được một điều rất hay, tôi cảm ơn họ, xin kể lại quý thân hữu nghe:" Khi sử dụng tiềm năng của giới trẻ đúng chỗ, đúng lúc thì chúng ta để lời cuốn sự tham gia của họ vào trong tập thể hơn ". Những tổ chức của người di cư (Migrantenorganisationen) được xem như là một nơi để những công dân đến tỵ tậ, nếu hội tỵ được giới trẻ tham gia, thành quả đó được xem là sự đóng góp đáng kể của những người trẻ tuổi và thanh thiếu niên đáng khuyến khích và bảo tồn, dần dần các em quen nề lối sinh hoạt và sẽ đảm nhận vai trò lãnh đạo trong tương lai. Nhưng, biết ai là người có tinh-thần-trách-nhiệm? Ai xứng đáng được người lớn tin tưởng giao phó cho trách nhiệm lãnh đạo? Ai chịu hy sinh thân thể vác gùi voi?

Đó là những câu hỏi chính trong buổi hội thảo: "Tại sao chúng ta thiếu sự tham gia của thanh niên trẻ trong tập thể?" Đem đối chiếu với tình hình đấu tranh của cộng đồng NVTNCS tại hải ngoại, tôi mạn phép áp dụng câu hỏi này trong hoàn cảnh của chúng ta như sau:

* Sau 38 năm di tản chạy trốn CS bỏ quê hương ra đi, cộng đồng chúng ta đấu tranh liên tục không mệt mỏi, nhưng chắc chắn là: Thế hệ người lớn chúng ta sẽ già, bệnh và sẽ chết bỏ thây nơi xứ người. Ai là người tiếp nối trong công tác bảo tồn văn hóa Việt Lưu Vong, ai sẽ thay ta tranh đấu cho Tự do Dân tộc, chống độc tài/đảng CSVN đây? Có phải sự xung đột (generationskonflikte) giữa hai thế hệ Già-Trẻ hiện nay, vì hoàn cảnh loạn lạc, di tản bỏ nước ra đi đã ảnh hưởng tâm lý, cái quá khứ 30/04/75 là bức-tường-vô-hình-ngăn-cản không đưa chúng ta đến gần nhau chăng? Đề tài nóng này không những chỉ xảy ra cho CHLB Đức không mà thôi, mà cũng là đề tài thảo luận trong các cộng đồng di dân (Menschen mit Migrationshintergrund). Họ đến đây, mang theo nền văn hóa nước mình và hiện nay con cháu họ lớn lên giữa hai-nền-văn-hóa (Kulturkonflikte).

* Trong đó có cộng đồng NVTNCS HN của chúng ta. Những di dân này sau những tháng năm sinh sống tại Đức, họ đã hội nhập vào đời sống mới, họ mang quốc tịch Đức, con cái họ sinh ra tại Đức, học trường Đức, nói tiếng Đức, hấp thụ suy nghĩ của người Đức. Vậy thế hệ thứ hai có còn giữ nguyên thủy nguồn gốc của mình nữa không? Trẻ em và thanh thiếu niên VN tại Đức có còn là con của Thuyền Nhân VN TNCS không? Các em có là TNCS không? Khi các em sinh sau đẻ muộn không hề biết về chiến tranh VN, làm sao "cây gieo" vào tư tưởng các em ấy lòng thù hận CS và bắt các em tôn trọng màu Cờ Vàng 3 sọc đỏ bây giờ?

* Chúng ta có sẵn sàng lắng nghe lời phát biểu của các em nói, nghĩ gì về tình hình đất nước không? Hay là chúng ta - những người lớn loay hoay bận rộn với một con ma cộng sản, bọn Việt Gian trá hình nấp dưới nghị quyết 36, ta bị quá khứ khó tha thứ, khó quên rồi không bao giờ chúng ta muốn bỏ " lớp áo Thuyền Nhân Tỵ Nạn CS " cả! Trong chúng ta khó có thể chối bỏ quá khứ Tháng 4 đen Năm 75 đau buồn, nhưng muốn kêu gọi giới trẻ tham dự thì chúng ta bắt buộc phải dùng mô hình khác, mới hơn thích hợp hoàn cảnh mới để hoạt động. Nhưng mô hình nào? Nghệ thuật ra sao để kêu gọi?

* Parität đã nhận thấy konflikte đó giữa hai thế hệ Già-Trẻ tại CHLB Đức. Theo họ, giới trẻ tại Đức rất thông minh, các em biết mình muốn gì. Cha mẹ không thể " áp đảo" các em được. Vì vậy, hội nghị được thành lập bởi các bài giảng, diễn giả là những Dr., hay những Chủ tịch cơ quan Hội nhập di cư có nhiều kinh nghiệm, bài thuyết trình đưa ra là " Was wir in unserer Organisationsstruktur verbessern können?" (tạm dịch: Chúng ta nên thay đổi cách tổ chức hội đoàn chúng ta thế nào cho tốt hơn?), mục đích chính là lôi cuốn thêm sự tham gia của những người trẻ tuổi.

* Con cái của di dân được ra đời tại Đức. Đi học trường Đức, nói tiếng Đức, hấp thụ nền văn hóa Đức quốc - chỉ ở nhà các em mới nói chuyện với cha mẹ bằng tiếng Mẹ đẻ mà thôi, ra ngoài thì các em xem mình hoàn toàn là một người Đức. Lối suy nghĩ rất Đức - quan niệm về Dân chủ, Tự do, Bình đẳng như một người Đức. Trong khi giữa những người Tỵ nạn CS như chúng ta, lại xảy ra nhiều quan điểm chính trị khác nhau: người thì quan

niệm cởi mở, người thì khăng khăng ôm mối hận thù. Sự trái biệt đó giữa những người lãnh đạo cộng đồng, chủ tịch hội đoàn vô tình đã làm bế tắc sự tham dự của thành phần trẻ thuộc thế hệ thứ hai tại hải ngoại.

Giới trẻ tại hải ngoại có thể được tạm chia ra nhiều thành phần:

- con cháu của những du học sinh trước 75
- con cháu của Thuyền Nhân sau 75, tỵ nạn chính trị
- con của những Khách Thợ (Gastarbeitern) người đến từ Đông Âu vào Đức tỵ nạn sau bức tường Bá Linh sụp đổ, gia đình họ còn lại VN, và có gốc "gia đình cách mạng", sống trong sợ hãi, sợ sứ quán, sợ công an trù dập
- du sinh VN, giới trẻ, con cháu của cán bộ đảng viên đảng CSVN có uy quyền và cố giữ quyền lợi, họ cũng có lòng yêu nước, nhưng họ đứng xa dòm ngó việc chúng ta làm
- tại Đức có những em xuất thân từ gia đình hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhưng các em học rất giỏi

* Thành phần giới trẻ này chưa tình nguyện nhảy vào tham gia sinh hoạt cộng đồng.

Các em còn ngần ngại vì nghĩ là "chúng ta hay làm chính trị"; vào cộng đồng thấy người lớn hay chửi nhau, mất tinh đoàn kết khiến các em nản chí, mất tin tưởng ở người lớn.

Vậy, vô hình chung sự trái quan niệm sống, trái quan điểm chính trị xảy ra trong tập thể cộng đồng NVTN tại hải ngoại - Vậy nếu muốn giới trẻ tham gia thì cộng đồng NVTNCS HN phải làm gì để phá bỏ bức-tường-ngăn-cách đó?

Nghệ thuật nào dắt ta đến thành công? Đối tượng giới trẻ nào để chúng ta chinh phục niềm tin?

- Chúng ta có muốn con em chúng ta phải tôn trọng lá cờ vàng 3 sọc đỏ của thời VNCH? Vì đó là cờ quốc gia.

- Chúng ta có tham vọng nhồi sọ bắt con em chúng ta phải thù CSVN, phải theo chúng ta biểu tình chống CSVN? trong khi các em quá bận rộn stress với diplomarbeit, thi cử, gắng thi đậu tốt nghiệp đại học cho cha mẹ hãnh diện, lo kiếm việc và đối diện những tranh đua trường đời, rồi lập gia đình, tạo sự nghiệp cho bản thân. Các em bị lôi kéo vào đời sống như-một-người-Đức. Freizeit các em làm gì?

- Có những em sinh viên còn gia đình kẹt lại bên nhà. Em sợ hãi gia đình mình sẽ bị công an trù dập và có những em sinh viên thân thiện với sứ quán VN tại Đức. Thành phần trẻ đó có là "kẻ thù của ta không?" Các em ấy cũng là con dân VN thù Tàu cộng mà!

- Chúng ta không muốn con em chúng ta về VN vì các em ngại thơ để bị tuyên truyền dụ dỗ một chiều, bởi những tài liệu xuyên tạc của giặc cộng?

- Chúng ta muốn thế hệ trẻ tại hải ngoại nhận thức tầm quan trọng là xây dựng cộng đồng, bảo tồn văn hóa Việt trong thời gian lưu vong, thay thế thế hệ Boat People già nua gánh vác công tác vận động quần chúng để có thể giúp gì cho quê hương VN mai hậu bớt bất công? Có một điểm cần thảo luận nhiều hơn là hoạt động của người Việt tỵ nạn ở hải ngoại không phải với mục đích là để "cấy gieo vào các em lòng thù hận cộng sản" tuy rằng cộng sản đã bị thế giới lên án là một tai họa của nhân loại trong thế kỷ

20, mà chính là để các em hiểu rõ vai trò của các em trong việc góp phần xây dựng một nước VN tự do và dân chủ pháp trị.

=> Muốn như vậy, thử hỏi chúng ta có làm gương tốt đẹp cho các em noi theo chưa? Ý hướng tốt đẹp quá tại sao giữa người lớn và thành phần trẻ vẫn còn bức-tường-ngăn-cách? Làm thế nào để bỏ bức tường đó bây giờ khi các em lớn lên giữa hai-nền-văn-hóa Đức-Việt, đứng giữa-hai-màu-cờ?

Các em có ý thích tìm tòi về tình hình chính trị VN trước và sau năm 75 không? nếu phụ huynh không truyền đạt lịch sử lại thì làm sao các em hiểu được khi các em là " một người Đức gốc Việt" chứ! Vậy sứ mệnh của cộng đồng/ hội đoàn NVTNHN không đơn thuần là một kulturelle Gesellschaft (Tổ chức Văn Hóa) mà còn có phận sự hướng dẫn các em về Chính trị Xã hội nữa.

Thấy tầm quan trọng đó, thử hỏi: Chúng ta đã tạo ra những cơ hội nào đến gần các em chưa? Qua buổi hội thảo tại Frankfurt, tôi xin ghi những ý kiến đóng góp của hội đoàn ngoại quốc khác, rồi so sánh với cộng đồng NVTN HN chúng ta, xin chia sẻ như sau:

1-Các cơ quan từ thiện như nhà thờ/caritas/ HTT/ trường học... là những nơi đáng tin tưởng, họ có tài chánh, có tâm lý gia giúp đỡ chúng ta tận tình lúc mới di cư vào Đức. Hãy kết thân với cơ quan từ thiện Đức. Gây tiếng vang cho tổ chức văn hóa Việt tại xứ người.

2- Những tổ chức văn hóa như Kulturelle Veranstaltungen, lập hội Đức Việt, dạy nấu ăn chung, mở khóa Internet cho người lớn tuổi, nhờ bạn Đức mở khóa Đức ngữ cho người Việt cao niên, khóa dạy tiếng Việt cho trẻ em VN, khóa học may, khóa học nhảy đầm một loại thể thao sport lành mạnh, lớp dạy võ Vovinam, trò chơi hướng đạo...

3- Mỗi năm tổ chức 1 fest lớn như Tết Nguyên Đán, qua hoạt động bảo tồn văn hóa, phong tục, tập quán Việt tại xứ người. Mời hội đoàn Đức, hội thân hữu khác tham gia, trao đổi văn hóa, chính trị.

4- Những lần tổ chức Kulturfest, gửi thư mời các em trẻ tới, em này chuyển miệng em kia, cuối cùng các em kéo tới đông đảo. Khi các em có mặt. Chúng ta muốn các em tham gia và không cảm thấy mình bị thụ động? Ok, thì ta giao công tác cho các em ấy. Hỏi các em đảm nhận công tác đó được không, nếu chưa quen thì cô/chú bày cách cho làm. Khuyến khích và tặng cho các em sự tin tưởng vào khả năng chính mình.

5- Liên hệ với phụ huynh, vì có sự đồng ý của phụ huynh đứng sau lưng chúng ta ban đại diện cộng đồng sẽ được ủng hộ tinh thần và sự quan tâm của tập thể.

6- Tổ chức những buổi cắm trại tập thể, picnic, đi coi Theater chung, khóa nấu ăn, khóa may đồ, ban văn nghệ...Qua đó tinh thần khẩn khí tập thể được nâng cao. Tạo sự thông cảm, tinh thần trách nhiệm và vô tình các em sẽ thông thạo phương cách lãnh đạo của người lớn. Kinh nghiệm là một trường dạy nghề tuyệt vời nhất => muốn thực hiện những aktivites này chúng ta cần tài chánh, thì Parität đã cho biết vài cơ quan sẵn sàng tài trợ về sinh hoạt Văn hóa.

7-Giới trẻ xài phương tiện truyền thông qua internet như facebook, cho nên lấy phương tiện đó làm Network, giữ liên lạc thông tin giữa các em với nhau.

8-Khi các em tới sinh hoạt với chúng ta, điều tối cần thiết nhất chúng ta nên tránh cãi vã nhau, tránh dùng những lời thô tục để chửi CSVN, chửi Việt Gian bụng bô, bọn ca sĩ về VN hát là đồ đĩ, đồ điếm... Nếu các em thanh niên sinh viên người Đức gốc Việt mà nhìn thấy, nghe thấy những lời lẽ ấy thì họ sẽ coi thường chúng ta "thiếu văn hóa" và không nể chúng ta nữa. Từ đó mất hợp tác. Các em sẽ lánh xa và không tham gia tổ chức của chúng ta nữa. Giới trẻ sẽ lẻ loi và lập nhóm riêng sống hoàn toàn với Đức, và bị chúng ta cho là "chúng nó thờ ơ".

9- Nếu biết xử sự khéo léo, dần dần chúng ta hướng dẫn thanh niên Đức gốc Việt ấy về tình hình chính trị, như sự đàn áp tôn giáo, sự chà đạp Nhân quyền... Tạo sự chú ý về chính trị nước đang cư ngụ, xa hơn nữa về tình hình nguy biến trước sự xâm lấn của Trung cộng đối với ngư dân VN. Trong khi nhà nước là đảng CSVN hèn với giặc ác với dân. Vạch sự thật cho các em hiểu.

10- Đừng cho rằng giới trẻ VN trong nước hay tại hải ngoại thờ ơ, và không có tinh thần trách nhiệm tập thể. Vấn đề là người lớn chúng ta hay bận rộn, ồn ào mắng chửi, chụp mũ, gây nên mất hòa khí, mất tinh đoàn kết giữa tập thể, làm các thanh niên trẻ mất niềm tin nơi chúng ta.

11- Qua buổi hội thảo cơ quan Parität đã hướng dẫn cho chúng tôi những nơi mà mình có thể nộp đơn xin yểm trợ tài chánh, cũng như xin cấp phòng ốc sinh hoạt. Gặp gỡ. Tạo mối dây thân hữu, hài hòa dễ làm việc hơn.

* Kêu gọi thanh thiếu niên tham gia được hay không là do cách hành xử, lối suy nghĩ cởi mở hơn của người lớn, thể hệ chúng ta mà thôi. Và trở lại đầu đề của 2 ngày hội thảo là "Xử dụng tiềm năng đúng chỗ, đúng lúc sẽ tăng cường sự tham gia của giới trẻ", qua không sai chút nào phải không, thưa quý vị?

Dr. Gaiser, một trong các diễn giả đã nhấn mạnh là trong sinh hoạt tập thể chúng ta nên:

- Tôn trọng ý kiến khác biệt nhau (Respekt)
- Tin tưởng nhau (Vertrauen)
- Cởi mở thân thiện khi đến với nhau (Hamonie miteinander umgehen)

Trong tinh thần đó tôi nghĩ câu của cô phó chủ tịch Iris Bawidamann nói: " Mit Kooperationspartnern wird Unmögliches möglich" (Tạm dịch: Có liên minh làm việc chung với nhau sẽ làm những-điều-không-có-thể trở thành có-thể).

Và, theo tôi thì: "Không có người làm sai, chỉ có người khác có lối suy nghĩ khác ta mà thôi - Nghĩ khác mình không có nghĩa là họ sai".

Vài lời thô thiên xin chia xẻ đến quý vị thân hữu. Hy vọng quý vị tìm được qua buổi hội thảo này vài bí quyết để kêu gọi giới trẻ tham gia vào việc cộng đồng. Kính chúc quý vị an vui khỏe mạnh để phục vụ cộng đồng VNTN HN ngày càng vững mạnh, bình đẳng, cởi mở và tôn trọng lẫn nhau chờ ngày quang phục quê hương trong Tự do và Dân chủ.

Võ thị Trúc Giang Lúa 9

Germany, 20.03.2013

Với Mùa Xuân Trở Lại...

*Hồn lắng dư âm một nhịp sầu
Khi buồn dâng ngập cả trời Âu
Khi gió đông tàn trong ngõ hẹp
Âm thầm hai đũa rẽ chia nhau*

*Ai đón năm qua mây dạo rồi
Xuân về lạt lẽo, nhớ không nguôi?
Xa nhà tháng với năm dằng dặc
Kỷ niệm ngày xưa mộng tưởng hoài*

*Quê hương yêu dấu của ta ơi!
Hàng tre xanh ngắt uốn quanh đồi
Đồng quê thăm thẳm mùa hoa nở
Lúa chín thơm nồng trong gió mai*

*Nay Thiên Đường ấy còn đâu nữa
Sau chiến tranh tàn phá nước non
Biết bao bom đạn gieo tang tóc
Làng mạc đau buồn khổ chứa chan!*

*Em có về thăm làng Phú Xuân
Sau cơn bão lụt Huế điêu tàn
Rừng xưa im mát không còn nữa
Vì nổi điên cuồng của thế gian*

*Em không còn thấy đồng man mác
Chỉ còn lá úa dưới cây đa
Mà anh ngày trước ngồi núp bóng
Trong hạnh phúc giờ phút thoáng qua*

*Nếu em có trở lại kinh thành
Cầu xưa kỷ niệm những ngày xanh
Đã gãy như tình ai tan vỡ
Nay bồi đắp lại quá mong manh!*

*Thương yêu tương tự cầu đứt đoạn
Gián lại đâu còn như ước mơ
Theo hành tinh đất và nhân loại
Ta đã mất hồn trình tiết xưa!*

LE MONG NGUYEN

(Paris)

Avec le retour du printemps...

Mon âme se fait l'écho du rythme modérément lent
De la profonde tristesse envahissant le ciel d'Occident
Lorsque le vent d'hiver dans les ruelles flétrit
Annonçant les adieux des amants bientôt désunis

Quiconque, là-bas, s'apprêtera à recevoir
Encore un nouveau printemps affadissant et sans espoir?
Loin de ma famille, des années et des mois s'étirant
Je me remémore sans cesse les beaux jours d'antan

Pays de mon enfance, ô pays bien-aimé !
Pays de bambous, de vallons et de forêts
De la campagne et des rizières parfumées
Du matin calme et dans la solitude peuplée !

Qu'est-il devenu aujourd'hui ce paradis sur terre
Après les ravages de tant et tant de guerres
Durant lesquelles bombes défoliantes et à fragmentation
Ont été lâchées sans cesse sur la douloureuse nation?

Rentres-tu un jour dans mon village de Phu-Xuân ?
Près de Hué après les très fortes inondations
Dues à la déforestation et au climat de la région
A la folie des hommes et aux caprices du temps

Tu ne reverras pas la verte campagne environnante
Des feuilles mortes en automne et le feuillage de banians
A l'ombre duquel j'aimais en été m'asseoir en rêvant
Et respirais le vie et le bonheur du moment

Si jamais tu passais par-là, dans ma ville martyre
Tu ne saurais redécouvrir le Pont du Souvenir
Qui s'est brisé et s'est reconstruit apparemment
Comme notre amour rompu et restauré à présent!

Car une idylle telle le viaduc une fois cassé
Même recollé ne sera plus jamais comme avant
Pour la planète Terre et pour l'entière Humanité
Nous avons perdu notre virginité en toute innocence !

LE MONG NGUYEN

(Paris)

Membre de l'Académie des Sciences d'Outre-mer

BÓNG HÌNH XƯA

ĐỖ PHÚ

Hai chữ quê hương, hai chữ Sài Gòn Việt Nam được nhắc tới thường xuyên hơn từ ngày Hoa Kỳ mở lại bang giao với Việt Nam. Hơn nữa từ lúc Hoa Kỳ nổi lại quan hệ bình thường với Việt Nam vào năm 1996 thì nhiều bạn hữu của Hoài về Việt Nam để thăm viếng thân nhân, họ hàng còn kẹt lại, thăm bạn bè, muốn nhìn lại tận mắt những gì còn hiện hữu trên mảnh đất mình đã chạy thoát thân. Một số nhỏ đã tỏ ra như mang áo gấm về làng để khoe sự thành công, giàu sang của mình. Vì tình trạng quản lý đất nước quá tệ hại do độc đảng, bè phái; kinh tế suy sụp do độc tài công an cai trị, gian trá đưa tới nạn tham nhũng của quyền không thể sửa chữa được, Cộng sản phải mở cửa để bảo vệ chế độ. Họ biết những người bị họ ruồng bỏ, giờ đã trở thành những nguồn tài nguyên lớn họ có thể khai thác. Họ gọi những người tị nạn là khúc ruột thừa không thể thiếu trong bộ lòng của họ. Họ kêu gọi người tị nạn về thăm quê hương, hình ảnh những cánh đồng cỏ xanh mướt, những con đò đưa khách, những chiếc thuyền nan chở đủ loại trái cây vùng nhiệt đới, thơm ngon trên sông nước, như soài, măng cầu, sầu riêng, đu đủ, mít, dứa v.v..., những danh lam thắng cảnh như nhà văn hóa, chùa Một Cột, chùa Hương, chùa Cổ Lễ, Phát Diệm... những nơi nghỉ mát như bãi biển Nha Trang, Vũng Tàu, Phú Quốc, Sapa... được đưa lên các trang báo, truyền thanh, truyền hình, trên mạng để mời gọi dân tị nạn. Họ kêu gọi mang tiền về thăm thân nhân, giúp

đỡ họ hàng anh em còn nghèo đói, giúp cô nhi quả phụ, xây dựng lại mồ mả cha ông, họ quên ngay rằng chính họ là những người cộng sản đã đào sới phá hủy đi bao nhiêu mộ phần để lấy đất làm sân gôn mọc túi túi tử bản ngoại quốc. Họ đã nhân danh nhân dân để cưỡng chiếm đất đai cho ngoại quốc thuê gây vô vàn oan ức, dân kêu oan bây giờ tràn ngập mọi nơi.

Hoài trần trở với ý nghĩ có nên về Việt Nam một chuyến hay không? Khi Cộng Sản còn đó, muôn vàn đờn đau còn đó, bao nhiêu oan nghiệt còn đó, nó chỉ gia tăng, dù hận thù anh có thể quên nhưng anh không thể che mắt trước bạo lực vô luân, đàn áp tiếng nói của người dân, của những diễn đàn dây lương tâm. Riêng với Hoài, anh và gia đình đã đi thoát khỏi Việt Nam vào giờ chót, anh coi mình như những kẻ bị cộp vô hạt, thời gian có thể làm anh quên đi tai nạn nhưng làm sao anh xóa hết được vết bầm vập trong tâm hồn anh. Về ân tình của nhiều người đã giúp gia đình anh, ban cho anh, Hoài sẽ mang theo suốt cuộc đời mình. Thời gian đã qua đi trên ba chục năm, nhưng những tên như gia đình ông bà Hồng, Bích Loan, Hùng vẫn lúc tỏ lúc mờ trong trí nhớ của Hoài.

Trước tháng tư đen 1975, Hoài sống trong một gia đình sung túc, hạnh phúc, hai ông bà Phụng, bố mẹ Hoài đều có công ăn việc làm tốt. Hùng và chị Bích Loan, con ông bà Hồng, là hai người bạn học cũng là bạn hàng xóm thân thiết. Hai bố mẹ họ đều

là những người hiểu biết, hiền lành, đạo đức, vui vẻ được mọi người yêu mến nể vì.

Ông Hồng là sĩ quan hải quân, làm việc ở hải quân công xưởng, còn mẹ Hùng có cửa hàng bán đồ gia dụng và một số đồ xây cất nhà cửa, Vào những năm từ 1964 đến 1975 nhu cầu xây cất, sửa chữa nhà cửa lên cao, nên việc buôn bán của bà Hồng khá tốt đẹp. Hùng và chị là Bích Loan lớn lên trong một gia đình sung túc, có sự yêu thương, săn sóc kỹ lưỡng của bố mẹ. Họ là hàng xóm gần của Hoài, nhà cách chỗ ở của Hoài chừng 5,6 căn nhà. Hùng cũng chạc tuổi Hoài và cùng học chung 1 lớp. Hai người học cùng trường, cùng lớp và quen nhau từ đệ Lục đến Tú Tài. Loan học trên hai lớp. Hoài thường qua nhà Hùng học chung nên quen chị Loan và được chị cũng coi như em, chỉ dẫn học hành rất thân mật. Thỉnh thoảng mấy chị em đi chơi cũng rủ Hoài đi theo. Hoài lúc nào cũng coi Loan như chị, một điều chị hai điều chị cho đến Giáng Sinh năm 1974, nửa đêm trên đường về gặp trận mưa lớn, Hoài bị ướt như chuột, Loan kêu Hoài vô nhà tắm rửa thay quần áo, lấy quần áo của Hùng dùng đỡ rồi hây về tránh khỏi bị cảm lạnh. Từ lúc Loan đưa khăn tắm cho Hoài lau người anh thấy chị Loan đẹp kỳ lạ, một hình ảnh mà anh chưa hề thấy. Ánh mắt của Hoài chắc có gì khác lạ làm cho Loan phải quay nhìn chỗ khác và tránh mắt Hoài. Sau đó ít lâu trong một buổi học chỉ có hai người, Loan nói từ nay Hoài đừng gọi chị là chị nữa, Hoài hỏi chị muốn em gọi chị bằng gì bây giờ. Gọi tên không là đủ thân mật, Loan nói Hoài vui ra mặt và thấy dâng lên trong lòng một niềm vui xa lạ. Và cũng từ ngày đó, Hoài không còn nhìn Loan như trước nữa, thấy Loan thật đẹp, vẻ đẹp cao sang có đôi mắt đen lánh dịu hiền, cùng đôi môi lúc nào cũng như sắp cười hay sẵn sàng nói ra những lời

dịu dàng, ấm áp. Cách nói chuyện của Loan với Hoài cũng khác, có những điều dè dặt của những người quan tâm đến nhau, yêu thương nhau trên tình bạn thông thường.

Bước vào tuổi 17, Hoài đã để ý đến mấy cô bạn gái, đã nói chuyện tìm hiểu về trai gái. Hoài đã thấy nhiều lúc mơ màng nghĩ vẩn vơ, và hình ảnh của Loan luôn luôn bao phủ lên tâm trí của Hoài. Hoài cầu mong Loan sẽ là người thân và gần gũi anh nhất suốt cuộc đời này.

Vào tháng tư 1975, tình hình chiến tranh gia tăng và quân cộng sản đang tiến gần đến Sài Gòn, các cơ sở Hoa Kỳ và ngoại quốc đang rút ra khỏi Việt Nam. Vào ngày 28 lệnh giới nghiêm ở Sài Gòn được ban ra, Loan hỏi Hoài gia đình anh có tính chạy không? Hoài trả lời bố mẹ Hoài có nói đến một vài nguồn di tản nhưng đều mơ hồ. Loan nói Bố mẹ Loan cũng lo di tản, Hải Quân chỉ rút vào phút chót khi có lệnh, mà lệnh ra chỉ cho chuẩn bị một hai giờ làm sao lo cho kịp. Bố Loan cho hay có một nhóm tài phiệt Cholon mời ông chung mua tàu di tản, họ mời nhưng thực ra họ đã có tàu sắt tên An Hải dài chừng 50 mét, có thể chở được trên 100 người và nhiều hàng hóa mang đi sang ThaiLan hay Singapore bán. Họ cần ông làm trưởng ban cơ khí và điều khiển nhóm thủy thủ nên gọi là chung vốn nhưng ông không phải đóng góp tiền bạc chi cả. Tàu đang để ở chân cầu Tân Thuận, Loan bảo Hoài có thể đưa bố mẹ ra coi tàu, gặp người coi tàu nói chúng tôi là người nhà của ông bà Hồng là đủ. Sau khi coi tàu, bố mẹ Hoài quyết định đưa cả nhà xuống tàu ngủ, vì lúc đó tình hình đã nguy ngập, nếu tàu ra đi được chắc họ cũng chẳng có phương tiện thông báo cho nhau, kể chi đến mình. Lên xe cả gia đình Hoài ghé nhà Loan báo tin xuống tàu, bố Loan đi vắng, mẹ Loan bức sức như ngồi trên lửa, lo lắng

về đủ mọi thứ, như nhà cửa sẽ phải bỏ lại, tiền bạc nhiều món chưa thu hồi, nợ nhiều món chưa trả được, xe cộ để cho ai v.v.. chưa kể bố mẹ hai bên nội ngoại phải tính sao. Loan nói nhà có thể sẽ đi theo tàu của hải quân mà cũng có thể xuống tàu buôn ở cầu Tân Thuận, đến giờ này vẫn chưa có quyết định dứt khoát. Hoài nói lời cảm ơn, tạm biệt Loan rồi như một phản ứng từ nội tâm anh ôm chặt Loan vào vòng tay. Hoài cảm thấy một giây phút chia tay day dứt trong vòng ôm ấm cúng, anh mong giây phút đó sẽ kéo dài vô tận. Anh như chợt tìm thấy vài giây ấm lòng trong lời biệt ly đau khổ. Loan không phản ứng mà chỉ dờm dờm nước mắt nói lời tạm biệt.

Đêm hôm đó 29 tháng tư, gia đình Hoài được chứng kiến cuộc rời bến Sài Gòn của đoàn tàu hải quân Việt Nam, 29 chiếc chiến hạm đủ loại từ từ chạy qua Tân Thuận. Vì trời tối đen,

nên khi vừa qua khỏi cầu, chiếc chiến hạm đầu tiên bắn hỏa châu phía sau soi đường cho chiếc kế đi và cứ như vậy liên tiếp cho đến chiến hạm cuối cùng tạo nên hình ảnh một con rồng sáng đang di chuyển. Hoài nghĩ rằng gia đình của Loan đang ở trên một con tàu đó. Anh báo cho bố mẹ và em Ân niềm tin vui của anh. Anh vui sướng vì tin rằng ngày có thể gặp lại gia đình Loan không xa.

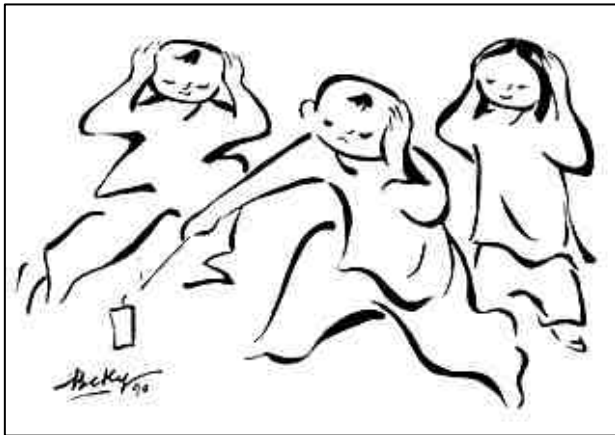
Sau bảy ngày lênh đênh trên biển, chiếc An Hải gặp hạm đội Bẫy của Hoa Kỳ và mọi người, gần 100 được cho lên một

chiếc tàu đổ quân chạy tới Subic Bay. Tới Subic Bay, anh nhìn thấy đoàn tàu hải quân Việt Nam đậu chính tề ngoài biển phía trái, như vậy họ đã đến Subic từ vài ngày trước. Anh vào văn phòng tiếp tân, xin tìm kiếm thân nhân nhưng danh sách những người mới tới không có tên ông Hồng. Anh đi lang thang trong trại tù ngôi nhà chính 3 tầng, rồi vào phía trong khu lầu vải mới dựng để tìm những khuôn mặt thân quen mà chỉ thấy những cơn buồn vô tận. Những ngày ở trong trại, Hoài lên văn phòng tiếp tân ngôi chờ nghe và xem những người mới tới có ai quen không. Gặp anh em hải quân nào anh cũng hỏi thăm về ông bà Hồng

nhưng cả tuần lễ qua đi mà chẳng ai hay. Đến San Jose, tiểu bang California, cả gia đình Hoài lao vào cuộc sống mới, ai cũng phải lo đi học đi làm để kiếm sống. Anh em Hoài vào học ở City College sau hai năm

được chuyển lên đại học lấy BS. Đến gần hai năm sau Hoài mới biết rằng gia đình ông bà Hồng đã bị kẹt lại ở Việt Nam và anh không có cách nào liên lạc được. Những tin tức mà Hoài nhận được đều từ những bạn hữu không ai biết rõ, xác tín cũng chỉ do người này nghe người khác nói lại. Sau này anh nhận được thêm ít tin tức ông bà Hồng đều đã chết, Bích Loan đã lấy chồng có con, cuộc sống chật vật nhưng cô yên phận làm vợ làm mẹ.

Sau nhiều ngày tháng suy tư, Hoài xin nghỉ một tháng về Việt Nam, đi tìm lại chút



hình bóng xưa mà anh tin rằng đã không còn tùy thuộc về anh nữa. Về đến đường Võ Tánh, mọi thứ nhà cửa, đường xá đều như nhỏ lại, người thì quá đông đúc, sô bồ, ồn ào, hỏi ai cũng nói không biết chủ cũ là ai bây giờ ở đâu. Hoài chợt nhớ ra tên chị Sáu, người giúp việc của gia đình nhà Loan ở Phụng Hiệp, Cần Thơ. Sau khi tìm được tên làng nơi chị Sáu ở, anh lần tới và may mắn gặp chị, chị trông đã già đến độ nếu không có người chỉ anh không còn nhận ra chị nữa. Chị Sáu cho hay đã từ lâu không gặp lại gia đình ông bà Hồng nhưng chị nhớ anh Hùng đang ở Bình Thạnh. Hoài theo địa chỉ chị Sáu cho lần tìm ra Hùng. Gặp lại bạn Hùng trong niềm vui tốt cùng, Hoài và Hùng, hai người tìm đến một quán cafe trên đường Công Lý để hàn huyên về bao nhiêu chuyện muốn nói muốn hỏi nhau. Qua bao nhiêu ngày tháng gian nan khổ cực, Hùng đã tìm được một việc hướng dẫn du khách lương tuy ít nhưng cộng thêm tiền du khách thưởng nên cuộc sống cũng thoải mái. Hùng kể chuyện gia đình, bố bị mất tích từ ngày 30 tháng tư, gia đình bị tịch thu hết tài sản, bị đày đi vùng kinh tế mới, mẹ không chịu nổi quăng đời mới, quá đau buồn nên cũng đã ra đi sau đó vài năm. Chị Bích Loan từ một cô gái yêu đời, nhìn đời với nụ cười tươi thắm đã thay đổi khi CS chiếm miền Nam, sau một thời gian hoạn nạn, buồn đau vì mất cả cha lẫn mẹ trong một thời gian quá ngắn, cô suy sụp không còn đủ sức chịu đựng nghịch cảnh. Sau nghe lời dụ dỗ nào đó hay bị lường gạt, cô đã lấy một anh cán bộ CS, anh chàng này đã nghỉ hưu lúc 50 tuổi, cô có hai con. Loan tỏ ra là một người phụ nữ an phận làm vợ, làm mẹ, cô nói cô sống cho con và vì các con.

Nhìn tấm hình mà Hùng đưa Hoài xem, anh không thể hình dung ra được đó là

Loan của anh ngày nào, đây là hình một bà già, hom hem, tóc ngả hoa tiêu, muối nhiều hơn tiêu. Mặt đầy vết nhăn, má hóp, môi hơi thâm, mắt lơ đờ, Loan đâu còn là Loan của 30 năm trước. Hoài tỏ ý muốn đi thăm thì Hùng cản nói chị anh không muốn gặp ai ngay cả người thân, anh chồng thì luôn luôn cau cò, tị hiềm đủ mọi chuyện. Sau vài lần gặp lại Hùng trò chuyện đã đủ, Hoài cũng đồng ý để cho Loan sống bình yên không nên gợi lại chuyện cũ dù chỉ nhìn nhau một lần. Anh biết Loan đã yêu anh và anh cũng vậy, chỉ có điều là anh chưa có dịp nói ra tình yêu của mình thì xảy đàn tan ghé. Trước khi từ gĩa Sài Gòn, Hoài tặng Hùng một số tiền, gửi lại một số cho chị của Hùng. Hoài bản khoản tự hỏi thế nào là ở hiền gặp lành, có ai ăn ở đạo đức hiền lành như ông bà Hồng không? Có ai ngoan hiền, xinh đẹp và phúc hậu hơn chị em cô Bích Loan ? mà vẫn gặp muôn vàn khổ nạn. Có bạn lấy thuyết luân hồi, nhân quả để giải thích, nhưng lý thuyết vẫn chỉ là lý thuyết.

Còn về chế độ cai trị, có chế độ nào độc tài, gian ác, đàn áp dân, dối trá, tham nhũng hơn chế độ CS mà chúng vẫn còn đó, chắc rồi cũng sẽ tan nhưng chưa biết rõ ngày nào.

Hoài trở về lại Hoa Kỳ với tấm lòng thanh thản, với tâm niệm anh không bao giờ còn cản trở lại Việt Nam nữa. Hoài nói anh không làm chính trị, anh không thích chính trị nhưng anh luôn luôn đồng ý với đồng bào tị nạn là chúng ta vẫn phải có 1 thái độ chính trị, nên anh tham gia mọi sinh hoạt cộng đồng để tranh đấu đòi hỏi một thể chế dân chủ, đa nguyên thực sự cho Việt Nam, để cho có được một Việt Nam phú cường cho mai hậu.

ĐỖ PHÚ
(Virginia)

NGẪM SỰ ĐỜI

Cảm hứng từ ý/vần,
bài thơ “Say” của nhà thơ Song Nhị .

Tôi ngồi suy nghĩ một mình
Nhớ bao biến động triều đình ngả nghiêng
Khởi đầu trận chiến Tây Nguyên
Miền Trung xáo trộn tiếp liền vào Nam

Tôi ngồi suy nghĩ miên man
Cuối Xuân đầu Hạ giang san tiêu tùng
Tướng quân đâu? Rắn không đâu
Hổ rừng vây bủa, nhíp cầu nát tan

Ngẫm xa rồi lại nghĩ gần
Tôi viết lếu láo thơ vần mà ngâm
Muốn ghi bao chuyện cao thâm
Thâm cung bí sử ai làm hại ai

Tôi ngồi uống chén men say
Ngất ngây đầu óc nhớ ngày lệ tuôn
Xuân loạn xạ, Hạ đau buồn
Chiến bào cời bỏ lệ tuôn hai hàng

Nhìn người mà dạ xốn xang
Những ai thương phé rên than bên đường
Quả là những kẻ đáng thương
Đui, què, mẻ, sứt không phương sống đời

Bao người vượt biển trùng khơi
Mất tiêu tài sản chẳng lời thờ than
Những ai vượt suối băng ngàn
Đi suôn chạy suốt nơi gần nơi xa

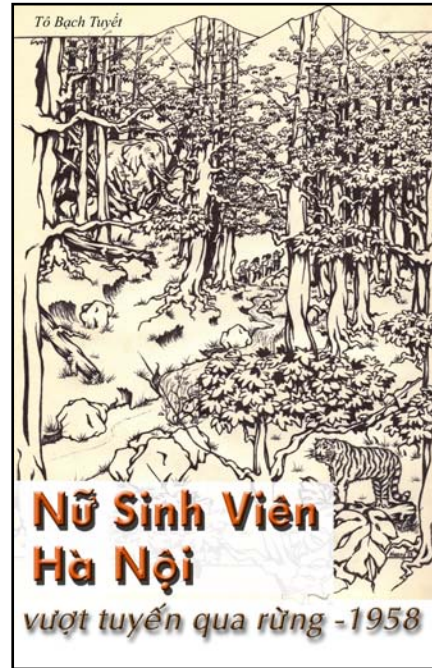
Số người đến xứ cờ hoa
Cháu con thẳng tiến nhà nhà an vui
Người già có chôn dưỡng nuôi
Thuốc thang ăn uống trông nom đủ đầy

Bây giờ chết sống nơi đây
Tài năng đã kiệt, xa người thân yêu
Đất mua hai miếng Oak Hill (1)
Chờ khi “trăng lặn” mai chiều hết lo

Thân tàn bệnh hoạn mắt mờ
Chỉ còn lưu những bài thơ sau cùng
Ông bà Tổ quốc non sông
Cho con xin lỗi không còn chung tay ./-

DUY AN ĐÔNG

(1)-Thành phố buồn tại San Jose.



Liên lạc:
TÔ BẠCH TUYẾT
2605 Galen Dr.
Champaign, IL. 61821
E-mail: tto2209@comcast.net

BƯỚM VỚI NHIẾP ẢNH

TRƯƠNG ANH THỤY



Tôi có thể chắc chắn rằng bất kỳ một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp hay tài tử nào cũng ít nhiều trong suốt cuộc “hành nghề” đều có chụp con bướm. Nhưng thử hỏi có bao nhiêu người để ý đến cuộc đời con bướm, tìm hiểu xem nó

sinh ra, lớn lên, đời sống vật chất và tinh cảm của nó ra làm sao?

Trong phạm vi bài này với tựa đề “Bướm với nhiếp ảnh”, tôi chỉ mong có thể cống hiến các bạn một số tìm hiểu và nhận xét của tôi về đời sống của loài bướm. Đây không phải là một công trình nghiên cứu đầy đủ, mà chỉ là một bài viết tản mạn, ngẫu hứng... hầu góp vui cùng các bạn mê săn ảnh trong ngày lễ mãn khóa của VNPS, niên khóa 2013.

Khó mà nói đời sống của con bướm bắt đầu từ đâu? Nhưng thôi, ta hãy cứ giả dụ nó bắt đầu từ cái trứng đi...



Tạo Hóa cũng phú cho loài bướm khả năng biết tìm nơi an toàn và loại lá riêng cho từng giống bướm để đẻ trứng (egg). Cái trứng cũng lại được giữ tại chỗ bằng một chất keo, đợi ngày nở ra con sâu (caterpillar). Con sâu sinh ra ăn ngay cái lá nó nằm trên ấy như tằm ăn dâu vậy. Tùy từng loài bướm mà ta có cái trứng và con sâu có hình thù khác nhau.



Sau khi đủ ngày con sâu sẽ bò vào một cái lá lành lặn rồi bắt đầu nhả rãi của nó trên cái lá. Nó bò từ từ... đưa cái đầu sang bên này, bên kia nhả rãi như người ta bôi một lượt keo đều trên mặt lá. Cho đến khi đủ một độ nào đó thì cái lá cong lên, cuộn lại, ôm con sâu vào trong. Con sâu nằm trong lá tiếp tục nhả rãi giống như tằm nhả tơ làm thành cái kén (cocoon/ chrysalis), cái tổ của con sâu. Hoặc lại có một giống bướm khác, khi còn ở dạng con sâu, tự tiết ra một chất keo hơi đục bọc lấy thân, khi hoàn tất thì người ta chỉ còn thấy một cái kén hình thù và màu sắc tím hoặc xanh như viên ngọc, có nạm thêm các hạt vàng óng ánh, không khác một món trang

sức rất đẹp. Nằm trong kén, con sâu trở thành con “nhộng” (pupa). Dần dần con nhộng mọc nhú lên đôi cánh trông giống như “con ngài” ở loài tằm (theo Google search: “silkworm butterfly” / theo từ điển Bùi Phụng “bombycid moth.”) Nhìn kỹ vào kén ta cũng có thể thấy mờ mờ hình cái cánh. Đợi một ngày nào đó nó đục một lỗ



trên cái kén rồi từ từ thò đầu ra ngoài... Tôi đây tôi muốn tạm ngừng để lược trích một đoạn của một câu chuyện lý thú do một người bạn mô phạm đọc được từ Internet chuyển cho:

“Thiền sư Viên Minh kể rằng: Một người nọ nhìn vào cái kén của con bướm thấy một cái lỗ nhỏ xuất hiện. Anh chăm chú theo dõi trong vài giờ đồng hồ và thấy một con bướm cố gắng vùng vẫy tìm cách chui ra ngoài qua cái lỗ nhỏ đó. Rồi dường như nó không có thêm một tiến triển nào nữa. Trông cứ như là nó đã làm hết sức của nó rồi và không thể xoay sở gì thêm được nữa. Thấy tội nghiệp, anh ta quyết định giúp con bướm bằng cách lấy cái kéo cắt mở cái kén. Con bướm dễ dàng thoát ra, nhưng tiếc thay, nó có một cái thân hình căng tròn và đôi cánh nhỏ bé, teo quắt! Thế là từ đó con bướm phải bò trườn suốt cả cuộc đời với cơ thể to phồng và đôi cánh vô dụng. Nó không bao giờ bay lên được... !” Thiền sư kết luận: “Cho nên Quy

tắc thứ ba của người Ấn độ là: “Trong mỗi khoảnh khắc mọi sự đều bắt đầu vào đúng thời điểm của nó.” Anh chàng tốt bụng kia đã không hiểu rằng chiếc kén chật hẹp khiến cho con bướm phải vùng vẫy để chui qua được cái lỗ nhỏ ấy chính là cái cách mà Tạo Hóa buộc chất lỏng (máu – trí riêng của người viết) trong thân con bướm chảy vào cánh để đôi cánh lớn mạnh và sẵn sàng đủ sức bay lên... ”

Bài học của thiền sư Minh Viên còn dài với những lời giáo huấn rất độc đáo dựa vào câu chuyện kể trên, nhưng trong phạm vi bài này tôi chỉ lược trích những gì để chúng ta có thể biết thêm về đời sống vi tế (sophisticated), phức tạp của loài bướm.



Bướm có rất nhiều loại, chưa kể mỗi vùng, mỗi khí hậu lại có những loài bướm lạ. Các giống bướm khác nhau về hình thù: cánh dài, cánh nhọn, cánh tròn, cánh quạt; màu sắc: từ màu nhạt thanh tao hay chỉ một hai màu thật nhã, đến sặc sỡ như áo phượng tuồng... ; tính tình cũng khác: có giống thì bay nhẹ nhàng phấp phới, có thể đậu im một lúc hay cả ngày trên lá, trên cành, trên hoa,



trên bờ tường... trong khi giống khác lại ưa bay loạn xạ, đôi cánh không lúc nào ngừng đập dù ngay trong lúc nó hút nhụy... Quá trình hình thành, con bướm thật ra còn tinh vi, phong phú hơn ở con người! Này nhé, con người thì bắt đầu bằng cái trứng, rồi thành bào thai, rồi được sinh ra là một hài nhi ngay, trong khi đó bướm phải trải qua nhiều thời kỳ, từ trứng nở thành sâu, phải tự tạo cho mình một cái ổ nằm tức là cái kén, con sâu nằm trong kén một thời gian



trở thành con nhộng, rồi thành con ngài chui ra khỏi kén mới thành con bướm.

Kiếp sống con bướm cũng phù du như kiếp con người, cũng được trải nghiệm qua 4 thời kỳ: sinh, lão, bệnh, tử. Từ sinh ra đến thời kỳ thanh niên sung sức, cũng cố yêu đương truyền giống, cũng già, bệnh rồi chết!



Bướm già nằm chết bên chậu kiếng

Trong cả cuộc sống, không biết loài bướm có tạo “nghiệp ác” hay “nghiệp thiện” như loài người hay không? Và nếu có thì nó có thể “tạo nghiệp” như thế nào khi mà từ bề ngoài chúng ta chỉ thấy chúng làm đẹp cho đời. Chúng sống hiền hòa, không bao giờ đánh nhau hay tranh ăn. Chúng ăn trường chay, không ăn thịt một sinh vật nào. Bướm không làm hại mùa màng và ngay cả bông hoa chúng hút nhụy cũng không bị nhàu nát hay khô héo và chúng còn có công mang nhụy hoa từ bông này sang bông khác để gầy giống...

Bướm chẳng đã từng là đề tài, là cảm hứng cho biết bao nhiêu thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ và dĩ nhiên là các nhiếp ảnh gia... từ xưa xưa đến giờ hay sao, vậy mà nếu chúng ta giờ máy ảnh lên chụp con bướm mà cứ như chụp một cái cây, một hòn đá... vô tri vô giác... thì chẳng hóa ra chúng ta vô tình lắm sao? Mà ngay như quý vị có chụp cái cây, hòn đá, sông, núi, mặt trời,

mặt trắng... đi chẳng nữa mà không thấy xúc động đến thần thức thì cũng là phụ lòng thiên nhiên... và rồi tấm ảnh đem về nhà rửa ra, chiếu lên, chúng ta có thể sẽ thấy một cái gì thiếu thiếu... bởi chưa thu được hết các góc cạnh, các ánh sáng thay đổi từng khoảnh khắc... vì đây mới là cái linh hồn của một tấm ảnh.

Viết về đề tài bướm mà lại mang tiếng là học sinh đã ra trường của Hội Nhiếp Ảnh VN vùng HTĐ mà lại không chia sẻ với các bạn về cách chụp bướm của mình thì thật là một sự thiếu sót: Tôi chụp bướm tại Brookside Gardens trong mùa hè là thời kỳ nơi đây mở cửa.

Trong cái nhà kính khổng lồ nóng bức ngột ngạt đó, tôi kiên trì ngồi xồm, rình một chú bướm, đợi cho chú đậu trên một bông hoa nào đó để chụp. Chụp “continuous” mà vẫn có thể hụt chú ta như thường! Ở đây người ta không cho dùng tripod, có thể được phép dùng monopod, nhưng theo tôi monopod không ích lợi vì khi chụp bướm là phải để cái “ballhead” lỏng cho phép ta xoay chuyển máy hình thật nhanh. Mỗi lần đi chụp như thế tôi thường chụp khoảng từ 500 đến 700 tấm, vừa JPG, vừa RAW, tự nhủ rằng chụp cho bỏ công và bỏ \$6 lấy vé vào cửa! Chụp bướm mấy năm liền như vậy tôi mới nhận ra rằng không phải năm nào cũng có cùng loài bướm của năm trước.

Có một năm tôi trở lại nơi này tìm con bướm xanh (như hình trên đây) mà năm trước tôi chụp được. Tôi thơ thần đi tìm cả buổi cũng không thấy tấm hơi, chợt nhận thấy mình đang thần thờ tiếc nuối... y như một cô gái bị người tình lừa dối!

Tôi thường dùng ống kính Canon 2.8, zoom lens 24-70. Chụp với khẩu độ mở lớn, với tốc độ nhanh. Điều đó cũng dễ hiểu vì không nhanh thì nó bay mất, hay hình sẽ bị rung! ISO để từ 800 trở lên. Nếu máy hình của các bạn cho phép thì cứ

nên để ISO cao hơn nữa. Có thể cao đến trên 1000, rồi sau vào Photoshop mà chỉnh sửa “noise,” nếu thấy cần.

Nói đến sự kiên trì chờ đợi cơ hội và dịp may, thì tôi phải kể một câu chuyện gần đây nhất: Nhiếp ảnh gia tài tử người Úc tên là David Rennie rình chim tới ba năm mới chụp được tấm ảnh chim ưng biển và con cò đang giao đấu trên không tại Mandurah Wetlands, Tây Úc... Bức ảnh là một trong số gần 2000 tác phẩm tham gia cuộc thi Australian Geographic ANZANG Nature Photographer do Bảo tàng viện Nam Úc tổ chức. Tấm ảnh đen trắng này đoạt giải Photographer of the Year Award. Thật cũng bỏ công!

Năm ra trường tôi dùng đề tài bướm



cho “project” của mình. Tên tôi bắt đầu bằng vần “T” cho nên bị/ được để vào cuối sổ! Tôi không nói hẳn ra là “bị” hay “được” là vì rõ ràng là trong cái “bị” có cái “được”! Trong khi chờ đến phiên mình--năm đó lớp tôi đông lắm, trên 30 học sinh--cuộc thi chiếm đến ba buổi, tôi có đủ thời giờ xem và quan sát những lời phê bình của Ban Giám Khảo (BGK), vì thế mà ghi nhận được nhiều điều bổ ích.

Trong một buổi thi Thầy Trần Thủy Định phê bình một anh rằng bộ ảnh của

anh tuyệt đẹp, chỉ phải một tội là chụp hình người nghệ sĩ chơi đàn dương cầm mà cái bàn tay giơ lên lại đứng im như tay chết thể kia thì không được, cái chỗ rung là cần thiết cho một tấm hình chụp một vật đang di động. Thế là tôi “ngộ” ngay ra một điều là cả bộ bướm 10 tấm của tôi, con nào cũng đứng im như bướm gỗ! Thì ra cái gì tôi đặc ý cho là hoàn hảo -- ngay ngắn, rõ nét, không rung, không mờ... -- thì lại chẳng hoàn hảo đối với BGK. Hôm đó về tôi bèn lục trong “Recycle Bin” kiếm những con bướm bị tôi rục đi, mong tìm được con nào có cánh rung. Nhưng vô ích! Con nào rung thì... “rung cả toàn thân” (nhái lại lời nhái của bài hát Hà Nội Ngày Vắng Những Cơn Mưa!) Hôm sau tôi lập tức xách máy đi chụp thêm ảnh. Trong trăm tấm thì cũng có được một tấm ưng ý: một trong bốn cánh của con bướm rung tí... không còn nhận ra được hình thù cái mỏ đầu cánh... riêng biệt hẳn ra giữa những phần khác rõ.



Tôi không biết tấm ảnh cuối cùng này có nâng điểm cho bộ ảnh Bướm của tôi hay không, nhưng cái lý của thầy Định thì bao giờ tôi cũng thấy là chính xác!

Để khép lại bài này, tôi xin mượn một câu thơ cực ngắn nhưng rất hàm súc của nhà thơ Xuân Thuởng: “*trong hiều có thương*” (bài không có tựa đề), chừng đó thôi, bạn sẽ chụp bắt được những tấm ảnh có ngôn ngữ, có linh hồn, có chiều sâu thẳm khiến người xem bị cuốn hút vào thiên nhiên, vào vật thể, vào cái đẹp do chính bàn tay bạn tạo dựng.../.

Dưới đây là tấm ảnh “Near Miss” của David Rennie đã đoạt giải Photographer of the Year mà tôi nhắc đến ở trên:



Thơ Trương Anh Thụy:

Khung Tranh:
*Chim đại bàng
 tung cánh giữa trời xanh
 bao giờ ra khỏi khung tranh?!*

Chiều:
*Đồi cao cây rụng lá đầy
 Cành vương khói biếc sương dày lòng khe
 Rặng thông đưa bước chân về
 Vực con chim nhận... sáng lờ tịch dương.*

CHƠI CÂY KIỀNG

Xương

Quanh nhà vừa đủ chỗ trồng cây
Lớn nhỏ thấp cao lổm ngổm bày
Này phụng cánh xòe hoa gổ lá
Nọ quy chân duỗi nhánh rành dây
Đây đầu lân ngẩng trông oai vệ
Đó cánh rồng bay thấy dạn dày
Lắm thứ chen nhau như họp chợ
Xem hoài không chán, mới là hay!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

CA, USA-10/09/2013

VƯỜN NHÀ

Họa

Có khó gì đâu tạo dáng cây
Ngó qua là biết đợi chi bày
Làm rồng châu nguyệt, đầu phun nước
Giả hạc tấm hồ, cổ quán dây
Có cả non tiên rêu phủ mỏng
Còn thêm động đá cổ chen dày
Cười chàng cây cảnh mua hàng chợ
Cứ ngỡ trình làng chẳng kể hay

Lý Hiểu

VA 10/2013

Còn Đâu Chuối Mộng Mơ

Màu tím hoàng hôn nhuộm áng mây
Tay đan thắm lặng dáng hao gầy
Xót xa ngăn cách đôi bờ mộng
Từng chuối sầu tuôn ngấn lệ đầy .

Mưa giăng mờ lối chuyện tình yêu
Tóc rối ngăn ngõ quện bóng chiều
Văng vẳng đàn trăng hòa ánh nguyệt
Tâm tư nhả nhạc khúc hoang liêu .

Mùa đông thắm đượm ý nồng hương
Ngọn gió đùa duyên đóa hải đường
Ngăn cách tình xưa xa dịu vợi
Suốt đời mong đợi vẫn còn thương .

Những lá thư phai buổi nắng mưa
Nhặt nhòa nét chữ thuở hồi xưa
Tâm hồn trống vắng niềm ly biệt
Hạnh phúc chập chờn đông giá đưa .

Đỗ thị Minh Giang



KIỆP TRÂM LUÂN

NGUYỄN LÂN

Năm 1970, lần đầu tiên bước vào nhà tù, Côn vừa tròn mười ba tuổi. Ở tuổi này, các thiếu niên khác còn sống trong khuôn khổ gia đình, trong vòng tay cha mẹ, còn được săn sóc trông nom, còn được hướng dẫn chỉ bảo. Côn không có ai lo cho hết. Côn ra đời được sáu tháng sau thì mẹ mất, để lại hai đứa con, Uyên và Côn. Côn không biết ngày mẹ mất ra sao, sau này, khi nghe chị Uyên kể lại mới biết mẹ mình uống thuốc độc tự vẫn vì chồng rượu chè, trai gái không ngó ngang gì đến vợ con. Mẹ Côn cạn chén độc được ngay trước mắt chồng mà ông cũng không hay biết; ông còn chuếnh choáng hơi men đến khi vợ gục ngã, ông mới tỉnh rượu, mang vợ vào nhà thương rửa ruột thì đã quá muộn. Ông thương tiếc vợ, nhưng bản chất ham vui, ông vẫn chứng nào tật nấy; hai đứa con gửi đi hai nơi, Uyên sang bên ngoại còn Côn ở với bà nội. Bà nội đã già, nhà lại nghèo, bố Côn năm thì mười họa mới về nhà thăm mẹ già con dại nên cuộc sống của Côn thiếu thốn ngay từ nhỏ, thiếu cả vật chất lẫn tinh thần.

Uyên may mắn hơn em, được đưa về bên ngoại, gia đình giàu sang sung túc, nhưng có cái khổ khác vì mẹ theo cha ngoài ý muốn của gia đình nên Uyên cũng

không được các dì, các bác thương yêu ngoại trừ ông bà ngoại.

Ngày trước cô Yến, mẹ của hai chị em Uyên nổi tiếng hoa khôi Sài Gòn, biết bao gia đình khá giả ngám ghé cho đến ngày Yến gặp Quyền, một thanh niên đẹp trai tán giỏi, hai người say mê nhau, lúc ấy Yến mới mười lăm, còn Quyền mới mười tám tuổi, cả hai đang còn học tại một trường Trung Học tư thục Đô Thành. Cha mẹ Yến không chấp nhận tình yêu bỗng bột của con gái, ông bà đã nhận trầu cau của một gia đình tăm tiếng, môn đăng hộ đối. Một sáng, Yến bỏ nhà ra đi theo tiếng gọi của ái tình; kết quả là hai đứa con kháu khỉnh bị bằm ra đời. Yến mang con về tạ tội cha mẹ, nàng được cha mẹ chấp nhận trở lại nhưng người rể vẫn không được quyền bén mảng đến nhà cho mãi đến ngày Yến mất.

Thời gian đầu, khi mới có bé Uyên là lúc gia đình hạnh phúc; Yến được cha mẹ cấp dưỡng một số tiền đủ để mở cửa hàng vải buôn bán ngoài chợ Bến Thành, Quyền đi học ngành hàng hải, ra trường trở thành thuyền trưởng cho một tàu tư nhân lương cao. Cuộc sống no ấm đầy đủ cho đến ngày bé Côn ra đời Quyền bắt đầu say sưa chè chén, có tiền trong tay, đàn bà con gái bám đầy có những ngày tàu cập bến, biết tin chồng đã về, nhưng Yến

chẳng nhìn thấy mặt chồng đến ngày cuối cùng tâu được lệnh chở hàng đi nàng mới thấy Quyền về nhà trong men say nồng nặc, về để thay đổi quần áo, chẳng kịp hàn huyên tâm sự, chàng lại vội vã rời nhà, cũng không kịp nựng con. Cứ như thế, YẾN sống thui thủi với hai đứa nhỏ, nàng khóc thầm vì chẳng còn ai than thở, chẳng thể tâm sự với cha mẹ, chị anh. Cứ như thế, YẾN héo mòn dần, nàng mong ngóng chồng trong u sầu, hờn tủi. Quyền họa hoàn tạt qua nhà lấy vật dụng, đôi khi cũng mua quà tặng vợ con, nhưng chàng hoàn toàn quên hẳn bổn phận của một người chủ gia đình, quên hẳn mình có một cô vợ trẻ và hai đứa con thơ

Côn khôn lớn trong vòng tay bà nội già nua lẫn thẩn, bà vừa điếc vừa lãng trí. Cứ đến cuối tuần ông ngoại chở chị Uyên về thăm, Côn vui mừng vô cùng, được nô đùa thả cửa với chị, được ông ngoại chở lên Chợ Lớn ăn mì vịt tiềm, được bà ngoại đưa đi mua đồ chơi. Đã nhiều lần ngoại nhắc con về xin cho Côn về đặng ngoại, nhưng nội thương Côn quá, nói chỉ có hai bà cháu hủ hủ với nhau trong cảnh già, nội nhất định giữ Côn. Vả lại, chính cậu bé cũng không muốn xa bà nội về đặng ngoại, cậu bé cảm thấy nhà ông bà ngoại to lớn sang trọng quá, các dì các cậu đáng sợ quá, các anh em họ chỉ thích chòng ghẹo nạt nộ chị em Côn. Nói gì thì nói, Côn nhất định bám chặt bà nội, càng lớn cậu càng tìm cách tránh gia đình bên ngoại. Ông bà ngoại buồn lắm, đành chịu vậy cho đến ngày bà

ngoại qua đời thì coi như chuyện xin Côn về phải bỏ qua.

Nội khéo tay lắm, bà kết cho Côn và Uyên mỗi đứa một cái nón rơm, vừa rẻ lại vừa che nắng che gió mỗi khi ra đường, nội không có dư dả tiền nhưng không bao giờ nội hỏi tiền con trai để may sắm cho cháu; con trai bà mỗi tháng có đưa tiền cho bà chi tiêu nhưng cũng chỉ vừa vặn trả tiền nhà, tiền ăn. Nội cứ sợ Quyền túng thiếu mà bà là mẹ đã không giúp đỡ được con, sao đành tâm xin xỏ. Nội chiều con trai từ tấm bé, từ ngày cha nó mất cũng như bây giờ nội chiều thằng Côn vì nó không còn mẹ. Bà nghèo, suốt đời chỉ có hai bộ bà ba đen thay đổi, suốt đời bà chưa biết đến thỏi son, hộp phấn, bà khù khờ chẳng biết con mình sinh sống ra sao, bà chỉ biết con bà bận lắm, có khi cả tháng mới được gặp mặt, chắc vì vậy mà con vợ nó tự tử, con nhỏ ngu quá, đã hai mặt con mà chưa hiểu lòng chồng, chưa biết nghĩ tới con; bà có thằng Côn rồi bà đâu có cần ai; bà cũng nhớ bé Uyên, đứa cháu gái xinh đẹp mũm mĩm, nhưng bà không thể giữ hai cháu được; vả lại bên họ ngoại nó giàu có, lo cho nó đầy đủ là bà mãn nguyện rồi.

Khi nội đưa nón rơm cho hai cháu, bé Uyên cầm lấy nhưng có vẻ không thích, cô bé đã quen dùng đồ xa xỉ, cô thấy cái mũ rơm này chẳng giống ai nhưng thương nội cô không nỡ vứt. Riêng Côn, cu cậu mừng lắm, Côn đội ngay lên đầu, chạy ra đường khoe mấy đứa cùng xóm thằng Thực, thằng Thủ là hai đứa con nhà nghèo xát

vách nhìn Côn thán phục, dơ tay mân mê cái nón rơm trông cứ như mũ của Robin Hood, thằng Sang con nhà giàu, nhà ba tầng ở cuối đường mặt ngệt ra nhìn cái nón rơm, rồi ôm bụng cười lăn lộn. Côn cúi tiết, đấm một cú thật mạnh vào cái miệng đương toe toét, máu vọt vào mặt Côn, hai cái răng cửa lay lứt như muốn rụng! Sang rú lên đau đớn, nội chạy ra bế Sang vào nhà lấy nước muối đắp rồi hối hả ẵm thằng Sang về nhà nó từ đấy, không bao giờ Côn được chơi với thằng Sang nữa, và cũng từ đấy, Côn biết thế nào là giàu nghèo sang hèn, biết thế nào là ganh ghét hận thù. Lúc ấy Côn mới tám tuổi. Côn đi đến đâu, những cô cậu trắng trẻo, mũm mĩm, ăn mặc tươm tất đều trốn tránh. Có lần Côn hỏi chị Uyên: “Tại sao cái tụi con nhà giàu cứ thấy em ở trường cũng như bắt cứ chỗ nào đều lẩn cả?” Uyên nhìn em thương hại dù lúc đó cô bé mới mười hai: “Tại em anh hùng quá nên chúng nó sợ”. À, thì ra vậy, từ nay trở đi, Côn cứ thế mà anh hùng, cứ thế mà uy hiếp chúng nó bằng võ lực; đứa nào mạnh hơn có gan gây sự với Côn, cậu bé sẽ chống trả đến cùng, có thể mới anh hùng!

Năm Côn mười tuổi, nội mất. Tuy chưa hiểu thế nào là “sinh ly, tử biệt”, Côn cũng cảm thấy mất mát quá nhiều, còn đâu những lúc bà cháu kê cận bên nhau, còn ai nâng niu săn sóc, còn ai ôm ấp che chở. Côn ôm chặt xác bà nằm cứng đờ trên giường, lay giựt, cậu không khóc, nhưng cậu vẫn mong bà nghe tiếng gọi thương

yêu mà tỉnh dậy. Ông Quyền, cha cậu phải bế xốc con sang phòng bên, khóa trái cửa, nhốt Côn lại để nhà quản tắm liệm bà cụ. “Sinh ký, tử qui” là lẽ thường tình mà sao thằng bé nó sâu thẳm, dính bà đến thế? Thằng bé này phải cho ra đời sớm, phải dạy dỗ hơn nữa mới được. Ông Quyền không mấy thích Côn vì mắt nó vừa ti hí, vừa gườm gườm, người thì choắt lại, trông toàn vẻ nó du đãng còn đồ làm sao ấy! Ông yêu bé Uyên hơn, càng lớn nó càng xinh đẹp duyên dáng, nó giống ông nhiều, nhưng sao nó cũng có vẻ lẩn tránh ông? Cả hai đứa con thấy mà chán, chẳng đứa nào quấn quít cha! Nhưng nghĩ cho cùng, ông có thì giờ gần gũi con cái đâu mà đòi nó quấn quít?! mà nếu nó cứ bám ông suốt ngày thì làm sao chịu nổi? Thôi thì, mặc ai nấy sống, ông cung cấp tiền bạc cho chúng nó là đủ rồi, ông còn trẻ, ông phải sống cho ông trước đã bài bạc, rượu chè, gái đẹp là những món cần thiết đối với ông; rồi các con ông lớn lên chúng sẽ hiểu và chúng sẽ đồng ý với ông về cuộc sống ngăn ngừa cần phải tận hưởng được phút nào hay phút nấy. Ngắm các con, nghĩ tới người vợ quá cố, ông Quyền thở dài. Ông vẫn xót thương vợ nhưng ông thấy vợ ông quá dại dột sai lầm. Ông phải quên đi dĩ vãng buồn thảm. Nghĩ tới mẹ già qua đời ông đâm lo, Uyên đã có bên ngoại coi sóc, nhưng ai nhận thằng Côn đây? Thằng bé này cứng đầu lắm, nó không chịu về sống với gia đình bên ngoại, ông không thể nào cáng đáng đứa con này. Ông Quyền chột

thấy một tia sáng lóe ra trước mắt khi người anh lớn, ông Quan đang quì trước bàn thờ mẹ. Ông Quan gần mẹ và thương em trai lắm, ông sẽ nhận lãnh thằng Côn.

Sau cái tang bà nội, bác Quan mang Côn về chung sống với gia đình ông, một bà vợ khó tính lắm điều, hay nói tục và một cậu con trai hiền lành nhút nhát hơn Côn hai tuổi, cậu Hãn cho có anh có em. Côn thương anh Hãn, luôn luôn che chở Hãn những khi bị bọn con nít lối xóm chế giễu vì tính rụt rè e lệ; nhiều lúc Côn phải đập lộn với những đứa to con hơn nhưng không vì thế mà cậu lui bước. Hãn đứng ngoài máu nóng bốc lên, không nhịn nổi, cũng lao vào vòng chiến, dần dần Hãn chinh phục được bản tính yếu đuối, hai anh em xát cánh nhau khiến bọn con nít chòm xóm phải gờm. Nhưng, mỗi lần ẩu đả, mỗi lần mặt mũi sưng vù, quần áo tả tơi là mỗi lần bác Quan gái cho cả hai một trận đòn. Riêng Côn, bác còn nhiếc móc, dùng những lời thật hạ cấp, những lời hàng tôm hàng cá để nạt nộ thằng bé mất dạy, du dương làm gương xấu cho con bác. Côn lớn lên trong khung cảnh đó, Côn học những lời nói bậy từ bác Quan gái bệnh hoạn, Côn học thói anh chị từ những bạn bè xấu, Côn cảm thấy thù đời, Côn cảm thấy ghét cay ghét đắng những đứa bé có gia đình đầy đủ, Côn cảm thấy hận người lớn, Côn bắt đầu nói dối để khỏi bị những lần roi quất đít của bác Quan trai, khỏi bị nghe những lời nhục mạ nặng nề của bác Quan gái; Côn bắt đầu thưởng những món đồ khi

được đi đến nhà bạn bè của hai bác để thỏa mãn những ao ước của cậu. Mỗi lần cùng Hãn cắp sách đến trường, Côn bỏ đi lang thang sau khi năn nỉ anh về nhà dừng cho hai bác biết. Cứ thế Côn xuống dốc dần dần

Bọn Côn ba đứa, thằng Hùng điên lớn nhất mười bảy, thằng Cường cứng mười sáu và Côn nhỏ nhất nhưng lại là đầu xỏ đều là những đứa không không cha hoặc không mẹ, đều là những đứa trẻ bị xã hội lãng quên nhóm lại thành một băng chuyên tẩu đồ ăn cắp ra bán trong chợ, ngoài đường phố Hãn biết những hành động của Côn, nhưng sợ em, cậu không dám nói lại những gì Côn làm cho cha mẹ hay. Ông bà Quan lúc đầu còn cất vấn Côn những đêm vắng mặt, rồi cũng chẳng thèm để ý đến cháu nữa, mặc nó muốn ra sao thì ra. Thỉnh thoảng ông Quyền, cha Côn đến thăm con cũng không được gặp mặt, ông cũng chẳng màng, gửi tiền cho anh chị nuôi con xong ông rũ áo ra đi không hẹn ngày trở lại. Côn có muốn gặp cha cũng khó, mà gặp để làm gì? Lâu dần, Côn cũng chẳng thấy nhớ cha. Ngày qua ngày, thấm thoát đã ba năm kể từ lần đầu Côn bị cảnh sát bắt tại trận khi cậu đứng rạch túi áo một bạn hàng ngoài chợ Tân Định. Lần ấy người lính Côn ra là ông thầy dạy tư của Hãn. Hãn van xin thầy đón Côn tại ty cảnh sát và giữ kín chuyện không cho ông bà Quan hay. Ông thầy biết Hãn ngoan ngoãn hiền lành, và thương Côn không cha không mẹ nên bảo lãnh Côn. Lần ấy Côn bị ăn mấy cái tát méo mặt của mấy thầy

cảnh sát. Người lớn không ai biết, Côn mang nặng mặc cảm hư đốn, sợ không dám tìm gặp bố nữa nhưng Côn vẫn mong gặp chị Uyên. Có lần, Côn đến đón chị trước cổng trường Gia Long, nơi chị Uyên học. Cậu đứng lẩn sau một gốc cây lớn khi thấy chị từ trong trường bước ra, vui tươi, xinh đẹp, nhí nhảnh, duyên dáng mấy cậu trai bu quanh xin xô tranh nhau đưa chị Uyên về. Côn bực lắm, nhảy xổ ra sừng sộ, dậm dọa. Chị Uyên thẹn thùng la mắng Côn và cấm không cho Côn đến trường đón nữa. Côn buồn lắm, từ ngày ấy, cậu chỉ còn dám lén theo hộ tống chị xa xa. Một bữa, Uyên về thăm em tại nhà bác Quan, hai chị em đang chuyện trò vui vẻ, bỗng nghe thấy tiếng còi xe Honda Scooter vang rinh ngoài đường; Uyên vội vã đứng lên, nói với em: “Mày chạy ra đường nói anh Hoàn chờ chị một chút, chị ra ngay”. Côn đứng phắt dậy, tông cửa ra ngoài.

Khi Uyên yếu điệu ra với bồ thì nàng khựng lại vì Hoàn đang nằm sững sượng dưới đất, Côn một chân trên mặt đường, một chân dậm lên ngực Hoàn, tay chống nạnh dáng anh chị đang cười sằng sặc. Uyên giận quá, cô đưa tay tát mạnh vào mặt em, xô Côn ra, Côn không phản ứng. Hoàn lồm cồm đứng dậy, ngượng nghịu. Uyên nhìn bồ ngao ngán, ra lệnh: “Dựng xe lên, đi!”. Xe rồ máy, Uyên đưa mắt nhìn em, cô thấy chạnh lòng Côn ngồi sệp trên vỉa hè, hai tay ôm mặt hình như nó khóc

Từ ngày ấy, Côn không bao giờ dám làm chị phiền lòng, Côn không bao giờ dám dính mũi vào những chuyện tình cảm của chị nữa. Côn còn có mỗi mình Uyên là thương Côn chân thành thôi, dù hỗn láo ở đâu, du đặng với ai nhưng đối với chị Uyên cậu là một đứa em ngoan ngoãn lễ độ, dù cậu không thích chị đi chơi, đàn đúm với những chàng trai trẻ. Cũng từ ngày ấy, Uyên không bao giờ to tiếng la mắng em nữa, cô thương em, cô thấy xót xa trong dạ mỗi lần gặp em ngày một ốm o bần thỉu; hai chị em ở hai nơi, Uyên không lo cho em được chút gì, tình mẫu tử cả hai đứa cùng không có, cô đã biết; tình phụ tử cả hai đứa cùng thiếu thốn, cô đã biết. Nhưng Uyên may mắn được sống với ông ngoại giàu có, được ông ngoại thương yêu bên vức những khi các bác, các dì, các cậu xỉ vả vì nhiều người đưa rước, vì ham chơi. Uyên may mắn hơn em vì cô xinh đẹp, duyên dáng nên ai nói gì thì nói cô vẫn được bao chàng trai săn sóc chiều chuộng. Về đàng bác Quan thăm em, Uyên lại muốn khóc vì thằng bé trông tiêu tụy quá; mà sao ánh mắt nó đầy vẻ căm thù, đầy vẻ sắt thép mỗi lần Uyên thoáng bắt gặp; ánh mắt Côn chỉ dịu đi, tươi vui ngây thơ trở lại khi hai chị em trò chuyện với nhau. Mới mười lăm tuổi mà trông thằng bé như đã hai mươi tuổi; nó có vẻ trầm lặng ít nói, nó có vẻ nghiêm nghị lạnh lùng, nó có vẻ khôn ngoan tính toán, nhưng ánh mắt nó mới buồn làm sao! Côn không bao giờ hỏi chị về người mẹ đã mất,

người mẹ mà Côn chưa hề biết mặt, hai chị em chỉ nhắc nhở đến người cha mà cả hai đều thương yêu nhưng ít có cơ hội gặp gỡ, hai chị em mừng rỡ ra cảnh bề mênh mông mà cha chúng đương thi hành nhiệm vụ hải thuyền, hai chị em tưởng tượng ra cảnh bão tố điên cuồng ngoài biển khơi mà cha chúng đang lèo lái con tàu, đưa hải hành đoàn về đến bến bình an. Cha chúng phải là một anh hùng. Lớn hơn em, Uyên không nhìn cha một cách tôn sùng như thế, cô biết cha nhiều bề bộn, cô biết cha không có trách nhiệm với gia đình, cô biết vì cha mà mẹ tự tử, nhưng cô không nói cho Côn hay để ít ra thằng bé còn nuôi ảo mộng, còn có chỗ nương tựa tinh thần. Hai chị em trò chuyện với nhau thật tương đắc, hai bác Quan cứ bảo thằng bé ngang tàng lì lợm, nhưng Uyên thấy nó hiền quá đi, nằng bướng gì nó cũng vâng dạ, các anh chàng bồ của Uyên có thể đến đón nàng mà không còn e ngại Côn hành hung nữa nhưng sao các cậu vẫn ngán bản mặt Côn ngay từ phút đầu gặp gỡ, các cậu thú thật với Uyên là trông nó cô hồn lắm, nó có thể giết người, ánh mắt nó thấy mà phát rùng mình, ánh mắt đó là ánh mắt báo tử! Uyên thở dài chẳng biết trả lời ra sao về những nhận xét của các bạn trai; có lần nàng nói thẳng với Côn về ý nghĩ của mọi người, Côn chỉ cười, nụ cười trong sáng: “Mấy người ấy nói đúng nếu như mấy người ấy làm hại chị, mấy người ấy sẽ được hưởng cảm giác mà mấy người ấy thấy nơi em”.

Một chiều ba mươi Tết, Côn xin phép hai bác Quan ra riêng, sống với các bạn. Bác trai tỏ vẻ quan ngại, bác nói: “Con mới mười lăm tuổi, ba con gửi con ở đây; con đi rồi, bác biết nói sao với ba con? Hơn thế nữa, lòng bác lo lắng lắm dù bấy lâu nay bác không có thì giờ trò chuyện với con nhưng ít ra còn nhìn thấy con ra vào. Không có bác, con sẽ sống ra sao?” Bác gái không nói năng gì nhưng vẻ vui mừng hiện rõ trên nét mặt, bác chỉ muốn tống khứ Côn đi, bác sợ con trai bác lêu lổng như Côn “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, thằng này bất trị, chẳng thà để nó đi khuất mắt cho rồi. Bác gái quay sang chồng: “Để tôi đi lấy cho nó tám bánh chưng với ít dưa góp”.

Côn mang bánh về túp lều ván gỗ của ba đứa thuê chung, cùng hưởng đêm trừ tịch. Thằng Hùng điên lúi húi dọn bàn thờ, chưng hai cây nến đỏ trên chiếc đĩa nhựa, đốt ba nén nhang trong một cái bát sành sứ đựng gạo, thằng Cương cứng đi mua chai rượu chát và gói thịt quay, Côn ôm về ít mít bí và bánh chưng, dưa món. Thế là đầy đủ cả. Thế là chúng có một cái Tết xum vầy.

Mười hai giờ đêm, tổng cự nghinh tân, cả ba đứa luân phiên nhau vái trước bàn thờ. Cương lên tiếng: “Tao và hai đứa mày chẳng bà con thân thuộc, cúng tổ tiên ai đây?” Côn điềm đạm: “Thì mình chung sống thế này là anh em rồi còn gì nữa. Mình cúng chung tổ tiên của cả ba. Mày nhìn lên bàn thờ có thấy di ảnh người nào đâu? Mẹ tao trong tim tao, mẹ mày trong tim mày, bố mẹ thằng Hùng trong óc nó.

Hình ảnh đấy! Đây đủ quá!” Cả ba đứa cười nghiêng ngả, cười vang nhà mà nước mắt chúng ướt đầm hai gò má. Không có pháo đầu xuân nhưng cả ba đứa cùng nghe như tiếng pháo nổ đi đùng trước ngõ, chúng đang nhớ lại thời gian còn sống với gia đình. Hai đứa kia còn có mẹ khi chúng năm sáu tuổi, chúng còn nhớ nhiều về mẹ chúng, còn Côn có thấy mẹ bao giờ. Hình ảnh mẹ trên tấm hình 4x6 trong túi áo mà chẳng bao giờ nó rời. “Mẹ ơi!”

Hùng điên rút ngăn kéo, bưng một cái khay bạc cũ bản trên để một ống chích và ba ống thủy tinh nhỏ xíu, mỗi ống đựng chừng 1cc chất nước trắng trong đặt trên bàn. Đương mơ màng mà cả Côn lẫn Cương cứng đều bật dậy, reo vui: “Ô! Thần dược đây rồi!”

Ba đứa luân phiên hút thuốc ra ống, chích lẫn cho nhau. Chúng đã nghiện chất bạch phiến pha loãng này! Mà mua cũng đắt ra phết, giá mỗi ống bằng hai Đức Trần Hưng Đạo (tờ giấy năm trăm bạc Việt Nam hồi đó lộng hình Đức Thánh Trần). Cả ba đều cảm thấy lâng lâng, sáng khoái sau khi mũi kim rút ra khỏi thịt da. Phải chích cho yêu đời để đón mừng năm mới! Nhớ có hồi thuốc đắt quá, không có ống chích chúng chôm được chút bột bạch phiến, chúng cắt tay ra, máu chảy ròng ròng được rịt lại bằng chất bột trắng thần dược!

Tiếng đập cửa thình thình làm cả ba đứa bừng tỉnh, cùng đứng bật dậy. Côn điềm tỉnh ra dấu cho hai bạn ngồi xuống, nhấc then cửa. Một bóng đen ào vào, Thịnh sút

hồn hển: “Tụi bay có gan đi ăn hàng ở ngã Sáu Chợ Lớn đêm nay không? Tiệm Hợp Tân vào tối nay không còn ai, cả nhà đi vắng, họ ăn Tết trên Đà Lạt”.

Cương cứng lên tiếng: “Cái tiệm mới mở hơn một năm nay chuyên bán xe đạp nhập cảng, phải không?”

- Đúng đó! Bọn chúng làm ăn phát đạt nhất vùng ngã Sáu Chợ Lớn. Tao nghe lời thằng Côn rình tiệm này từ lâu rồi.

- À, thì ra thằng đầu sỏ tinh quá há, muốn ăn mảnh sao mà không bàn với anh em? Hùng điên có vẻ bực.

- Tính mày nóng hay làm bể chuyện, thằng Cương thì thiếu sự mềm mỏng; vậy tao bàn với tụi bay làm chi? Bao giờ ra tay, tao bật đèn xanh là cùng làm vì thế tao mới để thằng Thịnh sút canh chừng tiệm đó trước.

Côn lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt đồng bọn, rồi quắc mắt quay sang phía Thịnh: “Thằng này vẫn láu táu, nói năng vung vít. Đáng nhẽ mày phải nói với riêng tao. Tao mới là người cho chúng nó hay. Nhớ lấy, nghe chưa!”

Dưới ánh đèn vàng vọt, Thịnh sút mặt nhăn nhó, cười cười: “Biết rồi!” Cũng trạc tuổi Côn, nhưng Thịnh sút còn choắt người hơn, vóc chỉ bằng đứa trẻ mười hai, nhưng mặt nhăn nheo như một ông già. Trong bọn, thằng Cương to con nhất, vượt đồng bọn cả cái đầu, thằng Hùng xương xẩu vẻ liều lĩnh, bất cần đời, nhưng Côn mới là linh hồn của tụi nó, Côn nhanh như sóc mà điềm đạ, tính toán đầu ra đấy.

Chiều Đông Nhớ Nhà

*Chiều mùa đông chẳng mong mà tối sớm
Ánh trăng buồn giận dỗi lân sau mây
Thảm hoa vàng ảm đạm khép mi đầy
Em cũng thế ngồi thờ sau khung cửa*

*Ly rượu nhỏ ngậm dài lòng mới nửa
Quê nhà đâu sâu khuất rặng thông xa
Thoảng đây cốc chập chùng làng mạc cũ
Rượu thơm môi tưởng ngọt nụ hôn đầu*

*Có thật chẳng hay chỉ là hư cấu?
Dòng sông quê nhánh rẽ chảy qua thôn
Giàn hoa tím lẳng lơ đeo ngõ vắng
Nụ hoa quỳnh nở vội tối ly hương*

*Nhấp ngậm nữa say cho lòng vất vương
Còn điều gì trần trở nữa rồi quên
Trăng vẫn thế sao hờn trăng lên muộn
Lòng vẫn vợ dằng dặc dạ mây ngàn!*

Nguyễn Bạch

Côn giữ nhiệm vụ mở khóa cửa phía trước, Hùng bẻ khóa cổng sau để phòng có người ập đến còn có lối thoát, Cương sẽ tải đồ trên chiếc lambretta cỡi chuồng cửa hấn, Thịnh có phận sự canh chừng cảnh sát để báo cho đồng bọn. Phân công xong cả đám hí hửng rời nhà.

Đêm đã khuya, đêm Trừ Tịch yên vắng, nhà nhà đóng cửa đón Giao Thừa. Bốn đứa đèo nhau trên hai chiếc xe gắn máy cũ kỹ chực chỉ ngã sáu. Thăng Thịnh sút ôm chặt

bụng Côn vì nó biết Côn là một loại anh hùng xa lộ, phóng xe bất kể trời đất, cứ như bay trên mây, xe gắn máy nào Côn cũng vượt qua mặt dù chiếc scooter tồi tệ của Côn muốn long ra từng mảnh. Thăng Cương cứng gồng mình trên chiếc lambretta cố bám sát bạn. Hùng điên chửi thề: “Đ.M thăng Côn ngu như chó. Đi ăn hàng mà phóng xe thế này thì còn điên hơn tao, cảnh sát nó chặn bắt trước khi tới tụ điểm mất!”. Cương hét: “Để tao bảo nó bớt tốc độ”. Nhưng cu cậu không sao vượt nổi Côn, chỉ còn nước bám theo.

Côn hăm bắt thành linh, Thịnh sút bay ra đằng trước, đầu đập vào gốc cột đèn, đau đốn xuýt xoa vừa văng tục, vừa đứng dậy. Côn ngửa mặt cười một tràng dài Xe Cương tới sau, Hùng phóng xuống điểm mặt Côn: “Tiên sư nhà mày Đi cái điệu này có ngày cảnh sát hốt vào bót cả đám. Làm gì mà vội vậy?”

- Phóng như thế mới sướng, làm gì mà thỏ đế thế? Nhỡ ăn hàng không lọt ngồi bót nghĩ đến những lúc vừa rồi thấy cũng khoái.

- Mày ngu và điên hơn tao!

Côn im lặng không nói gì, mắt nó gườm gườm. Lúc này không phải là lúc cãi vã tranh thắng. Nhìn bảng hiệu Hợp Tân rạng rỡ dưới ánh đèn neon Côn đương nghĩ làm sao mở khóa vào mà không ai hay. Bây giờ gần Giao Thừa, nhà nào cũng tụ họp chờ đón giờ trọng đại, nhà nào cũng đóng kín cửa vui xuân.

(Còn tiếp)

NGUYỄN LÂN

CON ĐÒ BẾN CỘ

Khi mô về Bến Cộ
Nhớ cây đa, con đò
Nghe chuyện tình dang dở
Em nhìn chị ngẩn ngơ:

*À ơi con nước, con đò
Trên sông ai thả câu hò lừng lơ
Cát bồi cát lở tương tư
Con hầu con hén ngát ngư phận đời*

Khi mô về Bến Cộ
Em xin chị câu hò
Dù gặp nhiều gian khổ
Sao chị vẫn dành cho...

Khi mô về Bến Cộ
Em ghi lại câu hò
Hoa đầu mùa chưa trở
Em thấy chị buồn xo

Khi mô về Bến Cộ
Em nhớ mãi câu hò
Chim xa đàn lia tổ
Lạnh lòng chị co ro

Khi mô về Bến Cộ
Bao giờ bớt âu lo
Khua mái chèo, sóng vỗ
Trăm năm... lỗi hẹn hò

*“ Trăm năm đành lỗi hẹn hò
Cây đa, Bến Cộ, con đò khác đưa
Cây đa Bến Cộ còn lưu
Con đò đã thác năm xưa tê rồi “*

Phan Khâm

SỐ 65

NGÃ HỨNG LỤC BÁT

Em mang lục bát bước vào
Ngạt ngào hương sắc hoa đào áo bay
Áo tình bay vương vào mây
Bên cầu Ô thước đấng cay anh tìm

Lục bát lay động tuyệt vời
Con tim đồng bóng rã rời thịt da
Xiêm y em vẫn điệu đà
Ngụy trang trong cõi ta bà thế thôi

Em mang lục bát ra đi
Tình xưa trả lại nhắc chi thêm sầu
Nửa khuya đường lạnh mưa ngâu
Lạc loài áo lụa lên màu khói sương

Em mang lục bát đi tu
Cầu kinh giải thoát nhiệm mầu từ bi
Hỏi đời tình ái là chi ?
Xui tâm không tịnh khiến si không đời

Em ngâm lục bát bên mồ
Mưa thu rả rích trên hồ tịch liêu
Ngựa già vó đuôi nắng chiều
Xe tang thổ mộ ngã xiêu lưng đời

Lý Hiểu



127

Sài Gòn Em Ở Đó

Nhạc và lời: Trần Chí Phúc

Sài Gòn em ở đó có còn những hàng cây Chờ người anh đứng
ngóng, cuối đường lá nhẹ bay Cuộc tình theo cơn gió, bao nguyện ước cùng
nhau, áo em hờ thay màu! Sài Gòn em ở đó, bây giờ những chiều
mưa. Giọt buồn như nước mắt, ướt đầm bóng ngày xưa. Một thời vui đã
mất, em còn biết tìm đâu, có là mãi nghìn sau!
Em đáng yêu đôi vai gầy làn tóc ngắt hương say, mắt xanh nay u-
hoài. Cuộc sống không ngày
mai, không một bóng tương lai trên đường lầy tăm tối em lệ sầu tê
tái, Ôi ngày mãi đêm dài. Sài Gòn em ở đó, phố tàn vắng người
qua. Giọng nào lên tiếng hát, ân tình những bài ca. Sài Gòn cơn mưa bão, đưa em đi phương
nào. Sài Gòn còn hay mất hận sầu chợt dâng cao. Sài Gòn em ở đó, có thềm trách người
đi. Vội vàng hay không đến cho lời cuối biệt ly. Sài Gòn em bên ấy, tha phương anh bên
này. làm sao ta nói tới nghìn trùng rồi em ơi!

Canada 80

Mời quý vị nghe nhạc ở link này:
<http://cothommagazine.com/nhac1/TranChiPhuc/SaiGonEmODo-TCP-JM.mp3>

STEPHAN VÀ JAMES

Bút ký của
PHONG THU

Tôi biết Stephan và Mary từ khi tôi quen với James. Lúc bấy giờ, vợ chồng ông mới có đứa con trai đầu lòng là bé Kay. Thấm thoát mới đó mà đã hơn hai mươi năm. Tóc của Stephan và James đã bạc trắng. Tóc tôi cũng đã ngả sang màu muối tiêu và các con của Stephan và con tôi đã bắt đầu vào Đại học. Chuyện đời hợp rồi tan là chuyện thường tình. Cũng như trong cuộc đời mỗi người đều có bằng hữu, tâm giao. Có người quen nhau rồi trở thành bạn bè thân thiết như ruột thịt. Có người chỉ quen thoáng qua trong giao tiếp rồi sao đó chia tay mà chẳng để lại ấn tượng gì đặc biệt trong lòng của nhau.

Tôi cũng có bạn. Những người bạn của tôi cũng quen nhau trên bốn mươi năm. Nhưng có lẽ tình bạn kỳ lạ giữa Stephan và James đã làm cho tôi thực ngưỡng mộ. Theo lời James kể thì cả hai là bạn học của nhau từ khi tiểu học. Tình bạn của họ lớn lên cùng với thời gian dù cho nghịch cảnh, vui buồn, mất mát, phân ly... Họ xuất hiện bên nhau như hình với bóng để chia sẻ hạnh phúc và đau khổ. Đó là một tình bạn bền bỉ, thủy chung rất hiếm thấy.

James thì làm biên tập cho một tạp chí khoa học ở Georgia và bây giờ James vẫn biên tập sách báo cho nhà xuất bản New York và Florida. Stephan thì đeo đuổi theo ngành thương mại. Ông là chủ nhân hãng

thảm len và trang trí nội thất. Tài sản của ông rất lớn. Mary, vợ thứ hai của ông không bao giờ đi làm mà chỉ ở nhà nấu ăn, giặt giũ, đưa con đi học và đi chợ vòng vòng mua sắm đồ đạc theo sở thích. Nhà cửa thì hàng tuần có người đến dọn dẹp, lau chùi. Mary chẳng phải lo gì đến chuyện đi làm kiếm tiền như bao nhiêu người đàn bà khác.

Những năm trước, vào mùa hè gia đình tôi thường đi Georgia thăm gia đình Stephan. Stephan lái tàu đưa chúng tôi ra một cái hồ rộng lớn chơi hay ông phóng canô chở chúng tôi như bay trên mặt nước. Tôi đến thì ông đánh đàn dương cầm, còn James thì chơi guitar. Giờ đây, hai con của Stephan và các con tôi đã lớn. Hơn sáu bảy năm nay, chúng tôi không còn thời gian về Atlanta chơi. Những người bạn thân của Stephan mà vợ chồng tôi biết họ cũng đã dần dần không còn liên lạc với chúng tôi. Chỉ còn Stephan là thường xuyên gửi email, nói chuyện với James.

Hàng năm, dù đi du lịch thật xa tận Châu Âu hay Hawaii, cứ vào tháng Mười Stephan vẫn đến Washington D.C để buôn bán tàu buồm. Mỗi lần về đây, ông đến nhà thăm vợ chồng tôi. Thỉnh thoảng, Stephan hay đi du lịch bên Âu Châu và rủ rê James cùng đi. Có lẽ cái máu hải hồ của Stephan luôn chảy trong huyết quản ông từ thời còn trai trẻ. Cho nên, ông mê đại dương, thích mạo hiểm và tìm kiếm khám phá những điều mới lạ. Cách đây khoảng tám chín năm, Stephan nói với James rằng ông muốn đem vợ con đi chu du khắp thế giới bằng

tàu buồm. Và ông muốn James cùng đi với ông. Tôi có nói với James, nếu các con khôn lớn thì việc James muốn đi đâu tùy ý. Tôi sẽ cho anh được tự do, sống theo ý nguyện. Với tôi, những người thân bên cạnh tôi hạnh phúc, vui thú cuộc đời thì tôi đã mãn nguyện cho dù tôi có phải hy sinh tất cả cho gia đình. Cách đây ba năm, Stephan, James và ba người bạn khác đi du lịch bên Anh quốc. Họ mượn một tàu buồm lớn có phòng ăn, phòng ngủ đầy đủ tiện nghi và tự lái tàu ra khơi đi du lịch mười lăm ngày ở British Virgin Island. Tôi nghĩ họ muốn tìm hiểu về vùng biển Caribbean Sea trong bộ phim nổi tiếng của Mỹ vừa phát hành. Họ đã lái tàu đi từ đảo Anegada, Jost Van Dyke, Camanoe, Guana Island, Virgin Gorda, Tortola, Sali Island, Norman Island, Peter Iland... Năm người đàn ông có máu phiêu lưu đã lái tàu đi từ đảo này sang đảo khác. Những ngày lên dềnh trên biển làm cho James vui hơn. Hai người bạn có dịp gặp nhau để trò chuyện. Tôi biết chắc, họ có lắm trò chơi thú vị. James không có bạn bè nhiều. Ngoài Stephan ra tôi chẳng thấy ai đến viếng thăm anh ngoại trừ một người bạn cũ làm chung sở tên là Dame. Nhưng Dame đã bệnh chết cách đây gần mười tám năm. Tôi hay khuyến khích James đi du lịch để giải tỏa sự nhàm chán trong cuộc sống. Bởi hơn ai hết, tôi hiểu rằng sống với một bà vợ chỉ biết chúm mũi vào công việc như tôi thì thật là chán...

Có một điều làm tôi ngạc nhiên là Stephan và James hai cá tính khác biệt. Hai cách sống cũng khác biệt. Nhưng tại sao họ lại thân nhau như hình với bóng? James thích ăn mặc tươm tất, đẹp, sang, diện quần áo đắt tiền. Còn Stephan giản dị, tuềnh toàng và thật đơn giản. Những ngày tiệc

tùng, đám cưới, ma chay cần phải mặc đồ vest, mang cà-vạt cho có lễ nghĩa chính là cực hình lớn nhất của Stephan. Ông chỉ thích mặc áo thun ngắn tay, màu trắng, nâu, xám, hay đen... và quần sọt ngắn hay quần Jean hoặc những cái quần rộng thùng thình màu tao nhã. Chưa bao giờ tôi thấy Stephan chịu cắt đi mái tóc dài rất ưa bụi đời của mình. Ông túm mái tóc ngô bấp lại bằng một sợi dây thun đằng sau gáy. Trên khuôn mặt trông nghiêm nghị, ít cười của ông là hàm râu mép rậm rạp được cắt tỉa theo ý muốn. Nó cũng bụi đời không kém. Stephan thấp người, nhỏ nhắn nhưng trong con người đó ẩn chứa một sức mạnh, một ý chí kiên định để khẳng định vị trí số một của mình để đạt thành công. Nếu bạn lần đầu tiên gặp Stephan, giao tiếp trò chuyện với ông thì bạn không biết rằng ông là một doanh nhân thành đạt.

Kể từ khi biết Stephan, tôi nhận ra ông có một giấc mơ phiêu bạt, giang hồ. Nhưng giờ đây ở tuổi sáu mươi, Stephan đã cảm thấy mỗi mệt với công việc, mỗi mệt với cuộc mưu sinh, mỗi mệt với những công việc buôn bán mà suốt đời ông dồn hết tâm trí vào để nuôi dưỡng gia đình.

Tôi chợt nhận ra sự im lặng ẩn hiện trong nụ cười và lời nói của Stephan lần viếng thăm này. Những câu nói dí dỏm, tiểu lâm làm cho chúng tôi bật cười đã ít hẳn đi. Trông Stephan có nét buồn hiện trên khuôn mặt.

Ngày 11 tháng 10 là ngày sinh nhật của James. Stephan nhớ, còn tôi nghĩ ngày mai mới là ngày sinh nhật của anh. Stephan đến mời chúng tôi đi ăn nhà hàng Nhật tại City Place là để mừng sinh nhật của James. Bao giờ đến Washington D.C, mỗi lần đi nhà hàng là Stephan luôn xí phần trả tiền. Ông nghĩ rằng ông đến ở nhà tôi là ông tiết kiệm được

tiền khách sạn, cho nên bồn phận của ông là phải thanh toán tiền ăn như một sự chia sẻ.

Mỗi khi tôi nhắc nhở James nhớ ngày sinh nhật, ngày cưới của các con ông để gửi quà cho chúng. Nhưng mỗi lần như vậy, Stephan lại gửi quà nhiều hơn để trả lại như một sự cảm ơn.

Đêm Maryland, trời mưa tầm tã. Khi chúng tôi ăn tối xong thì đi ăn kem ở góc đường kế bên. Tôi quan sát Stephan đang co ro đứng dưới cơn mưa bên cạnh hai con tôi. Chúng đã khôn lớn, cao ráo, xinh đẹp. Chúng không còn là hai cô bé nhỏ nhắn ngày xưa Stephan thường ôm, ấm trên tay. Tôi thấy mình già cỗi và James cũng như Stephan đang bước qua tuổi sáu mươi. Stephan vẫn ăn mặc đơn giản như người sẵn sàng phiêu lưu đây đó. Stephan thường mặc những chiếc áo thun màu xám tro, chiếc quần tây bốn túi ngà ngà. Trên vai là chiếc balô con cóc. Chiếc ba lô này là gia tài, hành trang lưu viễn của ông trong tất cả các chuyến du lịch trong và ngoài nước. Các con tôi rất thương mến ông. Chúng nhìn vào mắt ông và hỏi về chuyện đôi mắt ông phải phẫu thuật để thay võng mạc mới. Ông nói như đùa:

“Đúng rồi. Bác không còn đeo kính nữa. Bác có đôi mắt của robot đó biết không.”

Dorothy hỏi tới:

“Bác có thấy đau không và có nhìn rõ như xưa không?”

Stephan hóm hỉnh đáp:

“Đã nói bác đã thay mắt của robot thì tuyệt hảo rồi. Bác bây giờ nhìn rõ hơn ban ngày nữa cơ.”

Anna nắm tay ông hỏi dồn dập:

Nửa Đêm Hiu Quạnh

Nửa đêm gió thổi cùng mây
Lá buồn xào xạc hàng cây lạnh lùng
Đông sang rét buốt tận cùng
Sầu dâng đặc rớt về vùng bến xưa

Xót đau ngày tháng đong đưa
Cung đàn đổ gãy tình xưa rã rời
Người xa biên biệt chân trời
Đường đời hai ngã tách rời núi sông

Suối mơ thôi hết trông mong
Dòng đời nghiệt ngã ngập lòng đau thương
Tình nay tràn phủ khói vương
Hoa sầu tàn rụng cõi vườn thôi xanh

Giọt sương nức nở trên cành
Sao buồn thoi sáng trăng đành lặn xa
Chim cô ngõ ngáo không nhà
Tiếng kêu ai oán xót xa phận buồn

Nửa chùng gãy cánh tơ vương
Mặc cho con Tào trăm đường đổi thay
Người giờ nơi cuối chân mây
Còn tôi mòn mỏi miền tây nghẹn ngào

Uyên Phương Minh Nguyệt

“Nghe nói bác sẽ đi sang Đức sống phải không? Sao bác lại xa Hoa Kỳ vậy. Bộ bác chán sông ở đây hả?”

“Cháu không biết nước Đức đâu. Đẹp và thơ mộng lắm. Bác thấy sống ở thành phố đông người, ồn ào và rất tốn kém. Bác

sẽ bán hết công ty, tàu buồm và sang Đức sống an nhàn trên núi.”

Tôi xen vào góp chuyện:

“Anh sang Đức sống thật sao. Còn các cháu, còn Mary thì sao?”

“Chắc không ai thích theo tôi đâu. Đức là quê hương của ba tôi. Tôi yêu đất nước đó cũng như Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ nhà trên núi rất đắt. Còn ở Đức đời sống tại thành phố rất đắt đỏ. Nhưng trên núi yên tĩnh, có thể nhìn tuyết phủ, mây bay, gió thổi, nhìn trời đất, vạn vật mà nhà lại rẻ. Mơ ước của mình đã toại nguyện thì sống ở Hoa Kỳ làm gì.”

Tôi thoáng buồn khi nghe Stephan nói. Từ lâu, tôi chỉ thấy ông đến thăm chúng tôi một mình. Thỉnh thoảng, bên cạnh ông là một cô bạn cùng tiểu bang chuyên đi buôn bán tàu buồm với ông. Lần này, ông không còn muốn ngủ ở khách sạn tại Baltimore, gần bến tàu mà về nhà tôi ngủ. Tôi thấy ông mỗi ngày một cô đơn hơn, lẻ loi hơn trong công việc làm ăn, mưu sinh để lo cho gia đình. Các con ông đã vào Đại Học. Ông không còn phải chăm lo cho chúng như ngày xưa. Căn biệt thự rộng lớn trên ngọn đồi cao chỉ còn có ông và Mary. Hai vợ chồng lại có sở thích và cá tính khác nhau như lửa và nước. Stephan mê tàu thuyền và mê giang hồ thì Mary thích ở trong nhà loanh quanh với các con rồi đi chợ mua sắm. Stephan thích bơi lội và du ngoạn trên biển, nước, sông hồ thì Mary không thích tắm. Stephan thích đi cắm trại trong rừng với các con thì Mary cho rằng chuyện tào lao của những người dờ hơi. Tôi cũng rất mến Mary, chị không xinh đẹp nhưng tốt bụng và rất ân cần khi chúng tôi đến viếng thăm gia đình Stephan ở Atlanta. Đã nhiều năm qua tôi không gặp lại chị mà chỉ thấy hình trên online. James nói với tôi rằng

Stephan đã ly hôn một lần và bây giờ không còn muốn ly hôn lần thứ hai. Tôi khám phá ra rằng đâu phải có tiền là có hạnh phúc. Vậy hạnh phúc từ đâu đến? Đâu phải chỉ có cảm giác ban đầu của tình yêu là đủ. Và cảm giác đó đâu phải nó sẽ vĩnh viễn tồn tại với thời gian. Vậy, mỗi con người đều muốn tìm kiếm hạnh phúc cho mình một cách trọn vẹn và viên mãn thì phải làm gì? Câu hỏi này không bao giờ có đáp số. Bởi vì tâm lý mỗi người đều biến đổi như bốn mùa xuân-hạ-thu-đông. Sự thay đổi đó ít ai nhận ra. Chính vì vậy, ít có ai chịu thay đổi để phù hợp với cuộc sống mới mà mình đang đối diện.

Có thể tuổi đời càng cao, tôi càng nghĩ rằng tình yêu chỉ là một thoáng mây bay, một giai đoạn, một chặng đường mà mỗi người phải trải qua. Tình yêu có lắng xuống, đọng lại trong tim mỗi người hay không còn do tâm tư, tình cảm và chiều sâu của tâm hồn mỗi người. Tại sao tình bạn giữa Stephan và James không thay đổi, nhưng hạnh phúc của Stephan và Mary thay đổi? Tại sao, một người thành đạt như ông hai lần lập gia đình là hai lần ông thất vọng? Ngay cả tôi, có phải lúc nào tôi cũng hài lòng với hạnh phúc mình đang có? Tôi còn muốn gì và những điều tôi mong ước có thực sự trở thành sự thật? Nếu cuộc sống tất cả đều dễ dàng, trôi chảy thì cuộc sống này đâu còn là thước đo giá trị của kiếp nhân sinh. Cũng đâu phải hai người hợp lại sẽ vĩnh viễn có tình yêu? Vậy tình yêu bắt nguồn bằng cái gì và kết thúc ra sao còn tùy vào thái độ sống của mỗi chúng ta chẳng? Lại rất khó có lời giải đáp chính xác.

Stephan của hai mươi năm tôi biết, đó là một người đàn ông tận tụy, biết điều và luôn quan tâm đến người khác. Ông lặng lẽ

làm việc như một con gấu để nuôi dưỡng vợ con có nhà cao, cửa rộng. Họ chưa biết vất vả để đi tìm chén cơm manh áo. Gần cuối đời, công ty mà ông tận tụy xây dựng một đời nhưng nay chưa thấy ai trong các con ông muốn tiếp tục công việc điều hành. Ông cảm thấy thất vọng và cô đơn. Niềm cô đơn ấy nó hiện ra trên khuôn mặt nhăn nheo và già trước tuổi của ông. Tôi nhận ra điều đó sâu sắc hơn ai hết. Thế nhưng tôi không dám thổ lộ cùng ông.

Buổi tối, Anna chơi game online. Stephan ngồi quan sát đến khuya. Ông nói chuyện với Anna như một người bạn rồi sau đó ông đi ngủ.

Sáng hôm sau, tôi nghe tiếng chân Stephan thức dậy pha cà phê để uống. Tôi thức giấc và xuống nói chuyện với ông:

“Good morning Stephan.”

“Ồ! Chị đã thức dậy rồi sao? Tôi không ngờ hôm nay tôi thức dậy muộn như vậy. Thông thường thì tôi ngủ lúc 10 giờ tối và 5 giờ sáng đã thức. Nhưng hôm nay, tôi dậy quá muộn. Còn James thì thức khuya và dậy thì muộn.”

Tôi cười:

“James và anh như hai thái cực. Các con tôi thì mê game. Nhất là con bé Anna. Cuối tuần thì nó không bao giờ đi ngủ sớm.”

Stephan uống một ngụm cà phê rồi chậm rãi nói:

“Thế hệ của mình khác với bọn trẻ. Tôi thật sự chẳng biết gì về những trò chơi trên mạng của chúng. Trong tương lai, khoa học sẽ sử dụng computer để mổ xẻ, trị bệnh vì nó chính xác hơn con người. Họ chế tạo những robot thần kỳ thay cho con người. Bọn trẻ sẽ sống trong thế hệ mới. Còn chúng ta đã trở

thành quá khứ. Đó là sự thật mà chúng ta phải chấp nhận, không thể từ chối.”

Stephan nói y hệt James nói với tôi. Còn tôi thấy con tôi chơi game nhiều quên cả học hành thì tôi lo lắng vô cùng. Tôi hỏi Stephan về công việc làm ăn của ông. Stephan trầm tư một lúc rồi tâm sự:

“Tôi bây giờ đã già và cũng đã mệt mỏi với công việc. Có thể tôi sẽ bán công ty và sang Đức sống. Các cháu đã lớn và cũng không có ai muốn tiếp tục công việc của công ty. Những gì tôi tạo dựng lên không ai muốn đón nhận và cũng chẳng ai có một lời cảm ơn. Có chăng, tôi chỉ biết nai lưng ra làm tất cả. Chị nhìn xem, ngay cả hai chiếc tàu buồm trị giá hơn hai triệu đô la, tôi đậu ở bãi cũng tốn rất nhiều tiền. Tôi mong Mary, hay các con đi thuyền chơi với tôi trong những ngày mùa hè, hay ngày nghỉ. Thế nhưng chẳng ai quan tâm đến. Những gì tôi mong muốn, ao ước làm cho mọi người nhưng chẳng ai muốn đón nhận. Tàu để mãi không sử dụng thì bị hư hỏng phải bảo trì rất nhiều tiền. Tôi đành phải bán đi. Có lẽ sẽ bán tất cả để lên núi sống. Tôi sẽ trở về Đức quốc.”

Lần đầu tiên, tôi nghe Stephan tâm sự. Ông có vẻ trầm tư, buồn và ít hóm hỉnh, dĩ dòm như những năm về trước. Tôi nhận ra ông có nỗi buồn riêng. Ông nói chuyện với Anna về hai chiếc tàu bỏ trống lâu năm chẳng ai buồn ngó tới nên trên tàu có những chú chim hải âu bay vào làm tổ. Chúng đẻ con và “ì” trên những cánh buồm, cửa kính và boong tàu. Sau những ngày làm việc tại công ty, ông lại phải lui thủi đến bến, thay nhớt, tân trang hai chiếc tàu du lịch. Ông nhận rằng sự say mê hải hồ, phiêu bạt của ông không có ai

chia sẻ. Những người thân đang sống bên cạnh ông, nhưng chẳng ai thông cảm hiểu ông. Không ai hoan nghênh, đón nhận những gì ông ban tặng cho họ.

Tôi muốn nói với ông nhiều hơn nhưng tôi phải đi làm và tạm chia tay ông. Tôi ôm vai Stephan và nói lời tạm biệt vì chiều tôi trở về thì Stephan đã trở lại Atlanta.



Mấy ngày sau, James nhận được một cái máy pha cà phê mới trị giá gần năm trăm đô la do Stephan gửi tặng làm quà sinh nhật. James nói cho tôi biết lý do Stephan gửi món quà này cho James. James kể rằng có một lần đi dự đám cưới con gái Stephan và James được uống cà phê pha từ cái máy này. Khi trở về nhà thấy cái máy pha cà phê cổ lỗ sĩ của mình, James chán không muốn uống. Câu nói đùa của James làm cho Stephan chú ý. Và Stephan đã mua ngay cái máy đắt tiền tặng cho bạn vào ngày sinh nhật của James. Đôi lúc tôi cũng không hiểu tại sao Stephan lại thương James lạ lùng như vậy. Và tôi cũng không hiểu tại

sao Stephan có thể chấp nhận làm bạn đường hơn năm mươi năm năm với một người sống bơ đời, thờ ơ như James?

Điều mà tôi chắc chắn nhận ra rằng tình bạn của họ như một chuỗi ngọc vô giá lấp lánh dưới ánh mặt trời. Nó càng ngày càng được mài giũa, đánh bóng. Nó được nuôi dưỡng từ hai trái tim thông cảm, thương mến, chia sẻ và vô vụ lợi. Chính nhờ tình

bạn của họ mà tôi ngộ ra được một chân lý bất di bất dịch về tình bạn, tình yêu. Những giá trị cao quý đó chỉ được hun đúc, nuôi dưỡng bằng sự chung thủy, hy sinh, lòng trung thực và sự tôn trọng lẫn nhau. Đó là sự cộng hưởng, sự chia sẻ và công bằng. Nó có đi và có lại như một sự giao thoa cảm giác, như sợi dây đàn đã ngân lên tiếng nhạc du dương từ bàn tay của một nhạc sĩ tài hoa sau nhiều năm miệt mài luyện tập. Cuộc đời không có kiểu tình yêu ban phát một chiều. Và cũng không có một thứ tình bạn nào được xây dựng trên vụ lợi và

lòng ganh tị.

Tôi cảm ơn Stephan đã thương mến gia đình tôi và nhất là yêu quý James. Bởi chính Stephan đã bù đắp cho James những khoảng trống trong tâm tư anh mà tôi không thể làm được. Viết về Stephan như giữ lại cho chúng tôi những kỷ niệm đẹp về ông và gia đình ông. Cho dù mai này Stephan có còn ở lại Hoa Kỳ hay ông sang Đức sống, thì hình ảnh và trái tim đôn hậu, dễ yêu của ông vẫn còn để lại trong lòng tôi sự trân trọng và ngưỡng mộ.

PHONG THU

Maryland tháng 10 năm 2013

Quý vị thương mến văn phong nhà thơ, nhà văn nữ gốc Nam kỳ Lục Tỉnh
Kính mời quý vị tìm đọc những tác phẩm

ĐÃ PHÁT HÀNH

Dư Thị Diễm Buồn

Thi tập

*Nỗi Lòng Người Em Nhỏ *Một Thoáng Hương Xưa
*Những Ngày Xưa Thân Ái *Quê Hương Ngày Em Lớn
*Nỗi Lòng Người Đi *Muôn Thuở Ân Tình

TRUYỆN DÀI & TẬP TRUYỆN NGẮN

*Chân Trời Hạnh Phúc *Trong Lâu Đài Kỷ Niệm *Xa Bến Thiên Đường
*Ngoài Ngưỡng Cửa Chiêm Bao *Vén Màn Sương Áo Mộng
*Một Góc Trời Thôn Dã *Thời Biển Lặng Sông Trong
*Những Chặng Đường Tôi Đã Đi Qua *Trăng Sáng Miền Quê Ngoại
*Màu Tím Hoa Lục Bình *Hương Cau Quê Mẹ
*Bóng Ai Thấp Thoáng Trong Sương *Trên Nẻo Đường Quê
* Xứ Lạ Tình Quê * Niềm Thương Nỗi Nhớ * Nghĩa Nặng Tình sâu * Phượng Tím

Tập Thơ Phổ Nhạc

Nhạc sĩ: Thông Đạt-Văn Giảng, Võ Tá Hân, Hiếu Anh

Những tình khúc thơ phổ nhạc CD

*Con Đường Xưa Mưa Bay *Ướt Hồng Tuổi Ngọc
(Thơ: Dư Thị Diễm Buồn, Nhạc: Thông Đạt-Văn Giảng)

Những tình khúc ngâm thơ CD

*Một Thoáng Hương Xưa *Những Ngày Xưa Thân Ái
*Ướt Hồng Tuổi Ngọc *Một Góc Trời Thôn Dã

Địa chỉ liên lạc:

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

ĐT: (530) 822 5622 - Email: dtdbuon@hotmail.com

Noãn Lòng Rau Diếp Cầu

Nguyễn Mạnh Thu

Nằm trên chiếc giường nệm mới mua ở IKEA, đưa tay vuốt tấm khăn trải giường trắng phẳng phiu, Bà Hồng nhìn quanh quát căn phòng nhỏ vừa đủ kê một chiếc giường, một tủ quần áo và một chiếc bàn thấp trên để sách báo, đồng hồ báo thức thêm một ngọn đèn ngủ. Cửa phòng ngủ một đầu ăn thông vào nhà tắm, đầu kia dẫn về phía phòng khách. Nhà tắm rất chật hẹp, thiết kế bồn tắm bằng một vò sen, điều đó không phiền hà gì với bà, đã ngoài tám mươi tuổi, bà phải đứng dội nước bằng vò sen chứ không cần ngâm mình trong bồn tắm. Khi tắm xong bước ra, xoay lưng lại bà Hồng đụng ngay bồn rửa mặt đặt kế bên thật vừa vặn khít khao. Dọc theo sát tường là một kệ thấp, bà để các thứ linh kính vật vãnh, xô nước lau nhà, sào phơi quần áo v.v. Phòng khách khá rộng so với phòng ngủ nhưng nó chứa luôn cả nhà bếp, một loại kitchenette thu gọn lại trên có bồn rửa chén, hai bếp điện, dưới để các nồi niêu xoong chảo v.v. Các thứ chén đĩa, dao, muỗng, nĩa và thức ăn khô lưu trữ bà để trong tủ kính khoét sâu vào tường. Bà mua thêm một bàn ăn với bốn ghế ngồi đặt giữa phòng khách, phòng khi có bạn bè hay con cháu tới chơi. Máy giặt quần áo không biết sắp xếp vào đâu, bà đặt ngay trong phòng khách cạnh tủ bếp. Như vậy nó "đứng ngang hàng" với chiếc ghế "clic-clac" cũng mua ở IKEA bà dùng để xem truyền hình.

Dọn về đây ở được gần một tháng, bà Hồng chưa quen lắm. Bà nhờ cô cháu gái Như Nguyễn tìm mướn cho bà, một studio rộng cỡ 25 mét vuông, đủ cho một người ở trong hoàn cảnh đơn chiếc như bà. Khu chung cư đã rất cũ kỹ, trước kia nó là một khách sạn lớn, được sửa chữa lại, chia ra thành từng phòng lớn nhỏ để cho mướn dài hạn. Đây là khu trung tâm thành phố thương mại với nhiều cửa tiệm mọc san sát. Nơi căn phòng bà mướn ở quay về phía sau của mặt tiền đường, từ cửa ra vào đi qua một hành lang hẹp dẫn đến phòng khách, chừa một cửa sổ nhưng không có ngõ thông ra ngoài, nó bí bưng như một nhà giam. Khung cửa sổ này nhìn thẳng qua nhà đối diện, bà ít có dịp được nhìn thấy nắng hay màu da trời xanh. Người chủ mướn căn nhà đối diện bà chưa gặp bao giờ, hình như là người Pakistanais, ông ta thường vắng nhà ban ngày. Ban đêm khuya khoát ông mới về và bắt đầu lục đục nấu nướng, bà nghe tiếng chén đĩa khua lanh canh, ánh đèn bật sáng trung rọi thẳng vào phòng ngủ của bà. Vì vậy bà thường hay mất ngủ thao thức lúc nửa đêm.

Salon de Provence, là một thành phố ở miền Nam nước Pháp nằm trong vùng Provence-Alpes-Côte d'Azur, cách Marseille 50 cây số, cách Arles 40 cây số, gần nhất là Aix en Provence cách 35 cây số. Mấy năm đầu khi mới tới định cư, mùa đông về lạnh cắt da, bà lo ngại với cơn gió mistral thổi liên tiếp trong mấy ngày như muốn lôi bà đi theo nhưng lâu dần bà cũng quen. Thành phố thu hút rất nhiều du khách ghé qua vào

dịp hè. Mỗi năm liên tiếp trong ba ngày cuối tháng sáu, các buổi diễn hành được tổ chức, dân chúng tình nguyện đóng góp thành lập lại những khung cảnh lịch sử *, cảnh sinh hoạt với các phương tiện thô sơ cổ xưa, may sắm sửa sang xiêm y cho thích hợp với thời đại Phục Hưng vào khoảng thế kỷ thứ 16, để tưởng niệm giai thoại hoàng hậu Catherine de Medicis tháp tùng con cháu hoàng gia đến Salon de Provence gặp gỡ nhà tiên tri Nostradamus. Bà thay phiên với con trai và con dâu Kim Ánh, dẫn các cháu của bà, đứa lớn nhất Như An tám tuổi, Như Nguyễn bảy tuổi, đứa nhỏ nhất Kim Long bốn tuổi, thỉnh thoảng mỗi chân lại đòi bế trên tay, đi vòng quanh thành phố theo đoàn người lũ lượt, đến lâu đài Empéri xem họ diễn kịch, rồi lần về phía Tháp Đồng Hồ (La Tour de l'Horloge), Đài phun Nước Đóng Rêu (La Fontaine Moussue), hình thù nó quái dị làm cho các cháu sợ hãi cứ níu áo bà. Đoàn người cùng dừng lại ở hai bên đường thưởng thức tài nghệ của các nhạc sĩ, ca sĩ, nhóm người nhào lộn, múa kiếm. Họ mặc áo kiểu "Ba chàng Ngự Lâm Pháo Thủ" của Alexandre Dumas. Những binh sĩ đó có lúc bắt chợt như muốn đi mũi kiếm sát vào người xem làm ai nấy hoảng sợ, nhưng đâu có hoảng sợ cho bằng nhóm người nhào lộn nhảy múa cái trang thành những con quỷ đưa nanh vuốt, da thịt mặt mày sơn đỏ lôm, liên hồi đánh trống dạo nhạc thật hấp dẫn và điệu nghệ. Mọi người giật mình né tránh nhưng cuối cùng lại thích tháp tùng theo sau.

Có biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui trong đời sống tạm dung nơi xứ lạ quê người của bà Hồng. Những đêm trở trần khó ngủ, bà thường nhớ lại quãng đời đã đi

qua như một đoạn phim dài... Bà theo con trai có quốc tịch Pháp, anh Lốt (đọc tắt tên chữ Pháp là Jean Claude) tới định cư trong thành phố này tính đến nay đã trên ba mươi năm. Không muốn cực lòng cho con cháu, bà tìm việc làm nuôi sống bản thân, công việc cũng nhàn hạ. Chúa nhật ngày nghỉ bà đi nhà thờ Saint Laurent nơi có ngôi mộ của Nostradamus, một thầy thuốc và là một chiêm tinh gia lỗi lạc thời xưa. Thứ tư bà đi chợ trời ở công trường Morgan, chợ gần nhà nhưng bà cũng nhờ cháu Như An theo khiêng phụ giỏ trái cây, chợ ở miền Provence lúc nào cũng nhiều màu sắc, vải vóc, hàng đặc sản địa phương, hoa quả trái cây tươi, không thiếu một thứ gì, ngay cả bầu, bí, mướp, khổ qua, các thứ rau thơm... bà mua về ăn cho đỡ nhớ quê hương.

Bà sống yên lành thanh thản bên con cháu, không mơ ước cao xa. Từ một làng xa xôi heo lánh ở Việt Nam rồi trôi nổi điều linh xoay vần cho đến nay ở Pháp, xứ văn minh tự do, có đầy đủ mọi phương tiện mưu sinh, bà còn mong muốn gì hơn. Nhưng có lẽ bà là người trời sinh không có nhiều may mắn. Năm Như An lên mười tuổi, vợ chồng con trai bà sống không hạnh phúc. Cô Kim Ánh, con dâu bà bỏ đi lấy chồng khác, để lại ba đứa cháu nhỏ dại. Anh Lốt đi làm luân phiên một tuần ca ngày, một tuần ca đêm, không đủ thì giờ lo cho các cháu. Ngoài việc làm ở sở, về nhà bà phải vừa làm bà nội vừa làm mẹ, giặt giũ, cơm nước, nấu nướng, dạy dỗ các cháu. Nhất là Như Nguyễn, cô cháu gái tinh nghịch, bà còn nhớ mãi khi đến tuổi mới lớn với thân hình tròn trịa tươi mát, nó đứng kề ban công nhìn ra đường áo thì hở cổ, quần thì quên cài dây kéo, miệng thì

cười toe toét. Bà nhắc nhở, nó trả lời:

- Không có sao đâu bà ơi, cháu đùa chút thôi mà!

Như An hiền lành, ốm yếu gầy còm, thâm trầm ít nói, thường hay giúp đỡ mọi người. Như Nguyễn tánh tình thẳng thắn, hoạt bát, thích pha trò cho bà cười vui. Kim Long nhỏ tuổi nhưng rất chững chạc, thân hình cao lêu nghêu, nó mơ ước khi trưởng thành được vào binh chủng không quân ngay trong tỉnh nhà. Thành phố Salon de Provence là nơi có căn cứ không quân nổi tiếng đã từng đào tạo các sĩ quan phi công Việt Nam, các kỹ sư, cán bộ cơ sở... Bà thương yêu hết các cháu của bà. Từ ngày con dâu bà bỏ đi, những nỗi buồn trong gia đình mọi người chung lưng gánh chịu. Đến nay mọi việc đã tạm yên ổn. Bà vui với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.

Căn nhà con trai bà mượn là một khu chung cư rất rộng rãi đủ cho năm người ở, nếu kể thêm con dâu là sáu người. Ban công rộng chạy dài từ phòng khách sang nhà bếp. Mùa xuân sang hè, rảnh rỗi bà trồng các thứ rau để khỏi đi mua đôi khi đường xa không tiện. Khí hậu nóng ẩm của miền Nam nước Pháp đã cho bà niềm vui chăm sóc vun tưới cây cảnh. Bà trồng cây chanh cao nghều nghệu và nâng niu từng trái mọc trên cành. Nhất là rau diếp cá. Tại sao có nhiều người không dùng được rau diếp cá? Bà thấy nó tươi ngon mà họ bảo rằng có mùi tanh hôi không chịu được. Bà trồng nhiều trong các chậu để ở ban công. Thịnh thoảng đem cho bà Ninh, bạn của bà cư ngụ ở Marseille. Còn dư lại không biết làm gì, bà cho lẫn vào xà lách trộn giấm, làm rau tươi để ăn phở... Các cháu bà ban đầu nhăn mặt nhưng lâu dần dần "nghiện" cái mùi "thơm thơm tanh tanh" của rau diếp cá.

Bà Hồng rất thương rau diếp cá vì nó là hình ảnh của quê hương. Bà thương những chiếc lá nhỏ nhoi như một loài cỏ dại, mang hình trái tim với những cánh hoa trắng nhụy vàng đơn sơ. Tuy xa quê hương không phải là nơi nó sinh sống, nhưng nó biết khắc phục thiên nhiên. Mặc cho tuyết rơi phủ phàng, gió dập mưa vùi trong suốt mùa đông giá rét. Cứ vào mỗi mùa Xuân nắng ấm, nó vươn lên, chuyển mình trở dậy từ trong đất ẩm những chiếc lá xanh mềm mại và sống mãi cho đến hết hè sang thu.

Đài Phun Nước Đóng Rêu ở ngay trung tâm thành phố, trên công trường Crousillat, đối diện với Tháp Đồng Hồ và cách không xa lâu đài Empéri. Nó hiện hữu từ thế kỷ thứ 16, là một biểu tượng thực sự riêng rẽ của Salon de Provence, các chất vôi tích tụ lâu ngày tạo thành một hình dáng vô cùng đặc biệt như một cây nấm khổng lồ, với lớp rêu và các loại thực vật nhỏ li ti sinh sôi nảy nở bám chung quanh. Người dân Salon thường đến đây vào những chiều mát, các quán ăn, quán giải khát, kem sữa... mọc rải rác. Vào mùa hè rất đông du khách, sinh hoạt nơi đây trở nên huyên náo tấp nập.

Nhưng bây giờ là mùa đông, thành phố thưa vắng người vì mấy hôm nay trời vừa đổ tuyết. Bà Hồng cũng thường xuyên đến đây, nghe gió thổi lạnh, bà kéo mảnh khăn choàng cổ lên cao, nhìn đài phun nước, trong đám rêu xanh một vài chỗ tuyết chưa tan đọng lại thành giọt dài rồi đứng yên, trong vắt như pha lê, nhọn hoắt như một lưỡi dao xuyên thấu tim bà. Một người đàn bà vụt đi ngang qua, tay dắt đứa trẻ ngây thơ tung tăng theo chân mẹ. Mấy mươi năm trước đây khi bà còn trẻ, bà cũng đã từng bông ảm dắt dúi, thương yêu anh Lót như vậy. Tình

yêu thiêng liêng ấy có bao giờ phai lạt đâu!

Một lần về Việt Nam thăm quê hương, không biết trời xui hay đất khiến, khi trở lại Pháp, anh Lốt giới thiệu với bà cô Thâm và ngõ ý muốn cưới vợ lần thứ hai. Anh nói cô tên Xuân Thắm nhưng vì nhân viên làm giấy tờ khai sinh in sai nên cô phải mang tên Thâm. Cô nhỏ hơn anh Lốt 10 tuổi. Khi đặt nước đôi dờn, năm bảy lăm, cô Thâm chỉ vừa 12 tuổi, thường theo chúng bạn quàng khăn đỏ ca hát trên đường phố. gương mặt cô xương xương, hai gò má nhô ra phơi nước da trắng xanh, cảm hơi bạnh. Khi nhìn ngang cô có nét nam tính. Nếu trước kia con dâu Kim Ánh của bà tiêu xài hoang phí bao nhiêu, thì bây giờ con dâu Xuân Thâm của bà keo kiệt bủn xỉn, tính toán chi li bấy nhiêu. Cùng sống chung trong một nhà, vì không muốn phiền hà con cháu, bà đem cả số tiền hưu còm cõi của bà ra chia sẻ, cùng trả chi phí với con trai và con dâu: tiền nhà, tiền ăn, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại v.v. nhưng đối với cô Thâm, một giọt nước không được để rơi, một hạt gạo không được đánh đổ, bà phải dè chừng mỗi khi tắm, mỗi lúc ăn cơm. Cô Thâm lại là người có tính đa nghi nên điện thoại của bà thường bị nghe lén. Các bóng đèn điện phải đốt giảm thiểu, ngay cả máy truyền hình bà thỉnh thoảng mới được xem. Và thỉnh thoảng cô Thâm gièm pha, cần phải dọn nhà đi nơi khác như có ý xua đuổi, cô dọn dẹp nhiều nơi, thay đổi nhiều chỗ. Các cháu của bà còn trẻ tuổi, không ưa đi ghê, đã tự động tìm nhà, tìm việc làm rồi tự động phân tán, mỗi đứa một nơi, ít khi nào chúng nó về thăm. Còn lại bà Hồng, anh Lốt và con dâu trong nhà với hai phòng ngủ trống không. Bà Ninh có đôi lần đến chơi đã nhắc nhở:

- Con ơi, vợ thì con có thể tìm được hai

lần hay nhiều lần. Nhưng Mẹ thì con chỉ có một lần thôi.

Anh Lốt lặng yên không nói. Anh thường nghe bà Hồng than thở nhưng vốn bản tính nhu nhược, anh không biết phải bênh ai bỏ ai. Viện cớ cây chanh có quá nhiều gai, rau diếp cá có mùi tanh hôi, đất có nhiều sâu bọ, một buổi bà Hồng đi vắng, cô Thâm đã đem vớt hết cả vào thùng rác cùng lúc với các chén đĩa bà mua sắm bấy lâu, cô nói với bà cô muốn "có cái gì của riêng mình". Bà đau lòng biết mấy khi thấy cây chanh là niềm vui tuổi già của bà, chậu rau diếp cá là lòng thương mến, tưởng nhớ quê hương của bà bị vớt bỏ đi, cây cỏ vô tình nào có tội gì đâu!

Bà lặng lẽ trở về phòng riêng nhìn bốn bức tường cảm mà khóc rung rức. Hồi lâu, bà Hồng bỗng đứng thức tỉnh, kịp nhận ra, trong căn nhà này từ mấy chục năm nay buồn vui bao kỷ niệm, hiện thời không còn chỗ cho bà nữa.

Buổi diễn hành năm nay thành lập lại cảnh lịch sử, bà Hồng không tham dự vì tuổi già sức yếu. Bà chỉ nghe tiếng trống, tiếng kèn, tiếng nhạc vang rền từ những chiếc loa gắn dọc theo hai bên đường vọng lại từ xa. Thành phố này bà đã sinh sống từ ngày rời xa quê hương mà tới đây. Bà xem nó thân thiết như quê hương thứ hai của bà. Bà đã quen từng bụi cây đám cỏ bên đường, biết từng góc phố, từng căn nhà. Những người mới tới, những người dọn đi, những đứa trẻ ngày nào còn bé thơ, nay đã tay bế tay bồng.

Đã ngoài tám mươi tuổi, mái tóc trắng như cước, một con mắt đã bị hư, bà lần mò chậm chạp từng bước một với giỏ trái cây mua từ chợ. Các cháu của bà phải làm việc ở



xa không thể ở cạnh bà, không thể nào giúp bà nhiều hơn được. Đoạn đường này đi bên phải, đoạn đường kia đi bên trái, giữa tiệm bánh mì và tiệm quần áo có bậc thang cao, bà phải cẩn thận ghi nhớ để khỏi bị vấp ngã. Từ nay bà phải sống một mình và phải tự lo cho bản thân mình. Bà không tiếc gì nữa ở cõi đời này nhưng bản năng sinh tồn là một nguyên lý rất mạnh mẽ. Bà còn một quê hương để nhớ thương, phải biết phấn đấu để vượt qua mọi nghịch cảnh, như những lá rau diếp cá trong các chậu ngày xưa để ở ban công vào mùa đông đầy bão tuyết.

Người ta bắt đầu giăng mắc đèn hoa trên đường phố, trên Đài Phun Nước Đóng Rêu để chuẩn bị cho Noël sắp tới. Hơn mười năm nay bà chưa từng được hưởng một mùa Giáng sinh đầy ý nghĩa. Thật hạnh phúc làm sao cho những gia đình thuận hòa

vui vầy sum họp, nhất là trong những ngày cuối năm. Các cháu của bà bôn ba lo tìm kế sinh nhai, đôi khi ngày lễ lạc tung bưng như đêm Noël cũng phải làm việc. Bà Hồng hy vọng mùa Giáng Sinh năm nay, thế nào Như An, Như Nguyễn, Kim Long cũng sẽ về thăm, tụ họp đông đủ, dù ở trong căn phòng 25 mét vuông chật hẹp, nhưng nó giống như một thiên đàng nhỏ bé chứa đầy tình thương lẫn nụ cười. Lúc nào cũng vậy, bà cứ nghĩ, còn sống thêm một ngày là còn nuôi hy vọng bởi vì tự do là cái giá bà phải trả rất đắt để đánh đổi được hạnh phúc.

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 09-11-2013)

- Xin xem thêm Video trên youtube.
Tim: Reconstitution Historique Salon de Provence 2012.



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA
4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Lincoln's Gettysburg Address

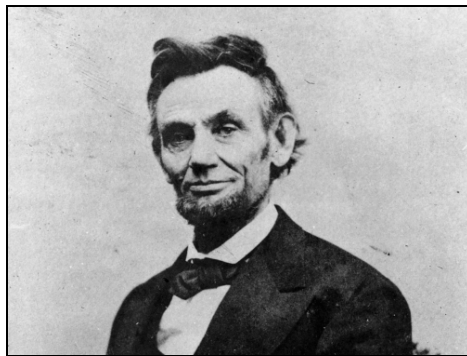
Four score and seven years ago our fathers brought forth on this continent, a new nation, conceived in Liberty, and dedicated to the proposition that all men are created equal.

Now we are engaged in a great civil war, testing whether that nation, or any nation so conceived and so dedicated, can long endure. We are met on a great battle-field of that war. We have come to dedicate a portion of that field, as a final resting place for those who here gave their lives that that nation might live. It is altogether fitting and proper that we should do this.

But, in a larger sense, we can not dedicate -- we can not consecrate -- we can not hallow -- this ground. The brave men, living and dead, who struggled here, have consecrated it, far above our poor power to add or detract. The world will little note, nor long remember what we say here, but it can never forget what they did here.

It is for us the living, rather, to be dedicated here to the unfinished work which they who fought here have thus far so nobly advanced.

It is rather for us to be here dedicated to the great task remaining before us -- that from these honored dead we take increased devotion to that cause for which they gave the last full measure of devotion -- that we here highly resolve that these dead shall not have died in vain -- that this nation, under God, shall have a new birth of freedom -- and that government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the earth.



BÀI DIỄN VĂN LỊCH SỬ CỦA ABRAHAM LINCOLN

Bài này giới thiệu, và phân tích một áng văn hùng hồn trong lịch sử Hoa Kỳ, Gettysburg Address. Ngày 19 tháng 11 năm nay cũng là ngày kỷ niệm 150 năm của bài diễn văn này.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 1863, Tổng thống Abraham Lincoln, vị tổng thống thứ 16 của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, được mời tới bãi chiến trường Gettysburg thuộc tiểu bang Pennsylvania, là nơi trước đó 4 tháng rưỡi, trong ba ngày 1 – 3 tháng 7, năm 1863, đã xảy ra một trận chiến thur hùng giữa hai phe miền Bắc (Union) và miền Nam (Confederacy), trong đó quân miền Bắc thắng nhưng cả hai bên vừa chết vừa bị thương đến 50 ngàn binh sĩ.

Tổng thống Lincoln được mời để ban vài lời, mà theo như thư mời của ban tổ chức buổi lễ là để cho “a few appropriate remarks” trong lễ dành một phần đất của bãi chiến trường khốc liệt trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ làm Nghĩa trang quân đội. Diễn giả đầu và chính của buổi lễ là Edward Everett, giáo sư và viện trưởng Đại học Harvard, một nhà hùng biện và ngoại giao, đọc bài ai điều chính oration trong 2 tiếng đồng hồ. Khi ông Everett đọc xong thì đến lượt Tổng Thống Lincoln. Bài diễn văn 272 chữ vòn vẹn 10 dòng của Tổng Thống Lincoln quá ngắn khiến người thợ chụp hình thời đó chỉ kịp xếp ống ảnh, chưa kịp chụp thì tổng thống đã nói xong. Ông quay lại nói với người ngồi cạnh “That speech won’t **scour**” (Bài diễn văn này hỏng). Nhưng Tổng thống Lincoln không ngờ,

chính diễn giả Everett hôm sau gửi thư viết cho ông rằng:

“I should be glad, if I could flatter myself that I came as near to the central idea of the occasion, in two hours, as you did in two minutes.” “Tôi sẽ hài lòng nếu như tôi có thể tự hãnh diện rằng mình đến gần ý chính của buổi lễ, trong hai tiếng đồng hồ, như ngài đã đạt được trong hai phút.”

Gettysburg address nay trở thành một trong những áng hùng văn nổi tiếng trong lịch sử Hoa kỳ.

Tại sao bài diễn văn quan trọng?

--Đối với người Mỹ lúc đó, cuộc Nội chiến đã kéo dài hai năm trong 4 năm với mỗi đe dọa có thể **tách Hoa Kỳ làm hai xứ thù nghịch** mà nguyên do chính là vấn đề người nô lệ da đen được coi như tài sản trong những tiểu bang trồng bông và thuốc lá ở miền Nam. Trong bài diễn văn, Tổng

Thống Lincoln khai triển ý tưởng mọi người sinh ra đều bình đẳng “all men are created equal”, bao gồm trong ý tưởng đó cả những người nô lệ da đen. Ông nói rộng thêm ý tưởng công bằng (equality) trong Emancipation Proclamation (Tuyên Ngôn Giải Phóng người nô lệ da đen ở miền Nam và cho họ gia nhập quân đội có lương miền Bắc) ban ra tháng giêng năm 1863. Ý niệm bình đẳng **không** nằm trong Hiến Pháp Hoa Kỳ Constitution of the United States lúc đó, tuy rằng có đề cập đến trong câu thứ hai của bản Tuyên Ngôn Độc Lập Declaration of Independence (“We hold these truths to be self-evident, that all men

are created equal...”) nhưng **bản Tuyên ngôn không phải là một đạo luật.**

--TT Lincoln ví chính thể dân chủ ở Hoa Kỳ năm 1776 như sự ra đời của một hài nhi. Điều này có ý nghĩa đối với cả các chính thể trên thế giới. Chính thể dân chủ ở Mỹ lúc đó còn non nớt: mới được 87 năm, và coi như một thí nghiệm. Trận nội chiến là một thử thách chính thể đó có thể tồn tại hay không. Cũng định nghĩa ngắn gọn thế nào là một chính phủ dân chủ: government of the people, by the people, for the people.

1. Four score and seven years ago, our fathers brought forth from this continent, a new nation, conceived in Liberty, and dedicated to the proposition that all men are created equal.

Cách đây 87 năm, ông cha ta đã khai sinh trên lục địa này một tân quốc gia, thai nghén trong Tự do và cung hiến cho niềm xác tín rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng.

Score=hai mươi năm. Chữ score dùng trong Kinh Thánh (Psalm 90). Cách đây 87 năm: Năm ký bản Tuyên ngôn Độc Lập 1776 + 87 = 1863, năm TT Lincoln đọc diễn văn.

To bring forth=to give birth to, sinh ra: đây là một chữ gọi hình: so sánh một tân quốc gia như một sự ra đời của một hài nhi.

To dedicate: công hiến, dâng hiến, khánh thành. Chữ này được dùng 6 lần trong bài.

To conceive: thụ thai, thai nghén, hình thành một ý niệm. Tân quốc gia Hoa Kỳ ví như được thai nghén trong Tự Do.

To create=tạo thành. **Creator**=đấng tạo hoá, Thượng Đế.

Equal=bình đẳng.

Proposition=một đề nghị, một điều xác tín, một định đề, một niềm tin, coi như một cuộc thí

nghiệm những lý tưởng từ lúc lập quốc để xem quốc gia này có tồn tại hay không.

2. Now we are engaged in a great civil war, testing whether that nation, or any nation so conceived and so dedicated, can long endure. We are met on a great battle-field of that war. We have come to dedicate a portion of that field, as a final resting place for those who here gave their lives that that nation might live. It is altogether fitting and proper that we should do this.

Engage=tham gia vào, lâm vào..

Civil war=trận Nội chiến Hoa Kỳ (1861-1865)

Testing=thử thách

Endure=tồn tại, chịu đựng.

Final resting place=nơi an nghỉ cuối cùng

Altogether=hoàn toàn, completely

Fitting=thích hợp

Proper=thích đáng. Hai chữ fitting and proper hay dùng chung với nhau vừa để bổ nghĩa cho nhau vừa tạo sự nhịp nhàng, bắt nguồn từ hai chữ “dulce et decorum” của Horace.

Who here gave their lives that that nation might live: Chữ that thứ nhất: **so that**, chữ that thứ nhì: demonstrative adjective. Dùng chữ that thứ nhì với nghĩa “đó” hay “ấy” khiến chữ “nation” khách quan hơn, the use of **that** makes the word **nation** more objective, bringing the speaker away from the word nation to allow him a deliberately objective distance.

But, in a larger sense=trong một nghĩa rộng hơn. Dùng nhóm chữ này để báo trước một chuyển ý quan trọng.

To consecrate=hiến dâng, tôn phong.

To hallow=thánh hóa, làm cho linh thiêng.

Giờ đây chúng ta đã lâm vào một cuộc nội chiến rộng lớn, để thử thách xem quốc

gia ấy, hay bất cứ quốc gia nào được hình thành và hiến dâng như vậy, có thể tồn tại lâu dài hay không.

Chúng ta đã gặp nhau trên một bãi chiến trường lớn của cuộc chiến ấy. Chúng ta tới để cung hiến một phần đất của bãi chiến trường ấy làm nơi an nghỉ cuối cùng cho những người đã hy sinh mạng sống mình tại đây để quốc gia đó được trường tồn. Chúng ta làm vậy thực hoàn toàn thích hợp và chính đáng.

3. But, in a larger sense, we can not dedicate—we can not consecrate—we can not hallow—this ground. The brave men, living and dead, who struggled here, have consecrated it, far above our poor power to add or detract.

Nhưng, trong một nghĩa rộng hơn, chúng ta không thể cung hiến—chúng ta không thể tôn phong—chúng ta không thể thánh hóa—mảnh đất này. Những người can trường, còn sống hay đã chết, đã từng tranh đấu nơi đây, chính họ đã làm mảnh đất này linh thiêng, vượt xa quyền lực nhỏ nhoi của chúng ta có thể thêm vào hay bớt đi được.

Nhận xét:

-Sự lặp lại ba lần nhóm chữ cannot dedicate, cannot consecrate, cannot hallow làm tăng thêm ý nghĩa phủ định. Khoa tu từ (rhetorics) gọi cách đó là **anaphora**.

-Điệp âm đầu **alliteration** “poor power”, repetition of the consonant p: Mục đích là để nói nhún quyền lực của người còn sống và nâng cao vinh dự của người đã hy sinh.

4. The world will little note, nor long remember what we say here, but it can never forget what they did here.

Thế giới sẽ chẳng ghi nhận, và cũng chẳng nhớ lâu những điều chúng ta nói nơi

đây, nhưng sẽ không bao giờ quên những điều họ đã từng làm nơi đây.

Nhận xét: **little note** (chẳng ghi nhận) tương phản với **long remember** (nhớ lâu). Tương phản hai vế: **what we say here** với **what they did here** để cực tả ý nghĩa lời nói của người sống so sánh với hành động can trường của những người chết và hành động của họ mới quan trọng. Khoa tu từ gọi cách tương phản hai ý trái ngược và gần nhau là **contrast** hay **juxtaposition**.

5. It is for us the living, rather, to be dedicated here to the unfinished work which they who fought here have thus far so nobly advanced.

Đúng hơn, chính chúng ta, những kẻ còn sống, mới phải hiến dâng mình ở nơi đây cho công trình còn dang dở mà những người từng chiến đấu nơi đây từ trước đến nay đã tiến tới một cách thật hào hùng.

Nhận xét: đoạn này kêu gọi sự quyết tâm của toàn dân, mà tiêu biểu là 20,000 người đang đứng nghe cùng thân thuộc của tử sĩ và thương binh trong số cử tọa. Hai chữ dùng trái ngược two opposites: kẻ còn sống the living... người đã chết the dead.

The great task remaining before us... nhiệm vụ lớn lao còn dở dang ở trước mắt chúng ta.

6. It is rather for us to be here dedicated to the great task remaining before us—that from these honored dead we take increased devotion to that cause for which they gave the last full measure of devotion – that we here highly resolve that these dead shall not have died in vain—that this nation, under God, shall have a new birth of freedom—and that government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the earth.

Đúng ra chính chúng ta phải có mặt nơi đây để hiến dâng cho trọng trách còn lại đang chờ ở trước mắt—rằng trước những người chết vinh hiển này, chúng ta nguyện tận tâm hơn cho chính nghĩa mà họ đã hết lòng phục vụ đến tận hơi thở cuối cùng--rằng chúng ta long trọng quyết tâm rằng những người đã khuất sẽ không bao giờ chết uổng--rằng quốc gia này, dưới quyền năng của Thượng Đế--sẽ nảy sinh ra một nền tự do mới—và rằng chính phủ của dân, do dân, vì dân, sẽ không bao giờ bị tiêu diệt khỏi trái đất này.

Nhận xét:

1. Hai hình ảnh tương phản: kẻ sống the living... và những binh sĩ bị chết ở đây một cách vinh hiển, the honored dead.

Increased devotion: tận tâm hơn

The last full measure of devotion: tận tâm phục vụ đến tận hơi thở cuối cùng

These dead shall not have died in vain: Những kẻ đã khuất sẽ chẳng bao giờ chết uổng.

The living... These dead: adjectives used as plural nouns.

Have a new **birth** of freedom... shall not **perish** from the earth: tương phản giữa sự nảy sinh mới của **nền tự do** và động từ **perish** (tiêu diệt)... làm nổi bật câu nói. Đây là một **antithesis**.

Ý niệm birth, conceived, death, perish, hallow được sử dụng bởi Gary Wills, tóm tắt trong một bài báo đăng trên Atlantic Monthly (June 1992) và in trong cuốn Lincoln at Gettysburg: The Words That Remade America. New York: Simon and Schuster, 1992, là những ý niệm đã có trong Kinh Thánh. Lincoln đã dùng những ý niệm quen thuộc mà người dân biết rõ và chấp thuận để làm nền móng đưa người

nghe đến điểm chính là trước những tử sĩ đã hy sinh, người dân phải dốc toàn lực cho một tân quốc gia không bị chia rẽ, và cho một chính phủ phục vụ dân.

2. Ba lần lặp lại khóm từ of the people, by the people, for the people: Câu văn song song, cân bằng và nhịp nhàng (paralellism), tăng phần nghiêm trang và sâu xa của ý nghĩa câu nói.

3. **Nguồn gốc câu của Lincoln:** Lincoln có thể đã chịu ảnh hưởng của ít nhất hai người trước khi ông viết Gettysburg Address:

3a- Willliam Herndon, luật sư đồng sự với Lincoln khi ông là một luật sư ở Illinois kể lại trong một cuốn sách năm 1888, là ông có đem cho Lincoln xem một số bài giảng của nhà mục sư chống nô lệ tên là Theodore Parker và Lincoln tỏ ra rất xúc động khi đọc dòng chữ của ông Parker về ý tưởng “chính phủ dân chủ là chính phủ vì dân”. Lincoln’s law partner, who wrote Abraham Lincoln: The True Story of A Great Life (1888) that he had brought to Lincoln some of the sermons of the abolitionist minister Theodore Parker of Massachusetts, and that Lincoln was moved by Parker’s use of this idea:

“**Democracy is direct self-government, over all the people, for all the people, by all the people.**” (Dân chủ là sự tự trị trực tiếp, bao quát toàn dân, phục vụ toàn dân, do toàn thể nhân dân bầu ra.”)

3b.- Năm 1830, 33 năm trước khi TT Lincoln đọc bài diễn văn, thì tại Thượng Viện Hoa Kỳ, nghị sĩ và nhà hùng biện Daniel Webster, cũng diễn tả ý tưởng chính phủ liên bang phải là một chính phủ của nhân dân, lập ra để phục vụ dân và chịu trách nhiệm trước dân. (In 1830 before the

United States Senate, Daniel Webster described the federal government as **“the people’s government, made for the people, made by the people, and answerable to the people.”** [Daniel Webster (1782-1852), Second speech on Foote’s Resolution, Jan. 26, 1830.)]

Chính phủ của dân, lập ra để phục vụ dân, do dân tạo ra, và phải chịu trách nhiệm đối với dân. (Daniel Webster, Diễn văn thứ nhì ở Thượng viện về nghị quyết Foote, ngày 26 tháng 1 năm 1830.)

Sau này, nhà cách mạng Trung Hoa Tôn Dật Tiên (Sun Yat Sen, 1866-1925) cũng viết là đã lấy cảm hứng từ bài diễn văn của Lincoln khi lập ra học thuyết “tam dân chủ nghĩa”.

Chú thích:

-Toàn bài diễn văn do tài tử Gregory Peck đọc vào ngày 4 tháng 7 năm

1986. Vào Google gõ hàng chữ “Lincoln’s Gettysburg address read by Gregory Peck”.

-Hay có thể nghe tài tử Sam Waterston đọc bài diễn văn trên đài National Public Radio bằng cách gõ hàng chữ “Gettysburg address NPR”.

-Hay có thể vào Google gõ hàng chữ “Lincoln’s Gettysburg Address As it Really Sounded” để nghe giọng Mỹ ở Kentucky là quê hương của TT Lincoln do Tom Bradley đọc.

Nguồn:

<http://www.answers.com/topic/gettysburg-address>

Xem thêm những bản dịch khác ở:

<http://www.diendan.org/dich-thuat/dien-van-gettysburg>

(Viết xong lại Virginia 1995; sửa lại tháng 10, 2013.--PTL)

Phạm Trọng Lệ

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn



Đêm

đêm vẫn chưa qua trời vẫn ngụi
mùa đông chan chứa lạnh nguồn cơn
dặm ba xa vắng còn đâu đó
nhưng vẫn vô hình như trống trơn
đêm thuở tràn gian đêm vẫn đêm
hoàng hôn gom xác nắng qua thềm
đêm về ủ ngụi bên ghèn thác
như sợ ngày mai phai úa thêm
đêm thả cơn mê xưa gói đầu
nằm nghiêng như ván lệch từ lâu
hôm nay vẫn tưởng ngày xa cũ
thao thức đêm người trong bể dâu
cứ mỗi hoàng hôn phai bóng ngày
lời cảm của nắng đọng vòm cây

âm thanh nghèo cõi trâm luân nhớ
bỗng thất thanh chìm trong khói mây
em có nghe thời gian lắng trong
tiếng chim đêm vỗ nhịp đàn lòng
em đi phương hướng đời lưu dấu
để mọi người khơi vơi đợi mong
kỷ niệm vô hình như bóng điện
quen về khơi mộng chuyện cô miên
cho đêm băng giá quên mình lạnh
và để cho mùa nhớ lạc phiên
đêm sẽ qua dần như thể gian
những buồn vui cũ-mới xa- gần
bâng khuâng thao thức rồi ngơ ngác
những thấy đêm người sao bất an

Xuân Bích (Oklahoma)



Hiver, Winter, Mùa Đông: Tranh của Họa sĩ **Liên Phương**- Thụy Sĩ

CHIỀU CHỦ NHẬT (Sunday Afternoon)

ALICE MUNRO

<http://static.guim.co.uk/sys-images/Music/Pix/pictures/2013/10/9/1381318748601/Alice-Munro-wins-Man-Book-010.jpg>



Kim-Vũ dịch

Vài nét về tác giả – Alice Munro, chuyên viết truyện ngắn người Canada, theo Hàn Lâm Viện Thụy Điển là “**bậc thầy về truyện ngắn đương đại**”, và được trao giải Nobel về văn chương năm 2013. “*Sunday Afternoon*” được trích từ tập truyện ngắn đầu tay của bà, có tên là “*Dance of the Happy Shades and Other Stories*”, xuất bản lần đầu năm 1968.

Bà Gannett vào nhà bếp bằng những bước chân thanh thoát theo một điệu nhạc trong đầu, lấp lánh những tà váy bông nhả bóng của chiếc áo mỏng mùa hè có in hoa. Alva đang đứng rửa ly. Lúc đó là hai giờ rưỡi; mọi người đã bắt đầu đến uống rượu từ mười hai giờ rưỡi trưa. Họ vẫn là những người như mọi khi; Alva đã thấy hầu hết những người này một vài lần trước đó, trong khoảng ba tuần lễ làm việc cho gia đình ông bà Gannett. Có anh trai của bà Gannett và vợ của ông, rồi ông bà Vance và ông bà Frederick; cha mẹ của bà Gannett cũng ghé lại một chút, sau khi dự lễ tại nhà thờ St. Martin, đem theo một thanh niên trẻ, là cháu trai hoặc cũng có thể là cháu họ xa, cậu này vẫn còn ở lại sau khi ông bà cụ đã ra về. Phía gia đình bà Gannett là phía giòng nội; bà có ba chị em gái, tất cả đều dễ coi, thẳng thắn, và lồ lộ không sâu sắc, có dáng nét thể thao hơn bà, và bố mẹ họ thì thuộc loại ăn to nói lớn và đẹp lão, tóc đã bạc trắng. Bố bà Gannett là chủ nhân một hòn đảo trong *Georgian Bay*, nơi ông cụ đã xây dựng những ngôi nhà nghỉ mát mùa hè cho mỗi người con gái của mình, hòn đảo

mà Alva sẽ được đến xem trong một tuần lễ nữa. Mẹ của ông Gannett thì ngược lại, chỉ sống trong một nửa ngôi nhà bằng gạch màu đỏ trên một con lộ không cây, cũng có những ngôi nhà gạch đỏ tương tự, hầu như ngay dưới trung tâm thành phố. Cứ mỗi tuần một lần, bà Gannett đến đón bà cụ đi chơi một vòng trên xe hơi rồi trở về nhà ăn cơm chiều, và mọi người chỉ uống nước nho cho tới khi bà cụ được đưa lại về nhà mình. Một lần khi ông bà Gannett phải đi ra ngoài ngay sau bữa ăn tối, bà cụ đã vào nhà bếp và giúp Alva cắt đi những cái đĩa; bà cụ khá khó tính và cao kỳ, cũng giống như cách thức mà chính gia đình Alva đối xử với một cô người làm, và Alva chấp nhận chuyện này dễ hơn là thái độ thân thiện do tập tành nhuần nhuyễn của mấy người chị em bà Gannett.

Bà Gannett mở tủ lạnh và đứng đó, nắm giữ cánh cửa tủ. Cuối cùng bà nói, giọng giống như một tiếng khúc khích, "Alva, bây giờ ăn trưa được rồi đó —"

"Được," Alva nói. Bà Gannett nhìn cô. Alva không bao giờ nói bất cứ điều gì sai, thật sự là sai, mà thô lỗ cả, và bà Gannett cũng không thể thiếu thực tế đến mức mong đợi một cô gái đang học trung học, lại là gái quê, có thể trả lời, "Vâng, thưa bà," như những u già trong bếp của mẹ bà trước kia; nhưng thường là trong giọng nói mà Alva cố làm ra vẻ dễ dàng, có một chút gì đó bất cần đời và xuôi tai quá đáng lại càng làm cho bà Gannett khó chịu vì không thể tìm ra cách nào để phản đối giọng nói đó cả. Dù sao thì nó cũng làm cho bà phải ngưng khúc khích; gương mặt trát phấn và sạm

nắng của bà bắt đầu trở nên trầm xuống và có vẻ không vui.

Bà nói, "Đưa xà lách khoai tây đây." "Thịt đông và lưỡi bò nữa. Nhớ đừng quên hâm nóng bánh mì cuộn. Đã bóc vỏ cà chua chưa? Tốt—Ồ, xem đây Alva, những củ cải giòn cay này trông không hấp dẫn lắm nhỉ, cháu nghĩ sao? Cháu cần thái mỏng ra—Jean thường xén ra dạng những bông hồng, cháu biết không, theo lối xén quanh những cánh hoa — trông rất dễ thương. "

Alva bắt đầu cắt củ cải một cách vụng về. Bà Gannett đi bộ xung quanh nhà bếp, cau lông mày lại, trượt những ngón tay dọc theo những quây màu xanh dương pha san hô. Tóc bà đã cuộn lên thành một cục tròn, cho thấy một cái cùn cổ thật gầy, màu nâu và hơi bị sần lên do râm nắng; màu da râm xạm của bà làm cho bà trông gân guốc và khô khốc. Dù sao Alva, người chẳng râm nắng một chút nào vì khi ngoài trời nóng thì cô lại ở trong nhà, và ở tuổi mười bảy thì cặp giò và vòng eo lại to hơn là mong ước, lại thêm muốn có được cái dáng vẻ thanh lịch màu nâu và sang cả này của bà; Bà Gannett có cái vẻ được làm hoàn toàn bằng chất tổng hợp cao cấp.

"Hãy cắt bánh *angel food* này bằng một sợi dây, cháu biết đấy, rồi tôi sẽ nói cho cháu biết cần bao nhiêu *sherbet* và bao nhiêu *maple mousse*. Còn phần ông Gannett thì cho va ni nguyên chất mà thôi, để ở trong tủ đá đó mà—Hai thứ đó còn nhiều lắm, tha hồ cho cháu ăn tráng miệng—Ồ, Derek, đồ quý sứ! " Bà Gannett chạy vội ra hàng hiên, lớn tiếng kêu, "Derek, Derek!" bằng một giọng re re về bực mình một cách

vui sướng. Alva, người biết rằng Derek là ông Vance, một người mua bán chứng khoán, kịp nhớ ra là đừng có nhìn ra ngoài phía trên cánh cửa kiểu Hòa Lan để xem có chuyện gì đang xảy ra. Thật là chuyện khó khăn cho cô, vào những ngày Chủ Nhật, khi mọi người uống rượu và trở nên thoải mái, phấn khích thì cô lại phải nhớ là mình không được phép tỏ ra một chút thoải mái và phấn khích như vậy. Dĩ nhiên là cô đã không uống rượu, ngoại trừ phần còn sót lại trong đáy những cái ly khi được đem vào trong bếp— và cũng chỉ khi nào đó là rượu *gin*, lạnh, và có vị ngọt thối.

Nhưng cái cảm giác không thực, chuyển từ thờ ơ đến bạt mạng, trở nên rất mạnh trong nhà vào giữa buổi chiều. Alva sẽ gặp những người đi ra từ phòng vệ sinh, có vẻ ưu tư và sầu muộn, có thể thoáng thấy mấy bà trong những phòng ngủ mờ tối xoay qua xoay lại nhìn mình trong gương, bôi môi son rất chậm, và cũng có người nằm ngủ gật trên chiếc ghế xô pha kiểu *chesterfield* dài trong góc phòng riêng. Đến lúc này thì những màn cửa đã được kéo lại dọc các bức tường kính của phòng khách và phòng ăn, để ngăn che sức nóng của mặt trời; những căn phòng này thật dài, được che màn và trải thảm, với màu sắc lạnh mát, làm như trôi nổi trong ánh sáng dưới nước. Alva nhận ra là khó có thể nhớ rằng các phòng ở nhà cô, nhỏ bé tí mà chứa được nhiều đồ đạc đến thế; ở đây thì chỉ là những bề mặt trống rỗng liên lu thật là nhạt nhẽo, mênh mông—nguyên một hành lang dài rộng mà trống không, chỉ trừ ra hai cái bình *Danish* cao nghệu dựng ngay nơi bức tường

xa nhất, từ tấm thảm trải sàn, những bức tường, cho đến trần nhà đều dùng những âm sắc khác nhau của một thứ màu xám pha xanh lơ; khi Alva đi bộ dọc hành lang này, rất êm nhẹ, cô chỉ mong sao cho có một tấm gương soi, hay một cái gì đó để có thể đâm xâm vào; cô còn không biết là mình còn hiện diện hay không nữa.

Trước khi cô mang đồ ăn trưa ra hiên ngoài, cô chải mái tóc của mình qua tấm gương soi nhỏ nơi quầy bếp, uốn cao những lọn tóc quanh gương mặt. Cô buộc lại tấm tạp dề, kéo thật chặt dải rút rộng bản. Cô chỉ có làm được như vậy thôi; bộ đồng phục trước đó là của Jean, và lần đầu tiên khi mặc thử, Alva đã nói nó rộng quá thì phải; nhưng bà Gannett thì không cho là như vậy. Bộ đồng phục có màu xanh dương, màu chính của nhà bếp, với ống tay áo, cổ áo và tạp dề mang đường viền trang trí lối vò sò hình dẻ quạt. Cô cũng phải đi vớ cao, và mang giày trắng có gót kiểu *Cuba* mà khi đi trên những phiến đá nơi hàng hiên thì cứ kêu cồm cộp — phát ra một thứ âm thanh nặng nề cố ý và dân giả, khác hẳn với những đôi dép xăng đan và guốc. Nhưng cũng chẳng có ai ngoài lại nhìn khi cô mang những đĩa lớn đĩa nhỏ đồ ăn ra cái bàn dài làm bằng sắt rèn. Chỉ có bà Gannett đến bàn và sắp xếp lại mọi thứ. Cái lối mà Alva đặt đồ ăn trên bàn luôn luôn làm như thiếu một cái gì đó, dù rằng ở điểm này cũng thế, cô cũng chẳng làm điều gì thật sự sai quấy cả.

Trong khi họ ăn, cô ăn trưa riêng một mình, ngồi nơi bàn nhà bếp, ngó xem một tờ báo *Time* cũ. Dĩ nhiên là không có

chuông lắc nơi hàng hiên; nhưng bà Gannett kêu to, "Rồi, này Alva!" hoặc chỉ đơn giản, "Alva!" bằng những âm thanh cũng kín đáo và xoáy sâu y như những tiếng phát ra từ một cái chuông vậy. Thật cũng hơi kỳ mà kêu như thế trong khi đang nói chuyện với ai đó, rồi sau đó lại bắt đầu cười vang lần nữa; có vẻ như bà ta có một giọng nói máy móc, có thể so sánh với ngay cả một nút nhấn nữa, để gọi Alva.

Cuối bữa ăn mỗi người tự mang đĩa tráng miệng và tách cà phê trở vào bếp. Bà Vance nói xà lách khoai tây thật dễ thương; Ông Vance, say xin, cũng nói dễ thương, dễ thương. Ông đứng ngay phía sau Alva tại bồn rửa chén, gần đến nỗi cô nghe thấy hơi thở của ông và cảm nhận vị trí của hai bàn tay của ông nữa, dù ông đã không hẳn là chạm vào người cô. Ông Vance người rất to lớn, tóc quăn, da hồng hào; tóc ông màu xám, và Alva thấy ông thật đáng sợ, bởi vì ông là loại người đàn ông mà cô thường vẫn có thói quen kính trọng. Bà Vance thì nói liên tục, và khi nói chuyện với Alva, có vẻ không tự tin, nhưng lại đầm ấm thân mật hơn bất kỳ bà nào khác. Có một cái gì không vững vàng trong tình trạng hai vợ chồng, Alva không chắc chắn là cái gì; có thể chỉ vì họ không giàu có như những người khác. Dù sao họ luôn luôn rất hoạt bát và nhiệt tình, và ông Vance thì luôn luôn say xin quá độ.

"Này Alva, đi lên *Georgian Bay* chứ?" ông Vance nói, và bà Vance tiếp lời, "Ồ, cháu sẽ thích nó lắm, ông bà Gannett có nhà thật dễ thương," và ông Vance nói, "Ừ cho rám thêm chút nắng hi?" và rồi họ đi khỏi.

SỐ 65

Bây giờ thì Alva đã lại có thể di chuyển bình thường rồi, cô xoay quanh để lấy vài cái đĩa dơ và nhận ra là cậu em họ hoặc gì đó của bà Gannett vẫn đứng đó. Cậu ta ôm nhóm và làn da trông có vẻ như da thuộc, giống như bà Gannett, tuy có màu sậm hơn. Cậu ta nói, "Cô không còn chút cà phê nào nữa phải không?" Alva đổ hết cho cậu ta cà phê còn lại, khoảng nửa tách. Cậu ta đứng uống, trong khi ngó cô xếp chồng các đĩa lên nhau. Rồi cậu nói, "Vui ghê hi?" và khi cô nhìn lên, cậu cười lớn, và đi ra ngoài.

Alva được tự do sau khi cô rửa xong chồng đĩa; còn lâu mới tới bữa ăn tối. Nhưng cô không thể tự bỏ đi đâu được; Bà Gannett có thể gọi cô bất cứ lúc nào vì một chuyện không đâu. Và cô cũng không thể đi ra ngoài hàng hiên, vì mọi người vẫn còn đang ở đó. Cô đi lên lầu; rồi chợt nhớ ra rằng bà Gannett đã nói cô có thể đọc bất kỳ cuốn sách nào trong góc thư viện, cô lại xuống lầu để kiểm một cuốn. Nơi hành lang cô gặp ông Gannett, ông nhìn cô vẻ nghiêm trọng và chăm chú, nhưng lại hình như bước qua luôn mà không thốt ra lời nào; rồi ông nói, "Này cháu, Alva — này cháu, cháu có ăn đủ đầy chứ?"

Đó không phải là một lời nói đùa, vì ông Gannett chưa khi nào nói đùa. Thực ra, đó là điều ông đã hỏi cô hai ba lần trước rồi. Có vẻ như ông cảm thấy một trách nhiệm phải lo lắng cho cô, khi nhìn thấy cô trong nhà của mình; điều quan trọng dường như là, cô ấy cần phải được cho ăn uống đầy đủ. Alva đoán chắc với ông, mặt hồng lên vì bức bối; bộ tôi là con bò cái tơ hay sao? Cô nói, "cháu tính vào góc đọc sách để

151

kiếm một cuốn. Bà Gannett đã bảo như thế được, không sao — "

"Được, được, bất cứ sách nào cháu thích," ông Gannett nói, và ông đột ngột mở cửa chỗ đọc sách cho cô và dẫn cô đến những kệ sách nơi ông đứng, cặp lông mày cau lại. "Cháu thích cuốn sách nào?" ông nói. Ông với tới kệ bày những cuốn tiểu thuyết kỳ bí và lịch sử có vỏ bọc ngoài sặc sỡ, nhưng Alva nói, "Cháu chưa bao giờ đọc *King Lear* cả."

"*King Lear* à," ông Gannett nói. "Ồ." Ông không biết tìm nó ở đâu, vì thế tự Alva tìm và lấy nó xuống. "Cháu cũng chưa từng đọc *Đỏ và Đen*," cô nói. Điều đó không làm ông nể phục gì, nhưng đó là sách mà cô có thể đọc thực sự; cô không thể trở lại phòng mình với độc một cuốn *King Lear*. Cô đi ra khỏi phòng cảm thấy vô cùng hài lòng; cô đã cho ông thấy cô không phải loại chỉ biết ăn. Một người đàn ông sẽ dễ nể trọng vì cuốn *King Lear* hơn một người đàn bà. Nhưng đối với bà Gannett thì chẳng có gì khác biệt cả; một đứa người làm là một đứa người làm.

Nhưng khi về lại phòng thì cô lại không muốn đọc. Phòng của cô ở phía trên nhà để xe, và rất nóng. Ngồi trên giường thì sẽ làm nhàu bộ đồng phục, và cô không còn cái nào khác được là ủi thẳng thớm cả. Cô có thể bỏ áo ra và chỉ mặc mỗi si líp thôi, nhưng bà Gannett có thể gọi bất cứ lúc nào và muốn cô ngay tức thời. Cô đứng ở cửa sổ, nhìn lên phía đầu con đường rồi lại nhìn xuống. Con đường hình vành lưỡi liềm, một vòng cung rộng nhẹ, và không có vỉa hè; Alva đã tự cảm thấy chơ vơ trong chỉ một

hay hai lần đi bộ dọc con đường; không bao giờ thấy ai đi như thế cả. Những ngôi nhà được xây dựng cách xa nhau, lùi sâu phía sau con đường, đằng sau những bãi cỏ rực nắng, những hòn non bộ và cây trồng làm cảnh; trong khoảnh đất này phía trước những ngôi nhà, chẳng có ai lai vãng bao giờ ngoài những người Trung Hoa làm vườn; những vật trang trí trên thảm cỏ, những ghế xích đu và bàn ngồi ngoài trời đều ở phía vườn sau mà xung quanh được bao bọc bởi những hàng đậu cây thấp, những bức tường đá và những hàng rào giả dạng thô sơ. Chiều nay dọc suốt con đường phố là những chiếc xe hơi đậu nối tiếp nhau; từ phía sau những căn nhà đội lên những âm thanh trò chuyện và thật nhiều tiếng cười vang. Mặc dù trời nóng bức, từ trên này không thấy ban ngày nhạt nhòa gì cả; mọi thứ—những căn nhà bằng đá và xi măng trát vôi màu trắng, những bông hoa, những chiếc xe mang màu của hoa—trông đều sắc nét và chói lòa, chính xác và hoàn hảo. Không có một thứ gì là ngẫu nhiên trong tầm nhìn. Con đường phố, giống như một mẫu hình quảng cáo, gần như mang dáng vẻ số sàng của tinh thần mùa hè tươi sáng; Alva cảm thấy ngẩn ngơ vì điều đó, bởi tiếng cười vang của những người mà cuộc sống xứng hợp với con đường. Cô ngồi xuống một chiếc ghế cứng đằng trước một cái bàn cho con nít kiểu xưa —tất cả các đồ đạc trong phòng này đã được chuyển qua từ những phòng khác mới được tân trang; căn phòng đó là nơi duy nhất trong nhà mà người ta có thể tìm thấy những thứ không hòa hợp, không liên hệ gì với nhau,

và những thứ bằng gỗ không lớn rộng, trông thấp tè và nhợt nhạt. Cô bắt đầu viết thư cho gia đình.

—và những ngôi nhà, tất cả những ngôi nhà khác nữa, đều thật khổng lồ, phần lớn rất hiện đại. Không có đến một cọng cỏ dại trên những thảm cỏ, họ thuê người làm vườn bỏ cả nguyên một ngày mỗi tuần chỉ để dọn sạch cái mà trông như đã quá hoàn hảo rồi. Con thấy các ông ở đây khá om xòm, cái kiểu họ làm ồn lên về những thảm cỏ hoàn hảo hay những thứ đại loại như thế. Họ quả có đi chơi ngoài và đôi khi làm những chuyện ngẫu nhưng mọi thứ đều rất đa đoan phức tạp và cũng phải như thế thôi. Cái gì họ làm và nơi nào họ đến cũng đều như vậy cả.

Đừng có lo là con cô đơn và bị đối xử tệ bạc, đại loại những chuyện thường tình về con sen con ở. Con sẽ không để cho ai yên thân với chuyện như thế đâu. Hơn nữa thực ra con đâu phải là thứ con sen con ở, chỉ trong mùa hè này thôi mà. Con không cảm thấy cô đơn, tại sao lại phải như vậy nhỉ? Con chỉ quan sát và nhìn ngó một cách thú vị thôi. Mẹ à, tất nhiên là con không thể ăn cùng bàn với họ được rồi. Đừng có mà kỳ cục. Không phải giống như là người làm công đâu. Hơn nữa, con thích ngồi ăn một mình. Nếu mẹ viết thư cho bà Gannett, bà ấy sẽ chẳng biết mẹ nói cái gì đâu, và lại con cũng không đặt thành vấn đề, thế nên *đừng viết gì nhé Mẹ!*

Con cũng nghĩ rằng khi Marion đến đây thăm thì tốt nhất là con sẽ xin nghỉ một buổi chiều và gặp em dưới phố. Con không muốn để nó tới nhà này. Con không biết chắc khi

họ hàng người làm đến thăm thì như thế nào. Dĩ nhiên là nếu nó muốn thì cũng được thôi. Con không thể đoán được là bà Gannett sẽ phản ứng ra sao, thế thôi, và con gắng sức thoải mái khi có bà ta gần cạnh để cho bà ta khó có thể muốn làm gì với con cũng được. Dù sao thì bà ta cũng O.K.

Chỉ một tuần lễ nữa là mọi người sẽ đi lên *Georgian Bay* và dĩ nhiên là con đang mong chờ chuyện đó. Con sẽ có thể đi bơi mỗi ngày, bà ta (bà Gannett) đã nói như vậy và —

Phòng của cô thực sự là quá nóng bức. Cô đặt lá thư còn dang dở dưới miếng giấy thấm trên bàn làm việc. Trong phòng của Margaret vang lên tiếng đài phát thanh. Cô đi xuống hành lang để đến cửa phòng của Margaret, hy vọng là cửa mở. Margaret chưa đến tuổi 14; sự cách biệt về tuổi tác bù lại cho những sự cách biệt khác, và dù sao ngồi chơi với Margaret cũng không phải là chuyện quá tệ hại.

Cánh cửa đang mở, và trải ra trên giường của Margaret là những *váy khung bông* và những trang phục mùa hè. Alva không hề biết là con bé có nhiều bộ đồ đến thế. "Không phải là em đang sửa soạn xếp đồ cho chuyến đi *Georgian Bay* đâu," Margaret nói. "Như thế thật là khủng khiếp, em biết vậy. Em chỉ muốn xem xem mình có những gì thôi. Hy vọng quần áo của em O.K.," em nói. "Hy vọng nó không quá—"

Alva sờ vào mấy quần áo trên giường, cảm thấy thật thú vị khi nhìn những màu sắc nhẹ nhàng tinh tế, những phần trên bó sát mịn màng, được xếp pli và có dáng hình thật kiêu xa, những khung làm bông váy với lưới bung ra sắc cạnh và màu mè; trong

những bộ quần áo này có một vẻ gì ngây thơ nhân tạo. Alva không thêm muốn ganh ghét gì; không, chuyện này không đáng gì đến cô cả; đó là một phần thể giới của Margaret, cái nền nếp cứng nhắc của những trường tư thục (những áo chèn ngắn và những vớ dài màu đen), trò chơi khúc côn cầu, trò hát hợp xướng, chèo thuyền trong mùa hè, các party, những cậu con trai mặc áo *blazer*—

"Em sẽ mặc những thứ này lúc đi đâu?" Alva hỏi.

"Đi Ojibway. Cái khách sạn đó mà. Cuối tuần nào cũng có nhảy đầm, mọi người chèo thuyền đến đó. Đêm thứ sáu là cho trẻ em và đêm thứ bảy là dành cho cha mẹ và những người khác—Có nghĩa là em *sẽ đi*, "Margaret nói, giọng trầm xuống, "nếu em không phải là một thứ hạng đồ bỏ đối với bạn bè. Cả hai đứa con gái nhà Davis là như vậy đó."

"Đừng có lo," Alva nói với giọng hơi kẻ cả. "Mọi việc rồi sẽ êm thôi."

"Thật sự em không thích nhảy đầm," Margaret nói. "Không giống như là cách em thích chèo thuyền chẳng hạn. Nhưng mình phải làm chuyện đó."

"Em rồi sẽ thích thôi," Alva nói. Vậy ra là như thế, sẽ có nhảy đầm, họ sẽ đi bằng thuyền, cô sẽ thấy họ đi và nghe họ về. Chuyện như vậy, mà lẽ ra cô phải biết chứ—

Margaret đang ngồi bắt chéo chân trên sàn nhà, ngược nhìn cô với khuôn mặt ngây thơ và hơi thẳng thừng, "Chị có nghĩ là em cần bắt đầu trò hôn hít sờ soạng mùa hè này không?"

"Có chứ," Alva nói. "*Như chị thì sẽ làm đấy*," cô nói thêm bằng một giọng gần

như trả thù. Margaret có vẻ thắc mắc ra mặt; cô nói, "Em nghe nói đó là lý do tại sao Scotty đã không mời em vào dịp Lễ Phục sinh —"

Không có đến một tiếng động, nhưng Margaret đã vội nhẹ nhàng đứng lên. "Mẹ đang đến kia," em dùng môi nói sẽ, và gần như tức thời, bà Gannett vào phòng, cố làm ra vẻ mỉm cười và nói, "Ồ, Alva. Thì ra là đang ở đây."

Margaret nói, "Con đang nói về Đào cho chị ấy mà Mẹ."

"Ồ. Còn bao nhiêu là ly tách đang bừa bộn ra trong bếp đấy Alva ạ, có lẽ cháu cần mau lo giải quyết đi cho xong trước khi tới giờ sửa soạn ăn chiều—và này Alva, cháu có tạp dề nào mới sạch không?"

"Cái màu vàng quá chật đó Mẹ, con đã thử mặc rồi—"

"Này cưng, không ích lợi gì đem tất cả những thứ lãng nhãng này mà bày ra đây vội, còn cả tuần lễ trước khi mình đi cơ mà—"

Alva đi xuống cầu thang, qua dọc hành lang màu xanh, nghe mọi người nói chuyện có vẻ nghiêm trọng, hơi say xin một chút, trong góc đọc sách, và thấy cánh cửa phòng khâu vá khép lại nhẹ nhàng từ bên trong khi cô gần bước tới nơi. Cô đi vào nhà bếp. Bây giờ thì cô đang nghĩ đến hòn đảo. Nguyên một hòn đảo mà họ làm chủ; không có gì trong tầm nhìn mà không thuộc về họ. Những phiến đá, mặt trời, những cây thông, và cả tới dòng nước sâu và lạnh trong Vịnh nữa. Cô sẽ làm gì ở đó, những người con sen con ở sẽ làm gì ở đó? Cô có thể đi bơi, vào những giờ trái khoáy, đi bộ một mình, và đôi khi—có lẽ lúc họ đi chợ mua đồ ăn

chẳng hạn—cô sẽ chèo thuyền đi quanh. Bà Gannett đã nói ở đó sẽ không có nhiều việc phải làm như ở đây. Bà nói những người làm luôn luôn thích thú lắm. Alva nghĩ đến những người làm như cô khi trước, những cô gái tài giỏi hơn, biết chiều chuộng chủ hơn; họ có thực sự vui thú không? Họ đã tìm thấy loại tự do hoặc thực chất thú vị nào mà cô đã kiếm không ra?

Cô đổ đầy nước vào bồn, lại lấy ra cái nút chặn rác và bắt đầu rửa ly. Chẳng có gì quan trọng cả, nhưng cô cảm thấy nặng nề, nặng nề vì trời nóng bức và mệt mỏi và không còn thiết tha đến cái gì nữa, nghe thấy quanh mình một thứ tiếng động sẽ sàng mà cô không thể tưởng tượng nổi—về cuộc sống của những người khác, về tàu thuyền, về xe hơi, về nhảy đầm — và nhìn ra con đường phố này, cái đảo được hứa hẹn kia, qua một thứ ánh sáng mặt trời liên tục và chói chang khắc nghiệt. Ở đây cô không thể gây ra một âm thanh nào cả, cho dù một thoáng động như một vết mỡ đi nữa.

Cô phải nhớ, trước khi tới giờ ăn tối, bắt buộc lên lầu và mặc vào một tấm tạp dề mới sạch.

Cô nghe thấy tiếng cửa mở; có người nào đó đi vào từ hàng hiên. Thì ra là người em họ của bà Gannett.

"Đây lại là một ly nữa cho cô," anh ta nói. "Đề ở đâu đây?"

"Đâu cũng được," Alva nói.

"Nói cảm ơn đi," em họ bà Gannett nói, và Alva quay lại lau tay trên tạp dề, ngạc nhiên, rồi sau đó một thoáng thì không còn ngạc nhiên nữa. Cô chờ đợi, lưng tựa vào quầy bếp, và người em họ bà Gannett ôm

SỐ 65

nhẹ lấy cô, như trong một trò chơi quen thuộc, và rất chậm rãi, hôn lên miệng cô một hồi lâu.

"Bà ấy mời tôi đến đảo vào một cuối tuần nào đó trong tháng Tám này đó," cậu ta nói.

Có ai đó gọi cậu ta từ hàng hiên, và cậu bước ra, di chuyển với dáng vẻ lấm lét nhẹ nhàng và có tính cách hơi chế diễu của một thứ người láu cá để duỗi người khác. Alva đứng trên người, lưng vẫn dựa vào quầy bếp.

Cái đụng chạm của chàng trai lạ này đã làm cho cô cảm thấy được buông lỏng hơn; cơ thể cô như biết ơn và trông đợi, và cô cảm thấy một sự khinh khoái và tự tin mà trước đó cô đã không cảm nhận được trong cái nhà này. Vậy ra là đã có những điều mà cô chưa xét tới, về chính mình, về họ, và về cách cộng sinh với họ mà không đi quá xa sự thật. Bây giờ thì cô không còn trở ngại gì nữa khi nghĩ về hòn đảo, những hòn đá lơ lửng trong ánh mặt trời và những cây thông nhỏ màu đen. Bây giờ thì cô thấy mọi thứ dưới một nhãn quan mới; thậm chí cô còn có thể muốn đi tới đó nữa kia. Nhưng luôn luôn là có nhiều chuyện xảy ra đồng thời; vẫn còn một cái gì đó mà cô chưa muốn đào bới vội—một nơi chốn thăm sâu nhạy cảm, một cái gì đó giống như sự bề bồng mới mẻ và vẫn còn mang nhiều bí ẩn đối với cô.

KIM VŨ

Dịch

Hãy Đến Bên Nhau

Thơ:
Cung T Lan

Nhạc:
Huy Lâm
© 2011

Slow

Mưa hãy đến bên trời _____ Như chưa một lần đến _____ Giăng giọt sầu trong
mây _____ Rơi rơi trên đất đại _____ Nắng hãy đến bên
cây _____ Như chưa từng gặp gỡ _____ Nhớn nhớ trên cành
lá _____ Reo vui cùng ngàn hoa _____ Gió hãy đến với sông _____
_____ Lâm quen cùng sương lạnh _____ Tung tăng trên làn sóng _____
_____ Rồi tan vào mênh mông _____ Em hãy đến bên ta _____
_____ Quên đi bao tháng ngày _____ Đắng cay bù chua ngọt _____

On repeat skip from here to %

% Resume repeat here

Dầu cuộc đời hư không Mưa nắng gió và
em Hãy cùng ta nắm mặt Hãy cùng ta chia
cay Trong men đời ngắt ngây Mưa hãy đến bên
ngây Hãy cùng ta chia tay Trong men
đời chất ngắt

Mời quý vị nghe nhạc ở link này: <http://cothommagazine.com/nhac/HayDenBenNhau-HL-CTL.mp3>



Hình của NGUYỄN HUY LINH

Ngày Tri Ân Thầy

Ngày 19 tháng 10, 2013 là một ngày đáng ghi nhớ của chúng tôi.

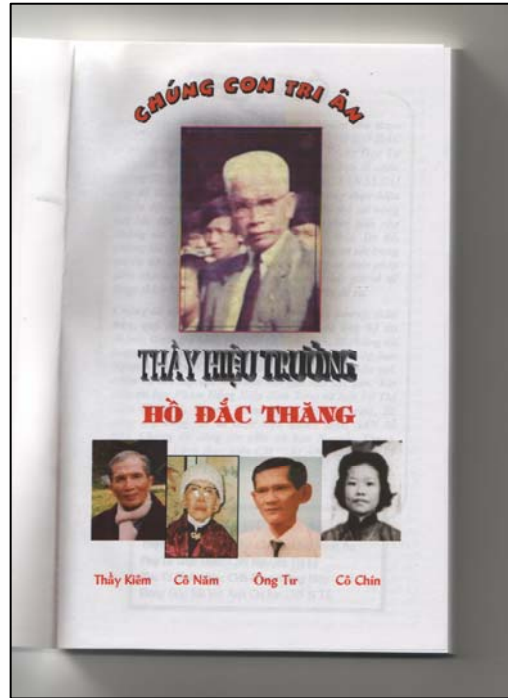
Do sự sắp xếp, bàn bạc và tổ chức của các anh chị cựu học sinh trường Sĩ Tải như Trương Minh Ân, Nguyễn Thị Lý, Phạm Hồng Hiệp..., chúng tôi, những cựu học sinh trường trung học tư thục đệ nhất cấp Sĩ Tải của Bà Rịa năm nào đã có cơ hội gặp gỡ và hàn huyên nhân Ngày Tri Ân Thầy Hiệu Trưởng, Cụ Cử Hồ Đắc Thăng, 19 tháng 10 năm 2013. Nhân dịp này Ban Tổ chức cũng đã phát hành cuốn Đặc San Sĩ

Tải - Kỷ Niệm Khó Quên do công sức của ba anh chị nói trên cùng các cựu học sinh Võ Thị Tâm, Thanh Hiền, Ngọc Châu v.v...

Trời Garden Grove, miền nam California, hôm ấy đầy nắng ấm. Nhiệt độ ấm áp. Từ nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là từ tiểu bang Cali, ngoài chúng tôi, còn có các cựu sĩ quan, cán bộ, công chức, cựu học sinh các trường lân cận, thân hữu, đồng hương của tỉnh Phước Tuy, thị xã Bà Rịa thời Việt Nam Cộng Hòa, tất cả khoảng 160 người đã tề tựu về nơi phòng khánh tiết của một nhà hàng nằm trên đường Brookhurst, Garden Grove để làm Lễ Tưởng Niệm và Tri Ân Thầy.

Trường Sĩ Tải bắt đầu nhận học sinh giảng dạy từ năm 1952, là ngôi trường trung học tư thục đệ nhất cấp đầu tiên của tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa).

Mở đầu chương trình hai anh chị Trương Minh Ân và Nguyễn Phan Ngọc An, hai MC cho chương trình đã tuyên bố



lý do, giới thiệu quan khách tham dự và làm lễ chào quốc kỳ, hát quốc ca của cựu Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ, cùng với Một Phút Tưởng Niệm. Sau đó đến lượt thầy Đại Đức Thích Minh Hạnh, bác sĩ Hồ Đắc Đăng, con trai của Thầy Hồ Đắc Thăng và vài anh chị cựu học sinh Sĩ Tải đại diện lên dâng hương lên bàn thờ Thầy Hiệu. Lần lượt tiếp theo là những bài phát biểu của các cựu tỉnh trưởng tỉnh Phước Tuy, cựu trung tá Huỳnh Bửu Sơn, cựu phó tỉnh trưởng hành chánh tỉnh Phước Tuy Nguyễn Đình Phúc, các cựu giáo sư như Nguyễn Tích Kháng, Trần Kim Sa; cựu học sinh

của trường Sĩ Tải như Mai Văn Trang, Cao Văn Trung, Trương Minh Ân, Phạm Hồng Hiệp, Nguyễn Thị Lý, Diệp Phước Ngà, Lý Văn Văn... Mỗi người nói lên những tâm cảm, thiện cảm và những gắn bó trong thời gian làm việc, dạy học, đi học ở Bà Rịa nói chung và với trường Sĩ tải, ông hiệu trưởng Hồ Đắc Thăng nói riêng. Các thầy nói về việc dạy học. Các trò nói về những kỷ niệm bị đánh đòn, khuyên bảo dạy dỗ của các thầy cô như Thầy Hiệu, thầy Kiêm, ông Tư, ông Năm (giám hiệu), thầy Quế, thầy Đức, thầy Nhân, thầy Cường, cô Năm, cô Chín... Xen kẽ trong chương trình là phần đóng góp văn nghệ thật sống động của các anh chị cựu học sinh Sĩ Tải Trương Minh Ân -Thanh Hiền, Đặng Thị Bạch Tuyết trong những tiết mục ca và của chị Nguyễn Phan Ngọc An trong tiết mục ngâm thơ.



nhiều người vẫn gọi Thầy là Cụ Cừ. Có một thời gian ngắn Thầy làm việc ở viện Viễn Đông Bác Cổ. Sau khi lập gia đình, vì gia đình cô Hiệu - phu nhân của Thầy - quê quán ở Bà Rịa nên Thầy theo cô về đây lập nghiệp, mở trường tư thục Sĩ Tải. Thầy

rành ba ngoại ngữ Anh, Pháp và Hoa. Thầy mất cuối năm 1973, hưởng thọ 70 tuổi.

Năm 1961 Thầy Hiệu có cơ duyên gặp Đại Đức Narada, người Tích Lan, khi thầy qua Việt Nam hoằng hóa Phật Pháp. Từ đó, Thầy Hiệu, ngoài nhiệm vụ hiệu trưởng và giảng dạy cho trường Sĩ Tải Thầy còn theo đại đức Narada để làm thông dịch viên chính thức trong những bài giảng của đại đức khắp các tỉnh miền đông và nam phần.

Theo cựu học sinh Sĩ Tải, cũng là cựu phó tỉnh trưởng hành chánh tỉnh Phước Tuy, Nguyễn Đình Phúc, thì Thầy Hiệu đã có công trong việc xây dựng Thích Ca Phật Đài ở Vũng Tàu. Người viết xin trích dịch

Trong khi các tiết mục tiếp tục theo chương trình, thì trên màn ảnh trên sân khấu cũng có chiếu CD „Tri Ân Thầy Cô Sĩ Tải“ do cựu học sinh Nguyễn Thanh Sơn thực hiện. CD này cũng đang được tải trên mạng Youtube (đánh chữ bariasitai).

Theo trang sách do vài tác giả viết trong Đặc San Sĩ Tải thì Thầy Hiệu Hồ Đắc Thăng sinh ngày 19 tháng 10 năm 1903 ở tỉnh Mỹ Tho (bây giờ gọi là Tiền Giang). Thầy đi du học ở Pháp, trường đại học Sorbone, đậu cử nhân ngành Khảo Cổ, nên

phần đầu trong bài viết Thích Ca Phật Đài của tác giả Nguyễn Đình Phúc:

„Lời Người Viết:

Bài viết xin được coi như nén hương trầm thắp lên tri ân bậc tôn sư của tôi, Cụ Cử Hồ Đắc Thăng, người đã hưng công đại công trình Thích Ca Phật Đài. Rất tiếc vì sự hiểu biết hạn hẹp, thời gian cũng đã qua lâu, không lưu giữ được tài liệu nào, nên không giới thiệu được trọn vẹn những nét đặc biệt của Phật Đài. Kính mong các bậc có cơ duyên hiểu biết hơn vui lòng chỉ giáo. Đa tạ“.

Về tên trường Sĩ Tải, người viết xin phép trích đôi dòng trong Đặc San Sĩ Tải cũng từ tác giả Nguyễn Đình Phúc:

„Nhân đây cũng xin nhắc đến danh xưng Sĩ Tải. Các cựu học sinh chắc còn nhớ trên khuôn dậu tròn nhà trường ngay chính giữa có hai chữ nhỏ „SĨ TẢI“ và một bông sen cuống dài vắt ngang chữ Sĩ. Theo Thầy giải thích, học giả Pétrus Ký chọn tên tự Sĩ Tải để nhận mình là một kẻ sĩ lãnh sứ mạng mang (Tải) nền văn hóa cũ, mới đến cho thế hệ trẻ. Chữ Tải này hiểu là chuyên chở như „vận tải“ hay „văn dĩ tải đạo“...“

Tương cũng nên ghi nhận thêm nơi đây, giữa thập niên năm 1965, Thầy Hồ Đắc Thăng cũng là 1 trong 13 vị của Thượng Hội Đồng Quốc Gia. Vì có những khó khăn riêng nên Thầy đã xin từ chức sớm, để tập trung cho việc dạy học và thuyết giảng, in ấn kinh sách Phật Giáo.

Với trang báo có hạn người viết không thể ghi chép hết ra đây những hoạt động và công lao của Thầy Hiệu với ngôi trường Sĩ Tải và tỉnh Phước Tuy, Bà Rịa. Cần tìm

hiều thêm về Thầy, về trường Sĩ Tải, Quý độc giả có thể tìm đọc thêm trong cuốn Đặc San Sĩ Tải - Kỷ Niệm Khó Quên.

Phần cuối chương trình Tri Ân Thầy Hiệu ban tổ chức đã có buổi tiệc khoản đãi quan khách. Và để trước khi chấm dứt chương trình khoảng 3 giờ chiều các quan khách, thầy cô, cựu học sinh Sĩ Tải đã lên sân khấu chụp hình lưu niệm chung và cùng nhau hát bài Trường Làng Tôi như một quà tặng đến tất cả quan khách đang hiện diện trong khuôn viên nhà hàng. Một bài hát mà trong quãng đời học sinh không ai là không một lần biết và ca mỗi khi tưởng nhớ đến ngôi trường, các thầy cô mà mình đã có thời học qua. Người viết xin mượn một câu cuối cùng của bài hát để xin chấm dứt bài viết này:

Trường làng tôi nay vang tiếng ẽ a,

nay in bóng bao em nô đùa

Trường làng tôi không giây phút tôi quên

dù cách xa muôn trùng trường ơi.

Như một cựu học sinh, như một khách tham dự, người viết xin gửi lời chân thành cảm ơn đến anh chị trong ban tổ chức, đến Thân Hào Nhân Sĩ, Quý vị quan khách, đồng hương, thân hữu đã đến tham dự Ngày Tri Ân Thầy. Sự hiện diện và thành công của ngày này là một khích lệ rất lớn đối với toàn thể chúng tôi, những cựu học sinh Sĩ Tải đang ở mọi phương trời. Trân trọng.

Vũ Nam

(Germany)

Ngày Tháng Nôi Dài

VŨ NAM

Hai mươi năm Duy mới gặp lại Duyên. Gặp trong buổi sáng tháng năm ở một phố nhỏ thuộc tiểu bang Alabama đầy mưa bụi. Hơi nóng ẩm áp toả lên từ phố quê quanh què này làm lòng anh thấy vui. Buổi sáng sương vẫn đậm đặc trên những hàng cây, ngôi thánh đường. Tháng năm nơi đây như đã là những ngày hè, trời âm. Rạng đông, Huy đứng bên khung cửa sổ khách sạn nhìn ra những ánh sương, lòng chợt vui chợt buồn. Suốt đêm anh trằn trọc không ngủ được, chỉ chờ trời sáng. Chờ đến ngày tao ngộ sau hai mươi năm, với Duyên. Buổi sáng đông đưa những sợ sương trên cánh cửa, gọi anh nhớ lại ngày nào còn là lính đóng quân ở Pleiku, Kontum, vùng ba biên giới.

Ngày ấy, như sáng hôm nay, vùng miền Nam nước Mỹ này, buổi sáng hay có sương mù bay thâm thấp. Trên đồi núi hay dưới thung lũng, là đà những làn mây trắng, mong manh. Lúc đó, cách Duyên vạn dặm, muốn kể cho Duyên nghe đôi điều về vùng đất nghe tên đến thì kinh sợ...Phố núi cao phố núi đầy sương phố núi cây xanh trời thấp thật buồn...Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông..., nhưng thật sự là vùng đất có thể giữ chân anh trong những ngày tháng về già, cuối cuộc đời, dù nơi anh sinh ra là miền Tây với phù sa, sông nước. Đời sống quân ngũ đã cột chặt chân Huy nơi đây mãi cho đến ngày mất nước. Ở Pleiku, ngày đó Huy không thấy những lần bán nhau lẻ tẻ. Không đánh nhau thì thôi, còn nếu đánh là đánh

từ trung đoàn trở lên, đánh với xa tăng, đại pháo. Đánh với sư đoàn Bắc Việt từ biên giới Lào, Campuchia đổ về. Ngung đánh nhau. Không hẹn mà gặp, cả hai bên đều ngung tiếng súng, nằm nghỉ dưỡng quân. Chờ. Chuẩn bị cho những trận thư hùng kế tiếp, những chiến dịch mới, Đông xuân, Hè thu.

Những ngày tạm ngừng tiếng súng, Huy đi nghêu ngao giữa rừng già, như vào chỗ không người, không có địch, hát nhỏ nhỏ những lời ca giữa lá hoa rừng...Ngày xưa tôi có quen một người con gái nhỏ, tuổi em mười sáu mái tóc chấm ngang vai, đời tôi là lính đi khắp bốn phương trời...Lời ca Huy ngân vang giữa núi rừng, anh cố truyền gởi những lời ân tình ấy về cho Duyên đang ở vùng hậu phương yên bình. Anh đi dạo một mình, nằm trên thảm cỏ, ngửa mặt nhìn trời xanh trong vắt trong những buổi trưa hè, giữa vùng chiến trận, đôi lúc quên đi cả bổn phận người con đang để mẹ già ở một nơi rất xa. Rừng núi Pleiku đầy những lá hoa xanh tươi. Nơi đây bạc ngàn loài lan rừng, cho hương thơm toả rộng cả vùng đồi núi. Mùa đông sương mù, mùa hè với những đàn bướm khổng lồ, không khác những cụm sương trong những ngày đông buồn. Đàn bướm đủ màu, bay di động như một vườn hoa biết đi. Anh tiếc anh không thể nói được với Duyên nghe hết tất cả những cảm xúc anh có được về một vùng chiến tranh màu đất đỏ này.

Huy và Duyên cùng là học sinh Cần Thơ, thủ đô miền Tây với bến Ninh Kiều và dòng Hậu giang hiền hoà. Anh quen Duyên qua một lần đại hội thể thao liên trường. Duyên mười sáu, học đệ tam. Huy hơn Duyên một tuổi. Tình yêu học trò chỉ vón vện được một năm anh phải lên đường nhập ngũ. Mang theo hành trang người lính lên

vùng cao nguyên, anh mang theo cả hình ảnh Duyên đi vào cuộc đời quân ngũ. Bỏ lại hình ảnh con sông hùng vĩ với mạch nguồn phù sa rộng lớn anh lên đây làm bạn với muôn thú, chim rừng, làm bạn với măng tre trong những ngày mưa rừng thúí đất. Duyên chưa bao giờ đến thăm anh. Mỗi tình học trò, khiến cô nữ sinh không dám bạo gan một mình lặn lội lên cao nguyên thăm Huy. Cô chỉ gửi cho anh những cánh thư. Những giòng chữ tả lại những cảnh sinh hoạt của học sinh ở bến Ninh Kiều, trên dòng sông và trên khu chợ nổi, vườn cây ăn trái. Huy nhớ Duyên lắm, nhưng anh cũng chỉ gửi được về cho cô những giòng thư nói về đời sống và cây cỏ nơi đây để cô hiểu được núi rừng nơi đây sống như thế nào. Rừng tươi mát trong những giấc ngủ trưa ngắn ngủi, chập chùng bên cạnh những ngày khó khăn, chiến tranh sắp tới...Em không thể có được những mùi thơm của núi rừng Pleiku nếu em không hiện diện nơi đây. Em không thấy vẻ đẹp được những cô gái thượng trên những con đường mòn xuyên rừng đi lấy nước nếu em cùng anh đứng núp lên nhìn các cô trong tán lá. Nó là những hạnh phúc bất chợt lên như ánh đuốc trong đêm trường với chiến tranh dài không lối thoát...Đó là những lời thư Huy viết cho Duyên khi anh muốn nói về núi rừng nơi anh đang đóng quân. Con đường độc đạo của thành phố đất đỏ Pleiku, buổi chiều đi dạo, lúc lên lúc về cũng chỉ có con đường này đúng như như trong một bài hát...anh khách lạ đi lên đi xuống may mà có em đời càng dễ thương...

Ngày hoà bình lập lại trên quê hương, anh lính Huy trở về đời sống dân sự với đôi chân đất. Nổi ao ước bao năm, nay anh thực hiện: ở lại Pleiku sinh sống. Một phần vì

anh đã gắn bó với vùng đất này đã lâu, đã đi về trên những con đường mòn, đã quen với con đường độc đạo lên xuống một mình trong những buổi chiều. Phần khác, Duyên đã theo chồng, vài ngày trước khi đất nước thay da, đổi chủ. Anh muốn tái tạo lại đời sống nơi mà anh đã đổ ra biết bao cảm xúc khi vào quân ngũ lúc tuổi vừa mười tám. Không lấy cô Duyên làm vợ anh lấy cô Hào, cô chủ hàng bán nước sinh tố trong phố chợ Pleiku, mà những ngày buồn trong quân ngũ anh hay ra đây tìm những phút giây vui vẻ để quên lãng cuộc đời người lính trần đóng cao nguyên, quên những buổi buồn chán âm đạm ở quê nhà, trong gia đình. Hoặc để quên thằng bạn lính vừa chết hôm qua...*Đoàn xe đang di chuyển bị ố phục kích, mọi người lính trên xe phải nhảy ngay xuống đất, nằm dạt ra ngay hai bên lề đường, dưới hai đường rãnh dùng để cho nước mưa chảy. Nhóm Huy bên đường này. Nhóm thằng bạn bên kia đường. Rùi thay, bên đó là mục tiêu của Bắc quân đang đặt súng trên đồi cao bắn xuống. Đạn bắn như mưa. Người bạn thân trúng đạn kêu cứu trong tuyệt vọng. Anh nghe lòng lộng tiếng kêu của bạn, nhưng anh nào có thể bò qua đường để phụ giúp cho bạn. Anh chỉ bò qua được bên bạn khi có quân bạn đến giải cứu. Khi ấy bạn anh đã chết! Và còn biết bao cái chết khác mà anh không thể nào viết hoặc kể ra cho hết...*Những ngày vui buồn trong chiến tranh ấy bên cô hàng sinh tố không ngờ lại gắn chặt đời anh với cô ta trong một thời gian khá dài bằng tình nghĩa vợ chồng.

Những ngày sau chiến tranh, đời sống khó khăn ai mà không biết, những ngày ăn độn bobo và hát hò cho có những bài đồng ca Như Có Bác Hồ Trong Ngày Vui Đại

Thắng, Tiếng Chày Trên Sóc Bombo... Một hôm Huy gặp lại người bạn cùng đơn vị lúc trước, vừa ở tù ba tháng, vì tội...: “*Hôm thấy hai con đói, tôi không nỡ ngồi nhìn, lên vợ vác cuốc ra đi trong đêm. Tôi đi vào khu trồng khoai lang khoai mì của “người ta” ! Chưa bao giờ tui nghĩ sẽ có ngày đi đào khoai giữa đêm khuya khoắc như thế này ông à! Ánh trăng sáng xuyên cành lá. Đêm đẹp huyền ảo như cô gái dậy thì. Cảnh vật nổi lên trong đêm khác hẳn. Từ bụi tre, khóm trúc đều hiện lên vẻ tươi tỉnh yên bình, không như ban ngày phải chứng kiến sự tẻ hại, đói rách. Thiên nhiên bao giờ cũng hài hoà phải không ông? Thiên nhiên hành xử như quan toà rộng lượng, vô tư. Thiên nhiên tạo nét đẹp riêng tư không câu nệ, phiền toái. Tôi ra tay cuốc lên giồng khoai, lấy tay cào tung đất. Những củ khoai đã đến ngày tháng thu hoạch sao chủ nó chưa ra tay? Để tôi phải ra tay trước, cho con...”.* “Anh cũng biết nguy hiểm lắm!” Người công an hỏi cung đã nói với tôi như thế, khi tôi nói về nguyên nhân tại sao tôi đi đào khoai trộm trong đêm. Chỉ vì con đói! Tên công an không chịu tin một lời lẽ thành khẩn chịu tội như thế. Tôi biết kêu oan cùng ai? Tôi không có việc làm nào khả dĩ ra tiền nơi miền đất này. Những nghề lao động chân tay, ruộng lúa nương trong năm nay thật tẻ hại!...”. Cuối cùng anh tâm sự: Nghĩ có ngày tôi cũng phải rời bỏ quê hương này để đi về một nơi khác, làm tôi có niềm tin. Tin hết đêm trời lại sáng. Tôi đã yên vui ngồi tù vì một tội hình sự còn con với niềm hy vọng ấy.”

Buổi sáng ở Alabama Huy hồi hộp chờ Duyên đến. Ở đây khác vùng Bắc Cali của anh, nơi anh đang sống đời tị nạn. Alabama hơi ít người Việt, đời sống buồn. Sáu giờ

ngồi máy bay đến đây chỉ nhìn trời buồn như lòng anh vui. Phút giây anh sống lại với kỷ niệm đã có ngày nào. Vùng quê yên tĩnh, tiếng sáo diều vi vu trong nắng chiều. Tình yêu với cô học trò tên Duyên đem đến cho anh nỗi rạo rức của tuổi hoa niên vừa mới lớn. Dù đất nước mỗi ngày đang hứng những hậu quả khốc liệt của chiến tranh, nhưng niềm tin yêu mộng mơ không bao giờ bị khô héo. Dải nắng chiều mang hình ảnh Duyên trên con đường từ trường về nhà, như mang cả sức sống của một đất nước đang có thanh bình nở rộ. Đau đớn thay đất nước vẫn đang chiến tranh! Dáng e ấp và điệu bộ thướt tha của Duyên ngày đó không biết bây giờ ra sao, hiện tại đã ra sao, khi thời gian là định luật thay đổi, sự vận chuyển đào thải của đất trời. Lý do từ Cali lặn lội đến Alabama thăm Duyên rất đơn giản: tình yêu. Phải. Tình yêu đã xoá nhạt tất cả lòng ngại khó. Còn một lý do nữa: hạnh phúc của Duyên. Hạnh phúc bộn bề. Suốt một thời gian dài cả hai đều bị cột chặt trong một hạnh phúc như thế. Duyên cho biết cô đã gặp đôi điều bất hạnh trong tình chồng vợ trong hiện tại. Duyên đang thiếu sự mặn nồng. Huy đang thiếu một lời tâm sự, một lời an ủi, đã từ lâu rồi, từ ngày vợ chồng con cái được đến định cư ở Mỹ lặn. Hạnh phúc gia đình chợt bay xa. Vợ anh sống cho bốn phận. Anh sống cho bốn phận. Cuộc sống nhàm chán. Hạnh phúc chỉ có ở bề mặt. Nhiệm vụ chỉ còn cho con cái. Vợ Huy trách được voi đòi tiên, ở Việt nam chết đói, ở đây bày đặt mơ mộng. Vợ Huy, cô hàng bán sinh tố ngày nào giờ trở thành một người rất thực tế: chủ một gian hàng bán bánh, xôi, chả cá. Con cái sau giờ học phụ vào làm ăn. Cuộc sống gia đình tương đối về tài chính. Nhưng lỗ hổng về tình

thần, như tầng Ozon bao quanh trái đất ngày càng mỏng dần, bắt mọi người phải báo động. Thịnh thoàng trong ý nghĩ Huy muốn có một giấc ngủ dài, để quên được hết mọi chuyện. Ý nghĩ ấy là ý nghĩ thật. Không khách sáo, không vẽ vờ. Anh cảm thấy sự mệt mỏi bởi sự chịu đựng. Chịu đựng từ những ngày ấu thơ. Những ngày ấy anh sống gần như không có cha. Ít có một gia đình nào có tất cả hơn hai mươi người con. Ba anh là một người đàn ông có đến chín bà vợ. Chỉ riêng má anh thôi, người vợ cả, đã có với ba anh mười đứa con. Anh là đứa con áp út. Còn hơn mười đứa còn lại là do chín lần đan díu của một người tài xế xe đò với chín người đàn bà ở khắp các vùng đất nước miền Nam. Hà tiên, Cần thơ, Mỹ tho, Sài gòn, Long thành, Vũng tàu..., nơi nào người tài xế đò hoa cũng để lại một mối tình vụng trộm và một hai đứa con riêng. Chỉ có má Huy là chuỗi ngày chịu đựng. Gà mái nhọc nhằn nuôi đàn con với nghề bán hủ tít, cháo lòng. Ba người anh trai của Huy đã ngã xuống trong trận chiến chống Cộng. Lần lượt, anh Ba mất tích ở Phước long, anh Hai ở đại hội bộ binh trong lần triệt thoái từ cao nguyên trên con lộ máu về Tuy hoà trong tháng 3, bảy mươi lăm, anh Năm ở ngay ngày 29 tháng 4, bảy mươi lăm vì đạn pháo kích của Việt Cộng vào Sài Gòn. Má Huy không còn nước mắt để khóc cho thằng con chết trong ngày 29. Cũng không có nụ cười nào cho ngày hoà bình 30 tháng 4 hôm sau! Đó cũng còn là một trong những lý do anh đã ở lại Pleiku lập thân sau ngày rã ngũ. Anh không muốn trở về trong nỗi tang thương tan tát của gia đình sau ngày chấm dứt chiến tranh. Anh trốn! Anh đã để người mẹ già sống với những người chị người em còn lại, dù mẹ đòi lần kêu anh

về quê miền Tây để mẹ con sống gần bên nhau trong những ngày cuối đời của bà. Khi lập gia đình, vì thiếu tình cảm thương yêu của cha từ thuở nhỏ nên anh dồn hết mọi sự thương yêu cho những đứa con. Ở Mỹ, vào những ngày đầu, lúc đi làm thì thôi, khi ở nhà đứa con gái ba tuổi bao giờ cũng quấn quít bên anh, đòi anh bồng ẵm. Chỉ ra sân đứng hút thuốc, con bé cũng khóc âm ỉ vì không cho ra theo. Sợ con lạnh, ho, vậy mà cô bé con đâu có biết! Nơi Mỹ, thỉnh thoàng gặp lại những đồng ngũ ngày xưa. Rất vui. Ngày ấy tay súng, hôm nay “tay cây”, mọi người đều cố vun bồi cho thế hệ mới: đàn con. Nhưng buồn, khi ai đó, bạn đồng ngũ các ông anh, kể: Anh Ba mày bị bắt ở Phước long chứ không phải là chết. Nó đã ở tù chung với tao. Chắc chắn trăm phần trăm. Anh mày vượt ngục, bị bắt lại và bị tui nó xử tử!...Anh Hai mày chết trên tay tao khi đã gần về đến Phú Bổn vì đạn pháo kích. Xác chết lúc đó không sao mà đếm cho hết. Chuyện đâm đập lên người chết là chuyện bình thường. Lúc Việt Cộng pháo kích tao cũng đã nhảy vào một hầm cá nhân để trốn pháo. Nghe một cái ột, tưởng sinh, khi mùi hôi đến muốn ói mửa tuôn lên tao mới biết đó là một người đã bị sinh thúi. Vẫn phải ngồi lại trong đó vì sợ pháo còn hơn sợ cả người chết...sinh!...Anh Năm mày mới xui tận mạng! Lĩnh chiến đấu bao nhiêu năm không chết, lại chết một ngày trước ngày Big Minh ra lệnh đầu hàng. Nếu chết thì chết từ hồi theo sư đoàn đánh qua đất Lào trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 kia. Nhưng thôi, đòi người có số cả Huy ơi! Thôi giờ thay các anh lo làm nuôi má mày đi. Bà già lẩm rồi chứ gì? Phải, giờ má đã ngoài tám mươi. Hôm bảo lãnh má đi Mỹ chơi. Gặp má với nụ cười héo hắt. Tay chân

mặt mày má đã nổi đồi mồi đầy. Một dấu hiệu cho người sống thọ, Huy cũng mừng. Trong ngày đãi ăn cho dịp má viêng thăm nước Mỹ, bà con, bạn bè đến thật đông, làm má mũi lòng bật khóc. Hỏi sao, má nói nhớ các anh con! Lúc má đang ở Mỹ, ba Huy đang sống với một bà nhỏ ở Việt Nam. Huy không có ý định bảo lãnh ba qua Mỹ chơi. Ba Huy cũng không có gợi ý cho ông được một lần đi Mỹ du lịch. Nhưng nếu ba gợi ý, Huy cũng chưa biết sẽ tính ra sao?

Duyên đến. Duyên không thay đổi nhiều. Nhưng hoàn cảnh Duyên có lẽ không buồn như Duyên kể. Cứ thỉnh thoảng trong lúc đang nói chuyện với Huy chồng Duyên cứ gọi điện thoại di động hỏi thăm. Không biết chồng Duyên theo dõi, hay quan tâm đến Duyên. Mặc dù hai người nói là lén gặp nhau nhưng Huy linh cảm chồng Duyên đã biết có một người nào đó hiện diện ở Alabama. Người đó đến làm hạnh phúc vợ chồng Duyên đã thêm trầm trọng lại trầm trọng thêm. Chồng Duyên không xuất hiện, không đến, anh chỉ điện thoại đều đều cho Duyên. Hỏi thăm một chút rồi ngưng.

Sáng hôm sau, Duyên lại đến gặp Huy. Cô tâm sự: Lúc trước chồng em hay lạnh nhạt với em. Đôi lúc còn đòi bỏ em, kiếm vợ khác, trẻ đẹp hơn. Mấy hôm nay anh đến thăm em. Dù chúng ta gặp lại nhau như hai người bạn cũ. Vợ không có mà tình cũng không còn! Có Đúng không Huy? Nhưng có cái hay, từ khi ông xã em biết có anh đến thăm, ông lại “hiền” với em. Dù mình đâu có tính toán gì đâu, nhưng có lẽ ông sợ mất em. Đúng là mấy ông đàn ông. Huy trả lời: Yêu nhau nhưng đâu nhất thiết phải thành vợ chồng. Lâu quá không gặp nhau nên anh muốn thăm em một lần. Nếu em cho đó là tình yêu cũng được, không cũng không sao.

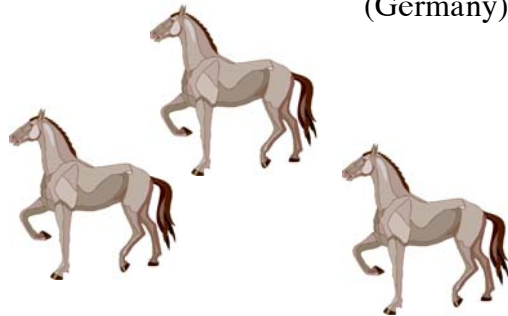
Em đã không dấu chuyện chúng ta gặp nhau trong mấy ngày hôm nay thì anh thành thật muốn mời vợ chồng em cùng đi ăn trong buổi chiều nay. Mai anh phải trở về lại Cali rồi. Chắc rồi cũng khó có dịp gặp lại!

Chiều hôm ấy trong một quán ăn của Mỹ có ba người ngồi ăn, xem ra rất vui. Sở dĩ vui là vì chồng Duyên đâu phải là người xa lạ. Cậu là bạn học của Huy trong những ngày hai người học tiểu học. Ở trung học thì chia tay vì thằng theo học trường công, thằng học tư. Cuối buổi ăn Huy nói giỡn với bạn : Ráng chăm sóc bà xã nha! Đừng để bà xã buồn. Khi nào qua Cali chơi, vợ chồng ông phải ghé tụi tôi!

Ngồi trên phi cơ trên đường về nhà, Huy tự hỏi, không biết nếu có bạn trai cũ của Hảo một ngày nào đó ghé thăm cô, mình có thay đổi lòng, cách suy nghĩ như chồng Duyên đã làm không. Anh hy vọng rất có thể. Biết đâu lâu nay mình hay sống cho mình vì mình mà không biết!?

Thời gian cứ thế lại qua. Hôm hai mươi chín Tết, vừa đi làm về Huy nhận được điện thoại của chồng Duyên. Anh cho biết khoảng mừng bốn Tết vợ chồng anh sẽ qua Cali chơi và nhân tiện thăm vợ chồng Huy. Huy vui vì có dịp gặp lại Duyên. Gặp công khai, không sợ sệt.

VŨ NAM
(Germany)



ĐAM MÊ THÂM KÍN CỦA LUCIA

PHƯƠNG-DUY TDC

8-

Bữa ăn thật thơ mộng. Toàn không ngờ bữa ăn tối đầu tiên tại California của hai người bạn mới quen nhau lại diễn ra tại ngay nhà chàng mà không phải tại một nhà hàng sang trọng nào khác. Thêm vào đó, Toàn được thưởng thức những món ăn ngon do chính tay Lucia trở tài nấu nướng. Toàn nâng ly rượu vang lên và nói:

"*Alla salute! Lucia!*" (chúc sức khỏe Lucia!!)

"*Chúc sức khỏe Toàn!*", Lucia đáp.

Toàn âu yếm nhìn Lucia và nói:

"*Molte grazie, Lucia*" (Cảm ơn Lucia).

Toàn nhâm nhi những món ăn Ý do "chef cook Lucia" trở tài rất ngon miệng. Uống mấy ly vang đỏ nhìn Lucia ngồi đối diện trước ánh nền lung linh chàng trông nàng như một cô gái đẹp trong truyện liêu trai. Toàn cứ tưởng mình sống trong giấc mộng, e sợ khi tỉnh giấc người đẹp trước mặt sẽ biến mất như những truyện chàng đã đọc. Lucia làm chàng quay về thực tại khi nghe nàng nói:

"Chúng mình ra phòng khách, vừa uống cà phê, vừa nghe nhạc. Em muốn anh cho em nghe bản nhạc mà em yêu thích *Serenata (Rimpianto)* của Enrico Tocelli hát bằng tiếng Ý."

Đôi bạn ra ngồi trên ghế salon phòng khách.

Toàn tìm đĩa nhạc "A Ticket to Italy" bỏ vào máy. Rồi quay sang nói với Lucia:

"Anh cũng còn gần mười đĩa nhạc Ý, có một đĩa "*Enrico Toselli (Le romanze ritrovate)*" có bản *Serenata* do Fabio

Armiliato trình bày theo lối opera giọng Tenor cũng nghe lạ tai.

Những âm thanh khúc Introduction mở đầu trỗi lên, Lucia hát theo, giọng nàng Soprano cũng khá hay:

"Come un sogno d'or

scolpito è nel core

Il ricordo ancor' di quell'amor

che non esiste più

Fu la sua vision

Quial dolce sorriso

che più lieta fa,

col suo brillar, la nostra gioventù.

Ma fu molto breve in me

la dolcezza di quel ben svani

quel bel sogno d'or

lasciando in me il dolor.

Cupo è l'avenir sempre più tristi

i di la gioventù passata

sarà rimpianto

mi resta sol

sì rimpianto amaro e duol' nel cor!

Uh raggio di sole

Sul mio cammino ahimè non brii li più

Mai più, mai più."

Bản nhạc chấm dứt. Toàn vỗ tay. Lucia vẫn chưa ra khỏi âm hưởng lời ca rất trữ tình của nhạc khúc. Toàn nói với Lucia:

"Em có biết bản *Serenata* này trong lời ca tiếng Việt là gì không?"

Lucia ngạc nhiên hỏi lại:

"Có lời ca bằng tiếng Việt à? Có hay không? Em sinh ra tại Ý, nên không biết và không nghe ai hát cả."

“Lời Việt do nhạc sĩ Phạm Duy viết với nhan đề “Chiều tà” khá hay và cũng nổi tiếng như phần âm nhạc của Tocelli vậy.”

“Anh có thể đọc chậm chậm cho em nghe được không?”

“Sure, hãy nghe:

”Lắng trầm tiếng chiều ngân. Nhạc dịu dặt ái ân. Người ơi! Nhớ mãi cung đàn. Năm tháng phai tàn. Duyên kiếp vẫn còn lơ làng. Đã quên hết sầu chưa? Lời này là tiếng xưa. Quỳ dâng dưới nắng phai mờ. Bên gối ơ thờ, Ơi tiếng tơ tình mong chờ. Chiều êm êm đưa duyên về người. Đàn triền miên nấn tiếng sầu đời. Người ơi! Đến bên tôi nghe lời xao xuyến. Như chuyện thần tiên. Niềm mơ xưa là đó. Cho ta nâng niu lời ca. Chiều mơ không gian. Hờ hững cõi Thiên Đàng. Thuyền trôi trên sông xa đừng chờ. Xin hãy lắng nghe bao lời thơ chiều tà. Nhạc chiều của chúng ta. Là câu ân ái muôn đời. Bóng đã xế rồi, Hãy nép trong cõi đời. Tình yêu mãi mãi.”

“Lời Việt thật hay nhưng như anh đã nghe lời bằng tiếng Ý em đã hát đem so sánh với ý nghĩa của lời Việt thì lời ca trong tiếng Việt không diễn tả đúng nội dung nhạc sĩ Enrico Toselli muốn gửi gắm vào.”, Lucia tỏ bày cảm nhận.

Toàn nói:

“Anh hiểu. Ngay câu mở đầu “*Come un sogno d’or scolpito è nel core...*” mà anh hiểu “*Như một giấc mơ vàng mĩm cười mãi mãi trong hình ảnh của một tình yêu hạnh phúc...*” và bốn chữ câu cuối: *Mai più, mai più.*” Có nghĩa “*Hãy trở lại, hãy trở về!*”

Đêm mùa thu, trời Nam California bỗng trở lạnh đột ngột, nằm nghe tiếng gió thổi rất mạnh và tiếng sóng biển động âm âm bên

ngoài. Lucia vẫn cảm thấy âm áp như cô gái vừa mới về nhà chồng đêm tân hôn.

9-

Lucia và Toàn nối đuôi hàng dài theo đoàn du khách viếng thăm tháp Space Needle. Sau thế chiến lần thứ hai, năm 1962, thành phố lớn của vùng Tây Bắc Hoa Kỳ là Seattle nằm phía bờ Thái Bình Dương được đứng ra tổ chức Hội Chợ Quốc Tế (International Fair 1962 USA). Giống như Tour Eiffel (Tháp Eiffel) ở Paris, nước Pháp xây dựng cho Hội Chợ Quốc Tế Paris thì Space Needle xây dựng cho Hội Chợ Quốc Tế Seattle, USA 1962. Những du khách xem Hội Chợ tặng ngôi tháp tân tạo này danh hiệu “Eiffel Tower of The Pacific” (Tháp Eiffel của Thái Bình Dương). Khởi công từ 1961 dùng ba loại vật liệu chính là thép, xi-măng và kính để xây dựng. Tổng phí khoảng 4,500,000 USD do Edward E. Carlson vẽ kiểu. Lúc bấy giờ, tháp Space Needle được xem như một kỳ quan mới của thế giới và là nơi du khách tham dự hội chợ chú ý nhất. Đứng dưới chân tháp xây dựng bằng ba trụ thép khổng lồ nghiêng nghiêng chụm lại, nhìn lên cao thấy một vành tròn rất rộng (138 feet / 42 mét) bằng kính, đó là đài quan sát phong cảnh 360 độ và một nhà hàng ăn sang trọng. Thang máy có thể chuyển khách từ mặt đất lên cao trong nháy mắt.

Đứng trên tháp cao (605 feet/184 mét) nhìn xuống thành phố Seattle đầy nhà chọc trời, Lucia thấy những chiếc xe hơi bé tí ti như đồ chơi của trẻ con đang nối đuôi di chuyển trong đường phố cùng những xa lộ phía dưới và xa xa ở hướng đông-nam, ngọn núi Rainier chồm nhọn phủ tuyết trắng trông thật hùng vĩ.



HOA TẾT - CÚC ĐỎ
Hình của Song Hà

Vào phòng triển lãm, đôi bạn nhìn thấy một đồ thị so sánh những kiến trúc có chiều cao như tháp cao (như Tour Eiffel), và các nhà chọc trời (như Empire State Building) đã xây dựng trên quả đất chúng ta, Space Needle của Seattle cũng được xếp về loại kiến trúc với chiều cao có hạng trên thế giới. Lucia và Toàn ngồi trong tháp cao, thưởng thức món ăn, nhất là nhâm nhi cốc cà phê nóng, thơm... thật tuyệt vời! Seattle là nơi sản xuất những loại cà phê ngon nổi

tiếng như Starbucks Coffee, Tully's Coffee, Seattle's Best Coffee. Uống một ngụm cà phê Starbucks, bỗng hình ảnh người bố thân yêu của Lucia hiện về trong trí nòng. Lucia kể cho Toàn nghe về người bố:

“Bố em rất nghiện cà phê thơm ngon. Mà nước Ý cũng là cái “nôi” của cà phê ngon trên hành tinh của chúng ta. Em không nhớ rõ hãng cà phê nào ở Seattle này đã “bắt chước” lối sản xuất và khai thác thương vụ của cà phê Ý để áp dụng tại Hoa Kỳ. Em chưa có dịp thưởng thức cà phê Việt Nam loại Ban-mê-thuột nổi tiếng “Cà-phê Chồn” và “Café Martin” ở Saigon ngày xưa (trước 1975) mà bố em thường khen ngợi, để biết cà phê này ngon đến mức nào.

Thời ông Chivarolli, bố của Lucia còn trẻ, sau khi tốt nghiệp đại học, bỗng đầu dòng máu giang hồ lãng mạn nổi lên. Ông gia nhập vào tổ chức thiện nguyện quốc tế để được đưa đi hoạt động trong vài nước ở Á đông vào giữa thập niên 1960. Lúc đầu ông được đưa sang Đài-Loan để được huấn luyện và thực tập công tác. Vài tháng sau đó toán thiện nguyện quốc tế của ông chuyên đến Việt Nam, ban chỉ huy đóng ở thành phố Đà Nẵng. Ông được phân công công tác tại tỉnh Quảng Nam và trú tại Hội An. Ngày ngày đi đến các làng quê để giúp dân chúng địa phương xây dựng trường học, đào mương rạch làm thủy lợi, đào giếng nước, phát thuốc men trị bệnh thông thường, cứu trợ thiên tai, bão lụt... có lúc cả toán về lại Hội An để dạy Anh văn miễn phí cho học sinh, sinh viên. Thời gian sau đó, toán của ông được điều động ra thành phố Huế và hoạt động trong các làng xã ở tỉnh Thừa Thiên. Nhiều lúc đi công tác thiện nguyện bằng xe hơi, đôi lúc dùng xe gắn máy hay bằng ghe thuyền do chính

quyền địa phương cung cấp. Một ngày kia vào tháng giêng dương lịch năm 1968, trong chuyến đi phát thuốc cho dân tại vùng Vĩ Dạ gần thành phố Huế, bố em được một cô gái chừng mười bốn, mười lăm tuổi tin cho biết hãy rời vùng này ngay, tìm đường khuất vắng, thay đổi áo quần khác, bỏ lại xe Honda và đồ đạc không cần thiết để trở về thành phố gấp vì cô ta phát hiện có nhiều người thanh niên lạ mặt xuất hiện mà cô nghi là Vi-Xi nguy hiểm cho người ngoại quốc như bố em. Nghe tin này, bố em cùng các người bạn nhờ cô gái hướng dẫn lối nào an toàn và gần nhất để đi. Họ lần trốn theo các lùm cây rậm và đến bờ sông cách Đập Đá gần hai cây số. Bơi qua khúc sông ngắn đó về đến Huế đúng vào nửa đêm khi lực lượng bộ đội Việt Cộng tấn công bắt thần Tết Mậu Thân. Bố em thoát chết. Còn những người Việt đang tập trung tại nơi đó độ hai giờ sau bị Vi-Xi bắt và đem chôn sống trong những mộ tập thể.

Một năm sau, ông mãi khế ước nên về sống ở thủ đô Saigon như một khách du lịch. Thời gian sống tại Việt Nam, ông rất thích các món ăn Việt Nam, nhất là uống cà-phê với sữa đặc theo “gu Việt Nam”. Ông sưu tập được một số tapes nhạc Việt Nam do Jo Marcel, Shotguns và Phạm Mạnh Cương sản xuất. Nhờ vậy mà mẹ em và em tuy sống ở Ý mà cũng nghe được nhạc Việt bằng máy magnétophone. Ông luôn luôn nhớ ơn cô gái Việt vô danh đã cứu ông sống sót. Nếu không hay biết hoặc chậm trễ, bố Chivarolli của em cũng cùng chung số phận với những người dân địa phương trong vụ Việt cộng thảm sát thường dân và người ngoại quốc trong thời gian Tết Mậu Thân tại Huế rồi. Khi về lại nước Ý ông mở tiệm ăn “Chivarolli Ristorante Italiano”.

Theo bố em kể lại, ông vẫn mong có dịp được thưởng thức lần nữa các món ăn đặc biệt của Việt Nam. Một thời gian khá lâu sau đó, khi một cô gái Việt nói tiếng Bắc đến xin làm nhân viên tại tiệm ăn của ông. Ông đã chấp thuận và người phụ nữ đó thời gian sau là Bà Chivarolli, sinh ra em. Bà biết nấu những món ăn Việt mà bố em luôn ước mơ. Bố em rất thương yêu và quý mến mẹ con em. Em sống thời thơ ấu và thời cấp sách đến trường thật tuyệt vời bên người bố “xem Việt Nam như một nơi chốn thân quen của ông”.

10-

Từ ngày tiễn đưa cô bạn Lucia về lại New York, Toàn cảm thấy cuộc sống thường nhật hiện nay của chàng xáo trộn rõ rệt. Trước kia Toàn cảm thấy đời sống của một người đàn ông độc thân rất thoải mái và ngày tháng cứ trôi qua chàng chẳng bao giờ để ý đến ngày mai. Nay Lucia đi rồi. Nàng đã để lại cho Toàn một nỗi nhớ nhung man mác. Những lúc thức dậy buổi sáng, những lúc đi ngủ ban đêm Toàn mới thấm thía nỗi cô đơn của người đàn ông thui thui một mình. Toàn bắt đầu gặm nhấm “huong gây mùi nhớ”.

Toàn nghĩ lại lúc gặp Lucia tình cờ ở Las Vegas. Lucia nhờ Toàn giúp nàng rong chơi những ngày nàng sống ở vùng đất phía Tây Hoa Kỳ. Toàn nhận lời và chàng cũng nghĩ chỉ là vui qua đường, rồi thôi. Rồi sau đó ai về chốn nấy.

Chàng cùng Lucia đi du lịch Grand Canyon (Arizona), Nam California, San Jose, San Francisco, Sausalito, Reno, Seattle... Những ngày vui, thơ mộng, tay trong tay với Lucia trôi qua rất nhanh. Trong lúc đó, Toàn không bao giờ nghĩ đến lúc phải chia tay với Lucia. Bên cạnh đam mê

và tình cảm đang diễn biến suông sẻ, Toàn không nghĩ ngợi đến ngày mai sẽ phải đưa nàng về lại với gia đình nàng. Lý trí của Toàn luôn luôn bắt chàng lý luận “trước đây bao nhiêu năm, không biết Lucia thì sao? Cuộc sống độc thân của chàng vẫn vui vẻ trôi qua dễ dàng.”

Nhưng ngày qua ngày, chàng nhận thấy Lucia như cục đá nam châm đã thu hút chàng lại với nàng. Tình cảm của chàng hòa hợp khấn khít với Lucia. Lucia thường khuyến khích và mời gọi Toàn qua New York sống với nàng. Toàn chưa quyết định dứt khoát. Cứ nghĩ “tối đầu hay tối đó, hạ hồi phân giải...”

Rồi đến lúc phải chia tay khi ra phi trường tiễn Lucia về lại New York. Toàn ôm hôn Lucia và nói:

“*Arrivederci, Lucia, buon viaggio!*” (chào tạm biệt Lucia, chúc thượng lộ an bình!)

Lucia ngẩn lệ đáp lí nhí:

“*Molto grazie, Toàn, a più tardi.*” (Cảm ơn Toàn, hẹn gặp lại.)

11-

Một tháng trôi qua... Toàn cố gắng sống bình thường trở lại thời độc thân vô tư lự trước đây nên chàng không liên lạc với Lucia dù rằng chàng nhớ nhưng nàng rất nhiều. Điện thoại bên cạnh, Email cũng sẵn sàng nhưng chàng bắt lý trí chàng phải chống chọi lại với đam mê và nhung nhớ. Toàn nhớ lại hai câu thơ:

“*Lòng ta chôn một khối tình,*

Tình trong giấy lát mà thành thiên thâu...”

như nhà văn Khái-Hung và nhà thơ Thế-Lữ đã chuyển bài thơ Sonnet d’ Arvers của thi sĩ Félix Arvers:

“*Mon âme a son secret, ma vie a son mystère
Un amour éternel en un moment concu.*”

Rồi...

Sáng nay ra mở thùng thư trước nhà, chàng thấy có thư của Lucia. Toàn cố gắng kèm chế tình cảm nhưng đành chịu thua con tim.

“*Mea Culpa!*”, Toàn nhủ thầm.

Quả tim chàng bỗng đập loạn xạ khi tin mừng vừa đến. Toàn thấy vui vui áp phong bì thư vào ngực mình khi từ sân trước nhà bước vào phòng khách. Toàn mở thư ra và những dòng chữ của Lucia nhảy vào đôi mắt của chàng:

New York ngày..... tháng..... năm 2010

Anh Toàn yêu mến,

Lucia về lại nhà đến nay đúng bốn tuần lễ. Tuy luôn nhớ anh nhưng em phải chờ... để tự kiểm tra sức khỏe khác lạ nơi em, để báo “tin mừng này của em” đến anh.

Cám ơn anh. Kết quả như ước muốn chân thật của em mà em đã đề nghị với anh khi chúng mình dạo chơi thắng cảnh ở Miền Tây nước Mỹ.

Riêng anh, nghe tin này, anh thấy thế nào?

Nếu con trai, em sẽ đặt tên “Rainier” để kỷ niệm rừng núi hùng vĩ ở tiểu bang Washington, “Cao Nguyên Tình Xanh” mà đôi ta đã đặt chân đến đó. Còn con gái, em sẽ gọi tên con là “Clara” để nhớ “Thung Lũng Hoa Vàng” thơ mộng ở quận hạt Santa Clara, miền Bắc California.

Anh Toàn,

Cô đầu bếp chuyên môn nấu món ăn Ita-li-a cho anh ăn đã đi xa rồi. Anh đã tuyển được “O” nào nấu Bún Bò Huế, “cô” nào nấu Mì Quảng, “nàng” nào nấu Bún Thang ... cho anh đổi khẩu vị chưa anh?

Riêng em rất thỏa mãn và bằng lòng với hiện tại. Em đã ba mươi hai tuổi, sau năm năm sống đời sống vợ chồng trước đây bên Ý, nay chỉ ước mong có một đứa con, dù trai

hay gái... để mẹ con vui với nhau khi em qua tuổi năm mươi.

Như em đã từng nói với anh: “Đời sống rất ngắn ngủi, phải tận hưởng thú vui ở đời nhưng phải chung thủy và thánh thiện.”

Từ nay trong những thư kể tiếp, em cố gắng diễn tả cho anh theo dõi sự tiến triển hàng ngày “giọt máu của anh” mà em đang mang trong bụng cho đến khi em khai hoa nở nhụy. Anh có thích không?

Từ khi về lại nhà, hàng ngày em cảm thấy thiếu vắng anh. Em chỉ ước mong có một ngày nào đó thức giấc thấy anh ở bên cạnh.

“Ti amore molto!” (yêu anh rất nhiều!)

Lucia Chivarolli

Đọc thư Lucia xong, nỗi buồn của Toàn cũng giảm bớt vì biết Lucia đang vui vì “kết quả” như ý nàng muốn. Nhớ lại những lúc kê cận bên nhau, Lucia cứ đề nghị chàng qua New York sống với nàng. Toàn đứng coi sóc nhà hàng ăn “Ristorante Italiano” của gia đình nàng. Hoặc cho nàng một đứa con, để nàng vui khi tuổi già. Chàng nghĩ mình đã bốn mươi tuổi cũng nên lập gia đình và nàng cũng ba mươi hai rồi. Thời gian trôi qua nhanh lắm, đừng bỏ lỡ cơ hội vàng son này.

12-

Toàn nhớ lại khung cảnh thơ mộng của thành phố Sausalito, vùng bên kia cầu Golden Gate, San Francisco mà Toàn đã đưa Lucia đến vui chơi. Những quán ăn, tiệm cà phê đã gợi Lucia nhớ đến những thành phố nhỏ nhỏ thơ mộng ven biển bên nước I-ta-li-a của nàng. Buổi sáng sớm đầy sương mù nhìn những chiếc thuyền rời bên cảng để ra biển hoặc những buổi chiều tàu trở về bến, quang cảnh sinh hoạt ở nơi đây sao có nhiều nét giống hệt nước Ý của quê nàng. Từ âm

nhạc ở một vài ristoranti vọng ra, hương cà phê espresso, capucino, mùi xào nấu thức ăn ... Lucia tưởng tượng thử nhắm mắt lại, nếu nghe nhiều tiếng nói Italiano bên cạnh hơn nữa thì như là nàng vẫn đang sống ở quê nhà. Lucia thủ thủ với Toàn:

“Nếu em biết trước, tại nước Mỹ mà có một góc “Little Italy” như thành phố Sausalito này, thì em đã đề nghị với mẹ em di cư qua đây làm ăn hơn là định cư tại thành phố New York mà các bà con của mẹ em nói là có nhiều dân gốc Ý sẽ dễ sống với ristorante italiano. Đời sống ở thành phố nhỏ ven biển này thơ mộng, êm ả hợp với em hơn là thành phố New York quá lớn, quá hiện đại và “con người phải hồi hả theo thời gian”. Chỉ có trường hợp anh qua đó cùng sống với em mới giúp em nỗi buồn xa xứ. Dù sao đi nữa đất nước Italia vẫn là quê cha của em. Em đã sinh ra và lớn lên tại nơi ấy hơn ba thập niên. Quen mọi thứ, quen mọi tập tục, quen ngôn ngữ Italia của cha, tuy em biết sử dụng ngôn ngữ của mẹ. Nhưng nếp sống Âu tây lãng mạn phải có nếp sống khác cũng không kém lãng mạn như tình nghĩa vợ chồng hay tình mẫu tử may ra mới thay thế dần được. Em ước mong có anh bên cạnh hoặc có một đứa con để tiếp tục vui sống là vậy đó!”

Những lời nói của Lucia như vẫn còn đâu đây. Toàn đang gặm nhấm hoài niệm của hai người. Dù sao Toàn cũng đã đáp ứng được một phần ước muốn của người yêu. Biết đâu thời gian ngắn nữa chàng sẽ làm thỏa mãn được phần còn lại.

Khi đã yêu, con tim sẽ có những lý lẽ của nó, khó mà biết trước được!

©PHƯƠNG-DUY TRƯƠNG DUY CƯỜNG

NHỮNG CÁNH CHIM TRỜI

ĐỖ BÌNH

Troyes là một thành phố du lịch tuyệt đẹp và cũng là một trung tâm văn hóa nghệ thuật có từ nhiều thế kỷ. Một thành phố có lắm nhà thờ, chỉ trong chu vi trung tâm thành phố, ngoài ngôi nhà thờ chính tòa, đã đếm được ít nhất bảy ngôi nhà thờ khác. Các giáo đường này được trang trí bằng nhiều cửa ghép kính, chiếu ra muôn vạn màu sắc lộng lẫy. Ở ngay trung tâm thành phố, còn rất nhiều dấu tích của những đường phố cũ xưa lát đá vuông. Dọc bên đường có những ngôi nhà xây bằng khung gỗ trát đất nện trộn rom. Tầng lầu nhô ra ngoài đường, vách tường nghiêng nghiêng tạo thêm nét duyên dáng nên thơ của một góc phố thời Trung cổ. Có nơi đường phố thật hẹp như có thể chuyển đồ đạc qua cửa sổ hai nhà đối diện. Thành phố Troyes cũng có rất nhiều viện bảo tàng. Ngoài Viện Bảo Tàng Lịch Sử và Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật, còn có Viện Bảo Tàng Kỹ Nghệ Đan (Bonneterie) rất đáng kể. Nơi đây triển lãm các khung máy đan, chỉ bông chế tạo vớ, mũ trùm (bonnet), bao tay (gants), áo tắm v.v. Từ lâu, Troyes và tỉnh Aube vẫn được xem là quê hương của mũ trùm dệt bằng chỉ bông. Hằng năm vào khoảng đầu tháng 6, một chợ phiên được tổ chức, nối tiếp truyền thống chợ phiên của miền Champagne đã có từ mười mấy thế kỷ về trước, thu hút một số thương gia trên các nẻo đường Châu Âu về tham dự. Các món ăn nổi tiếng không kém tại địa phương gồm có: dồi (andouillette de Troyes), gà nấu rượu sâm banh (coq au vin de Champagne) v.v. Ngày

nay, Troyes còn là nơi có những cửa hàng chuyên bán hàng may mặc, sản xuất đến thẳng từ xưởng chế tạo của các thương hiệu danh tiếng (Calvin Klein, Lacoste, Levi's, Ralph Lauren...). Khách du lịch và người sành điệu mua sắm thường đổ xô về Troyes để tìm cho được các món hàng vừa với túi tiền và đúng như sở thích.

Thành phố Troyes là nơi đất lành nên người Việt tị nạn về đây định cư rất đông. Thế hệ thứ hai nay đã lớn và thành đạt học vấn có địa vị trong xã hội Pháp nhưng vẫn xem Troyes là quê hương thứ hai dù làm việc ở bất cứ nơi đâu vẫn trở về thành phố thân yêu đó. Tuy có hơi xa Paris, nhưng Troyes lại quy tụ nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng, có người thành danh khi còn ở quê nhà trước năm 1975 như : GS Nguyễn Khắc Cung dạy violon ở Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài Gòn, Nhà văn Hồ Trường An, Nhạc sĩ Anh Việt Thanh, Nhạc sĩ kiêm Họa sĩ Vũ Thái Hòa, và sau này có Nhà văn nữ Hàn Giang Lệ Tuyền, Điêu khắc gia Lê Ngọc Khoa và Họa sĩ Nguyễn Long Diên, ca sĩ Thu Hương, Thy Như...vv.. Cách nay gần 30 năm chúng tôi được một người Pháp của viện Bảo Tàng Mỹ Thuật thành phố Troyes mời đến đề thảo luận về một dự tính triển lãm những tác phẩm nghệ thuật. Thuở đó rất dễ gặp gỡ những quan chức trong giới văn hóa, chính trị người Pháp, vì trong số ấy nhiều người đã từng sống và làm việc ở Việt Nam trước năm 1954, và sau năm 1954 ở miền Nam, thời gian sau lớp người đó đã mất dần, số còn lại rất ít. Ở Paris có Họa sĩ, Kiến trúc sư René Loesch, Nhiếp ảnh gia, LS Nguyễn Đăng Trinh và tôi, ở Troyes có Họa sĩ Vũ

Thái Hòa. Ngày ấy có một số nghệ sĩ mới đến Pháp chưa chuẩn bị kịp, lúc đó Vũ Thái Hòa mới vẽ lại được vài bức sơn dầu, họa sĩ Duyên mới vẽ trên giấy, nhiếp ảnh gia Nguyễn Đăng Trình chưa làm xong những âm bản, Lê Ngọc Khoa chưa bước vào con đường nghệ thuật, còn họa sĩ Thái Tuấn cũng mới đến Pháp. Họa sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh chăm sóc lại những bức tranh lụa. Các họa sĩ Vĩnh Ấn, họa sĩ Nguyễn Cẩm, họa sĩ Lê Tài Điền, họa sĩ Hoàng Đình Tuyên, họa sĩ Phạm Tăng vẫn tiếp tục làm triển lãm tranh ở Paris, họa sĩ Vũ Đình Lâm đang chuẩn bị tranh cho cuộc triển lãm. Hôm ấy chúng tôi còn được hội Văn Hóa Người Việt ở Troyes mời đến thăm cơ sở. Tôi rủ Vũ Thái Hòa và Hồ Trường An cùng đến, nhạc sĩ Anh Việt Thanh đã chờ ở đó. **Văn Học Nghệ Thuật quả có một sức cuốn hút lạ lùng, hễ ai đã vướng vào nó thì cả đời khó dứt, muốn bỏ nó để đỡ gánh tâm sức nhưng nó lại chẳng phụ mình, đành phải theo đến cùng ! Con đường nghệ thuật bất tận, mệnh mông ý tưởng, đa chiều và muôn lối. Nhưng người làm nghệ thuật vẫn thích đi chung lối sát nhau đôi khi vướng nhau vấp ngã ! Chỉ có những kẻ đam mê nghệ thuật một cách say đắm mới đi trọn con đường đến cùng, dù là gian nan, trắc trở, thiếu thốn... Đó là nghệ sĩ.**

Ngày GS Nguyễn Khắc Cung mất tôi đang ở nước ngoài, ở Paris có người học trò cũ của GS Cung là nữ nhạc sĩ Linh Chi, một violon xuất sắc của Paris đã xuống Troyes tiễn đưa thầy. Những văn nghệ sĩ ở Troyes thường gặp nhau trong các sinh hoạt văn học nghệ thuật ở Paris, thỉnh thoảng tôi cùng các bạn Paris về thăm họ. Cách nay một tháng chúng tôi có hẹn với nhà văn Vũ Nam và các bạn ở Đức sang thăm Hồ Trường An vì anh bị bán thân bất toại, phải

ngồi xe lăn đã vài năm nay, tôi muốn đến thăm các bạn khác ở Troyes nhưng thì giờ không cho phép, các bạn ở Đức phải trở về vì đường quá xa. Về Paris tôi nghe tin anh Vũ Thái Hòa vừa nhập viện, chúng tôi cũng tưởng là bệnh của người già, các cháu con của anh Vũ Thái Hòa đã học thành tài, đi làm xa đều về thăm bố, thấy anh khỏe các cháu lại trở về đi làm. Cả tuần nay trên các diễn đàn, bằng hữu văn nghệ sĩ xa gần xôn xao thăm hỏi vì biết tin anh trở bệnh nặng. Nhạc sĩ Trường Sa rất lo lắng về bệnh trạng của Vũ Thái Hòa từ Canada mail qua thăm hỏi dặn dò... Anh Trường Sa là người bạn rất thân của anh Vũ Thái Hòa, ngoài tình bạn nghệ sĩ cùng là nhạc sĩ, còn là cựu chiến hữu vì cùng binh chủng Hải Quân. Nhạc sĩ Trường Sa có những nhạc phẩm nổi tiếng trước năm 1975 ở miền Nam mà dòng nhạc mang giai điệu trữ tình. Những nhạc phẩm đó dù được viết trên quê hương nhưng khung trời lại bàng bạc chất tây phương trong cung bậc, rất dịu dàng tha thướt đầy màu sắc, nên được công chúng yêu thích đến hôm nay. Nhà văn nữ Nguyễn Thị Ngọc Dung, chủ nhiệm tạp chí văn học nghệ thuật Cỏ Thơm ở V.A, Nhạc sĩ Phan Anh Dũng, chủ nhiệm ngoại vụ tạp chí Cỏ Thơm và các anh chị trong ban trị sự đã mail qua thăm hỏi, họa sĩ Vũ Thái Hòa, vì anh là một thành viên trong ban biên tập Cỏ Thơm. Nhà thơ nữ Ngô Minh Hằng ở Mỹ, Nhạc sĩ Cao Minh Hưng đại diện Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ ở Cali, Nhà thơ nữ Miên Thụy ở Hòa Lan...vv...

Hôm qua Paris nắng chói chang như đang vào mùa hè, thì sáng nay thì tiết xứ Pháp thay đổi bước vào giữa thu, mưa và lạnh làm cơ thể những người có tuổi chưa kịp thích nghi với sự chuyển mùa đột ngột ! Tôi qua tôi có phônê đến chị Vũ Thái Hòa để cho biết chúng tôi sẽ đi thăm anh Vũ

Thái Hòa vào ngày mai. Chị rất vui và nói sẽ cùng các cháu đón chúng tôi. Để không phiền đến thì giờ của chị và các cháu tôi sẽ đến với nhạc sĩ Anh Việt Thanh và nhà văn Hồ Trường An ở dưới đó cùng các bạn Paris đến thăm anh Vũ Thái Hòa.

Paris vào ngày thứ sáu đường rất kẹt xe, chúng tôi gồm nhà biên khảo Mỹ Phước Nguyễn Thanh, nhà thơ nữ Nguyễn Mây Thu, đại diện tạp chí Cỏ Thơm, nhà thơ Trịnh Cơ đại diện nhóm cựu chiến hữu và tôi. Người lái xe là anh Nguyễn Thanh đã lóc lách trong phố Paris và cuối cùng ra được xa lộ trực chỉ Troyes trong cơn mưa tầm tã trắng mù cả đường ! Đến Troyes lúc 13h00, chúng tôi ghé nhà anh chị Anh Việt Thanh ; riêng anh Hồ Trường An cho biết anh cũng mới đến thăm anh Vũ Thái Hòa, tôi thấy sức khỏe của anh cũng kém lắm ! Ở nhà Anh Việt Thanh tôi gọi phôn cho chị Vũ Thái Hòa, chúng tôi nói sẽ đến thăm nhà thương, chị nói sẽ đến nhà thương và cho cháu chờ ở công. Mưa ở Troyes buồn bã, nặng hạt và tầm tã hơn Paris ! Chúng tôi đến công nhà thương cháu đã chờ sẵn dưới mưa, vào đến phòng bệnh, chị Vũ Thái Hòa đã chờ, anh Vũ Thái Hòa thiếp ngủ vì đang vào thuốc. Chúng tôi có hỏi chị cần giúp điều gì, và tôi có kể một loạt tên những bạn văn nghệ ở xa nhắn hỏi thăm, hoặc chuyển tin cho nhau. Chị Hòa nhờ tôi chuyển lời chân thành cảm ơn đến các bạn xa gần đã phôn, mail thăm hỏi, và chuyển tin của anh. Trong khoảng thời gian chúng tôi thăm anh Vũ Thái Hòa, một nhóm nhạc sĩ người Pháp đã mang đàn đến trước cửa phòng của anh Vũ Thái Hòa, và trình tấu nhạc phẩm : **Tình khúc Tuyên**. Mười ngón tay lả lướt trên phím dương cầm của nhạc sĩ Laurant làm xao xuyến người nghe. Bản nhạc được một nhạc sĩ Pháp trình tấu, ông không hiểu lời ca khúc nói gì nhưng những hình nốt, ký

hiệu trong âm nhạc là ngôn ngữ quốc tế, nếu nhạc phẩm được viết từ một nhạc sĩ có tài nó sẽ thể hiện được cảm xúc, tình cảm của tác giả qua giai điệu và tiết tấu, bao gồm những hình ảnh màu sắc ẩn trong âm thanh. Người nhạc sĩ dương cầm thả hồn theo từng nốt nhạc trầm bổng, giai điệu du dương khoan thai. Tôi thấy chị Hòa mắt rướm lệ. Chị bùi ngùi cho chúng tôi biết đây là ca khúc anh Vũ Thái Hòa đã sáng tác tặng chị sau ngày cưới, ca khúc : Tình Khúc Tuyên, Tuyên là tên của chị để kỷ niệm tình nghĩa vợ chồng một đời sẽ gắn bó với nhau. Đây cũng tấm lòng thương yêu của người vợ dành trọn cho chồng. Khúc nhạc tình êm dịu ấy chắc sẽ diu tác giả người nghệ sĩ đa tài Vũ Thái Hòa nằm thiếp trên giường bệnh âm thanh màu vĩnh cửu.

Chúng tôi ra về ghé thăm nhà văn Hồ Trường An. Anh Hồ Trường An vừa in xong thêm một tác phẩm thể loại phê bình văn học : «Trên Nẻo Đường Năng Tới » Gioi Văn xuất bản 2013, hiện nay anh có 60 tác phẩm. Mặc dù tuổi đã cao lại bệnh tật và ăn chay trường nên ốm hơn trước, nhưng tinh thần của anh rất sáng suốt. Anh ngồi trên xe lăn trước mặt lúc nào cũng là computer, anh cặm cụi viết sách, như muốn chạy đua với thời gian. Anh gõ máy bằng một ngón tay còn xử dụng được , thế mà cũng thực hiện được 4 tác phẩm kể từ khi bị đột quỵ. Mỗi cuốn khoảng 500 trang, thật là phi thường! Đối với những nhà phê bình văn học, chức năng của họ là khám phá những cái hay cái đẹp và độc đáo trong tác phẩm. Nếu nhà phê bình không khách quan và đi ngoài các khuynh hướng chính trị, tôn giáo thì lời phê đó rất ảnh hưởng cho một tác giả và tác phẩm. Nhà phê bình Văn học với tinh thần khách quan lúc nhận xét một tác phẩm, luôn đi tìm để khai phá cái hay, cái đẹp, cái sâu sắc của tác phẩm

cùng cái sâu thẳm nơi tâm hồn tác giả, không phải để làm vừa lòng tác giả mà cốt để người đương thời cùng lịch sử văn học sau này thâm định được nếp sống, nếp nghĩ của một thời. Do đó, người làm công việc phê bình ít nhiều đều chịu trách nhiệm với lịch sử sau này. Vì thế, nhà phê bình văn học đứng đắn không khen h ão, không chê bừa, không tăng bốc, cũng không cố tình hạ giá tác phẩm cùng tác giả do chủ quan của mình hay do tình cảm thân sơ, yêu ghét đối với tác giả. Công việc phê bình không là công việc dễ dàng vì có nhiều tác phẩm cùng tác giả vô cùng sâu sắc mà đọc không kỹ, khó tìm ra cái đẹp, cái nội dung sâu sắc đó. Do đó, người làm công việc phê bình luôn phải thận trọng, nghiền ngẫm, khám phá ra những nét đẹp ẩn tàng nơi tác phẩm vì đây không phải là công việc làm chơi, làm lấy có mà phải chịu trách nhiệm với lịch sử Văn học, Nghệ thuật. Thường thì tác giả nào cũng muốn được khen, được đề cao giá trị tác phẩm mình mà không để ý đến trách nhiệm lịch sử của nhà phê bình đối với Văn học, Nghệ thuật nên hoặc hân hoan với những lời khen «bốc đồng», vội vã hoặc buồn trách nhà phê bình không «tán dương» tác phẩm mình. Nhà phê bình còn có trách nhiệm khác nữa là khuyến khích, gây tin tưởng cho những tài năng ngày càng được phong phú để có những tác phẩm hay đẹp hơn trước. Khá nhiều trường hợp một tác giả lúc đầu chỉ sáng tác đôi tác phẩm bình thường nhưng do các nhà phê bình đứng đắn mà có được những sáng tác phẩm trội vượt hơn trước rất nhiều. Vì chính những phê bình dù khen hay chê đã khiến tác giả chăm chút tác phẩm mình, học hỏi, đào sâu tâm thức và nghệ thuật để từ đó có những trước tác nổi bật so với trước. Dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa những nhà phê bình không dám viết lệch đường lối của

đảng, dù đã tìm cái hay cái đẹp, cái độc đáo trong tác phẩm, mà chỉ dám viết những điều mà đảng đã chỉ đạo cho phép. Những tác giả không trong đảng và những tác phẩm phản ánh xã hội bất lợi cho đảng sẽ bị các «đảng viên» làm nhiệm vụ nhà phê bình cực lực lên án. Họ tìm những điểm yếu kém trong tác phẩm rồi phê phán gay gắt, hướng dẫn dư luận hiểu theo quan niệm của họ, điển hình như các tác phẩm và số phận văn nghệ sĩ trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm.

Trên đường trở về Paris tôi nói với các bạn: *“Đối với gia đình, anh Vũ Thái Hòa là một con người tận tụy với gia đình rất thương vợ con, chịu hy sinh khó nhọc vì hạnh phúc gia đình. Nguồn hạnh phúc lớn lao của anh là gia đình, và được Thượng Đế bù công là có Người Vợ Hiền và Đám Con Ngoan. Đối với nghệ thuật, anh là một nghệ sĩ Chân Chính, không bon chen, cầu lợi. Đức tính chăm chỉ chịu nghiên cứu, học hỏi, cộng với bản tính cần mẫn và đam mê đã giúp anh thăng tiến trên con đường nghệ thuật, chấp cánh bay cao từ đôi cánh của mình.”*

Ở Pháp có hai nhạc sĩ cùng là bạn cũ, nổi tiếng cùng thời, sống rất khép kín đó là Vũ Thái Hòa và Nhạc sĩ Xuân Vinh. Cả hai đều có tài về âm nhạc nhưng ít phô trương. Tôi thường nghĩ : Dù cho đó là nghệ thuật hay bất cứ bộ môn nào thời gian sẽ là thước đo những giá trị đích thực của tác phẩm. Lốp sơn tô vẽ do quảng cáo cũng sẽ bị phai lạt, tự tróc ra và tan biến với thời gian!

ĐỒ BÌNH (Paris)

Xin ghi lại

Những Nét Sinh Hoạt của Nhạc sĩ & Họa sĩ Vũ Thái Hòa.

VŨ THÁI HÒA tên thật và cũng là bút danh ký trên các sáng tác : Thơ, Văn, Họa, Nhạc và Hòa âm.

- Sinh năm 1947 tại Trung Lao, Nam Định
- 1965 bắt đầu sinh hoạt nghệ thuật viết và làm báo tại Sài Gòn
- 1970 tự học Hội họa, Nhạc và Hòa âm
- Định cư tại Pháp 1984

ÂM NHẠC :

- 1970 bắt đầu sáng tác Tình Ca và Thánh Ca - Nhiều bài Tình Ca của Vũ Thái Hòa đã thu băng và xuất bản tại Sài Gòn trước 1975- Vũ Thái Hòa là tác giả nhiều bài Thánh Ca giá trị đã được phổ biến.

HỘI HỌA :

- Từ 1972 đến nay Tranh Vũ Thái Hòa được nhiều người yêu thích và đã xuất hiện trên trang bìa các tác phẩm Thơ, Văn, Nhạc ... của các Văn Nghệ Sĩ tên tuổi VN - Ngoài ra, tranh Vũ Thái Hòa còn xuất hiện trên những cánh thiệp Chúc Giáng Sinh và Năm mới, và trên các tạp chí Việt ngữ xuất bản ở Hoa kỳ, Pháp, Đức, Canada, Úc Tại Pháp, Vũ Thái Hòa được chính Phủ Pháp tài trợ triển lãm tranh trong Cộng đồng người Pháp nhiều lần với tư cách Cá nhân hay với các họa sĩ Pháp từ 1985 đến nay.
- 1986 Giải thưởng hội họa Libé nhật báo Libération Champagne (France)
- 1987 Họa phẩm : Longue a été la nuit (đêm dài) của Vũ Thái Hòa được UNESCO giới thiệu đưa vào Viện bảo tàng Loukine d' Arsonval (France) và VTH được UNESCO tặng huy chương hội họa : Picasso – Miró
- 1992 Phát hành 10 thiệp Chúc Mừng Giáng Sinh và Năm mới có in tranh Vũ Thái Hòa trên mỗi tấm thiệp (do Nguyệt San Dân Chúa Âu Châu phát hành)

- 1999,2000,2001 Trong Hội đồng Giám khảo thi hội họa quốc tế do UNESCO tổ chức hàng năm tại Troyes (Pháp)

- 2/2003 Triển lãm tranh tại Salon des Artisans d'Art (Hội Chợ Mùa Xuân) (Troyes)(Pháp)



- 10/2003 Triển lãm tranh tại : (Trung Tâm Văn Hóa) Centre Culturel de la Chapelle Saint Luc (Thành phố La Chapelle Saint Luc) (Pháp)

- 2/2004 Triển lãm tranh tại : Maison pour tous thành phố Sainte Savine.(Pháp)

- 4/2004 Triển lãm tranh tại Ngân hàng BNP Paribas (Troyes) (Pháp) do Trung tâm văn hóa Thành phố Troyes (Pháp) tổ chức

- 13/12/2008 - 5/1/2009 Triển lãm tranh tại Galerie du Cinéma Eden thành phố Romilly Sur Seine (Pháp) do Trung tâm Văn Hóa thành phố Romilly Sur Seine tổ chức (Tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa xuất hiện trên đường phố Pháp Quốc)

ĐÃ XUẤT BẢN

- Tuyển tập 12 Tình Khúc Vũ Thái Hòa **NĂNG HẠNH VÀNG** (1999)
- **TÌNH KHÚC VŨ THÁI HÒA** – 40 tình khúc **VŨ THÁI HÒA** (2001)
- **TUYỂN TẬP 36 BÀI THÁNH CA – VŨ THÁI HÒA**
- **LỜI GỌI ĐÊM ĐÔNG** – Thánh ca Giáng Sinh Nhạc và lời: **VŨ THÁI HÒA**
- **NHẠC DÂN LỜI THÁNH** – Viết Lời: **VŨ THÁI HÒA**
- 10 **TÌNH KHÚC VŨ THÁI HÒA** (Mp3)
- Bộ Lễ Nhạc: **CHÚA VÀO ĐỜI** – Nhạc và lời: **VŨ THÁI HÒA**
- Tập Thánh Ca **CHÚA VÀO ĐỜI** – Nhạc và lời: **VŨ THÁI HÒA**./.

KỶ NIỆM VỚI ANH VŨ THÁI HÒA

Trường Sa

Tôi phải đi ngược lại thời gian một năm sau ngày đất nước chia đôi, chúng tôi rời bỏ quê hương Miền Bắc để vào Miền Nam. Tôi nhớ vào khoảng 1956, tôi, lúc đó 16 tuổi, một mình theo cha lúc đó đang phục vụ trong quân đội thuộc Sư đoàn 2 Dã chiến, đồn trú tại làng Hòa Mỹ (Cách thành phố Đà Nẵng chừng 10 kms); Hòa, lúc đó khoảng 9 tuổi, cũng theo cha, cùng đơn vị với cha tôi. Chúng tôi gặp nhau và trở nên thân thiết hơn khi tôi đứng ra thành lập một ban văn nghệ thiếu nhi, đi trình diễn cho đơn vị quân đội thuộc SĐ 2 DC, và đi trình diễn tại các làng dân chúng lân cận. Hòa cũng là một thành viên thiếu nhi, ngoài ra, tôi còn là người dạy văn hóa cho Hòa. Chúng tôi thân nhau như anh em từ đó.

Đến năm 1957, cha tôi xuất ngũ vì thương tích chiến tranh, cha con tôi đoàn tụ với mẹ tôi cũng di cư vào Miền Nam từ quê ngoại Nam Định. Gia đình tôi di chuyển về Quận Thủ Đức, từ đó chúng tôi mất liên lạc.

Mãi cho đến khi tôi ra trường Sĩ quan Hải Quân Khóa 12 Nha Trang 1964, tôi gặp lại Hòa cũng đã gia nhập Hải Quân VNCH, làm việc tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân/ Phòng Tâm Lý Chiến (Bến Bạch Đằng Sài Gòn). Suốt thời gian này chúng thường gặp nhau mỗi khi tôi về Sài Gòn và ghé vào Bộ Tư Lệnh Hải Quân...

Ngày mất nước, chúng tôi mất liên lạc, tôi không biết Hòa cùng gia đình trôi giạt về đâu, phần tôi, tù cải tạo 9 năm cho đến cuối năm 1984 được thả ra, đến 1986 tôi

vượt biên bị bắt giam 2 năm tại Trại Giam Tiền Giang (Mỹ Tho) 1989, tôi vượt biên tới đảo Pulau Bidong, sau ngày cut-off, đóng cửa trại tỵ nạn. Tôi phải nằm chờ tại đảo 28 tháng, trước khi định cư tại Canada.

Thời gian cũng khá lâu sau ngày tôi đến Canada, Hòa tìm được địa chỉ của tôi. Chúng tôi lại thường xuyên liên lạc với nhau.

Năm 2003, tôi qua Paris một tuần để tham hình show thứ 70 Thu Ca do Trung Tâm Thúy Nga thực hiện. Hòa đã cùng vợ lái xe đến Paris đưa tôi về thăm nhà Hòa.

Show Thúy Nga hoàn tất, buổi sáng trước giờ ra phi trường trở về Canada, tại lobby khách sạn, tôi bị kẻ trộm lấy mất túi xách tay trong khi đang phone từ giã vợ chồng Hòa và nhà thơ Trịnh Cơ (người bạn cùng khóa Sĩ quan HQVN CH với tôi), Tôi bị kẻ trộm lấy mất Passport, máy ảnh cùng rất nhiều hình ảnh kỷ niệm, trong đó có các hình ảnh nhà thơ Trịnh Cơ chụp chung với ca sĩ Khánh Ly, hình ảnh với gia đình anh Vũ Thái Hòa...v.v...

Hòa là một nghệ sĩ đa tài và rất chịu khó tìm tòi học hỏi, nghiên cứu... là người bạn chân tình của tôi, Hòa chính là người thực hiện Blogspot cho tôi như sau : (www.ns-truongsa.blogspot.com), mỗi khi có đề tài nào, bài hát mới nào... tôi chỉ cần email cho Hòa tức thì anh post ngay vào.

Giữa tháng 7/2013, chị Vũ Thái Hòa gọi cho tôi báo tin Hòa bị ung thư phổi, tin như sét đánh, tôi chỉ còn biết liên lạc thường xuyên an ủi chị Hòa giữ vững tinh thần để lo cho Hòa trong những giờ phút tối tăm này. Mặt khác tôi cũng báo cho các hội đoàn, bạn bè nghệ sĩ (Anh Trần Việt

Hải CLB Tình Nghệ sĩ, Nhạc sĩ Lê Dinh, anh Phan Anh Dũng, Cỏ Thơm), cũng như cựu chiến hữu Hải Quân VNCH, (nhà văn Vũ Thất) về tình trạng nguy kịch hiện tại của Hòa. Đặc biệt là tôi đã đề nghị nhà thơ Trịnh Cơ ở Paris làm đại diện cùng các nghệ sĩ tại Paris như nhà thơ Đỗ Bình, Ngô Minh Hằng, nhà văn Hồ Trường An, nhạc sĩ Anh Việt Thanh cùng vài vị khác từ Paris đi bằng xe tới Troyes để thăm gia đình Hòa và Hòa tại khu An Dưỡng của bệnh viện trong khi Hòa đang nằm thoi thóp trên giường bệnh, bên ngoài cửa phòng của Hòa, một nhạc sĩ người Pháp đang đàn piano ca khúc " TÌNH KHÚC

TUYÊN", là ca khúc Hòa viết cho tình vợ chồng Hòa... Nhà Thơ Trịnh Cơ cũng chính là người bạn đại diện phúng điệu trong tang lễ của Hòa. Bây giờ Hòa ra đi, tim óc của Hòa còn đó, kỷ niệm còn tràn ngập trên từng note nhạc và những hình ảnh đang nằm chết theo Hòa. Sự đau buồn này thật khó nguôi ngoai. Tôi chỉ còn nhớ đến Hòa trong lời cầu nguyện, xin Chúa và Mẹ nhân lành cứu vớt linh hồn Vincente về trên Nước Chúa.

TRƯỜNG SA

Canada ngày 16 tháng 11 năm 2013

THU QUA LẠNG LẼ NỖI BUỒN

ĐỂ Tưởng Nhớ Họa sĩ / Nhạc sĩ Vũ Thái Hòa

+++

PHAN ANH DŨNG

Vào cuối tháng tám 2013, có tin từ thân hữu ở Pháp và từ Nhạc sĩ Trường Sa là anh Vũ Thái Hòa đang lâm trọng bệnh. (Nhạc sĩ Trường Sa hiện cư ngụ tại Toronto, Canada là một bạn rất thân của anh Hòa).

Với tin đó, chị Chủ Nhiệm Ngọc Dung và một số thân hữu trong Cỏ Thơm đã gửi email thăm hỏi anh. Tuy rất mệt và xuống cân chỉ còn 38 ký, anh vẫn cố gắng trả lời:

"Chủ nhật 25 tháng 8, 2013

Kính thăm quý Anh Chị Em trong Ban biên tập CỎ THƠM, Vũ Thái Hòa xin thành thật cảm ơn quý ACE khi nghe tin VTH lâm

trọng bệnh, đã điện thoại, Email và đến thăm VTH trên giường bệnh.

Bệnh tình của tôi được phát hiện hôm đầu tháng 7/2013 vì chứng ung thư phổi, tôi đã nằm bệnh viện từ hôm đó đến nay, mới xuất viện về nhà - và bây giờ bắt đầu chữa trị. Tôi về dưỡng bệnh ở nhà, nhưng còn mệt lắm.

Xin một lần nữa cảm ơn lời thăm hỏi của ACE và ACE thêm lời cầu nguyện cho tôi gặp thầy, gặp thuốc tốt.

Kính chúc quý ACE luôn bình an mạnh khỏe trong cuộc sống"

Mùng 7 tháng 9, tôi nhận được lá thư cuối cùng của anh, lời lẽ vẫn đầy tình cảm như sau:

"Phan Anh Dũng và Tâm Hào thân mến,

Cám ơn Dũng đã ân cần với tôi. Tôi vẫn còn mệt lắm, bị mất giọng, không nói chuyện điện thoại từ vài ngày nay, chỉ ngồi trên PC vài phút xem Mail rồi xuống.

Kính chúc Gia Đình luôn Hạnh Phúc"

Anh Vũ Thái Hòa, một người trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm, đã đóng góp rất nhiều nhất là cho website Cỏ Thơm từ 6 năm qua. Anh đã vĩnh viễn ra đi về Cõi Vĩnh Hằng ngày 19 tháng 10, 2013. Hôm nay tôi ngồi ôn kỷ niệm và viết bài để tưởng nhớ anh cho Cỏ Thơm số 65.



Họa sĩ Vũ Thái Hòa

Tôi còn nhớ rất rõ là khoảng 2004, tình cờ xem được một bức tranh anh vẽ cho bìa CD nhạc của một người bạn. Tôi tò mò lên internet tìm thì thấy một website giới thiệu về anh. Tôi ưng ý ngay khi xem những tranh của anh vì cách dùng màu sắc thật tươi sáng và nét vẽ của anh đặc biệt, có ảnh hưởng của Henry Matisse và Picasso.

Từ website đó, tôi mới biết là anh là một họa sĩ sống ở thành phố Troyes nước Pháp nhưng cũng có sáng tác về nhạc. Tôi lại càng khâm phục hơn nữa khi biết anh tự học hội họa và nhạc lý (theo như tiểu sử do anh viết)! Tôi đã viết email làm quen và xin phép dùng tài liệu ở website đó cho một trang đặc biệt ở website Cỏ Thơm. Anh vui vẻ trả lời và sau đó tỏ ý muốn cộng tác lâu dài với Cỏ Thơm.

Tôi rất mừng vì ngay sau đó anh Vũ Thái Hòa đã đề nghị làm một chương trình giới thiệu các họa sĩ quốc tế đã nổi tiếng qua nhiều thế kỷ. Ý của anh là chúng ta nên tìm hiểu và học hỏi từ kinh nghiệm những người đi trước và cũng để nâng cao tầm hiểu biết về nghệ thuật cho riêng mình và cho độc giả.

Anh đã tự học làm phóng ảnh PPS để dễ phổ biến các tranh và tài liệu, lại kèm nhạc nền "hấp dẫn" để độc giả thích thú hơn khi xem tranh nữa. Anh nhờ tôi giúp phiên dịch tiểu sử tác giả, tên các bức tranh và đem PPS lên website Cỏ Thơm. Trong thời gian này, thỉnh thoảng anh có giới thiệu với tôi vài bản nhạc của anh nhưng hoàn toàn chú tâm về đề tài hội họa.

Anh Vũ Thái Hòa không bao giờ nói về (hay tàng bốc về) họa phẩm của mình tuy anh đã có nhiều triển lãm tranh riêng hay chung với một số họa sĩ Pháp, đã từng được huy chương Picasso-Miró năm 1987 của Cơ Quan Văn Hóa Khoa Học Quốc Tế Unesco.

Khi xem tranh của anh, tôi thích bức nào thì hỏi xin anh để dùng làm bìa cho tạp chí Cỏ Thơm. Anh rất dễ dãi trong việc này vì nghĩ rằng anh đã là "người Cỏ Thơm" kể từ khi bắt đầu cộng tác.



Nhạc sĩ Vũ Thái Hòa

Mấy năm gần đây, anh cho tôi biết là phải ngưng một số hoạt động vì được một linh mục Công Giáo yêu cầu cộng tác với website Dũng Lạc. Anh có dịp quay trở lại với đam mê âm nhạc bằng cách soạn lời Việt cho một số nhạc ngoại quốc như Đêm Vui Mừng (Silent Night), Đêm Thiêng Liêng (O Holy Night) ... và đáng kể nhất là soạn lời vinh danh Chúa để thay cho lời trong một số bài dân ca Việt Nam phổ thông như *Lý Chim Quyên*, *Hát Hội Trăng Rằm*, *Hồ Leo Núi* ... Anh lại có cảm hứng sáng tác một số ca khúc tình cảm như: *Thu Qua Lặng Lẽ Nỗi Buồn*, *Bài Tình Cho Paris*, *Mùa Thu Không Có Em*, *Cám Ơn Cuộc Tình Nồng* v v Anh cũng đã cho làm hòa âm mới và nhờ ca sĩ Diệu Hiền trình bày lại một số nhạc phẩm sáng tác trước 75 trong đó có bản nhạc "*Tình Khúc Tuyên*", một sáng tác riêng tặng cho chị Vũ Thái Hòa. Được biết bản nhạc "*Nắng Hanh Vàng*" (được đăng trong số báo này) do danh ca Thái Thanh trình bày đã được phổ biến nhiều lần trên làn sóng của Đài Phát Thanh Sài Gòn.

Tôi nhận xét anh là người thích học hỏi và ứng dụng kỹ thuật vi tính tài tình! Sau khi tự học làm PPS, anh đã học kỹ thuật làm "youtube", làm website cho riêng mình và cho Nhạc sĩ Trường Sa, tự học software Encore để viết nhạc và hòa âm. Anh ít nói, làm việc chăm chỉ và có hiệu quả tốt. Sau này, qua nhà thơ Đỗ Bình, tôi mới biết anh rất ít tiếp xúc với văn nghệ sĩ và chỉ cộng tác với Cỏ Thom và Dũng Lạc từ lúc định cư ở Pháp đến giờ!

Xin thành thật ghi nhận và cảm tạ tấm lòng hiền hòa, khiêm tốn và chân tình của cố Họa sĩ/Nhạc sĩ tài hoa Vũ Thái Hòa đối với Cơ Sở Cỏ Thom. Riêng vợ chồng chúng tôi, sẽ nhớ mãi kỷ niệm đẹp với ca khúc "*Thu Qua Lặng Lẽ Nỗi Buồn*" anh sáng tác năm 2009. Anh Hòa đã tự làm hòa âm đầu tiên và nhờ Tâm Hảo trình bày. Dưới đây là những ca từ lãng mạn ở cuối bài nhạc trữ tình ấy: "*Phố vắng anh rồi mưa vẫn rơi. Đường quen hiu quạnh, buồn xa xôi. Đâu rồi tháng ngày thơ mộng ấy! Lá khóc xa cành, mây biếng trôi.*"

Mời quý vị nghe nhạc ở link sau đây:
http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=788&Itemid=47

Phan Anh Dũng
(Cuối Thu 2013)



PHÂN ƯU



Nhận được tin buồn:

Họa sĩ/Nhạc sĩ **Vincente VŨ THÁI HÒA**
một thành viên kỳ cựu
trong Ban Biên Tập của Cơ Sở Cỏ Thơm

Sinh ngày 6 tháng 9 năm 1947 tại Trung Lao, Nam Định
đã qua đời ngày 19 tháng 10, 2013
Hưởng thọ 66 tuổi

Tang lễ sẽ được cử hành
vào lúc 9:30 sáng ngày thứ sáu 25 tháng 10, 2013
tại Nhà thờ Saint Nizier, thành phố Troyes nước Pháp

Tam Cá Nguyệt San CỎ THƠM
*xin thành kính chia buồn cùng Chị Vũ Thái Hòa,
các cháu và toàn thể tang quyến*

Câu chúc hương hồn Người Quá Cố sớm về Cõi Vĩnh Hằng

Ban Trị Sự TCNS Cỏ Thơm:

*Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Ngô Tăng Giao,
Trần Bích San, Phạm Văn Tuấn, Đỗ Trang Mỹ Hạnh, Nguyễn Văn Bá.*

NẮNG HẠNH VÀNG

* Nhạc và lời: VŨ THÁI HÒA

BOSTON

- Anh đi qua nhà Em, cây Trúc Đào nở những móng tay hồng dưới bóng mát mái
hiên. Trong thâm tâm của Anh, cứ ngỡ Cô Em đang đứng đợi chờ, nhìn nắng mùa
thu quên đi ngày tháng - Anh đi qua nhà Em, đi đến Giảng Đường, quên những bạn
bè khi nhớ nhớ tên Em - Anh đâu hay nhà Em, những chân song xanh nghiêm cấm, giận
hòn, làm nắng mùa thu mỗi một nhớ thương. Một đóa hoa vàng bên bồn cỏ
thấp như áo Em lúc gần Anh, và nắng hanh vàng se nhẹ vào hòn
- Ru tình đây với, Ru tình đây với. - Anh đi qua nhà Em, đi mãi một
mình trên phố lạnh lùng - Sao phố củ hoang vu. Em đâu hay chiều
nay có tiếng hát xa xôi, ngỡ ngàng lạ lùng - Tiếng hát vút cao, lòng chợt nhớ Em./

AD LIB...
A TEMPO (BOSTON)
FADE OUT...
FINE

Mời quý vị nghe nhạc ở link này: <http://cothommagazine.com/nhac/NangHanhVang-VTH-TT.mp3>

MỘT SỐ HỌA PHẨM TIÊU BIỂU CỦA HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA



Chăn trâu



Mùa Xuân



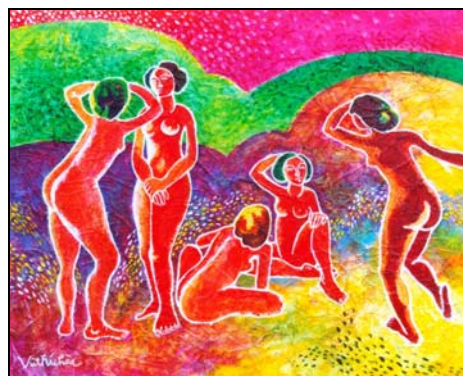
Đương cầm Đỏ



Tây ban cầm Xanh



Vĩ cầm Vàng



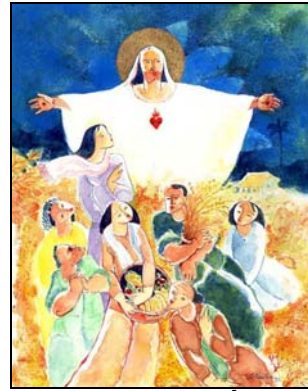
Bầy Con Gái



Thiếu nữ



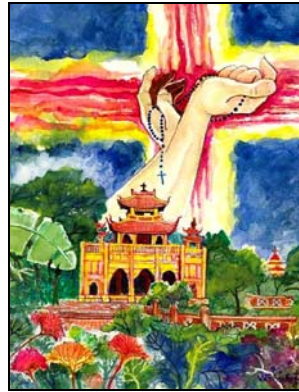
Chúa Giáng Sinh



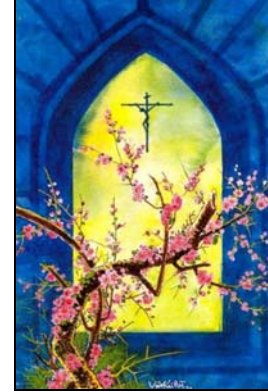
Chúa Là Sự Sống



Đức Mẹ La Vang



Chuỗi Hạt Mân Côi



Hoa Anh Đào



Qua Thập Giá



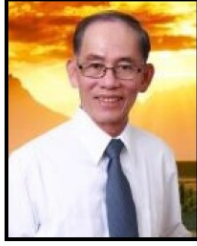
Dưới Chân Mẹ



Câu Nguyện Bình An

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:



Nhà thơ **Lam Điền Nguyễn Hữu Thử**

Hội viên và Đại diện Cơ Sở Cò Thơm ở North Carolina
Pháp danh: **Chánh Minh Nghiêm**
Pháp hiệu: **Ngộ Tánh**
Sinh năm 1944 (Giáp Thân)
Từ trần 1-11- 2013 (28-9 Quý Tỵ)
tại Thành Phố Pineville, North Carolina
hưởng thọ 70 tuổi

*Nguyện cầu hương linh Chánh Minh Nghiêm sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.
Xin thành kính phân ưu cùng Bà Nguyễn Hữu Thử và toàn thể tang quyến.*

**Thay mặt toàn thể văn thi hữu,
Ban Trị Sự Cơ Sở Cò Thơm:**

*Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Trần Bích San,
Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Văn Bá*





Nhà thơ Lam Điền Nguyễn Thử và Phu nhân.



Ban Trị Sự Cổ Thơm đón tiếp **Nhà thơ Lam Điền Nguyễn Thử và Phu nhân** trong dịp Nhà thơ và gia đình tới Virginia tham dự Sinh nhật 16 tuổi của Tạp chí Cổ Thơm, 3/27/2011. Hàng ngồi: Ngọc Dung, Hoàng Dung, Tâm Hảo, Khoa Lân, Uyên Phương Minh Nguyệt, Bà Nguyễn Hữu Thử. Hàng đứng: Phạm Văn Tuấn, Trần Bích San, Phan Anh Dũng, Nguyễn Lân, Phan Khâm, Nguyễn Thử.

BÊN HỒ HỒ HẸN

Vì muốn kết tình thân mật giữa gia đình Cỏ Thơm trong vùng, vì muốn được nhìn thấy sự hiện hữu của nhau, muốn cảm ơn nhau đã chung sức xây dựng Tập San Cỏ Thơm, nên ít nhất mỗi ba tháng, khi có báo mới, các hội viên và tác giả lại gặp nhau một lần, phân phối báo còn thơm mùi giấy mực cho nhau đọc. Chúng tôi đã nhiều lần họp mặt tại tòa soạn Cỏ Thơm, tại Trụ sở Hội Cao Niên, tại nhà hàng, tại tư gia hội viên... Nhưng đã bao mùa thu người Cỏ Thơm chưa xuống Richmond, Thủ đô Virginia, nơi quy tụ những nhân vật quan trọng của Tam Cá Nguyệt Cỏ Thơm như Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ, Nhạc sĩ Phan Anh Dũng, Nghệ sĩ Tâm Hảo, Thái Phượng, anh chị Nhà Thơ Nguyễn Phú Long, Nhiếp ảnh gia, họa sĩ Minh Châu. Sở dĩ tôi viết “xuống Richmond” bởi vì Tòa soạn Cỏ Thơm ở miền bắc Virginia và Richmond ở miền Nam. Thường người Richmond cứ phải lên vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn để tham dự các sinh hoạt của Cỏ Thơm, thân hữu và cộng đồng.

Sau hai lần tổ chức đi chơi bằng xe bus tới Long Wood Garden, Pennsylvania, vào mùa hè 2003 với hơn 40 người, đi Grounds For Sculpture ở New Jersey mùa thu 2009 với gần 60 người. Thân hữu luôn luôn nhắc nhở Cỏ Thơm tổ chức đi chơi nữa. Nhưng tôi chưa tìm được địa điểm nào người Cỏ

Thơm sẽ thích thú, thì năm nay, Cỏ Thơm được lời mời của Thái Phượng, họp mặt tại tư gia chị nhân dịp phát hành báo Cỏ Thơm số 64. Thái Phượng là một hội viên lâu năm, một nghệ sĩ duyên dáng có giọng ca truyền cảm, một MC có giọng nói êm ái của Cỏ Thơm.

Chúng tôi đã chọn ngày 5 tháng 10 để không quá muộn cho việc phân phối báo và hy vọng có một chút lá vàng le lối mùa thu. Khi đồng ý ngày giờ rồi, tôi định thuê van cho phái đoàn Cỏ Thơm vùng Hoa Thịnh Đốn. Nhưng thuê xe 20 chỗ ngồi thì đắt, với cả tài xế thì không có. Nhà thơ, Nhạc sĩ Nguyễn Tường Vân tình nguyện lái xe van nếu Cỏ Thơm thuê. Nhưng chúng tôi không dám nhờ vị Cỏ Thơm nào lái cái xe lớn như vậy. Nhà văn Phong Thu (1) hỏi tôi:

“Từ khu Eden Center (2) xuống nhà Chị Thái Phượng bao xa?”

“Vào khoảng hai giờ xe.” Tôi trả lời.

“Thế thì ăn nhằm gì. Phong Thu hằng ngày lái xe đi làm 2 giờ đi, 2 giờ về như bay. Để Phong Thu lái xe cho chị. Cần 5 chỗ thì Phong Thu lái xe nhỏ. Cần 7 chỗ thì Phong Thu lái xe *mini van*.” Phong Thu hằng hái đề nghị.

Khi tôi nói chuyện với Nhiếp ảnh gia Nguyễn Quốc Khải, nhà gần Khu Thương Mại Eden, thì cũng được sự đồng ý:

“Từ đây xuống Richmond xa gì. Em đi hoài. Xe em chở thêm được 4 người nữa.”

Thế là tôi bắt đầu thảo cái thư mời và *email* cho các hội viên Cỏ Thơm trong vùng.

Rất nhanh chóng, xe Nguyễn Quốc Khải có ngay 4 người ghi tên đi: Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Tuấn (3), Nhà thơ Ngô Tăng Giao (4), Nhà văn Nguyễn Lâm (5) và Nhà thơ Diễm Hoa. Khải dự định trên đường đi sẽ ghé thăm Tu Viện Union Presbyterian Seminary có kiến trúc đặc biệt ở Richmond.

Xe anh Phạm Bá và Ý Nguyên có Phó Chủ nhiệm ngoại vụ Phan Khâm (6) Tổng thư ký Ý Anh ghi tên. Xe Phong Thu có Ngọc Dung, vợ chồng chị Ba của Phong Thu mới từ Sài Gòn qua do Phong Thu bảo lãnh và Nhà thơ Bùi Thanh Tiên (7).

Rồi chúng tôi được biết xe của Nghệ sĩ Cỏ Thơm Vũ An Thanh và Ngọc Thanh sẽ chở bà chị Thu Thủy, Ca sĩ Hiếu Tâm và phu quân là anh Lê Tấn Tuyển. Quý vị này sẽ ở qua đêm tại nhà Thái Phượng nữa cơ!

Nhà văn Phạm Xuân Thái với cây keyboard, Nhạc sĩ Hoàng Cung Fa đồng hành. Hai nhạc sĩ sẽ đệm keyboard cho mọi người hát.

Xe Trúc Mai lái sẽ chở Kiều Thu, Phương Nga, Tâm Đạt, Minh Trân...

Bạch Mai (8) đi xe Nina lái. Tiếc rằng có vài anh chị vì bận công chuyện, vì sức khỏe không tham dự họp mặt Cỏ Thơm mùa thu được.

Phan Anh Dũng bắt đầu *email* cho các nghệ sĩ tham dự tiệc Richmond ghi tên

ngâm thơ, thổi sáo, thổi kèn, đơn ca, đồng ca, hợp ca.

Thái Phượng là một cây nấu ăn giỏi nhưng vẫn nhờ các hội viên Cỏ Thơm và thân hữu ở Richmond tiếp tay làm thêm món ăn. Graduated Chef Long, có bằng cấp, con trai cả của Thái Phượng cũng sẽ làm một món gà nướng. Xuân, cậu con thứ hai thì lo sẵn sàng dầu mỡ và lau chùi cái tàu sẽ chở khách của mẹ. Hai cậu công tử cũng lo đốc thúc mướn người quét dọn nhà cửa từ trong ra đến ngoài vườn, từ trên mái xuống sàn nhà, và mướn thêm ghế xếp nữa.

Phan Anh Dũng sang nhà Thái Phượng hai ngày trước xem máy móc âm thanh và xếp đặt vị trí hai cái loa cho đúng chỗ. Tôi và Thái Phượng nói chuyện với nhau gần như hằng ngày, hằng giờ nên tôi được biết hết các diễn tiến trong việc sửa soạn *party* của Thái Phượng. Chúng tôi rất náo nức, xôn xang chờ ngày họp mặt đầu thu của Cỏ Thơm sắp tới.

Mười ngày trước, tôi bắt đầu theo dõi thời tiết trên internet, mong nó mát mẻ, không mưa gió, bão bùng. Tôi đã chọn mấy cái áo màu tím để mặc vì tôi đề nghị với Dũng có màn đồng ca bản nhạc “Ngàn Thu Áo Tím” và “Thu Vàng” trong chương trình văn nghệ. Tôi *email* dặn dò mọi người nếu thời tiết dưới 80 độ F thì nên mang theo áo lạnh kéo đi tàu nhiều gió.

Vài ngày trước, Phan Anh Dũng *email* bảo rằng ngày 5 tháng 10 sẽ 85 độ. Tôi lại chọn cái áo tím nhạt, bỏ áo tím sẫm. Rồi Dũng lại *email* cho biết hôm đó nhiệt độ

sẽ lên tới 90 độ, lá cây vẫn còn xanh tươi, chưa có cái nào úa vàng cả, quý vị đi tầu cần có kiếng râm và mũ. Vậy là *Indian summer* rồi. Tôi lại *email* cho mọi người cứ việc mặc quần áo mùa hè, khỏi cần áo lạnh áo liếc gì nữa. Niu lại mùa hè cho đời chậm vào mùa đông!

Thứ năm trước ngày đi, tôi ra khu Thương Mại Eden mua giò lụa và bò khô tại hai tiệm ngon nhất để làm quà cho chủ nhà tiệc. Vì cũng như con cháu tôi, con cháu Thái Phượng rất thích hai món đó và chẳng mấy khi Thái Phượng lên vùng Northern Virginia để mua. Bò khô, chả lụa và báo Cổ Thơm số mới ra lò được ghi trên cùng trong cái list vật dụng tôi sẽ mang theo đi Richmond. Tôi đổ đầy xăng cho cái xe là bạn đường của tôi đã 14 năm. Nhưng vì tôi không lái đi xa nhiều nên xe còn tốt và tình nghĩa quyến luyến, thương yêu nó, tôi không muốn rời bỏ cái xe trung thành, không bao giờ gây tai nạn. Tôi dự trù nếu xe Phong Thu có gì trục trặc, tôi sẽ làm anh hùng xa lộ vậy. Cách đây ba năm, tôi đã lái xe chở anh chị Nhà thơ Hoàng Song Liêm và anh chị Nhà văn Trương Anh Thụy đi xuống nhà Thái Phượng!

Nhiều bạn hỏi tôi: “Thế bạn đi như thế này thì có ai ở nhà coi “ông ấy” không?” Thưa, từ hai năm nay tôi không dám đi đâu quá một buổi vì ông xã tôi bị yếu, phải ngồi xe lăn như Nhà văn Hồ Trường An thân mến của Cổ Thơm. Đây là lần tôi đi chơi một ngày nên cậu con cả của tôi thông cảm ngay và sốt sắng nhận lời đem vợ con tới ở chơi cả ngày để coi

Grandpa. Thường thì thứ bảy nào gia đình con cháu cũng đến thăm chúng tôi và ăn cơm tối rồi chọn xem một movie hay một show lành mạnh cho cả 3 thế hệ, đến 9, 10 giờ mới bỏ ông bà già ra về. Khi hữu sự mới thấy có con cháu bên cạnh là may mắn và hạnh phúc nhất trên đời.

Ngày hôm trước, tôi đã nấu sẵn một nồi miến gà và một nồi thịt bò kho kiểu Mỹ có nấm, có cà rốt ăn với *pasta* là những món chồng con cháu của tôi đều thích, để cho họ ăn trưa, ăn tối ngày hôm sau khi tôi đi Richmond. Tôi vừa dặn dò con trai bằng điện thoại vừa viết lại miếng giấy với địa chỉ số phone của Thái Phượng. Ôi thôi chỉ đi có một ngày từ sáng đến chiều mà sửa soạn y như đi chơi xa cả một tuần. Không hiểu quý bạn khác thì sao chứ lòng tôi nao nức quá chừng! Tối đó tôi xếp quần áo, giầy mũ, giỏ xách sẵn sàng. Sau khi thủ tiếp ông xã tôi xem show Wheel Of Fortune và Family Feud rồi lo cho ổng lên giường, tôi lên lầu “Phượng Các” của tôi để lột xác và chăm sóc cho làn da sắp lập đông, cho cặp mắt đã “khô giòng lệ” (9), để vào xem *email* cho rõ ràng.

Càng ngày tôi càng nhận được nhiều *email* khắp bốn phương trời gửi tới. Cái việc đọc *email* kèm theo những bài viết đủ loại cũng mất rất nhiều thời giờ. Nên tôi không lên *internet* hay *website* nào khác ngoài *website* Cổ Thơm để xem, ngoại trừ tin tức sốt dẻo nào đó hiện lên trang đầu của Yahoo hay tôi muốn tìm một tài liệu nào đó. Tuy nhiên, tôi cũng không thích đọc trên *computer* lâu ngoài những bài

viết của các tác giả gửi tới đăng Cổ Thơm. 11 giờ đêm là tôi phải xỏ hai chân vào chăn, rồi với tay lấy quyển sách hay tập báo nào đó đọc, hoặc mở TV xem. Mục nào hấp dẫn nhất thì giữ được cặp mắt tôi mở đến giờ cấm kỵ của cô bé Cinderella. Nhưng cái đêm 4 tháng 10 ấy, tôi trần trọc đến một giờ sáng mới thiếp ngủ được và 5 giờ rưỡi đã giật mình tỉnh giấc. Oằn oại trên giường làm mấy cử động thể dục tôi mới thực sự tỉnh táo bắt tay vào cuộc hành trình của ngày 5 tháng 10.

Khi ra ngoài đường lấy báo Washington Post và New York Times cho ông xã, tôi biết chắc chắn hôm nay phải mặc quần áo mùa hè rồi. Cái giỏ xách tay lớn của tôi đã đầy với các vật dụng cần thiết cho một ngày đi xa: nào thuốc bổ, kẹo ho, kẹo ngọt, đồ trang điểm, nào trai nước nhỏ, gói bánh lát, mứt, kiếng, máy GPS, giấy chỉ dẫn đường đi và mấy bài hát. Ôi thôi cái giỏ nó nặng ơi là nặng. Tôi bỏ giỏ, thịt bò khô vào cái thùng đá nhỏ và đem tất cả ra xe ngay, sợ quên. Dù không đói tôi cũng ăn một miếng bánh ngọt và uống một ly cà phê nguyên chất và đặc với 2 muỗng đường 3 muỗng sữa bột. Tôi là người hảo ngọt và không chịu được sự cay đắng. Thường thì tôi chỉ uống *decaf coffee* vì độ máu của tôi đã mấp mé mực cảnh cáo. Nhưng cũng như những khi đi dự ra mắt sách, hội thảo nào đó, hôm nay tôi muốn tiếp chuyện Phong Thu cùng các vị đồng hành khác suốt dọc đường và không muôn ngủ gật nên phải uống cà phê đặc quánh.

Tôi lục đục từ sáng sớm nên ông xã tôi cũng thức dậy từ lâu. Tôi lo cho ông ăn sáng và sạch sẽ rồi đưa ông trở lại giường ngủ thì đã 8 giờ. Tôi dặn dò:

“Ông ngủ đi nghe. Thủy và vợ con sẽ đến đây khoảng 9 giờ. Ông đừng lo gì cả.”

“Ok, you have a fun and have a good trip. And, don't forget to give me a kiss!”

“Sure!” Tôi trả lời và làm bốn phen. Ông xã tôi cười rưng rưng như khi tôi từ biệt ba tuần về thăm Việt Nam sau 32 năm rời xa Sài Gòn. Chàng kèm theo một câu thương lệ: “I love you, honey!”

Đúng 8 giờ 15 tôi lái xe ra khỏi *garage*. Hàng cây chưa vàng lá nhưng trời rực nắng vàng. Thành phố Reston êm đềm cây xanh bóng mát, nơi đóng đô của chúng tôi từ 25 năm nay, độ hai tuần nữa chắc chắn sẽ có thu vàng đẹp lắm. Ra đến xa lộ, tôi có thói quen cầu nguyện trong lòng cho chuyến đi được bình an, vô sự. Tôi đến bãi đậu xe của khu thương mại Eden sớm. Chỉ vài phút sau đã nghe tiếng Phong Thu gọi. Anh chị Ba của Phong Thu cũng có mặt trong xe. Tôi dẫn đường Phong Thu tới Park & Ride của East Falls Church Metro Station gần đó và đậu xe. Cuối tuần xe được đậu tự do ở đây không mất tiền và yên trí không bị cảnh sát câu xe đi, không bị phạt. Chúng tôi chuyển báo và các gói đồ tôi mang theo qua xe của Phong Thu. Đến đây tôi mới biết là sẽ đi đón ca sĩ Lộc Khuê (10) đang đợi tại trước một nhà hàng gần đó. Vì tối hôm trước Nhà thơ Bùi Thanh

Tiền cáo bệnh không đi được, nên xe Phong Thu có chỗ cho Lộc Khuê.

Tôi bắt đầu cắm máy chỉ đường GPS vào xe Phong Thu. Chúng tôi theo con đường quen biết, khi ra tới Beltway mới mở máy GPS. Sáng sớm ngày cuối tuần nên xe cộ thưa, không bị kẹt đường. Tiếng máy GPS nói rõ ràng. Hết vòng đai Thủ đô, chúng tôi ra xa lộ 95 South và thẳng đường 90 miles. Phong Thu rất vững tay lái. Tôi yên tâm ngồi cạnh tài xế. Chúng tôi nói chuyện không ngừng và nghe mấy băng nhạc của thân hữu tặng Phong Thu. Quý vị ngồi băng xe sau đều lim dim ngủ. Xe cộ lưu thông xuống xê. Chỉ khi qua tỉnh Richmond rẽ vào hướng nhà Thái Phượng, chúng tôi mới phải cẩn thận chú ý nghe máy GPS cho xe chạy chậm hơn và quẹo phải, quẹo trái nhiều lần. Đường vào khu nhà Thái Phượng đẹp như công viên, nhà cửa ẩn náu sau cây cối xanh rì, rậm rạp. Nắng chẳng lọt xuống mặt đường. Chúng tôi đến thẳng nhà Thái Phượng cũng nhờ cô bạn đường GPS (giọng phụ nữ) chỉ dẫn dễ dàng. Cảm ơn Thượng Đế.

Vừa thấy chúng tôi bước chân vào nhà mọi người reo ầm mừng rỡ. Có người hỏi:

"Có lạc không, sao bây giờ mới tới."

Tôi xem đồng hồ:

"Thư mời 12 giờ, bây giờ mới có 11 rưỡi, chúng tôi đến sớm nửa giờ, có lạc chỗ nào đâu."

Trong nhà Thái Phượng đã đầy khách, ồn ào tiếng nói chuyện. Đa số trang phục mùa hè. Phái đoàn chúng tôi và mọi

người chào hỏi, giới thiệu nhau tíu tít như lâu lắm mới gặp. Phòng khách nhìn xuống hồ qua khung cửa kính rộng. Mặt hồ long lanh sáng nắng sau vườn cây cao, bóng cả. Bên ngoài phòng khách là cái *deck* và *screen room* rộng. Phong cảnh thật nên thơ mơ mộng. Hành lang từ cửa bước vào nhà cao lên tận mái kính sáng sủa. Bàn ghế bày biện trang trọng. Nhà cửa đẹp đẽ thế ấy, vậy mà ông chủ nhà đã từ già cõi đời từ 15 năm nay và nàng cô phụ vẫn ở vậy. Không ai có thể so sánh với người chồng quá cố của nàng. Anh có chức vị, đẹp người, đứng đắn, lịch sự, đàn giỏi hát hay, thương yêu săn sóc vợ con một mực. Nhưng định mệnh đã không để anh ở lại thế gian lâu với người vợ trẻ, đẹp, nội trợ giỏi giang, hát hay, giọng nói êm ái, ngọt ngào.

Trên tường chung quanh nhà treo nhiều tranh gia đình. Thật xót xa, nhìn hình ông chủ gia đình tuấn tú bên cạnh bà vợ trẻ măng và hai cậu con trai khôi ngô, thơ dại. Cộng đồng người Việt tại Thủ đô Virginia đều biết và kính trọng gia đình Thái Phượng.

Đúng giờ ngo, khách đã đói, Thái Phượng cắm máy vi âm mời khách dùng tiệc. Rất ít khi tôi kể về những món ăn ở tiệc nhà tôi hay nhà ai. Nhưng bữa ăn bữa đó tràn trề thức ăn hấp dẫn. Công lao của Thái Phượng và bạn bè rất lớn để làm một bữa tiệc thịnh soạn, tôi phải liệt kê ra sau đây cái *menu* và tên đầu bếp:

Chả giò: Thái Phượng

Cơm chiên: Thái Phượng

Mì sào tôm: Thái Phượng

Thịt gà nướng: Long Nghiêm
Thịt heo nướng: Thái Ninh
Bánh đúc đậu rán chấm tương Cự Đà:
Thu Thủy
Sôi vị: Chị Nguyễn Phú Long
Gỏi tôm thịt: Chị Đức
Fruit salad: Hiếu Tâm
Mần thắn chiên tôm: Tâm Hảo
Bánh bột lọc: Minh Châu
Sôi bắp: Ngọc Thanh
Bún bì thịt: Bạch Mai
Bánh rán: Chị Đức
Pound cake: Diễm Hoa
Rượu nếp: Chị Long

Cái bụng tôi làm sao tiêu thụ hết 16 món trên đây, dù ăn mỗi món một miếng. Tôi chỉ lấy thịt gà nướng, bún, rau, bánh đúc, đậu rán, tương Cự Đà, những món tôi thích nhất, là ứ hự rồi. Tôi để bụng ăn tráng miệng với món sôi vị màu xanh lá dứa và lá thơm của chị Long mà tôi đã được thưởng thức trước kia. Lần này tôi yêu cầu chị làm nữa. Ba món tôi chọn đều ngon tuyệt hảo. Tôi tự nhủ thầm, trước khi về tôi sẽ thử những món đó mang theo.

Tiệc bắt đầu được ít phút thì ai cũng mừng rỡ thấy nhóm xe toàn bạn gái Trương Vương (đều là hội viên Cỏ Thơm), Trúc Mai, Kiều Thu, Phương Nga, Tâm Đạt Minh Trân đi vào. Bạn nào cũng rực rỡ sáng láng. Sau đó là anh chị Nguyễn Phú Long (11) đi lạc đường cả 2 tiếng đồng hồ mới tới. Mọi người thở phào nhẹ nhõm hết lo. Nhà thơ Nguyễn Phú Long bị đau yếu gần 3 năm bây giờ mới lành bệnh mà còn lái xe được. Anh sút ký nhiều. Văn thi

thân hữu đều mừng anh thoát nạn và được gặp lại anh.

Sau khi có thực mới vực được gạo, đúng một giờ chiều, bắt đầu chương trình văn nghệ do Nhạc sĩ Phan Anh Dũng xếp đặt. MC Vũ An Thanh giới thiệu bà chủ nhà chào mừng quan khách và cảm ơn bạn bè đã tiếp tay nấu nướng món ăn, cảm ơn các nhạc sĩ đem đàn đến và sẽ đệm đàn cho các ca sĩ trong buổi tiệc. Thái Phương đứng giữa Long, Xuân hai người con trai to lớn như hai vệ sĩ đứng hai bên bảo vệ bà mẹ. Hai cậu đã có vợ người Mỹ, không nói được tiếng Việt nhưng phong cách rất dễ thương và lễ phép. Tôi thật mừng cho bạn.

Với danh nghĩa người tổ chức chuyến đi Richmond, phát hành báo Cỏ Thơm, Ngọc Dung cảm ơn chủ nhà, quý vị hội viên và thân hữu chưa bao giờ hưởng ứng nhiệt tình một cuộc họp mặt tại tư gia đông đảo, từng bừng vui như thế.

Phó Chủ nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng nói về sự quen biết lâu dài với gia đình Thái Phương từ năm 1973 và nhắc tới những văn nghệ sĩ liên hệ với Cỏ Thơm đã vĩnh viễn ra đi. Dũng cũng thông báo về chương trình kỷ niệm sinh nhật thứ 19 của Cỏ Thơm, đặc biệt vào buổi trưa Chủ nhật 30 tháng 3, 2014 tại Nhà Hàng Harvest Moon với sự tham dự của ca nhạc sĩ Trần Trí Phúc đến từ San Jose. Khi nghe dự định này, người nào cũng đều đồng ý vì đa số độc giả, tác giả và thân hữu Cỏ Thơm không lái được xe buổi tối nữa.

Tiếp theo, MC Vũ An Thanh và Phan Anh Dũng bắt đầu điều khiển một chương

trình văn nghệ trình trọng và hùng hậu như trong hội trường, theo thứ tự sau đây:

THU VÀNG (Cung Tiến) - *Đồng ca*
"Tôi Qua Sông Ấy" - thơ: Ý Anh - ngâm thơ: Ý Nguyễn - tiếng sáo: Phạm Bá
Mùa Thu Xưa - Thơ: NT Ngọc Dung; nhạc & hát: Hoàng Cung Fa
Tình Là Hư Không (Phạm Anh Dũng Cali) - Ngọc Thanh & Hiếu Tâm
Chiếc Lá Cuối Cùng (Tuấn Khanh) - Tâm Hào
Cô Đơn (Nguyễn Ánh 9) - Minh Trân
"Em Từ Lục Bát Bước Ra" - thơ: Phan Khâm - diễn ngâm: Bạch Mai
"Ôu sont tous mes amants?" - Người Yêu Nay Ở Nơi Nào? - Minh Châu
Đường Em Đi (Phạm Duy) - Nguyễn Lân: kèn melodica – guitar/hát: Phan Anh Dũng
Thơ của Trần Văn Lệ - ngâm thơ: Nguyễn Phú Long
Mùa Thu Cho Em (Ngô Thụy Miên) - Ngọc Dung
Những Mùa Thu Qua Trên Cuộc Tình Tôi (Trường Sa) - Hiếu Tâm
NÓI VỚI MÙA THU (nhạc: Thanh Trang; ý thơ: Kim Tuấn) - *hợp ca nam nữ*
Thu Về Trong Mắt Em (Phạm Mạnh Cương) - Phạm Xuân Thái
"Ngồi bên hồ ngắm thu về" - thơ: Nguyễn Bạch - Phong Thu ngâm
Chiếc Lá Thu Phai (Trịnh Công Sơn) - Bạch Mai
Mùa Hẹn Tấu (Hùng Lân) - Thái Phụng, Vũ An Thanh, PAD, Tâm Hào
Chiều Vàng (Nguyễn Văn Khánh) - Vũ An Thanh
Dạ Âm (Nguyễn Văn Tý) - Ngô Tăng Giao
Tiếng Dân Chài (Phạm Đình Chương) - Đồng ca
20 Câu Của Tuổi Trẻ (nhạc: Nguyễn Hiền – thơ: Song Hồ) - Song ca: PAD & Tâm Hào
Phiên Đá Sầu (Diệu Hương) - Lộc Khuê

Ước Hẹn (nhạc Nhật Bản, lời Việt của Lữ Liên) - *Phương Nga*

NGÀN THU ÁO TÍM (Hoàng Trọng & Vĩnh Phúc) - *Đồng ca*

Keyboard: Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái; Guitar: Phan Anh Dũng



Tâm Hào và Thái Phượng song ca.

Vài ngày trước, Phan Anh Dũng hỏi tôi: ‘Những ai sẽ đồng ca hai bài “Thu Vàng” và “Ngàn Thu Áo Tím” hả chị?’

Tôi trả lời: “Tất cả mọi người. Tôi đã in ra nhiều *copies*. Dũng nhờ Hoàng Cung Fa hay Phạm Xuân Thái đệm *keyboard*. Dũng đứng đánh nhịp là được.”

Quả nhiên mọi người thả hồn vào bài đồng ca mở đầu và kết thúc chương trình văn nghệ. Đủ cả giọng cao, giọng thấp, giọng Nam, giọng Bắc, giọng già, giọng trẻ, rất dễ thương và cảm động, như trong những buổi sinh hoạt cộng đồng toàn thể cử tọa đều hát quốc ca đầy thôi, đâu có tập trước với nhau nhỉ?

Một điều làm Nguyễn Thị Ngọc Dung ngạc nhiên là Nguyễn Quốc Khải ghi tên hát bài “Tiếng Dân Chài”. Khải còn nói: *“Phải hát những bài vui nhộn nữa, chứ lúc nào cũng anh yêu em, em yêu anh, già cả rồi, chán bỏ sừ. Báo Cỏ Thơm cũng vậy, từ trang đầu tới trang cuối toàn là chuyện tình cả.”* Xin người Cỏ Thơm ngắm nghĩ về ý kiến của Nguyễn Quốc Khải nhé!

Tôi là chị Khải, có bao giờ được nghe ông em hát đâu. Nhưng chắc là Khải hát nhiều trong những buổi hội họp hưởng đạo trước kia. Đến khi Khải được mời lên hát “Tiếng Dân Chài” thì các bà, các ông chen nhau đứng quanh Khải hát vang cả nhà. Tiếng hò dô ta, tiếng gọi “Này anh em ơi! – Oï!” vang ra tận ngoài hồ. Mọi người như thỏa thuê, mãn nguyện được xả hơi hát vang.

Với tài nghệ chơi *keyboard*, của Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái và *guitar* của Phan Anh Dũng ca sĩ nào cũng cảm thấy thoải mái trình bày bài hát của mình. Vì đã vào mùa thu, tôi yêu cầu Hoàng Cung Fa hát bài “Mùa Thu Xưa” thơ của Nguyễn Thị Ngọc Dung, do chính Hoàng Cung Fa phổ nhạc. Với giọng ca truyền cảm của ca sĩ, tôi ngồi nghe lịm người. Thính giả tán thưởng rầm rộ. Thái Phụng nói rằng: “Tôi đang bận chạy loanh quanh, nghe tiếng hát của Hoàng Cung Fa, tôi phải ngồi ngay xuống ghế lắng nghe. Tôi sẽ tập hát bài này. Nhưng tôi sẽ hát lời của người nữ. Chẳng hạn như *Truyện chúng mình ngày xưa anh có đọc, em viết bằng mắt lệ thấm máu tim!...*”

Một điều không ngờ nữa là Nhà thơ Ngô Tăng Giao cũng lần đầu tiên ghi tên hát với nhóm Cỏ Thơm và hát rất vững, rất nhịp nhàng, tự nhiên, mọi người hoan hô quá trời!

Trong buổi họp mặt này cũng phải kể có sự hiện diện của ca sĩ trẻ tuổi Lộc Khuê với giọng hát điêu luyện, nghề nghiệp. Cách trình bày điệu nghệ truyền cảm làm ngạc nhiên chúng tôi. Người Cỏ Thơm đã nói nhỏ với nhau, có dịp sẽ mời Lộc Khuê đóng góp tiếng hát quý báu đó.

Trong gia đình Cỏ Thơm có độc một tiếng sáo của anh Phạm Bá, nên hôm đó ngoài đệm sáo cho nội tướng Ý Nguyên, anh bị trưng dụng cho cả tiếng ngâm thơ của Bạch Mai, Nguyễn Phú Long và Phong Thu.

Tôi không cần phải viết về các “ca sĩ” khác, vì ngoài Ngọc Dung ra ai cũng hát xuất sắc như thường lệ cả. Chẳng thế mà Phong Thu phải trầm trồ khen ngợi, Cỏ Thơm nhiều tài năng như thế sao không làm một buổi văn nghệ toàn thơ nhạc của các tác giả Cỏ Thơm và với nghệ sĩ Cỏ Thơm trình bày thôi?

Chương trình văn nghệ chính thức chấm dứt vào lúc 3 giờ rưỡi. Phó Chủ Nhiệm nội vụ Phan Khâm lên mời mọi người lấy báo Cỏ Thơm rồi cùng Tổng Thư Ký Ý Anh và Ngọc Dung phân phối báo mới. Bìa trước của báo là tranh sơn dầu “Tết Trung Thu” của họa sĩ Bé Ký. Bìa sau là hình cảnh mùa thu của Nhiếp ảnh gia Nhất Hùng. Nội dung báo vẫn phong phú với hơn 80 mục của gần 70 tác giả. Báo Cỏ Thơm được nhiều

độc giả ngưỡng mộ. Ban trị sự, ban biên tập và các tác giả rất hãnh diện góp phần vào tạp chí văn học, nghệ thuật Cổ Thơm.

Phân phối báo đến tay người Cổ Thơm có mặt xong, chúng tôi cùng phái đoàn xe Phong Thu, và nhóm bạn Trưng Vương, Kiều Thu, Phương Nga, Tâm Đạt theo Xuân (cậu công tử thứ hai của Thái Phượng), ra thuyền dạo hồ ngắm cảnh.

Thời tiết hơi nóng bức, nhưng may mắn là không mưa to, gió lạnh như một tuần sau thì thực mát vui. Hồ rộng mênh mông. Nước hồ êm ả. Trời nắng gắt, nhưng gió hiu hiu. Mây xanh cao thẳm. Con thuyền lướt trôi nhẹ nhàng, không gây sóng. Chúng tôi yên tâm ngồi ngắm trời mây nước bao la, nói chuyện với Xuân, để “thuyền trưởng” không hiểu, không nói tiếng Việt, không phải ngồi thâm lặng.

Sau rừng cây hai bên bờ ẩn hiện những ngôi nhà xinh xắn hay đồ sộ. Nhà nào cũng có cầu tàu và thuyền to nhỏ. Đã có hãng phim dùng cảnh hồ để quay phim. Phong cảnh thật nên thơ. Khi cây lá đổi màu vàng, đỏ, cảnh hồ phải đẹp mê hồn. Thái Phượng chắc đã sống một thời lãng mạn, hạnh phúc với người chồng quá cố bên hồ thơ mộng này.

Con Thuyền đi đến gần một Nhà Hàng lớn thì đưa du khách trở lại *party*. Trong nhà Thái Phượng vẫn vang tiếng hát, tiếng đàn của phần hai chương trình văn nghệ. Nhóm xe Phong Thu, nhóm Nguyễn Quốc Khải, nhóm Phạm Bá-Ý Nguyên, nhóm Nguyễn Phú Long lục tục xin phép chủ nhà và chào các bạn khác ra

về trước. Nhóm Trúc Mai, Kiều Thu, Phương Nga, Tâm Đạt, Minh Trân còn ở lại đến 7 giờ tối. Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Minh Châu cư ngụ tại Richmond đã về nhà nghỉ ngơi nhưng tối trở lại. Nhóm Thanh-Thanh, Hiếu Tâm ở lại đêm nhà Thái Phượng. Họ lại đàn hát đến gần nửa đêm cho đến khi Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái phóng ngựa máy trở về miền Bắc mới thôi. Vui ơi là vui, thế mà Ngọc Dung phải về lo cho ông xã thay thế cho con cháu đã trông *grandpa* suốt cả ngày.

Trước khi ra về tôi được chị Long, Thái Phượng và Ý Nguyên dú cho tôi một gói xôi vị, 2 gói cơm chiên, một hũ cà bung ốc, thịt đậu nhóc thùng đá. Tôi đỡ phải nấu ăn ít nhất là ba bữa. Minh Châu cho tôi một gói lá thơm tú áo, một ống *cream* bôi da tay là những thứ rất hữu dụng. Cảm ơn quý bạn thương mến nhiều.

Sáng hôm sau tất cả nhóm ở lại nhà Thái Phượng lại sang nhà Phan Anh Dũng-Tâm Hảo đàn hát ăn trưa nữa. Người Cổ Thơm và thân hữu say mê tình bạn, tình văn nghệ lành mạnh như thế đó. Mỗi người phải tìm một thú tiêu khiển, nếu không muốn tâm thần buồn chán, cuộc sống mất ý vị như đất trời không còn màu sắc, không mây gió, không nắng mưa.

Tôi định buổi tối hôm sau sẽ gọi Thái Phượng cảm ơn chủ tiệc một lần nữa và hỏi thăm các quý vị ở lại vui như thế nào, thì buổi chiều Thái Phượng đã gọi tôi. Chúng tôi điện thoại cả giờ chưa hết chuyện. Tối, đêm và sáng hôm sau lại gọi nhau nữa. Âm vang buổi họp mặt Cổ

Thơm tại ngôi nhà xinh xắn bên hồ ấy vẫn còn đầy hào hứng, sôi nổi trong giọng nói, tiếng cười của chúng tôi. Tôi cũng mừng cô bạn tôi được vui như thế và nhất là biết xe nào đi, về cũng bình an vô sự!

Thái Phương còn hẹn rằng một hai tuần nữa khi thu vàng khắp quanh hồ, sẽ báo cho hai nhiếp ảnh gia Cỏ Thơm là Phạm Văn Tuấn và Nguyễn Quốc Khải xuống nhà Thái Phương chụp hình. Nếu có thể, Ngọc Dung cũng đi theo. Nhưng ba tuần sau Thái Phương mời chúng tôi xuống Richmond xem lá vàng vào lúc thượng điểm nhất thì Khải đã chu du khắp vùng Northern Virginia săn nhiều cảnh lá vàng rồi và bận viết lách mấy đề tài, nên không đi được. Không tài xế thì anh Tuấn và tôi cũng không thể lái xe đi xa được.

Mong rằng những cuộc hò hẹn với tình bạn, tình văn nghệ Cỏ Thơm còn nhiều nữa và chúng tôi thực hiện được...

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

11/2013

Chú thích:

(1) Nhà văn Phong Thu là một cây viết nữ sắc bén của Cỏ Thơm, tác giả tập truyện thiếu nhi “*Gấu Bông Giúp Bạn*”, tập truyện ngắn “*Đóa Phù Dung*”, tập truyện ngắn song ngữ “*Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi – The Rain Still Falls in Saigon*”.

(2) Eden Center: Khu thương xá sầm uất nhất của người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn, tọa lạc tại Seven Corners, Falls Church, Virginia.

(3) Nhà văn Phạm Văn Tuấn: tác giả hơn 10 tập biên khảo về “*Khoa Học và Thám Hiểm*”. “*Nhà Văn và Tác Phẩm*”, “*Danh Nhân và Sự Nghiệp*”...

(4) Nhà Thơ Ngô Tăng Giao: tác giả 20 tập thơ về Phật Giáo, “*Đà Lạt Ngày Tháng Cũ*” biên soạn những đoạn văn của nhiều tác giả viết về Đà Lạt và một tập thơ dịch từ Anh ngữ.

(5) Nhà văn Nguyễn Lân, con của Nhà văn, Nhà Cách Mạng Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long. Tác giả tập truyện ngắn “*Sôi Nổi*”, “*Tìm Một Cõi Về*”.

(6) Nhà thơ Phan Khâm: tác giả thi phẩm “*Bên Dòng Thạch Hãn*”, “*Dòng Sông Thao Thúc*” và rất nhiều CD thơ được phổ nhạc.

(7) Nhà thơ Bùi Thanh Tiên: tác giả 3 tập thơ “*Trăng Nhớ Đêm Rằm*”, “*Giấc Mơ Đời*”, “*Khúc Vô Thanh*”.

(8) Nhà thơ Bạch Mai: tác giả tập thơ “*Hoa Tình Nở Muộn*”.

(9) “*Đã Khô Giòng Lệ*”: Thi phẩm của Nhà thơ Đăng Nguyên.

(10) Ca sĩ Lộc Khuê đã từng học tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn trước tháng 4, 1975. Lộc Khuê đã đi hát nhiều tại Việt Nam, Đức, Pháp trước khi sang định cư tại Virginia năm 2011.

(11) Nhà thơ Nguyễn Phú Long: tác giả “*Chút Nghĩa Cũ Càng*” thơ, “*Biết Bao Nhiêu Tình*” thơ, “*Ai Đắp Lũy Thầy*” truyện lịch sử, “*Qua Mấy Nẻo Đường*” tùy bút, “*Còn Vương Tơ Lòng*” thơ, “*Ngày Ấy Chứa Xa*” thơ, vẫn viết chung với nhiều tác giả khác.

HÌNH ẢNH BUỔI PHÁT HÀNH

CỔ THƠM SỐ 64, 10/05/2013



Ngọc Thanh, Ý Nguyên, Vũ An Thanh, Ngọc Dung, Thái Phượng, Tâm Hảo, Nguyễn Q. Khải



Lê Tấn Tuyển, Minh Châu, Phạm Bá, Ý Anh, Vũ An Thanh.



Phan Anh Dũng, N. T. Ngọc Dung, Nguyễn Phú Long, Ngô Tăng Giao



Anh Tuyển, Phong Thu, Lộc Khuê, Ngọc Thanh, Trúc Mai, Kiều Thu.



Diễm Hoa, Minh Châu, Thu Thủy, Tâm Hảo, Ngọc Thanh.



Thái Phượng, đứng giữa hai cậu công tử Long và Nghiêm, chào mừng quan khách.



Ngọc Dung cảm ơn chủ nhà và tổ bày cảm tưởng ngày họp mặt.



Hàng đầu: Nina, Minh Trân, Phương Nga, Tâm Đạt. Hàng hai: Phong Thu, anh Tuyển, Hiếu Tâm, anh Hải, Lộc Khuê.



Phạm Bá, Ý Nguyên, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo.



Đồng ca “Thu Vàng”.



Ỗ Nguyễn, Phạm Bá, Nguyễn Lâm, Vũ An Thanh, Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Bạch Mai.



Phạm Bá, Nguyễn Phú Long.



Tâm Hảo Ngọc Thanh, Hiếu Tâm, Thái Phượng.



Hoàng Cung Fa và Phạm Xuân Thái.



Vũ An Thanh và Hoàng Cung Fa.



Tâm Hảo, Thái Phượng, Phan Anh Dũng, Vũ An Thanh, Ngô Tăng Giao.



Ngô Tăng Giao, Hoàng Cung Fa, Lộc Khuê.



Ỡ Nguyên, Tâm Hảo, Hiếu Tâm, Thái Phượng, Nguyễn Quốc Khải,
Hoàng Cung Fa, Vũ An Thanh.



Phượng Nga, Hoàng Cung Fa, Phạm Xuân Thái.



Tâm Đạt, Minh Trân, Ý Nguyên, Trúc Mai, Phương Nga, Kiều Thu, Ngọc Thanh,
Thái Phượng, Ngô Tăng Giao, Ngọc Dung.



Hình ảnh của **Phạm Văn Tuấn, Phạm Bá và Nguyễn Quốc Khải**



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ: US \$40.00 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$45.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ
ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

Giá báo: US\$7.00